

Số: /2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này

1. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc sử dụng trong nông nghiệp:

- Thuốc trừ sâu: 895 hoạt chất với 2194 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 840 hoạt chất với 1957 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ cỏ: 312 hoạt chất với 994 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ chuột: 09 hoạt chất với 73 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 67 hoạt chất với 206 tên thương phẩm.
- Chất dẫn dụ côn trùng: 08 hoạt chất với 08 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ ốc: 31 hoạt chất với 161 tên thương phẩm.
- Chất hỗ trợ (chất trải): 05 hoạt chất với 06 tên thương phẩm.

b) Thuốc trừ mối: 17 hoạt chất với 29 tên thương phẩm.

c) Thuốc bảo quản lâm sản: 07 hoạt chất với 08 tên thương phẩm.

d) Thuốc khử trùng kho: 03 hoạt chất với 11 tên thương phẩm.

đ) Thuốc sử dụng cho sân golf:

- Thuốc trừ sâu: 01 hoạt chất với 01 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ bệnh: 02 hoạt chất với 02 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 01 hoạt chất với 01 tên thương phẩm.

e) Thuốc xử lý hạt giống:

- Thuốc trừ sâu: 10 hoạt chất với 16 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 12 hoạt chất với 12 tên thương phẩm.

g) Thuốc bảo quản nông sản sau thu hoạch

- 02 hoạt chất với 02 tên thương phẩm.

2. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

- a) Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 23 hoạt chất.
- b) Thuốc trừ bệnh: 06 hoạt chất.
- c) Thuốc trừ chuột: 01 hoạt chất.
- d) Thuốc trừ cỏ: 01 hoạt chất.

3. Bảng mã số HS các thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được thực hiện theo Mục 23, Mục 24 của Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất carbosulfan: Không được nhập khẩu; được sản xuất 03 tháng và buôn bán, sử dụng 02 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Đối với các thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất benfuracarb: Được sản xuất, nhập khẩu 03 tháng; buôn bán, sử dụng 01 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam và Thông tư số 03/2025/TT-BNNMT ngày

16/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2024/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) để xem xét và kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử phạt vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Bộ NN&MT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, TTTV.

BỘ TRƯỞNG

Trần Đức Thắng

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).*

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/ CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP:				
1. Thuốc trừ sâu:				
1	Abamectin (min 90%)	Ababetter 5EC	nhện đỏ/ quýt; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Abacare 5EW	nhện đỏ/ chè, cam	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Abafax 1.8EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Abagold 65EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/chè	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Abagro 4.0EC	sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam; sâu xanh/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ trĩ/ chè; sâu tơ/ cải bắp	Asiagro Pacific Ltd
		Abakill 3.6EC, 10WP	3.6EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ xoài; sâu vẽ bùa/ cam 10WP: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH TM DV Nông Hưng
		Abamec-MQ 50EC	sâu khoang/lạc, nhện đỏ/chè	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Abamine 3.6EC, 5WG	3.6EC: sâu tơ/ bắp cải, nhện đỏ/ cam, sâu xanh/ đậu tương, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu đục ngọn/ điều; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ xít muỗi/điều 5WG: sâu tơ/ bắp cải; nhện gié/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Aba-navi 4.0EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt

Abapro 5.8EC	rầy xanh/ chè, sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/ cam	Sundat (S) Pte Ltd
Abasuper 1.8EC	sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
Aba thai 5.4EC	sâu vẽ bùa/ cam, nhện/ xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Abatimec 3.6EC	bọ trĩ/ dưa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/cam	Công ty CP Đồng Xanh
Abatin 5.4 EC	sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh ăn lá/ dưa chuột; dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải	Map Pacific Pte Ltd
Abatox 3.6EC	bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
Abavua 36EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
Abavec super 5.5EC	rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH TM Tân Thành
Abekal 3.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
Abinsec 1.8EC	sâu cuốn lá/ lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
Abvertin 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Aceny 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
Acimetin 5EC, 100WG	5EC: rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ chè 100WG: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Agbamex 5EC	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Global Farm

Agromectin 1.8 EC, 5.0WG	1.8EC: nhện gié/ lúa, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, sâu tơ/ súp lơ, bọ nhảy/ cải thảo, sâu xanh/ cải xanh, bọ trĩ/ nho, nhện đỏ/ cam, sâu xanh da láng/ hành 5.0WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
Agrovertin 50EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa, sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/cà chua	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
Akka 3.6EC, 22.2WP	3.6EC: sâu xanh/ cà chua; nhện gié, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu tơ/ cải bắp; bọ trĩ/ dưa hấu 22.2WP: sâu tơ/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu	Eastchem Co., Ltd.
Alfatin 18 EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Alibaba 6.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM Thái Nông
Amazin's 3.6EC	sâu tơ/bắp cải, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
Amectinaic 36EC	rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải, nhện lông nhung/ nhãn	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
AMETINannong 5.55EC, 10WP	rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
Anb40 Super 1.8EC, 22.2WP	1.8EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 22.2WP: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Andomec 5EC, 5WP	5EC: sâu đục bẹ/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, rầy bông/ xoài; nhện lông nhung/ nhãn 5WP: sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/ rau cải, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
Ankamec 3.6EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bell

Aremec 45EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; dòi đục lá/ đậu tương; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Azimex 40EC	sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ rau cải, bắp cải; ruồi hại lá/ cải bó xôi; sâu xanh da láng/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ, bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ nhãn; bọ xít muỗi/ điều, chè; rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê; sâu khoang, sâu xanh/ lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
B40 Super 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh/ đậu xanh; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Bamectin 5.55EC, 22.2WG	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu vẽ bùa/cam; sâu ăn lá/ chôm chôm, sầu riêng	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
Binhtox 3.8EC	nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy/ bông xoài; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Brightin 4.0EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Hợp Trí Summit
BN-Tegosuper 5SC	tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty CP Bảo Nông Việt
Bnongduyen 4.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP SAM
Boama 2.0EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông

BP Dy Gan 5.4EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH TM Bình Phương
Carbamec 75EC, 100WP	bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Car pro 3.6EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cải xanh; dòi đục lá/cà chua	Công ty CP Bốn Đúng
Catcher 2EC	nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; dòi đục lá/ rau bó xôi	Sinon Corporation
Catex 3.6EC, 100WG	3.6EC: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa; sâu vẽ bùa, bọ trĩ, nhện đỏ/ cam, quýt; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục quả/ xoài 100WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nicotex
Chitin 3.6EC	nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
Đầu trâu Merci 1.8EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
Daphamec 5.0EC	rầy bông/xoài; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
DB-genji 3.2 EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
Dibamec 3.6EC, 5WG	sâu đục cành/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang, sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; rầy bông / xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám/ bắp cải; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cải xanh; dòi đục lá, sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ xít, bọ trĩ, nhện gié, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp, rệp muội, sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

DT Aba 60.5EC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Fanty 3.6EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Haihamec 3.6EC	bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu, điều; nhện đỏ/ cam; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH SX TM Hải Hằng
Hifi 3.6EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM ACP
Honest 54EC	sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu; nhện lông nhung/ nhãn	Công ty CP Hóc Môn
Invert 1.8EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Javitin 36EC, 100WP	36EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; nhện lông nhung/ vải; sâu đục quả/ xoài; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè 100WP: sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ vải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Jianontin 3.6EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Longphaba 3.6EC, 88SC	3.6EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 88SC: sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
Limectin 4.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
Mahal 3.6EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
Megamectin 20EC, 126WG	20EC: sâu đục quả/ vải, tuyến trùng/ hồ tiêu 126WG: sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
Melia 3.6EC	sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ, bọ nhậy/ bắp cải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Miktin 3.6 EC	bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; bọ xít, sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu xanh/ cà chua; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; sâu tơ, rệp, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rầy bông/ xoài	Công ty CP TM BVTV Minh Khai

Nafat 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa, nhện đỏ/ sắn	Công ty TNHH Kiên Nam
Nas 60EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
Newsodant 5.5EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; nhện đỏ, bọ trĩ/ cam; sâu vẽ bùa/cà chua; sâu xanh sọc trắng/dưa hấu	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
Nimbus 6.0EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ vải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
Nockout 3.6GR, 3.6EC	3.6GR: tuyến trùng/ cà phê 3.6EC: sâu khoang/ cải bắp	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Novimec 3.6EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Nông Việt
Nouvo 3.6EC	bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi/điều; nhện đỏ/ quýt	Công ty CP Nông dược HAI
NP Pheta 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; nhện đỏ, vẽ bùa/ cam	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
N.Zigel 1.8 EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH MTV Nam Thịnh Hòa Bình
Obamausa 55EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư Liên Việt
Oxatin 6.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Sumit Agrochem Việt Nam
Parma 3.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Phesoltin 5.5EC	sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH World Vision (VN)
Phi ung 4.0 EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
Phumai 3.6EC	sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ chè; sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè; sâu đục quả/ vải	Công ty CP ĐTKTNN và PTNT Trung ương

Plutel 5EC	rây xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chẻ; sâu tơ, sâu khoang, sâu xanh, rệp muội/ bắp cải; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; bọ xít/ vải thiều; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rây/ xoài; rệp muội/ nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nho; sâu xanh/ cà chua	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
Queson 5.0EC	sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rây chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chẻ; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
Reasant 3.6EC, 5WG	3.6EC: sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ cánh tơ, rây xanh, nhện đỏ/ chẻ; bọ xít, sâu đo, rệp muội/ vải, nhãn, na, hồng; rệp muội, nhện, sâu ăn lá/ điều; nhện đỏ, sâu xanh/ hoa hồng; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, nho; rây/ xoài; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ/ sắn dây; sâu ăn lá, rây, rệp muội/ hồ tiêu; sâu róm/ thông; sâu tơ/ súp lơ; nhện/ cà pháo, cà tím; bọ nhảy, sâu tơ/ cải thảo, rau cải, su hào; sâu khoang/ mỏng toi; sâu xanh da láng/ hành 5WG: sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ cánh tơ/ chẻ; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/thông; bọ trĩ/ dưa chuột	Công ty TNHH Việt Thắng
Redsuper 20WG, 39EC	20WG: sâu cuốn lá/lúa 39EC: sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Vagritex
Sauaba 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ nhảy/bắp cải, bọ xít muỗi/chẻ, sâu vẽ bùa/ cam, nhện/ quýt	Công ty TNHH TM Thái Phong
Sau tiu 3.6EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ / lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP TST Cần Thơ
Shertin 5.0EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu phao đục bẹ, rây nâu, rây lưng trắng/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám bọ nhảy, sâu khoang / bắp cải; bọ trĩ/ nho, dưa hấu;	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

	rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chèn; nhện đỏ, rệp muội/ cam, vãi; nhện lông nhung/ vãi	
Sieusher 3.6EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Silsau 6.5EC, 10WP	6.5EC: nhện gié, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; nhện đỏ/cam; sâu xanh da láng/lạc 10WP: nhện đỏ, bọ cánh tơ, rầy xanh/ chèn; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương, đậu xanh; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, bọ trĩ/ cà chua, ớt, cam	Công ty TNHH ADC
Sittomectin 5.0EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
Tập Kỳ 1.8EC	sâu tơ/ bắp cải	Viện Di truyền Nông nghiệp
Tigibamec 6.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Lan Anh
Tiger five 5EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH P-H
Tikabamec 3.6EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chèn; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP XNK Thọ Khang
Tictak 50EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Quốc tế Balakie
Tineromec 3.6EC, 70WG	3.6EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chèn; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ điều 70WG: sâu tơ/ cải bắp	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
Tungatin 3.6 EC	sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít hôi, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cải xanh; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng đậu xanh; sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông xoài; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chèn; rệp sáp, mọt	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều	
		Tervigo® 020SC	tuyến trùng/khoai tây, hồ tiêu, thanh long, cà phê, cam, sầu riêng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Vibamec 5.55EC	bọ trĩ/ dưa hấu, nho; nhện đỏ, bọ trĩ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié, sâu năn/ lúa; nhện đỏ/cam; sâu xanh/ cải xanh	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vdimectin 10SC	sâu xanh/lạc	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
		Voi thai 3.6EC, 25WP	3.6EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 25WP: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Voiduc 42EC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Waba 3.6EC, 18WP	3.6EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 18WP: rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH US.Chemical
2	Abamectin 1% + Acetamiprid 3%	Lanotin 4EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Hóa nông Lâm Ngọc
3	Abamectin 10g/l + Acetamiprid 30g/l	Acelant 40EC	rệp, bọ trĩ/ bông vải; rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
4	Abamectin 20g/l + Acetamiprid 230g/l	Newtoc 250EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Safari 250EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
5	Abamectin 36g/l + Alpha-cypermethrin 54g/l	Shepatin 90EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa, sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
6	Abamectin 18 g/l + Alpha-cypermethrin 32g/l	Siutox 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
7	Abamectin 36g/l + Alpha-cypermethrin 100g/l	B thai 136EC	nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ hà/ khoai lang	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang

8	Abamectin 0.5% + Azadirachtin 0.3%	Azaba 0.8EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu trạch, vãi; nhện đỏ, sâu ăn lá, sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
9	Abamectin 54g/l + Azadirachtin 1g/l	Agassi 55EC	bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh da láng/ lạc; sâu tơ/ bắp cải; nhện lông nhung, sâu đục gân lá/ vãi; sâu đục quả/ xoài; bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ dưa hấu	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
10	Abamectin 10g/l + Azadirachtin 26g/l	Fimex 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/xoài; sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Công nghệ cao thuốc BVTV USA
		Azetin 36EC	nhện đỏ/cam; sâu vẽ bùa/bưởi	Công ty TNHH ADC
11	Abamectin 35.8g/l (59.9g/l), (69g/kg) + Azadirachtin 0.2g/l (0.1g/l), (1g/kg)	Goldmectin 36EC, 60SC, 70SG	36EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; rệp/ ngô; sâu khoang/ thuốc lá; sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ hồ tiêu 60SC, 70SG: sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
12	Abamectin 36g/l + Azadirachtin 1g/l	Mectinsuper 37EC	sâu tơ, bọ nhậy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
13	Abamectin 37 g/l + Azadirachtin 3 g/l	Vinup 40 EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng /súp lơ; sâu xanh/cà chua; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu đục củ/ vãi; bọ trĩ, rệp đào/ chanh leo; nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu khoang/ bắp cải, đậu tương; sâu đục quả/ cà phê	Công ty TNHH US.Chemical
14	Abamectin 6 g/l + Azadirachtin 1g/l + Emamectin benzoate 5g/l	Elincol 12ME	sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP ENASA Việt Nam
15	Abamectin 0.1% (3.5%) + <i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki 1.9% (0.1%)	Kuraba WP, 3.6EC	WP: sâu tơ, sâu xanh, sâu đo, dòi đục lá/ bắp cải; sâu khoang, sâu xanh/ lạc; sâu đo, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục thân/ ngô; sâu đục gân lá, sâu đục	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao

			quả/ vãi; nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, sâu ăn lá/ cam; sâu xanh/ bông vãi; sâu róm/ thông 3.6EC: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; nhện lông nhung/ vãi; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu khoang, sâu xanh, sâu đục quả/ đậu tương, lạc; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	
16	Abamectin 0.9% + <i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 1.1% (4.5×10^{10} cfu/g)	ABT 2 WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu đục cuống, sâu đục quả, sâu đục gân lá/ vãi; nhện đỏ/ chè; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
17	Abamectin 1g/kg + <i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki 19g/kg	Akido 20WP	sâu tơ, bọ nhậy/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ bưởi, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
18	Abamectin 2g/kg (53g/l) + <i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 18 g/kg (1g/l)	Atimecusa 20WP, 54EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
19	Abamectin 1.8g/kg + <i>Bacillus thuringiensis</i> 20g/kg (10^{10} bào tử/g)	Tridan 21.8WP	sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; nhện lông nhung/ vãi; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; ruồi đục quả/ xoài; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
20	Abamectin 30g/l + Beta-cypermethrin 15g/l	Smash 45EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
21	Abamectin 1% + Bifenazate 19%	Abazateha 20SC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Banazat 20SC	nhện đỏ/sắn	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
22	Abamectin 0.3% + Chlorbenzuron 29.7%	MDChlorbentin 30SC	sâu cuốn lá/lạc	Công ty TNHH CP Mạnh Đan
23	Abamectin 17.5g/l + Chlorfluazuron 0.5g/l	Confitin 18EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vãi; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
24	Abamectin 18 g/l + Chlorantraniliprole 45g/l	Voliam Targo® 063SC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa; sâu keo mùa thu/ ngô; ruồi đục lá/khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

25	Abamectin 0.5% + Chlorfenapyr 9.5%	Getsau 10EW	sâu xanh/đậu xanh	Công ty TNHH TM DV Việt Phát
26	Abamectin 10g/l + Chlorfenapyr 100g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Glan 130EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
27	Abamectin 18 g/l + Cypermethrin 132 g/l	Nongtac 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
28	Abamectin 0.7% + Cyromazine 30.3%	Cyrotat 31SC	sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH A2T Việt Nam
		Globalhuk 31SC	ruồi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH Agrofarm
29	Abamectin 1% + Cyromazine 34%	Cymazin 35SC	sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH B.Helmer
30	Abamectin 60g/l + (dầu khoáng và dầu hoa tiêu) 3g/l	Song Mã 63EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
31	Abamectin 100g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Dinosingold 300WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
32	Abamectin 22g/l + Dinotefuran 100g/l + Emamectin benzoate 55g/l	Dofamec 177EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
33	Abamectin 8.45% + Emamectin benzoate 1.54%	Abavec gold 9.99EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
34	Abamectin 64g/l (7.2%), (25g/kg) + Emamectin benzoate 1g/l (4.0%), (50g/kg)	Acprodi 65EC, 11.2WP, 75WG	65EC: nhện đỏ/ vãi 11.2WP: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 75WG: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
35	Abamectin 36g/l (36g/kg), (18g/kg) + Emamectin benzoate 20g/l (20g/kg), (50g/kg)	B52duc 56EC, 56SG, 68WG	56EC, 68WG: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa 56SG: sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
36	Abamectin 18g/l (1g/kg) + Emamectin benzoate 3g/l (125g/kg)	Divasusa 21EC, 126WG	21EC: bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu róm/ thông 126WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

37	Abamectin 22g/l (50g/kg) + Emamectin benzoate 55g/l (100g/kg)	Dofama 77EC, 150WG	77EC: sâu cuốn lá/lúa 150WG: nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
38	Abamectin 30 g/l (38g/kg) + Emamectin benzoate 25g/l (70g/kg)	Footsure 55EC, 108WG	55EC: sâu khoang/lạc 108WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
39	Abamectin 35g/kg (35g/l) + Emamectin benzoate 35g/kg (40g/l)	Emalusa 70SG, 75EC	70SG: sâu tơ/ bắp cải 75EC: bọ cánh tơ/chè	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
40	Abamectin 3% + Emamectin benzoate 2%	Daiwantin 5EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Futai
		Jia-mixper 5EC	sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Uni-dualpack 5EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH World Vision (VN)
41	Abamectin 18g/l (78g/kg) + Emamectin benzoate 2g/l (38g/kg)	Unimectin 20EC, 116WG	20EC: bọ trĩ/ lúa, tuyến trùng/ hồ tiêu 116WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
42	Abamectin 47g/l + Emamectin benzoate 20g/l	Voi tuyết vờ 67EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
43	Abamectin 35g/l + Emamectin benzoate 1g/l	Sieufatoc 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
44	Abamectin 42g/l + Emamectin benzoate 0.2g/l	Sitto Password 42.2EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ dưa hấu; rầy xanh/ chè; sâu khoang/ đậu tương; rầy bông/ xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
45	Abamectin 10g/kg + Emamectin benzoate 70g/kg	Newmexone 80WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vagritex
46	Abamectin 2% + Emamectin benzoate 1%	Hải cầu 3.0EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
47	Abamectin 43g/l + Emamectin benzoate 5g/l	S-H Thôn Trang 4.8EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

48	Abamectin 18g/l + Emamectin benzoate 2g/l	TC-Năm Sao 20EC	bọ cánh to/ chè, bọ trĩ/ dưa hấu, bọ xít/ vải, rệp muội/ nhân, sâu to/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
49	Abamectin 20g/l + Emamectin benzoate 5g/l + Imidacloprid 120g/l	Vdepenalduc 145EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
50	Abamectin 2% + Etoxazole 8%	Atoto 10SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Rồng Đại Dương
51	Abamectin 3% (30g/l) + Etoxazole 12% (120g/l)	AF-Exatin 15SC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Agrifuture
		Ω-Etosuper 150EC	nhện đỏ/ chè, sâu to/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
52	Abamectin 4% + Etoxazole 16%	Bonich 20SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Etoggo 20SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
53	Abamectin 5% + Etoxazole 35%	Tpower 40SC	nhện đỏ/ phật thủ	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
54	Abamectin 50 g/l + Etoxazole 110 g/l	Laura 160SC	nhện đỏ/ đậu tương	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
55	Abamectin 50 g/l + Etoxazole 200 g/l	Atoxa 250SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
56	Abamectin 5% + Etoxazole 20%	Etomec 25SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nicotex
57	Abamectin 5% + Etoxazole 15%	Nabazole 20SC	nhện đỏ/ sắn	Nanjing Agrochemical Co., Ltd.
58	Abamectin 0.5% (0.48%) + Fosthiazate 10% (9.52%)	Abathi 10.5GR, 10ME	10.5GR: tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu 10ME: tuyến trùng/hồ tiêu	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
59	Abamectin 5 g/kg + Fosthiazate 100 g/kg	Foszatin 10.5GR	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
60	Abamectin 0.45% + Fosthiazate 4.55%	ADU-Nonema 50GR	tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH ADU Việt Nam
61	Abamectin 1% + Fosthiazate 10%	Biofos 11GR	tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Nicotex Đông Thái
		Coxbus 11GR	tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc

62	Abamectin 0.4% + Hexaflumuron 2.1%	Uron Extra 2.5EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Pesticide Thụy Sĩ
63	Abamectin 0.45% + Imidacloprid 1.0%	Abamix 1.45WP	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Nicotex
64	Abamectin 10g/l (1.8%) + Imidacloprid 98g/l (25%)	Talor 10.8EC, 26.8WP	10.8EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 26.8WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
65	Abamectin 10g/l + Imidacloprid 90g/l	Aba-plus 100EC	bọ trĩ, bọ xít hôi, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ đậu tương	Công ty CP SX TM Bio Vina
66	Abamectin 15g/l + Imidacloprid 90g/l	Emicide 105EC	sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
67	Abamectin 30g/l + Imidacloprid 90g/l	Nosauray 120EC	sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
68	Abamectin 37g/l (108g/kg) + Imidacloprid 3g/l (27g/kg)	Vetsemex 40EC, 135WG	40EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 135WG: sâu khoang/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
69	Abamectin 35g/l + Imidacloprid 5g/l + Pyridaben 150g/l	Nospider 190EC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
70	Abamectin 18.5g/l + Imidacloprid 3.5g/l + Pyridaben 5.5g/l	Dugamite 27.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
71	Abamectin 2% + Indoxacarb 10%	Forces Cap 12SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Hóa sinh Mũ Xanh
72	Abamectin 15g/l + Indoxacarb 50g/l	Sixsess 65EC	sâu cuốn lá, sâu năn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
73	Abamectin 36g/l + Indoxacarb 14g/l	Abacarb-HB 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
74	Abamectin 30g/l + Indoxacarb 60g/l	Superworm 90SC	sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH TAT Hà Nội

75	Abamectin 9g/l (18g/kg) + Lambda-cyhalothrin 45g/l (72g/kg)	Karatimec 54EC, 90WG	54EC: sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa 90WG: sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
76	Abamectin 36g/l + Lambda-cyhalothrin 39g/l	Actamec 75EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
77	Abamectin 30g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l + Phoxim 19.9g/l	Bavella 99.9EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
78	Abamectin 30g/l (20g/l), (20g/kg), (10g/l), (1g/l) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/l), (1g/kg), (30g/l), (110g/l) + Thiamethoxam 5g/l (50g/l), (400g/kg), (1g/l), (155g/l)	Kakasuper 85EC, 120EW, 421WP, 41ME, 266SC	41ME, 85EC, 120EW: sâu cuốn lá/lúa 266SC, 421WP: rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
79	Abamectin 1g/l + Matrine 5g/l	Ametrinx 6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, lạc, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu ăn hoa/ xoài	Công ty TNHH An Nông
80	Abamectin 20g/l + Matrine 5g/l	Aga 25EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp muội, bọ nhảy/ cải xanh, bắp cải; sâu cuốn lá, dòi đục lá/ đậu xanh, đậu tương; dòi đục lá, sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ cam; nhện đỏ, bọ xít muỗi, sâu đục quả/ vải, nhãn; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; rệp sáp, nhện đỏ, rầy xanh/ chè, cà phê; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; nhện đỏ, sâu xanh/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Luckyler 25EC	sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

			da láng, bọ trĩ/ nhỏ; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	
81	Abamectin 1.8% + Matrine 0.2%	Miktox 2.0EC	bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ trĩ, rầy xanh, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; rệp, sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
82	Abamectin 20g/l (2.0%) + Matrine 2g/l (0.2%)	Sudoku 22EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ nhỏ; rầy chổng cánh/ cam; bọ trĩ/ điều; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu đục cuống quả, sâu đục gân lá/ vải; tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Tramictin 2.2EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
83	Abamectin 35g/l + Matrine 1g/l	Newlitoc 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
84	Abamectin 54g/l + Matrine 0.2g/l	Tinero 54.2EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
85	Abamectin 50 g/l + Matrine 5 g/l	Amara 55EC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ cải xanh; sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ, rệp/ chè; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài; mọt đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
86	Abamectin 50g/l + Matrine 25g/l	Abecyny 75EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
87	Abamectin 20g/l + Methoxyfenozide 80g/l	Fenaba 100SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh

		Noble 100SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
88	Abamectin 2% + Methoxyfenozide 8%	Amethoggo 10SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH TM Nam Hải Group
		Gatuso 10SC	dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
		Kentak 10SC	sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH Được Mùa
89	Abamectin 4g/l (2g/kg) + Methylamine avermectin 35g/l (114g/kg)	Pompom 3.9EC, 11.6WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
90	Abamectin 0.2% + Monosultap 29.8%	Abatap 30ME	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH BVTV TAT Hà Nội
91	Abamectin 35 g/l + Permethrin 100g/l	Fisau 135EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
92	Abamectin 2% + Permethrin 7%	Dotimec 9EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
93	Abamectin 40 g/l + Permethrin 150 g/l	SBC-Thon Trang 190EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
94	Abamectin 20g/l + Petroleum oil 250g/l	Đầu trâu Bihopper 270EC	nhện đỏ/ chè, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Bình Điền MeKong
95	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.3%	Koimire 24.5EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ xoài; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Petis 24.5 EC	nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM Tùng Dương
96	Abamectin 0.5% (5g/l) + Petroleum oil 24.5% (245g/l)	Soka 25 EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ/ nhãn; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột, dưa hấu; sâu cuốn lá, bọ xít dài, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/ bông vải; rầy chổng cánh, ruồi đục quả/ cam; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh

		Tikrice 25EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhậy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy canh/ chè	Công ty CP XNK Thọ Khang
97	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.8%	Feat 25EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa chuột, bí xanh, dưa hấu; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ/ cam; nhện lông nhung, nhện đỏ/ nhãn	Công ty TNHH Nam Bắc
98	Abamectin 1% + Petroleum oil 24%	Batas 25EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy bông/ xoài; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
99	Abamectin 0.3% + Petroleum oil 88%	Visober 88.3EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rệp sáp/ cà phê; nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
100	Abamectin 55g/l + Petroleum oil 5g/l	Sword 60EC	nhện đỏ/ vải, nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
101	Abamectin 5g/l + Petroleum oil 395g/l	Aramectin 400EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu tạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
102	Abamectin 18g/l + Petroleum oil 342g/l	Blutoc 360EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
103	Abamectin 9g/l + Petroleum oil 241g/l	Sieulitoc 250EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
104	Abamectin 2g/l + Phoxim 198g/l	Super site 200EC	sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
105	Abamectin 2% + Profenofos 35%	Nara 37EC	sâu keo mùa thu/ngô; rệp bông xo/ mía	Công ty CP Bigfive Việt Nam

106	Abamectin 10g/l + Profenofos 190g/l	Drama 200EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Thành
107	Abamectin 10g/l + Profenofos 50g/l + Pyridaben 150g/l	Fidasuper 210EC	nhện đỏ/đậu tương, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Newprojet 210EC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
108	Abamectin 6 g/l + Propargite 400 g/l	Mitetv 406ME	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
109	Abamectin 116g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Abachezt 666WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
110	Abamectin 0.1% + Pyridaben 6.7%	Hadatin 6.8EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP TM Hải Anh
111	Abamectin 0.3% + Pyridaben 10.2%	Ababen 10.5EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Rhone Việt Nam
		Pymite 10.5EC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Visanto
		Zozavic 10.5EC	rệp bông xo/mía	Công ty CP Multiagro
112	Abamectin 18 g/l + Pyridaben 150 g/l	Aben 168EC	nhện gié, rầy nâu/ lúa; rệp/ hồ tiêu; sâu hồng/ bông vải; rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
113	Abamectin 20g/l + Pyridaben 160g/l	Nomite-Sạch nhện 180EC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
114	Abamectin 12g/l + Quinalphos 138g/l	Sieu fitoc 150EC	sâu cuốn lá; nhện gié/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
115	Abamectin 12 g/l + Quinalphos 238 g/l	Acpratin 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
116	Abamectin 20g/l + Spinosad 25 g/l	Aterkil 45SC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ /cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
117	Abamectin 22g/l + Spinosad 25g/l	Rice NP 47SC	sâu đục quả/vải	Công ty TNHH TM Nông Phát
118	Abamectin 1% + Spirodiclofen 19%	Nhện chúa 200SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Multiagro
119	Abamectin 1% + Spirodiclofen 12%	Movemite 130EW	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM DV Việt Phát
120	Abamectin 2% + Spirodiclofen 18%	Ω-Spira 20SC	nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

121	Abamectin 2% + Spirodiclofen 20%	Himasiro 22SC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
122	Abamectin 5% + Spirodiclofen 20%	Sunmite 25SC	nhện đỏ/ phật thủ	Công ty TNHH Nam Bắc
		SV-Proman 25SC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
123	Abamectin 5% + Spirodiclofen 30%	Kaiser-Pro 35SC	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Radiant AG
124	Abamectin 30g/l + Spirodiclofen 210g/l	Akita-Spirofen 240SC	nhện đỏ/sắn	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
125	Abamectin 20g/l + Spirotetramat 100g/l	Ω -Aromat 120SC	nhện đỏ/ chè, cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
126	Abamectin 3% + Spirotetramat 21%	ET-Cyvil 24SC	bọ phấn/khoai tây	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd
127	Abamectin 31g/l + Spirotetramat 124 g/l	Pilaravia 155SC	rệp sáp/ hồ tiêu	Pilarquim (Shanghai) Co., Ltd
128	Abamectin 36g/l + Thiamethoxam 72g/l	Solvigo® 108SC	tuyến trùng/ hồ tiêu; tuyến trùng, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
129	Abamectin 10 g/kg + Thiosultap-sodium (Monosultap) 950g/kg	Aba-top 960WP	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít hôi/lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
130	Abamectin 3g/l + Triflumuron (min 97%) 47g/l	MDAbamuron 50SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Mạnh Đan
131	Abamectin B2 (min 90%)	Aba B2 50EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Tuyen trung B2 50EC	tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty CP Nông nghiệp HP
132	Acetamiprid (min 97%)	Acerhone 300EC, 300WP	300WP: bọ phấn/sắn 300EC: rệp bông xo/mía	Công ty TNHH Rhone Việt Nam
		Actatoc 200WP, 200EC	200EC: rầy nâu/lúa 200WP: rầy nâu/lúa; rệp bông xo/mía; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Advice 3EC	rệp sáp bột hồng/ sắn, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế Sara

Afeno 30WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
Amender 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Amsipilan 20SP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
Ascend 200SP	rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Cayman 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
Daiwance 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Futai
Dominic 20SL, 40WG	rệp muội/lạc	Công ty CP Bigfive Việt Nam
Domosphi 10SP, 20EC	10SP: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; sâu xanh/ đậu tương; rầy xanh/bông vải 20EC: rệp sáp/ cà phê, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Thanh Điền
Google 30WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
Hotray 200SL	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
Melycit 20SP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ ca cao	Công ty CP Long Hiệp
Mopride 20 WP	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
Mosflannong 30EC, 200WP, 300SC, 600WG	30EC, 300SC, 600WG: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 200WP: bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Mospilan 3EC, 20SP	3EC: rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/bông vải, rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ vùng 20SP: Rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
Motilan 20SP	bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An

		Motsuper 36WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Nired 3EC	bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
		Otoxos 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Presing 20SL	rệp bông xo/mía	Công ty TNHH Deutschland Việt Nam
		Raysuper 30EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Quỳnh Giao
		Sadamir 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sếu đỏ 3EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Tace 20SP	rệp muội/ đậu tương	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Tosi 30WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Uni-aceta 20SP	rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH World Vision (VN)
133	Acetamiprid 30g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l	Mospha 80 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
134	Acetamiprid 25% + Bifenthrin 25%	Acerin 50WG	bọ xít muỗi/điều	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
135	Acetamiprid 10% (100g/kg) + Buprofezin 15% (150g/kg)	Sieuray 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hoá nông Mỹ Việt Đức
		Uni-acetafezin 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Vakala 250WP	rệp sáp/sắn	Công ty TNHH Radiant AG
136	Acetamiprid 20% + Buprofezin 20%	Penalty 40WP	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC
137	Acetamiprid 20% + Buprofezin 25%	Binova 45WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
138	Acetamiprid 24% + Buprofezin 30%	Khongray 54WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
139	Acetamiprid 150g/kg + Buprofezin 350g/kg	Ba Đăng 500WP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng

140	Acetamiprid 200g/kg + Buprofezin 200g/kg	Sun Atlanta 400WP	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hagrochem
141	Acetamiprid 250 g/kg + Buprofezin 250g/kg	Acetapro 500WP	rầy nâu/lúa	Kital Ltd.
		Everest 500WP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nam Bộ
142	Acetamiprid 170g/kg + Buprofezin 380g/kg	Asimo super 550WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
143	Acetamiprid 400g/kg + Buprofezin 250g/kg	Atylo 650WP	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
144	Acetamiprid 10g/l (300g/kg) + Buprofezin 20g/l (200g/kg) + Fenobucarb 200g/l (100g/kg)	Chavez 230EC, 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVT Việt Trung
145	Acetamiprid 100 g/kg + Buprofezin 300g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Rakotajapane 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
146	Acetamiprid 150g/kg + Buprofezin 255g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Calira 555WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
147	Acetamiprid 100 g/kg (50g/l) + Buprofezin 150g/kg (20g/l) + Isoprocarb 50g/kg (300g/l)	Chesone 300WP, 370EC	300WP: rầy nâu/ lúa 370EC: rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVT Việt Trung
148	Acetamiprid 450g/kg + Buprofezin 300g/kg + Thiamethoxam 50.8g/kg	Osioi 800.8WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
149	Acetamiprid 3% + Cartap hydrochloride 92%	Hugo 95SP	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Hóc Môn
150	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Acnal 400WP	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/cà phê; rệp muội/ bông vải	Công ty TNHH TM Thái Nông
151	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Mitoc-HB 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
152	Acetamiprid 300g/kg + Emamectin benzoate 50g/kg	Jojetino 350WP	bọ trĩ/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP

153	Acetamiprid 50 g/l + Fenobucarb 350 g/l	Supertac gold 400EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
154	Acetamiprid 15% + Flonicamid 20%	Acetago 35WG	bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Agrofarm
		AU-Takamid F 35WG	bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Authentique Việt Nam
		Cetamiusavb 35WG	bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
155	Acetamiprid 20% + Flonicamid 30%	Fennik 50WG	rệp muội/ngô	Công ty CP US Farm Việt Nam
156	Acetamiprid 3% (30g/l), (30g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 2% (20g/l), (20g/kg), (20g/kg)	Sutin 5EC, 50SC, 50WP, 50WG	5EC: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 50SC, 50WP, 50WG: rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
157	Acetamiprid 100 g/l + Imidacloprid 55 g/l	Nongiahy 155SL	rệp sáp/ cà phê, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Phong
158	Acetamiprid 70g/kg + Imidacloprid 130g/kg	Sachray 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
159	Acetamiprid 125g/kg + Imidacloprid 125g/kg	Mã lục 250WP	bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
160	Acetamiprid 100 g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Vip super 300WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
161	Acetamiprid 25% + Imidacloprid 8%	Caymangold 33WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
162	Acetamiprid 25% + Imidacloprid 10%	Rid up 35WG	rệp sáp/cà phê	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd
163	Acetamiprid 150 g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Setusa 350WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
164	Acetamiprid 200g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Azorin 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
165	Acetamiprid 200g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Acetat 250EC	rệp bông xo/mía	Công ty TNHH A2T Việt Nam
166	Acetamiprid 77g/kg + Metolcarb (min 98%) 200g/kg	Diệt rầy 277WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú

167	Acetamiprid 80 g/l + Novaluron 100 g/l	Cormoran 180EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		New Nova 180EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP S New Rice
168	Acetamiprid 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Apazin-HB 450WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
169	Acetamiprid 250g/kg (400g/kg) + Pymetrozine 250g/kg (300g/kg)	Secso 500WP, 700WG	500WP: sâu khoang/ lạc, bọ xít muỗi/ điều, rầy nâu/ lúa 700WG: rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
170	Acetamiprid 25% + Pymetrozine 50%	Centrum 75WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
171	Acetamiprid 580g/kg + Pymetrozine 20g/kg	Pycasu 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
172	Acetamiprid 10% + Pyridaben 10%	Beetliss 20ME	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Brightmart Cropscience (Việt Nam)
173	Acetamiprid 21% + Pyridaben 21%	Kingpower 42WP	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Hải Thụy
174	Acetamiprid 30g/l + Pyridaben 170g/l	Sedox 200EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
175	Acetamiprid 186g/l + Pyriproxyfen 124g/l	Trivor 310DC	rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
176	Acetamiprid 10 g/kg + Thiamethoxam 240g/kg	Goldra 250WG	rầy nâu/ lúa, rệp bông xo/ mía	Công ty CP Nông dược Việt Nam
177	Acetamiprid 100 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	B-41 350WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
178	Acetamiprid 50g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 550g/kg	Alfatac 600WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
179	Acetamiprid 50 g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 700g/kg	Goldan 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
180	Afidopyropen (min 92.5%)	Mallot 50DC	rệp sáp/ cà phê, cam; bọ phấn trắng/ sắn, cà chua; bọ trĩ/dưa chuột, ớt	BASF Vietnam Co., Ltd.
181	Alpha-cypermethrin (min 90%)	Ace 5EC	sâu phao/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ

Alfacua 10EC	sâu đục bẹ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Đồng Xanh
Alfathrin 50EC	sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; sâu khoang/ khoai lang	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
Alpha 10EC, 10SC	10EC: sâu khoang/ lạc 10SC: kiến/ cà phê, sâu khoang/ lạc, bọ trĩ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Map Pacific Pte Ltd
Alpha Ggo 10EC	rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
Alphacide 100EC	bọ xít/lúa	Công ty TNHH TM Đức Nông
Altach 5EC	sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít/ lạc; rệp muội/đậu xanh, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
Anphatox 5EC, 25EW, 100SC	5EC: sâu khoang/ lạc, bọ xít/ lúa 25EW: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp muội/ đậu tương; sâu đục quả/ cà phê 100SC: bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Antaphos 50EC	sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
Bestox®5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rệp/ đậu tương	Công ty TNHH FMC Việt Nam
Bpalatox 100EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
Caterice 5EC	bọ trĩ/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
Cyper-Alpha 5 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Dantox 5 EC	bọ trĩ/ lúa, sâu xanh/ bông vải, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Fastac 5 EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy, sâu cuốn lá/ lúa; rệp/ cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
Fascist 5EC	sâu cuốn lá, bọ xít/lúa; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Long Hiệp
Fastocid 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/khoai lang; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Fastphos 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Fentac 2.0 EC	sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam

		FM-Tox 25EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH Việt Thắng
		Fortac 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Forward International Ltd
		Fortox 50 EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH DV TM Ánh Dương
		Motox 5EC	bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít, bọ trĩ, sâu keo lúa; sâu đục quả/ đậu xanh	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Newalpha 10EC	rệp sáp/sắn	Công ty TNHH A2T Việt Nam
		Pertox 5EC, 100EW, 250WP	5EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 100EW, 250WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Pytax-s 5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Sapen-Alpha 5 EC	sâu hồng/ bông vải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, bọ xít hôi/ lúa cạn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Speedter 10EC, 10SC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Hóa chất SAM
		Supertox 100EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Khoa học CNC American
		Thanatox 5EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP ND Việt Nam
		Tiper-Alpha 5EC	bọ xít, sâu năn/ lúa; rệp muội/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Unitox 5EC	bọ xít/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vifast 5EC, 10SC	5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ xít muỗi/điều 10SC: bọ xít/ lúa; mối/ cao su, cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
182	Alpha-cypermethrin 120g/l + Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 30g/l	Cupvang 250EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
183	Alpha-cypermethrin 100g/l + Chlorfenapyr 90g/l + Indoxacarb 110g/l	Extrausa 300SE	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
184	Alpha-cypermethrin 20% + Chlorpyrifos-methyl 30%	Alfos 50EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Global Farm
185	Alpha-cypermethrin 25 g/l + Dimethoate 400 g/l	Ablane 425EC	rệp sáp/ cà phê, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

186	Alpha-cypermethrin 20g/l + Dimethoate 280g/l	Cyfitox 300EC	rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; rệp/ mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
187	Alpha-cypermethrin 150g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Dinosin japane 350WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
188	Alpha-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 36g/l	Emarin 86EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
189	Alpha-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Redtoc 100EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
190	Alpha-cypermethrin 5g/kg (10g/kg), (30g/l), (60g/l) + Fenobucarb 50g/kg (10g/kg), (450g/l), (10g/l) + Isoprocarb 30g/kg, (350g/kg), (50g/l), (10g/l)	Sieugon 85GR, 370WP, 530EC, 80EW	85GR: rầy lưng trắng/lúa 80EW, 370WP: rầy lưng trắng, sâu cuốn lá/lúa 530EC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
191	Alpha-cypermethrin 30g/l + Imidacloprid 20g/l	Alphador 50EC	bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi/điều; rệp vảy/ cà phê; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty CP Thanh Điền
192	Alpha-cypermethrin 50g/l + Imidacloprid 100g/l + Thiamethoxam 200g/l	Zap 350SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
193	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/l) + Permethrin 5g/l (50g/l) + Profenofos 30g/l (20g/l)	Ktedo 85EC, 120EW	85EC: bọ trĩ/ lúa 120EW: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
194	Alpha-cypermethrin 50g/l (100 g/l) + Phoxim 45g/l (30 g/l)	Kasakiusa 95EC, 130EW	95EC: bọ trĩ/lúa 130EW: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
195	Alpha-cypermethrin 10g/l + Profenofos 200g/l	Profast 210EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ đậu tương; rệp sáp, rệp vảy, sâu đục quả/ cà phê	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
196	Alpha-cypermethrin 30g/l + Profenofos 270g/l	Actatac 300EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
197	Alpha-cypermethrin 150g/l + Profenofos 500g/l	Anofos 650EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TM Anh Thơ

198	Alpha-cypermethrin 150g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Pymestar 550WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Chất và TM Trần Vũ
199	Alpha-cypermethrin 30g/l + Quinalphos 270g/l	Moclodan 300EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
200	Alpha-cypermethrin 35g/l + Quinalphos 215g/l	Focotoc 250EC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
201	Alpha-cypermethrin 75g/l + Teflubenzuron (min 97%) 75g/l	Imunit 150SC	sâu xanh da láng/lạc, sâu keo mùa thu/ngô	BASF Vietnam Co., Ltd.
202	Amino acid	Amino 15SL	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
203	Amitraz (min 97%)	Binhtac 20EC	nhện gié/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bunchuk 200EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP MT QT Rainbow
		Mitac 20EC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
204	Amitraz 350g/kg + Hexythiazox 100g/kg	Map nano 450WP	nhện gié/lúa	Map Pacific Pte Ltd
205	Annonin (min 95%)	TT-Anonin 1EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua, sâu tơ/ bắp cải; rầy bông/ xoài; sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH TM Tân Thành
206	Azadirachtin (min 15%)	Agiaza 4.5EC	sâu xanh/ cải xanh; sâu đục quả/ ớt; sâu tơ/ bắp cải; rệp sáp/ thuốc lá; nhện đỏ/ hoa hồng; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp/ cà pháo; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rệp sáp/ na; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Altivi 0.3EC	sâu tơ, sâu xanh/ rau cải xanh; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Aza 0.15EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Phan Lê
		A-Z annong 0.15EC	rầy nâu, cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cải bông; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam; rệp muội/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Bio Azadi 0.3SL	bọ trĩ/ nho	Công ty TNHH CNSH Điền Trang Xanh
		Boaza 0.3EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Nông Duyên

Cittioke 0.6EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Eastchem Co., Ltd.
Econeem Plus 1EC	ruồi đục quả/dưa chuột; bọ trĩ/hoa cúc; nhện đỏ/hoa hồng; sâu vẽ bùa/hoa cúc	Công ty CP Biocont Việt Nam
Goldgun 0.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Hoaneem 0.3EC	sâu cuốn lá/lúa; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ bưởi	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
Jasper 0.3 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ cải xanh, nhện đỏ/ cây có múi, rầy bông/ nho, rệp/ thuốc lá, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Kozomi 0.15EC	bọ nhảy/ bắp cải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Minup 0.3EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, đậu tương; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; nhện đỏ/ cam; rệp đào/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua; sâu đục quả/ xoài, đậu tương; rệp đào, bọ trĩ/chanh leo; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/chè; sâu đục cuống quả/ vải	Công ty TNHH US.Chemical
Misec 1.0EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ, bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
Mothian 0.35EC	sâu tơ/ bắp cải, rau cải, súp lơ, su hào; sâu khoang/ rau dền, mòng tơi, rau muống; sâu đục quả/ cà tím, ớt, đậu cove; bọ nhảy/ cải thảo; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
Neem Nim Xoan Xanh Green 0.3 EC	ruồi đục lá/ cải bó xôi, rệp sáp/ cà phê, bọ cánh tơ/ chè, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ cải bông, tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
Nimbecidine 0.03EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Bioactive Việt Nam
Sarkozy 0.3EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ

		Sokotin 0.3EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Super Fitoc 10EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		SV-Biocides 5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		Trutat 0.32EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; bọ nhảy/ rau cải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vineem 1500EC	rệp/ cải thảo; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
207	Azadirachtin 1.5g/kg + Chlorfluazuron 200g/kg + Emamectin benzoate 5.5g/kg	Mig 18 207WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
208	Azadirachtin 9g/l + Emamectin benzoate 9g/l	Ramec 18EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
209	Azadirachtin 0.2g/l, (0.1g/l), (0.1g/kg) + Emamectin benzoate 40g/l (74.9g/l), (102.9g/kg)	Emacinmec 40.2EC, 75SC, 103SG	40.2EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ/ bắp cải; rầy xanh/ chè; rệp bông/ xoài; nhện đỏ/ cam 75SC: sâu tơ/bắp cải 103SG: rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
210	Azadirachtin 3 g/l (3g/kg) + Emamectin benzoate 22 g/l (52g/kg)	Promathion 25EC, 55WG	25EC: nhện đỏ/cam; sâu xanh/ đậu tương; sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải 55WG: sâu xanh/ đậu tương; sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ

211	Azadirachtin 1g/kg + Emamectin benzoate 115g/kg	Dragonfly 116WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
212	Azadirachtin 0.124% + Extract of Neem oil 66%	Agrimorstop 66.124EC	sâu khoang/ lạc	Kital Ltd.
213	Azadirachtin 3 g/l + Matrine 2 g/l	Lambda 5EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
214	Azadirachtin 5g/l + Matrine 4g/l	Golmec 9EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
215	Azadirachtin 0.6% + Matrine 0.4%	Biomax 1 EC	sâu xanh bướm trắng, rệp muội, sâu tơ/ bắp cải, cải xanh; sâu xanh da láng/ đậu tương, cà chua; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, rệp muội/ chè; bọ nhảy/ cải làn; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rệp muội/ cam; sâu vẽ bùa, rệp muội, nhện đỏ/ quýt	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Navi-art 1EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
216	Azadirachtin 3g/l + Spinosad 17g/l	Dompass 20SC	sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
217	Azocyclotin (min 98%)	Clotin@top 250WP	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		G-Fox 10EC, 25WP	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Gem Sky
218	Azocyclotin 150g/l (450g/kg) + Buprofezin 60g/l (250g/kg) + Diflubenzuron 150g/l (50g/kg)	Usagtox 360SC, 750WP	360SC: nhện gié/lúa 750WP: nhện đỏ/ cà phê; sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ phấn trắng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
219	Azocyclotin 400 g/kg + Cyflumetofen 300g/kg	Bung 700WP	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH An Nông
220	Azocyclotin 100g/l (600g/kg) + Flonicamid 260g/l (100g/kg)	Autopro 360SC, 700WP	360SC: rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa 700WP: nhện gié, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông

221	Azocyclotin 600g/kg + Flonicamid 100g/kg	Flotin 700WP	bọ trĩ/hoa cúc; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Kiên Nam
222	Azocyclotin 150g/l (300g/kg) + Spiromesifen (200g/l) 400g/kg	Trextot 350SC, 700WP	350SC: nhện gié/lúa 700WP: nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
223	<i>Bacillus thuringiensis</i>	Super SH 16WP	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Multigreen SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Multiagro
224	<i>Bacillus thuringiensis</i> 1x10 ¹⁰ spores/g + Emamectin benzoate 0.3%	Elyday WP	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Nông dược Việt Thành
225	<i>Bacillus thuringiensis</i> . var. 7216	Amatic (10 ¹⁰ bào tử/ml) SC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Pethian (4000 IU) SC	sâu tơ/ su hào; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
226	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. 99-1	Enasin 32WP	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu tơ/rau cải, cải thảo; sâu khoang/ rau dền, mồng tơi	Công ty CP ENASA Việt Nam
227	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. T36	TP-Thần tốc 16.000 IU	sâu đục thân/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
228	<i>Bacillus thuringiensis</i> var.aizawai	Agree 50WP	sâu tơ/cải bắp; sâu xanh da láng/cà chua	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		Aizabin WP	sâu tơ, sâu xanh, sâu đo/ bắp cải; sâu khoang, sâu cuốn lá/ lạc; sâu khoang, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, sâu khoang, sâu đo/ cà chua; sâu cuốn lá/ cam; sâu xanh, sâu khoang/ thuốc lá; sâu xanh, sâu đo/ bông vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Aztron WG 35000 DMB U	sâu tơ/ cải bắp; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu tơ, sâu khoang/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu đục quả/ hồng xiêm, xoài	Công ty TNHH Ngân Anh
		Map-Biti WP 50000 IU/mg	sâu xanh, sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ rau cải, dưa hấu; sâu xanh/ cà chua, đậu tương, thuốc lá	Map Pacific Pte Ltd

		Xentari 35WG	sâu tơ/ bắp cải, sâu khoang/ nho	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
229	<i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki	An huy (8000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cô ve; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Biocin 16WP, 8000SC	16WP: sâu tơ/ rau cải, sâu xanh da láng/ lạc 8000SC: sâu tơ rau cải, bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Baolus 50000 IU/mg WP	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Bicilus 18WP	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Bio-T Plus 16SL	sâu đục cuống quả/vải; sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		Comazol (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy xanh, nhện đỏ/ chè	Công ty CP Nicotex
		Crymax® 35 WP	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Cali Agritech USA.
		Delfin WG (32 BIU)	sâu tơ/ rau cải; sâu đo/ đậu đũa; sâu xanh/ cà chua, hoa hồng, hành; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu khoang, sâu xanh/ bắp cải; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
		Dipel 6.4WG	sâu tơ/ bắp cải, bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/ chè; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Forwabit 32WP	sâu xanh/ bắp cải, sâu ăn lá/ bông vải	Forward International Ltd
		Halt 5% WP (32000 IU/mg)	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Công nghệ tiêu chuẩn sinh học Vĩnh Thịnh
		Jiabat 15WG, (50000 IU/mg) WP	15WG: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải bắp (50000 IU/mg)WP: sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kuang Hwa Bao WP 16000 IU/ mg	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Bion Tech Inc.
		MVP 10FS	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Newdelpel (16000 IU/mg) WP, (64000 IU/mg) WG	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH An Nông

		Shian 32 WP (3200 IU/mg)	sâu tơ/ rau cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
		Thuricide HP (16 000 IU/mg) WP, OF 36 BIU	WP: sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải, cà chua; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông OF 36BIU: sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng
		Vbtusa (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam; sâu róm/ thông; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vi-BT 32000WP	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		V.K 16 WP	sâu xanh/ bông vải, sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/ chè	Công ty CP BVTV I TW
230	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 16.000 IU + Granulosis virus 10 ⁸ PIB	Bitadin WP	sâu ăn lá, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh, sâu xanh da láng, sâu khoang, sâu đục thân, sâu đục quả/ bông vải, thuốc lá; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/ thông; rệp bông xo/ mía; sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH Nông Sinh
231	<i>Bacillus thuringiensis</i> 16000 IU/mg + <i>Pieris rapae</i> granulosis virus (PrGV) 10000 PIB/mg	BT-Virus WP	sâu tơ/cải bắp; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
232	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 1.6% (12.800 IU/mg) + Spinosad 0.4%	Xi-men 2SC	bọ phấn, dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ, rệp muội, sâu xanh/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu tương; sâu xanh da láng/ hành; dòi đục lá, nhện đỏ/ dưa chuột; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
233	<i>Beauveria bassiana</i> Vuill	Ace bee 210OD	rầy xanh/ chè, sâu tơ/cải bắp	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Ances-B 10 ⁸ CFU/g WP	rầy nâu/lúa; rệp sáp/na	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Brigade-B 1.15WP	rệp sáp/hồ tiêu	Công ty CP Newfarm Việt Nam
		Bio Power 1.15WP	rệp muội/cải bắp	Công ty TNHH Bioactive Việt Nam
		Biovip 1.5 x 10 ⁹ bào tử/g	rầy nâu, bọ xít/ lúa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long

		Muskardin 10WP	sâu đục thân/ lúa, ngô; sâu xanh da láng/ cà chua, rầy nâu/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
234	<i>Beauveria bassiana</i> 1x10 ⁹ bào tử/g + <i>Metarhizium anisopliae</i> 0.5 x 10 ⁹ bào tử/g	Trắng xanh WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		TKS-Nakisi WP	rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Thủy Kim Sinh
235	Bensultap (min 98%)	Pretiny 99.9WP	bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
236	Benzpyrimoxan (min 92%)	Orchestra 10SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
237	Beta-cypermethrin (min 98%)	Chix 2.5EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Daphatox 35EC	sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Mixki Plus 4.5EW	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Pesticide Thụy Sĩ
		Nevi-Beta 2GR	sùng trắng/mía	Công ty CP Newfarm Việt Nam
		Nicyper 4.5EC	sâu xanh/ đậu xanh, rệp vẩy/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
238	Beta-cypermethrin 50g/l, (60g/kg), (10g/l) + Buprofezin 50g/l, (60g/kg), (200g/l)	Okamex 100EC, 120WP, 210SC	100EC: sâu đục thân/ lúa 120WP: sâu cuốn lá/ lúa 210SC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
239	Beta-cypermethrin 5% + Eamectin benzoate 0.5%	Shilika 5.5ME	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Brightmart Cropscience (Việt Nam)
240	Beta-cypermethrin 50g/l + Eamectin benzoate 10g/l + Lufenuron 60g/l	Caranygold 120EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
241	Beta-cypermethrin 3.8% + Hexaflumuron 1.2%	Fluronusavb 5EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
242	Beta-cypermethrin 2% + Phoxim 20%	Beta-cy 22EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Ròng Đại Dương
243	Beta-cypermethrin 2.5% + Phoxim 22.5%	AF-Primus 25EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agrifuture

		Betaxim 25EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TAT Hà Nội
244	Beta-cypermethrin 10g/l, (15g/l), (20g/kg) (20g/l) + Profenofos 200 g/l (100g/l), (300g/kg) (500g/l) + Thiamethoxam 50 g/l (160g/l), (100g/kg) (50g/l)	Akulagold 260EW, 275SC, 420WP, 570EC	260EW, 420WP: rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê 275SC: rầy lưng trắng/lúa 570EC: rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
245	Benfuracarb (min 92%)	Fucarb 20EC	tuyến trùng/ cà phê, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Oncol 5GR, 20EC, 25WP	5GR: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, tuyến trùng/ cà phê 20EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp vảy, tuyến trùng/cà phê 25WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, tuyến trùng, ấu trùng ve sầu/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
246	Bifenazate (min 95%)	Ac-Bifen 43SC	nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Ace bifez 43SC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Banter 500WG	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Bifengo 43SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
		Bifemite 43SC	nhện đỏ/ cam, rệp sáp bột hồng/ sắn	Công ty TNHH Agrohao VN
		Bizatetv 400WG	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nông dược Unichem Việt Nam
		Buti 43SC	nhện đỏ/hoa hồng, hoa cúc, cam	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Clorfena 43SC	nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Floramite 240SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Lion Messifen 240SC	nhện đỏ/ cam, hoa hồng	Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Klever
		Mafente Xtra 50WG	nhện đỏ/hoa hồng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Miteafv 24SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Agrifarm Việt Nam

		Onshu 43SC	nhện đỏ/chè, cam	Công ty CP BVTV I TW
		SV-Optimus 43SC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		Topmite 43SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP KHNN Vinacoop
		Ttiger 22.6SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		TVOutmite 43SC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
		Zircon 43SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Ω-Bifena 24SC	nhện đỏ/chè, chanh	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
247	Bifenazate 200g/l + Clofentezine 100 g/l	Bifenzin 300SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
248	Bifenazate 20% + Clofentezine 10%	Bifenclo 30SC	nhện đỏ/chè	Công ty CP thuốc BVTV Tiên Tiến
249	Bifenazate 10% + Cyenopyrafen 20%	Birafen 30SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Global Farm
250	Bifenazate 22.5% + Etoxazole 2.5%	Enter 250SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Nhật Bản
251	Bifenazate 200g/l + Etoxazole 100g/l	Redmite 300SC	nhện đỏ/ cam, chè, dưa hấu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
252	Bifenazate 30% + Etoxazole 10%	Vadabest 40SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM-DV VAD
253	Bifenazate 30% + Etoxazole 15%	Etobi cap 45SC	nhện đỏ/hoa cúc	Công ty TNHH Hóa sinh Mũ Xanh
		Etovam 45SC	nhện đỏ/hoa hồng, sầu riêng	Công ty CP Nông dược Quốc tế Nhật Bản
		Fairy 45SC	nhện lông nhung/vải; nhện đỏ/hoa hồng; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
		Kill-mite 45SC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM DV XNK Global Ecotech
254	Bifenazate 30% + Etoxazole 20%	Etbifen 50SC	nhện đỏ/hoa hồng, chanh dây	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng

255	Bifenazate 300g/l + Etoxazole 200g/l	Clicks 500SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Phú Nông
		Willmer 500SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
256	Bifenazate 25% + Etoxazole 15%	Amatozole 40SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Agrofarm
		Portia 40SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
257	Bifenazate 250g/l + Etoxazole 150g/l	Bee Red 400SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
258	Bifenazate 277g/l + Etoxazole 166g/l	Pilarforce 443SC	nhện đỏ/hoa hồng	Pilarquim (Shanghai) Co., Ltd.
259	Bifenazate 18% + Flufenoxuron 5%	Winning Shot 23WG	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
260	Bifenazate 15% + Spirodiclofen 15%	Birodi 30SC	nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Gap Agro
261	Bifenazate 16% + Spirodiclofen 8%	Spider 240SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
262	Bifenazate 20% + Spirodiclofen 20%	Anmite 40SC	nhện đỏ/cam, cà chua, dâu tây; rầy phấn/sâu riêng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Owen Extra 40SC	nhện đỏ/hoa cúc	Công ty TNHH One Bee Việt Nam
263	Bifenazate 24% + Spirodiclofen 12%	Akita-panzer 36SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
264	Bifenazate 300g/l + Spirodiclofen 150g/l	Goldstar 450SC	bọ trĩ/thanh long	Công ty TNHH Phú Nông
		Kil Spider 450SC	nhện đỏ/hoa hồng; nhện đỏ/chè	Công ty CP Kiên Nam
		Rosser 450SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Spiro Extra 450SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
265	Bifenazate 300g/l + Spirodiclofen 100g/l	Biclofen Plus 400SC	nhện đỏ/cam, hoa hồng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.

266	Bifenazate 240g/l + Spirotetramat 120g/l	Bispiro 360SC	nhện đỏ/cam; rệp sáp/na; rệp muội/cải xanh	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
		Epicenter 360SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
267	Bifenthrin (min 97%)	Bifen Fast 100EC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Hóa sinh Alpha
		Bifenav 100EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Agrifarm Việt Nam
		Bifenpesti 100EC	sâu cuốn lá/lạc	Công ty TNHH XNK Kết Nông
		BifenusaVB 10EW	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
		BM-Star 25EC	bọ xít muỗi/điều	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		ET-Birin 100EC	sâu khoang/lạc	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
		Habirin 25EC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP TM Hải Ánh
		Maingo 100EC	sâu khoang/khoai lang; sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Hóc Môn
		Talstar 25EC	sâu xanh da láng/ đậu tương, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		VT-rin 25EC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
268	Bifenthrin 3% + Chlorfenapyr 7%	Omega-Secbi 10SC	rệp sáp/ cà phê, nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
269	Bifenthrin 6% + Chlorfenapyr 14%	Gaulua 20SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Nông dược Việt Hưng
270	Bifenthrin 5% + Clothianidin 5%	Birin Extra 10SC	rệp muội/ngô	Công ty TNHH One Bee Việt Nam
271	Bifenthrin 10% + Clothianidin 10%	Tomcat 20SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM Hải Thụy
272	Bifenthrin 100 g/kg + Diflubenzuron 450 g/kg	Hotnhat 550WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
273	Bifenthrin 6% + Dinotefuran 9%	SV-Jupiter X 15 OD	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
274	Bifenthrin 15%+ Flonicamid 15%	Flobi 30SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH TM Agri Green

275	Bifenthrin 5% + Flonicamid 10%	Bithrin 15SC	bọ phấn trắng/sắn; rầy xanh/lạc; rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Cining 15SC	rệp sáp/cà phê	Henan Vision Agricultural Science and Technology Co., Ltd.
		Robot 15SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Nông dược Việt Hưng
276	Bifenthrin 50g/l + Flonicamid 100g/l	Rocky 150SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty CP Phát triển Dịch vụ Nông nghiệp IPM
277	Bifenthrin 17.1% + Imidacloprid 17.1%	Vote 34.2SC	sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Phú Nông
278	Bifenthrin 50g/l + Imidacloprid 250g/l	Afenthin 300SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Galil 300SC	nhện gié, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
279	Bifenthrin 100g/l + Nitenpyram 150g/l	Paketa 250SL	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
280	Bifenthrin 50g/l + Novaluron 50g/l	Rimon Fast 100SC	sâu xanh da láng/ lạc, mọt đục cành/cà phê, sâu đục thân/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
281	Bifenthrin 10% + Pyriproxyfen 10%	Bipyrhone 20EC	rệp sáp/sắn	Công ty TNHH Rhone Việt Nam
282	Bifenthrin 4% + Spirotetramat 20%	Natramat 24SC	rệp sáp/cà phê	Nanjing Agrochemical Co., Ltd.
283	Bifenthrin 6% + Spirotetramat 20%	AF-Fenromat 26SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agrifuture
284	Bifenthrin 10% + Thiamethoxam 20%	Aurus 30WG	sâu đục thân/ngô; rầy xanh/lạc	Công ty TNHH Golden Bells Việt Nam
285	Bifenthrin 14.5% + Thiamethoxam 20.5%	Vadata 35SC	rệp muội/ngô	Công ty TNHH TM-DV VAD
286	Broflanilide (min 98.6%)	Brofrea 5SC	sâu tơ/cải bắp; bọ nhảy sọc cong/cải xanh	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
287	Buprofezin (min 98%)	Annongaplau 100WP, 250SC, 400WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Anproud 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

Aperlaur 500EC, 250WP, 700WG	rây nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Apolo 25WP, 25SC	25SC: rây nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê 25WP: rây nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rây/ xoài	Công ty TNHH - TM Thái Nông
Applaud 25SC, 25WP	25SC: rây nâu/ lúa, rệp sáp/ cam 25WP: rây nâu/ lúa	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
Asmai 100WP, 500WG	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Bolo 25SC	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Bombi 300WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Bush 700WG	rây nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Butal 25WP	rây chống cánh/ cam; rây nâu/ lúa; rây xanh/ chè; rệp sáp/ xoài, cà phê; bọ xít muỗi/ điều	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Butyl 10WP, 40WG, 400SC	10WP: rây nâu/ lúa; rây xanh/ chè 40WG: rây bông/ xoài; rây nâu, rây nâu nhỏ, rây lưng trắng/ lúa 400SC: rây nâu/ lúa; rây bông/ xoài	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Difluent 25WP	rây nâu/ lúa, rệp sáp/ na	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Encofezin 250WP	rây nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Hello 250WP, 700WG	250WP: rây nâu/ lúa; rệp, rây bông/ xoài; rây xanh, bọ xít muỗi/ chè; rệp sáp/ cà phê; rây chống cánh/ cam 700WG: Rây nâu/lúa, rây bông/xoài, rệp sáp/cà phê, rệp sáp/cam, rệp muỗi/dưa hấu, bọ xít muỗi/ điều, rây xanh/lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Lobby 25WP	rây nâu, rây lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC
Map-Judo 25 WP	rây nâu/ lúa, rệp sáp/ cam	Map Pacific Pte Ltd
Oneplaw 10WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Pajero 30WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng

		Partin 25WP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Profezin 250WP, 400SC	250WP: rầy nâu/lúa 400SC: bọ xít muỗi/chè, rầy bông/ xoài, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Ranadi 10 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Sấm sét 25WP, 400SC	25WP: rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài 400SC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Shadevil 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV SNY
		Thần công 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Tiffy Super 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tiksun 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Uni-prozin 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Viappla 25WP	rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
288	Buprofezin 200g/kg + Clothianidin 200g/kg	Nikita 400WP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
289	Buprofezin 400g/l + Deltamethrin 50g/l	Mastercide 45SC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Sundat (S) Pte Ltd
		Season 450SC	sâu phao, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp, mọt đục cánh, sâu đục quả/cà phê; bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
290	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 50g/kg	Sieubup 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
291	Buprofezin 200g/kg + Dinotefuran 50g/kg	Osinaic 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
292	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Bupte-HB 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
293	Buprofezin 25% + Dinotefuran 5%	Apta 300WP	rầy nâu/ lúa, bọ cánh tơ/chè, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH ADC

294	Buprofezin 180g/kg + Dinotefuran 120g/kg	Dino-top 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
295	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Lotoshine 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Party 400WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Raynanusa 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
296	Buprofezin 100 g/l + Dinotefuran 150 g/l + Emamectin benzoate 35 g/l	Dorino 285EC	rầy bông/ xoài	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
297	Buprofezin 155g/kg (180g/kg) + Dinotefuran 150g/kg (193g/kg) + Imidacloprid 145g/kg (195g/kg)	Bluecat 450WP, 568WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
298	Buprofezin 20g/l (54.5g/l), (90g/kg) + Dinotefuran 0.5g/l (0.5 g/l), (10g/kg) + Isoprocarb 60.5g/l (400g/l), (400g/kg)	Sinevagold 81EW, 455EC, 500WP	81EW: bọ trĩ/lúa 455EC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê 500WP: rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
299	Buprofezin 7% + Fenobucarb 20%	Applaud-Bas 27 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
300	Buprofezin 100g/l + Fenobucarb 500g/l	Hoptara2 600EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
301	Buprofezin 5g/kg, (100g/l), (300g/kg) + Fenobucarb 80g/kg, (500g/l), (350g/kg)	Roverusa 85GR, 600EC, 650WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
302	Buprofezin 250g/l + Fenobucarb 425g/l	Gold-cow 675EC	rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu; rệp sáp/cà phê; rệp/đậu xanh; sâu xanh/lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
303	Buprofezin 120g/kg, (10g/l), (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg (10g/l), (500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (350g/l), (1g/l), (30g/l)	Helloone 140WP, 370SC, 550EC	550EC: rầy lưng trắng/lúa 140WP, 370SC: rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

304	Buprofezin 100g/kg (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg (500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (30g/l)	Buccas 120WP, 550EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
305	Buprofezin 6.7% + Imidacloprid 3.3%	Imiprid 10WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
306	Buprofezin 150g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Byeray 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Cytoc 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Shepatoc 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
307	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anchies 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
308	Buprofezin 195g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Ascophy 220WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
309	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Efferayplus 275WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
310	Buprofezin 10% + Imidacloprid 20%	Daiphat 30WP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Futai
		Uni-prozindor 30WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
311	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Hasuper 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Imburad 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Tvdan 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
312	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Babsax 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
313	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Map spin 350WP	rầy nâu/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
314	Buprofezin 22% + Imidacloprid 17%	Thần Công Gold 39WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

315	Buprofezin 25% + Imidacloprid 15%	IMI.R4 40WP	rầy nâu/ lúa; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, bọ trĩ/điều; rầy xanh/ bông vải	Công ty CP Thanh Điền
316	Buprofezin 300 g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Wegajapane 450WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
317	Buprofezin 40% + Imidacloprid 10%	Gold Tress 50WP	rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
318	Buprofezin 450g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Diflower 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
319	Buprofezin 20g/kg, (50g/l), (200g/l), (250g/kg) + Imidacloprid 100g/kg, (200g/l), (200g/l), (500g/kg)	VK.Superlau 120WP, 250EC, 400SC, 750WG	120WP: rầy nâu/ lúa 250EC, 400SC, 750WG: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
320	Buprofezin 20g/kg + Imidacloprid 20g/kg + Isoprocarb 410g/kg	Topogold 450WP	rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
321	Buprofezin 300g/l (550g/kg) + Imidacloprid 30g/l (150g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/kg)	Iltersuper 380SC, 750WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
322	Buprofezin 190g/kg (150g/kg) + Imidacloprid 18g/kg (150g/kg) + Thiosultap-sodium 38g/kg (50g/kg)	Actaone 246WP, 350WG	246WP: rầy nâu, bọ trĩ/lúa 350WG: rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
323	Buprofezin 5% (50g/kg) + Isoprocarb 20% (200 g/kg)	Applaud-Mipc 25SP	rầy/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Apromip 250WP	rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Jabara 25WP	rầy nâu/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
324	Buprofezin 6% + Isoprocarb 19%	Sanvant 25EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Superista 25EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao

325	Buprofezin 7% + Isoprocarb 18%	VT-Procarb 25WP	rệp bông xo/mía	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
326	Buprofezin 200g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Goldcheck 750WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
327	Buprofezin 12% + Monosultap 40%	Rosatap 52WP	sâu khoang/lạc	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
328	Buprofezin 60% + Nitenpyram 10%	Rét độc 700WG	rệp muội/đậu tương	Công ty CP BVTV ATC
329	Buprofezin 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Pytrozin 450WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
330	Buprofezin 150 g/kg (150g/kg) + Pymetrozine 150 g/kg (500g/kg)	Tvpymemos 300WP, 650WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
331	Buprofezin 150g/kg, (50g/kg) + Pymetrozine 20g/kg, (500g/kg)	Chesgold 170WP, 550WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
332	Buprofezin 200g/kg (50g/kg) + Pymetrozine 200g/kg (500g/kg)	Topchest 400WP, 550WG	400WP: rầy nâu/ lúa 550WG: rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
333	Buprofezin 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Biggun 700WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
334	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Andoches-super 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
335	Buprofezin 330g/kg + Pymetrozine 170g/kg	Rocking 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
336	Buprofezin 255g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Zheds® 555WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
337	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chatot 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
338	Buprofezin 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Vintarai 600WG	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
339	Buprofezin 450g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Mazzin 650WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ

340	Buprofezin 20g/kg + Pymetrozine 40g/kg	Azatika 60WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
341	Buprofezin 220g/l + Spirotetramat 110g/l	Bufe-Pro 330SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		MDSpiro 330SC	rệp sáp/cam	Công ty CP Mạnh Đan
342	Buprofezin 22% + Spirotetramat 11%	Sunprozin 33SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Agrofarm
343	Buprofezin 26% + Spirotetramat 13%	Spiro-TAT 39SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH A2T Việt Nam
344	Buprofezin 10% + Tebufenozide 5%	Jia-ray 15WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Quada 15WP	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
345	Buprofezin 450g/kg + Tebufenpyrad (min 98%) 250g/kg	Newtime 700WP	nhện gié, rầy nâu/ lúa, nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
346	Buprofezin 250 g/kg + Thiamethoxam 50 g/kg	Acme 300WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
347	Buprofezin 449g/l (50g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 1g/l (450g/kg)	Aplougent 450SC, 500WP	450SC: rầy nâu/lúa 500WP: sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
348	Capsaicin	OAU 01 6.3EW	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nông nghiệp hữu cơ OAU
349	Carbaryl (min 99%)	Baryl annong 85WP	sâu đục thân/ lúa; tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Carbavin 85WP	rầy/ hoa hồng	Bion Tech Inc.
		Comet 85WP	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forvin 85WP	sâu đục thân/ lúa	Forward International Ltd
		Saivina 430SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sebaryl 85SP	rầy nâu/ lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
350	Carbosulfan (min 93%)	Afudan 3GR, 20SC	3GR: sâu đục thân/ ngô; tuyến trùng/ cà phê, mía; rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông

			20SC: sâu đục thân/ lúa, bọ trĩ/ bông vải	
		Amitage 200EC	rầy nâu/lúa, mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Carbosan 25EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Coral 5GR, 200SC	5GR: sâu đục thân/ lúa 200SC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH - TM ACP
		Dibafon 5GR, 200SC	5GR: tuyến trùng/ mía 200SC: rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rệp sáp bột hồng/ sắn; tuyến trùng/ hồ tiêu; sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
		Dofacar 5GR	Tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Marshal 5GR, 200SC	5GR: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; tuyến trùng/ cà phê 200SC: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, ve sầu/ cà phê	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Vifu-super 5GR	tuyến trùng/ hồ tiêu, cà phê; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu ăn, rầy nâu, tuyến trùng/lúa; sâu đục thân/ ngô, mía; sùng đất/ mía	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
351	Carbosulfan 200 g/l + Chlorfluazuron 50g/l	Sulfaron 250EC	sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu keo, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành /cà phê; sâu xanh láng/ lạc, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
352	Cartap (min 97%)	Berbiao 50SP	sâu đục thân/ mía	Sinon Corporation
		Badannong 10GR, 95SP	10GR: sâu đục thân/ lúa, mía 95SP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu ăn lá/ lạc	Công ty TNHH An Nông
		Bazan 5GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Caral 95SP	sâu đục thân/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Dantac 50GR, 500SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Gà nòi 4GR, 95SP	4GR: sâu đục thân/ lúa 95SP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Jiatap 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)

		Kapap 500SP	bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Ledan 4GR, 95SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Longkick 50SP	sâu đục thân/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Nicata 95SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Padan 95SP	sâu đục thân/ mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Patox 4GR, 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ mía	Công ty CP BVTV I TW
		Supertar 950SP	bọ xít/hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; sâu đục hoa/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp/thuốc lá; sâu xanh/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Wofadan 4GR, 95SP	4GR: sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa 95SP: sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Vicarp 4GR, 95WP	4GR: sâu đục thân/ lúa 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
353	Cartap hydrochloride 470g/kg + Imidacloprid 30g/kg	Abagent 500WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
354	Cartap 75% + Imidacloprid 10%	Nosau 85WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
355	Celastrus angulatus	Ace celaa 1EW	rầy xanh/chè	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Agilatus 1EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; bọ trĩ/ chè; rệp sáp/ cam; sâu đục quả/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhảy/ rau cải; nhện đỏ/ ớt; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ thuốc lá	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Emnus 1EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; rầy xanh, bọ trĩ/ chè; dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh
356	Chlorantraniliprole (min 93%)	Alimenthon 30 SC	sâu vẽ bùa/cam	Công ty CP BVTV I TW

		Bestrole 400SC, 35WG	400SC: sâu keo mùa thu/ngô 35WG: sâu xanh da láng/lạc; sâu vẽ bùa/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		BH-Vareton 18.5SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH B.Helmer
		Brethon plus 20SC, 0.4GR	20SC: sâu keo mùa thu/ngô 0.4GR: sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Chloranlier 200SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH DV TV Đầu tư Kim Cương
		Ginstarole 18.5SC	sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Bano Food
		Lipro 150SC	sâu xanh da láng/hành; sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		NBC Pravthon 1.0GR	bọ hà/khoai lang	Công ty TNHH Nam Bắc
		Pitakousa 18.5SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
		Prevathon® 0.4GR, 200SC, 35WG	0.4GR: sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu đục thân/ mía; sâu đục củ/ khoai lang 200SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục cuống quả/vải; sâu keo mùa thu/ngô; sâu khoang/lạc; sâu xanh/cà chua; sâu xanh sọc trắng/dưa hấu; sâu xanh da láng/hành 35WG: sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/ dưa hấu	Công ty TNHH FMC Việt Nam
357	Chlorantraniliprole 10% + Chlorfenapyr 20%	Trani cap 200SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Hóa sinh Mũ Xanh
		Fenrol Cap 30SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Hóa sinh Mũ Xanh
		Bestrole Plus 300SC	sâu khoang/ lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Sharking 25SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Hóa sinh Bản Việt
358	Chlorantraniliprole 100g/l + Chlorfenapyr 200g/l	Tesla 25SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Vestaron
359	Chlorantraniliprole 15% + Chlorfenapyr 10%			

360	Chlorantraniliprole 1% + Clothianidin 3%	Cicada 4GR	bọ hà/khoai lang	Công ty CP Bigfive Việt Nam
361	Chlorantraniliprole 4g/kg + Clothianidin 12g/kg	Fip-Ggo 16GR	sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
362	Chlorantraniliprole 50g/l + Diafenthiuron 450g/l	Idol 500SC	sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
363	Chlorantraniliprole 12% + Emamectin benzoate 4%	Naliko 16SC	sâu keo mùa thu/ngô; sâu khoang/lạc	Nanjing Agrochemical Co. Ltd.
364	Chlorantraniliprole 16% + Indoxacarb 4%	Samtako 20SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Hóa chất SAM
365	Chlorantraniliprole 100g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Pilarfend 150ZC	sâu xanh/đậu tương	Pilarquim (Shanghai) Co., Ltd
366	Chlorantraniliprole 54g/l + Lufenuron 54g/l	Niliprole 108SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Nam Bắc
367	Chlorantraniliprole 100g/l + Lufenuron 100g/l	Resvo 200SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Phú Nông
368	Chlorantraniliprole 5% + Monosultap 80%	Viloran 85WG	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Việt Thắng Group
369	Chlorantraniliprole 5.2% + Novaluron 8.5%	Quimbara 13.7SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
370	Chlorantraniliprole 80g/l + Spirodiclofen 220g/l	Airforce 300SC	dòi đục lá/cà chua; rầy nhậy/sâu riêng	Công ty TNHH Phú Nông
371	Chlorantraniliprole 8.80% + Thiamethoxam 17.50%	Protathon 26.30SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TAT Hà Nội
372	Chlorantraniliprole 20% + Thiamethoxam 20%	Aragon 40WG	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
373	Chlorantraniliprole 200g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Virtako® 40WG	rầy lưng trắng, rệp, sâu đục thân/ ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
374	Chlorbenzuron (min 95%)	Benrontv 25SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
375	Chlorbenzuron 20% + Pyridaben 10%	HTPMite 300WP	nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
376	Chlorfenapyr (min 94%)	AAC-Napy 240SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội

AD-Shark 30SC	sâu xanh da láng/đậu tương; sâu cuốn lá đầu đen/lạc	Công ty TNHH Anh Dấu Tiền Giang
Alex 20SC, 50WG	20SC: nhện gié/ lúa 50WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Alopy 240SC	sâu keo mùa thu/ngô; bọ xít muỗi/mắc ca	Công ty CP Nông dược Việt Nam
Chim sâu 250SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
Chlo-max 36SC	sâu cuốn lá/đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp New Season
Chlorferan 240SC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu năn, sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu đục thân/lúa; bọ trĩ/hoa mai; sâu xanh/hoa hồng; dòi đục lá, sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ/ hoa hồng; mối/ cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
Danthick 100EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/đậu tương	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
Euroferan gold 30SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH United Pesticides
Fan-Extra 350SC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu cắn gié/lúa; sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
Fenapyr 150WP	sâu cuốn lá /lúa, sâu cuốn lá đầu đen/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Fenapyr super 30SC	sâu cuốn lá/lạc	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
Fenrole 240SC	sâu xanh da láng/ lạc; bọ xít muỗi/ca cao, điều	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
Force excel 240SC	nhện đỏ/ hoa hồng; sâu xanh/ đậu tương; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
Igro 240SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
Kepler 240SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
Masterpyr 240SC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Phát triển Dịch vụ Nông nghiệp IPM
Ohayo 100SC	sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
Roxco 240SC	sâu xanh da láng/lạc	Albaugh Asia Pacific Limited

		Sampyer 360SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP SAM
		Secure 10EC, 10SC	10EC: sâu xanh da láng/ đậu xanh, sâu cuốn lá/ lúa 10SC: sâu xanh da láng/ lạc	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Sender 100EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Solo 350SC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc, đậu xanh	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Superjet 25EC, 110SC	25EC: rầy lưng trắng/ lúa 110SC: sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Superxe 240 SC	sâu cuốn lá đầu đen/lạc	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Spear 240SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vestaron
		SV-Universe 360SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		Tofedo 240SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		TT Actikil 240SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Delta Cropcare
		Tunic 240SC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Ngân Anh
		Yamato 25EC, 110SC	rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
377	Chlorfenapyr 100g/l + Cypermethrin 20g/l	Anstingold 120SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Bugattegold 120SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
378	Chlorfenapyr 8% + Clothianidin 20%	Hanapy 28SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP TM Hải Anh
		Killmate 28SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TAT Hà Nội
379	Chlorfenapyr 10g/l + Chlorfluazuron 100g/l	Berry 110EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
380	Chlorfenapyr 100g/l + Chlorfluazuron 150g/l	Timdiet 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
381	Chlorfenapyr 10% + Diafenthiuron 20%	AF-Phoenix 30SC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Agrifuture

382	Chlorfenapyr 10% + Diafenthiuron 40%	Dofengol 50SC	sâu xanh da láng, nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP SX và TM Hà Thái
383	Chlorfenapyr 100g/l + Diafenthiuron 250g/l	Diafenpyr 350SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH US Agro
384	Chlorfenapyr 9.5% + Emamectin benzoate 0.5%	Emaproza 10SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP TM SX - XNK Otuksa Nhật Bản
385	Chlorfenapyr 10% + Emamectin benzoate 2%	Chapyr 12SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
		Chlomectin 12SC	sâu cuốn lá/đậu tương; rầy xanh/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Fenamec 12SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Global Farm
386	Chlorfenapyr 10% + Abamectin-aminomethyl 1.8% (Emamectin benzoate 2%)	Tvabapyr 11.8SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
387	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 20g/l	Chipu 120SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Etameggo 120SC	sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
		Escort 120SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vestaron
		Killicron 120SC	sâu khoang/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Tria 12SC	sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI
388	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Bạch Hồ 150SC	sâu xanh da láng/ lạc; nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/bông vải; bọ trĩ/điều; dòi đục lá/hoa cúc	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
389	Chlorfenapyr 150 g/l + Emamectin benzoate 20 g/l	Super Ken 170SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
390	Chlorfenapyr 19% + Emamectin benzoate 2%	Lorma cap 21SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Hóa sinh Mũ Xanh
		Vadasau 21SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Hoá Sinh Liên Khương
391	Chlorfenapyr 25g/l + Fenpropathrin 110g/l	Ikander 135EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ

392	Chlorfenapyr 100g/l + Flufiprole 100g/l	Apro 200SC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
393	Chlorfenapyr 50g/l + Hexythiazox 50g/l	Secsorun 100SC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Nông Việt
394	Chlorfenapyr 10% + Imidacloprid 10%	Napyrim 20SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM Agri Green
395	Chlorfenapyr 10g/l + Indoxacarb 160g/l	Pylagold 170SC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Pysedo 170SC	sâu keo mùa thu/ ngô; dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
396	Chlorfenapyr 100g/l + Indoxacarb 100g/l	New Fuze 200SC	rệp sáp/ hồ tiêu; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
397	Chlorfenapyr 8% + Indoxacarb 16%	Chinock 24SC	sâu keo mùa thu/ ngô; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nam Bắc
398	Chlorfenapyr 10% + Indoxacarb 5%	Solaferan 15SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
399	Chlorfenapyr 7.5% + Indoxacarb 2.5%	Chlorin 10SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Inpyranafv 10SC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Agrifarm Việt Nam
400	Chlorfenapyr 20% + Indoxacarb 8%	Larman 28SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Nam Bộ
401	Chlorfenapyr 25% + Indoxacarb 10%	Kungold 35SC	sâu keo mùa thu/ngô; sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Fenado 35SC	sâu cuốn lá/lạc	Công ty CP Bệnh viện Cây trồng Nông nghiệp Việt Nam
402	Chlorfenapyr 100g/l + Indoxacarb 40 g/l	Dofenapyr 140SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH B.Helmer
403	Chlorfenapyr 18% + Indoxacarb 12%	Kingchlorin 30SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP SX và TM Hà Thái
404	Chlorfenapyr 33.3% + Ivermectin (min 95%) 1.7%	CK Sam 35SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TM Anh Thơ
405	Chlorfenapyr 5% + Lambda-cyhalothrin 2.8%	Niss 7.8SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agro Việt
406	Chlorfenapyr 25g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Toposa 55EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

407	Chlorfenapyr 30g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l + Profenofos 400g/l	Picana 450EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
408	Chlorfenapyr 25g/l + Lufenuron 25g/l	Dadygold 50EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
409	Chlorfenapyr 200g/l + Lufenuron 50 g/l	Alupyr 250SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Liberal 250SC	rệp muội/lạc; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Kiên Nam
		Fan-Pro 250SC	sâu cuốn lá/đậu tương; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/ lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu khoang/ khoai lang	Công ty TNHH Phú Nông
410	Chlorfenapyr 24% + Lufenuron 6%	Foryou plus 30SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
		Lupyr Cap 30SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Hóa sinh Mũ Xanh
411	Chlorfenapyr 15% + Lufenuron 3%	Nafenron 18SC	sâu keo mùa thu/ngô; sâu khoang/lạc	Nanjing Agrochemical Co., Ltd.
412	Chlorfenapyr 15% + Lufenuron 10%	Lufen plus 25ME	sâu khoang/lạc	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
413	Chlorfenapyr 19% + Lufenuron 5%	ADU-Fenar 24SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH ADU Việt Nam
414	Chlorfenapyr 190g/l + Lufenuron 50g/l	Chlolfen 240SC	sâu khoang/lạc; sâu keo mùa thu/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
415	Chlorfenapyr 9.5% + Lufenuron 2.5%	Lufenhbr 12SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa nông HBR
		Matsu Power 12SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Giải pháp Nông nghiệp Việt Nam
		Vichlor 12SC	sâu khoang/lạc	Henan Vision Agricultural Science and Technology Co., Ltd.
416	Chlorfenapyr 100 g/l + Metaflumizone 200g/l +	Asapyr 300SC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Vario 300SC	nhện đỏ/đậu tương; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
417	Chlorfenapyr 15% + Metaflumizone 20%	Metazone 35SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH MTV Sao Phương Nam AG

418	Chlorfenapyr 100g/l + Phoxim 50g/l	Pylat 150EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
419	Chlorfenapyr 150g/l + Profenofos 50g/l	Palcon 200EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
420	Chlorfenapyr 250 g/l + Spirodiclofen 100 g/l	Fanmax 350SC	sâu cuốn lá, rầy phấn trắng /lúa; sâu keo mùa thu/ngô; nhện đỏ/điều; sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Phú Nông
421	Chlorfenapyr 11.5% + Spinosad 2.5%	Ω-Pino 14SC	sâu xanh da láng/ đậu tương, rệp muội/ lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
422	Chlorfenapyr 10% + Spinosad 2%	AF-Flamingo 12SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Agrifuture
423	Chlorfenapyr 30g/kg + Tebufenozide 70g/kg	Coteb 100WP	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH SYC
424	Chlorfenapyr 80g/l + Tebufenozide 200g/l	NBC-Taboo 280SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nam Bắc
425	Chlorfenapyr 100 g/l + Thiamethoxam 200 g/l	Tifena 300SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH MTV Lucky
426	Chlorfenapyr 100g/l + Tolfenpyrad 100g/l	Tolena 200SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Gap Agro
427	Chlorfenapyr 15% + Tolfenpyrad 15%	Win extra 30SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH One Bee Việt Nam
428	Chlorfluazuron (min 94%)	Alulinette 50EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Atabron 5EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương, hành, lạc; sâu khoang/ khoai lang	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Atannong 50EC, 50SC	50EC: sâu phao/ lúa 50SC: sâu khoang/ lạc, sâu xanh da láng/ đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
		Cartaprone 5EC	sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Hama 250SC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP BVTV ATC
		Kreson 5EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH BVTV Việt Thái
		Vitto Uron 5EC	mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH Rồng Đại Dương

429	Chlorfluazuron 100g/l + Clothianidin 170g/l	TT Glim 270SC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
430	Chlorfluazuron 110g/l + Dinotefuran 160g/l	TT Checker 270SC	rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng, sâu phao/lúa; bọ nhảy/bấp cải, bọ trĩ/chè, bọ phấn/cà chua, rầy/xoài; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH TM Tân Thành
431	Chlorfluazuron 2g/l + Emamectin benzoate 40g/l	Futoc 42EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
432	Chlorfluazuron 50g/l (100g/kg) + Emamectin benzoate 20g/l (40g/kg)	Director 70EC, 140WP	70EC: sâu tơ/ bắp cải, nhện đỏ/ ớt, sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ hoa lay ơn 140WP: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
433	Chlorfluazuron 55g/l + Emamectin benzoate 20g/l	AK Dan 75EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
434	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Ammeri 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Cabala 150EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Shipper 150EC	sâu tơ/bấp cải	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
435	Chlorfluazuron 100g/l (100g/kg), (100g/kg) + Emamectin benzoate 40g/l (40g/kg), (40g/kg)	Alantic 140SC, 140WG, 140WP	140WG: sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 140WP: nhện gié, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 140SC: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
436	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l) + Emamectin benzoate 50g/l (120g/l) + Indoxacarb 100g/l (80g/l)	Thadant 200SC, 300EC	200SC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 300EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
437	Chlorfluazuron 44g/l + Flonicamid 176g/l	Cif 220SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Agro Việt
438	Chlorfluazuron 70 g/l + Indoxacarb 150 g/l	NPellaugold 220SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
439	Chlorfluazuron 100 g/l + Indoxacarb 150 g/l	Amazon 250SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Sinchi 250SC	sâu xanh da láng/ khoai lang	Agria S.A.
440	Chlorfluazuron 15% + Indoxacarb 15%	TT Bite 30SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành

441	Chlorfluazuron 100 g/l + Lambda-cyhalothrin 50 g/l	Apigun 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
442	Chlorfluazuron 49.9g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg	Aniper 99.9WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
443	Chlorfluazuron 45g/l + Lambda-cyhalothrin 45g/l	Fuldie 90EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
444	Chlorfluazuron 200g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Onecheck 750WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
445	Chlorfluazuron 50g/l + Pemethrin 100g/l + Profenofos 300g/l	Messigold 450EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
446	Chlorfluazuron 5g/l (10g/l), (220g/kg), (1g/l) + Profenofos 71g/l (1g/l), (10g/kg), (510g/l) + Thiamethoxam 10g/l (264g/l), (200g/kg), (1g/l)	Bakari 86EW, 275SC, 430WP, 512EC	86EW: bọ trĩ/lúa 275SC: rầy nâu/lúa 430WP: sâu cuốn lá/lúa 512EC: sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
447	Chlorpyrifos Methyl (min 96%)	Monttar 3GR, 40EC	3GR: sâu đục thân/ ngô 40EC: sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Sago-Super 3GR, 20EC	3GR: sâu đục thân/ lúa, ve sầu/ cà phê, sâu đục bắp/ ngô; bọ hà/khoai lang, sâu đục thân/ mía 20EC: rệp sáp/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieusao 40EC	sâu vẽ bùa/ cam; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, rầy nâu, muỗi hành, rầy xanh/ lúa; sâu đục quả, rệp/ đậu tương; rệp muội, rệp sáp, sâu đục quả/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Taron 50EC	bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cam; sâu đục ngọn/ xoài; sâu đục gân lá/ nhãn; sâu xanh da láng/ hành; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ xít muỗi/ chè	Map Pacific Pte Ltd
448	Chlorpyrifos Methyl 250g/l + Indoxacarb 15g/l	Map dona 265EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/lạc	Map Pacific Pte Ltd
449	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map fang 420WP	rầy nâu/lúa	Map Pacific Pte Ltd

450	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Novi-ray 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Việt
451	<i>Chromobacterium subtsugae</i> strain PRAA4-1 ^T	Grandevo WG	dòi đục lá/ dừa chuột; rệp muội/ đậu cove; sâu khoang/ cải xanh	Công ty CP Hợp Trí Summit
452	Clofentezine (min 96%)	Flora 200SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		MAP Oasis 10WP	nhện đỏ/ cam	Map Pacific Pte Ltd
		Tetrazin 20SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Stopmite 500SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
453	Clofentezine 100g/l + Fenpyroximate 50g/l	Startus 150SC	nhện đỏ/ đào cảnh	Công ty TNHH Trường Thịnh
454	Clofentezine 5% (50g/kg) + Pyridaben 10% (100g/kg)	Coman 150WP	bọ phấn/sắn; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Sunvuanhen 15WP	nhện đỏ/sắn	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
455	Clofentezine 14% + Spirodiclofen 10%	Ω-Spilo 24SC	nhện đỏ/chè, cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
456	Chromafenozide (min 91%)	Hakigold 50SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Phares 50SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Giải pháp Nông nghiệp Việt Nam
		Red ruby 50SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
457	Chromafenozide 100g/kg + Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Mycheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
458	Clinoptilolite	Map Logic 90WP, 90WG, 90GR	90WP: tuyến trùng/ lúa, cam, hành tím, hồ tiêu, cà phê, dưa hấu, cà chua, su su, chanh leo, thanh long; thán thư, rỉ sắt/cà phê 90WG: tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê 90GR: tuyến trùng/ cà phê	Map Pacific Pte Ltd

459	Clothianidin (min 95%)	Anidin 48SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Dantotsu 16SG, 50WG	16SG: rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu, dòi đục lá/ cà chua, rầy xanh/ chè, sâu vẽ bùa/ cam 50WG: bọ xít, kiến/thanh long; rầy bông, bọ trĩ/ xoài; rầy chổng cánh/cam; rầy nâu/ lúa; rệp muội/ dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Keyrole Xtra 50WG	bọ phấn trắng/ sắn; rệp muội/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Thunderan 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Tiptof 16SG	rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè, bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
460	Clothianidin 160g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Clodin 360WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Kiên Giang
461	Clothianidin 10% + Nitenpyram 30% + Pymetrozine 30%	Orgyram 70WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
462	Clothianidin 15% + Pymetrozine 15%	AA-Faros 30SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Biochem Việt Á
463	Clothianidin 5% + Pymetrozine 25%	Despak 30SC	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Nam Bắc
		T-Clodin 30WG	rệp muội/lạc	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
464	Cnidiadin	ACE Cnidn 1EW	sâu tơ/ bắp cải, phấn trắng/hoa hồng, sương mai/ nhỏ	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Hetsau 0.4EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; nhện lông nhung/ vải; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
465	Cyantraniliprole (min 93%)	Benevia® 100OD, 200SC	100OD: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/ dưa hấu; bọ phấn, sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ớt, xoài, hoa cúc; bọ trĩ, dòi đục lá, sâu xanh sọc trắng/ dưa chuột; sâu xanh da láng/ hành; sâu đục quả/bưởi	Công ty TNHH FMC Việt Nam

			200SC : dòi đục lá, bọ phấn trắng/cà chua; bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa hấu; sâu xanh sọc trắng, bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa chuột; bọ trĩ/ớt	
466	Cyantraniliprole 100g/kg + Pymetrozine 500 g/kg	Minecto® Star 60WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ/ ớt, dưa hấu, bưởi, hoa hồng; bọ phấn/dưa chuột; rầy bông/xoài; dòi đục lá, bọ trĩ /hoa cúc	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
467	Cyclaniliprole (min 95%)	Teppan 50SL	sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nufarm Việt Nam
468	Cyenopirafen (min 93.5%)	Starmite 30SC	nhện đỏ/hoa hồng; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
469	Cyetpyrafen (Yizuomanjing) (min 98%)	Antimite 30SC	nhện đỏ/hoa hồng, cam	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Erafen 300SC	nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam, chè	Công ty CP Global Farm
470	Cyflumetofen (min 97.5%)	Danisaraba 20SC	nhện đỏ/hoa hồng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
471	Cyhalodiamide (min 95%)	Acemide 20SC	sâu cuốn lá/lúa, chè; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Diamide 200SC	sâu cuốn lá/lúa, dòi đục lá/dưa chuột, sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH Phú Nông
472	Cyhalodiamide 100 g/l + Chlorfenapyr 165 g/l	Lorey 265SC	sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/ điều, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
473	Cyhalodiamide 90 g/l + Chlorfenapyr 150g/l	Futsals 240SC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
474	Cyhalodiamide 50 g/l + Flufiprole 150 g/l	Kunda 200SC	sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/ cải bắp	Công ty CP Nông nghiệp HP
475	Cyhalodiamide 150g/l + Lufenuron 50g/l	Votes 200SC	sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/thanh long	Công ty TNHH Phú Nông
476	Cyhalodiamide 180g/l + Lufenuron 60 g/l	Lucy 240SC	sâu đục thân/ lúa, sâu vẽ bùa/ cam, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
477	Cyhalodiamide 100g/l + Metaflumizone 100g/l	Umeku 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
478	Cypermethrin (min 90%)	Andoril 250EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan

Appencyper 35EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
Arrivo 25EC	rầy xanh/ lúa, sâu xanh/ đậu tương	Công ty TNHH FMC Việt Nam
Biperin 100EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
Classtox 250WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
Cymerin 25EC	bọ xít, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Cymkill 25EC	sâu khoang/ bông vải	Forward International Ltd
Cyper 25EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
Cyperan 10EC	sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi, sâu róm/ điều	Công ty CP Lion Agrevo
Cyperkill 25EC	rầy xanh, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; sâu đục thân/ khoai tây	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
Cypermap 25EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Map Pacific Pte Ltd
Cypetox 500EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thanh Điền
Cyrux 25 EC	sâu xanh/ bông vải, rệp sáp/cà phê; bọ xít hôi/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Dibamerin 25 EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa, dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Dosher 25EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Hacymerin 5EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP TM Hải Ánh
Indicy 25EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Loxa 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Nitrin 10EC	sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
NP-Cyrin super 250EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/ đậu tương	Công ty TNHH TM Nông Phát
Pankill 25EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
Power 5EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam
Pycythrín 5EC	sâu phao/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
Samcyper 25EC	sâu xanh/đậu tương	Công ty CP SAM

		SecSaigon 25EC	sâu hồng/ bông vải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sherbush 25EC	sâu keo/ lúa, bọ xít/ điều, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Shertox 5EC, 10EW	5EC: sâu keo, bọ xít/ lúa; rệp vảy/ cà phê 10EW: rệp sáp/ cà phê, sâu phao/ lúa, sâu ăn lá/ đậu tương, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH An Nông
		Somethrin 10EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH P-H
		Southsher 10EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Superrin 100EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Khoa học CNC American
		Tiper 25 EC	sâu đục thân/ lúa, bọ xít/ điều, sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Tornado 25EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Tungrin 25EC	sâu phao, sâu keo/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp/ thuốc lá; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Visher 25EC, 25EW	25EW: sâu xanh/ thuốc lá; sâu phao/ lúa 25EC: sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Waja 10EC	bọ trĩ/ lúa; sâu keo mùa thu/ ngô; sâu khoang/ khoai lang	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Wamtox 100EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
479	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 400 g/l	Nugor super 450EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu xanh/ đậu tương; bọ xít muỗi, sâu đục cành/ điều; rệp sáp giả, mọt đục cành/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
480	Cypermethrin 2% + Dimethoate 8%	Cypdime (558) 10 EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiền Giang
481	Cypermethrin 3% + Dimethoate 27%	Nitox 30 EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp/ cà phê; sâu ăn lá/ đậu tương, điều	Công ty CP Nicotex
482	Cypermethrin 30g/l + Dimethoate 370g/l	Diditox 40 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW

483	Cypermethrin 3% + Dimethoate 42%	Fastny 45EC	sâu keo/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
484	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 300g/l	Dizorin 35 EC	bọ xít, sâu keo, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; rệp, bọ trĩ/ đậu tương	Công ty TNHH TM Tân Thành
485	Cypermethrin 20g/l + Dimethoate 200g/l + Fenvalerate 30g/l	Antracis 250EC	sâu đục quả/ cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
486	Cypermethrin 2.6% + Fenitrothion 10.5% + Fenvalerate 1.9%	TP-Pentin 15 EC	rệp/ cà phê, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
487	Cypermethrin 10% + Indoxacarb 10%	Hacydo 20SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP TM Hải Ánh
488	Cypermethrin 260g/l + Indoxacarb 140g/l	Millerusa 400SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
489	Cypermethrin 2% + Isoprocarb 6%	Metox 809 8 EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nicotex
490	Cypermethrin 30 g/l + Phosalone 175 g/l	Sherzol 205 EC	sâu cuốn lá, sâu keo, sâu gai, bọ xít/ lúa; rệp, sâu ăn lá, bọ xít/ hoa cúc; sâu đục quả, sâu xanh/ lạc; rầy, sâu xanh/ bông vải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
491	Cypermethrin 6.25% + Phosalone 22.5 %	Serthai 28.75EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
492	Cypermethrin 1.5% + Phoxim 18.5%	Mia Superxim 20EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vật Tư Nông nghiệp Trung Phong
493	Cypermethrin 1.5% + Phoxim 28.5%	BV Supersau 30EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Bản Việt
494	Cypermethrin 2% + Phoxim 22%	Posy 24EC	sâu khoang/khoai lang	Công ty TNHH TCT Hà Nội
495	Cypermethrin 3% + Phoxim 37%	Thaimeta 40EC	sâu xanh/lạc	Công ty TNHH BVTV Việt Thái
496	Cypermethrin 4% + Profenofos 40%	Ban Cày 44EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Đức Thành
		Bluchip 44EC	rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP Nông dược HAI
		Chirack 44EC	rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty TNHH Nam Bắc
		Cynofos 44EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP SAM

497	Cypermethrin 40g/l + Profenofos 400g/l	Hacyfos 44EC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP TM Hải Anh
		Kafos 44EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH A2T Việt Nam
		Kingfisher 44EC	bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM DV XNK Global Ecotech
		Pro-Buster 44EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Sunmumbai 44EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		RD-Antlion 44EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Radiant AG
		Supercide 44EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Công nghệ Nhật Bản STJ
		Acotrin 440EC	nhện đỏ, bọ trĩ, rệp muội/bông vải; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
		AF-Pontifex 440EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agrifuture
		Boeing 440EC	sâu khoang/khoai lang	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Cyfenfos 440EC	sâu khoang/đậu xanh	Công ty TNHH US Agro
		Dr Shin 440EC	sâu xanh da láng/lạc; rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Cooperation Bio Đức
		Exceed 440EC	bọ phấn/khoai tây	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Fox Extra 440EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH One Bee Việt Nam
		Halo-lion 440EC	bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Hóa Chất NN Hà Long
		Katifos 440EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
		Pro Ggo 440EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
		Prophos 440EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa nông HBR
		Protitan 440EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Vật tư Liên Việt
		Tenduring 440EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Tenup
		Thibifos 440EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Thiên Bình
		Victory Gold 440EC	rệp bông trắng/mía	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng

498	Cypermethrin 3% + Quinalphos 20%	DT carrier 23EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Đức Thành
		Haquifos 23EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP TM Hải Anh
		Quincy 23EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Rhone Việt Nam
499	Cypermethrin 30g/l + Quinalphos 200g/l	Kinagold 23 EC	sâu xanh/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu xanh; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
500	Cypermethrin 5% + Quinalphos 20%	Tungrell 25 EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ thuốc lá; sâu đục thân/ ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
501	Cyromazine (min 95%)	Ajuni 50WP	dòi đục lá/ đậu tương, sâu vẽ bùa/ hoa cúc, dòi đục lá/tỏi; dòi đục lá/ khoai tây	Công ty CP Nicotex
		Amagard 30WP	dòi đục lá/hành	Công ty TNHH Thuốc BVTV Thiên Bình
		AT-cyzine 80WG	dòi đục lá/khoai tây	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Chip 100 SL	sâu vẽ bùa/ cây có múi	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Cyroma gold 750WP	sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Inesta 800WP	dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH Vestaron
		Matscot 50SP	dòi đục lá/cà chua, dưa chuột	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Mdanzine 800WP	dòi đục lá/ đậu tương; sâu vẽ bùa/cam	Công ty CP Mạnh Đan
		Multigard 300SC	dòi đục lá/khoai tây	Công ty TNHH Deutschland Việt Nam
		Muron 80WP	sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen vàng
		Newsgard 75 WP	sâu vẽ bùa/ cam, dòi đục lá/dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Nôngiahưng 75WP	sâu vẽ bùa/ cam, dòi đục lá/cà chua	Công ty TNHH – TM Thái Phong
		Onik 30SC	dòi đục lá/khoai tây	Công ty TNHH TM Hải Thụy
		Roninda 100SL	dòi đục lá/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Thiết Giáp 8.9SL	dòi đục lá/hoa cúc; sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH World Vision (VN)

		Trigard® 100 SL	dòi đục lá/ dừa chuột, khoai tây	Công ty TNHH Kỹ thuật Sinh học Mekong
		Tumazine 500WP	dòi đục lá/dừa chuột	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Zingard 80WG	dòi đục lá/cà chua; sâu vẽ bùa/cam	Công ty CP Bigfive Việt Nam
502	Cyromazine 25% + Monosultap 50%	Hotosin 75WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
503	Cyromazine 50% + Thiamethoxam 10%	Ω-Tiro 60WG	sâu xanh da láng/ đậu tương, rệp sáp/ cà phê, bọ phấn/sắn	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
504	D-limonene (Orange oil) (min 94.5%)	Prev-AM™ 5.4ME	rệp sáp/bưởi; bọ trĩ, nhện đỏ/cà chua; thán thư/ớt	Oro Agri International B.V.
505	Dầu botanic + muối kali	Thuốc sâu sinh học Thiên Nông 1SL	sâu tơ/ bắp cải, rau cải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
506	Dầu hạt bông 40% + dầu đỉnh hương 20% + dầu tỏi 10%	GC-Mite 70SL	rệp sáp/ cà phê; nhện đỏ/ hoa hồng, bưởi; rệp/ khoai tây; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Ngân Anh
507	Deltamethrin (min 98%)	Alphaderin 25EC	sâu cuốn lá/lạc	Công ty CP Hóa sinh Alpha
		Appendelta 2.8 EC	sâu phao/ lúa, rệp sáp giả/cà phê, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Daphacis 25 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/ đậu xanh	Công ty TNHH KD HC Việt Bình Phát
		Decis 2.5EC, 250WG	2.5EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh, rệp/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ngô, rệp muội/lạc, sâu xanh/đậu tương, bọ xít dài/lúa, sâu ăn lá/điều, mọt đục quả/cà phê; rệp muội/ ngô 250WG: sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Dersi-s 2.5EC	bọ trĩ, bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Delta 2.5 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Dentadexit 25EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Deltaguard 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục quả/ cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)

		Discid 25EC	sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Meta 2.5 EC	sâu keo, sâu phao, nhện gié/ lúa; sâu đục quả, rệp/ đậu xanh; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Shieldmate 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Supercis 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toxcis 2.5EC, 2.5SC	2.5EC: sâu đục bông/ đậu xanh, bọ xít/ lúa 2.5SC: sâu xanh da láng/ đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Videci 2.5 EC	sâu phao, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Wofacis 25EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
508	Deltamethrin 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Ebato 160SC	sâu cuốn lá, nhện gié, sên năn/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP ENASA Việt Nam
509	Deltamethrin 50 g/l + Piperonyl Butoxide (min 90%) 250 g/l	Chín sâu 300EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
510	Deltamethrin 100g/l + Thiacloprid 147g/l	Fuze 24.7SC	rệp muội/cà phê, đậu tương; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
511	Diafenthiuron (min 97%)	Abby Extra 50SC	nhện đỏ/hoa cúc	Công ty TNHH One Bee Việt Nam
		Apensus 500SC	nhện lông nhung/ vải	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Asiangold 500SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
		BP.Newone 500SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH TM Bình Phương
		BrahMos 500SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH B.Helmer
		Diasuper 300SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Define 500SC	sâu tơ/ bắp cải, nhện lông nhung/nhãn	Sundat (S) PTe Ltd
		Detect 50WP, 500SC	50WP: nhện đỏ/ cam, chè 500SC: nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Nicotex

Dothiuron 500SC	nhện đỏ/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
Fenuron gold 500SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP S New Rice
Fier 500WP, 500SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
Giefen 500SC	sâu tơ/bắp cải; sâu khoang/khoai lang	Công ty TNHH World Vision (VN)
Groupusa 500SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Hadifen 50WP	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ảnh
Himars 250SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM và PT Phú Thịnh
Kyodo 25SC, 50WP	25SC: Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa 50WP: Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
Morris 500SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Western Agrochemicals
Pegasus® 500SC	sâu tơ, sâu xanh, sâu ăn lá/ súp lơ, bắp cải; sâu xanh, sâu ăn lá/ cà chua, dưa chuột; sâu đục quả, sâu ăn lá/ bông vải; bọ phấn, rệp, nhện/ cây cảnh; nhện lông nhung/ vải, nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
Penron 50WP	sâu xanh bướm trắng/cải bắp	Công ty TNHH Master AG
Pesieu 500WP, 500SC	500WP: sâu tơ/bắp cải 500SC: sâu xanh da láng/ lạc; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ nhảy, sâu tơ/ cải thảo, rau cải, su hào; bọ trĩ, rầy xanh, nhện đỏ, sâu đục quả/ cà tím, cà pháo; bọ trĩ/ bí xanh; sâu baba, sâu khoang/ rau muống; sâu đục quả/ đậu đũa, đậu cove, ớt; sâu khoang/ rau dền; sâu tơ/ súp lơ; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/mồng toi	Công ty TNHH Việt Thắng
Redmine 500SC	nhện lông nhung/ vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Sam spider 500WP	nhện đỏ/ nho; nhện đỏ hai chấm/hoa hồng	Công ty CP SAM

		Spirhone 47.8SC	nhện đỏ/sắn	Công ty TNHH Rhone Việt Nam
		Subest 500WP	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Nông dược HAI
		Tuxedo 500SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Z-Mai 50SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
512	Diafenthiuron 290g/l + Abamectin aminomethyl (Emamectin benzoate) 10g/l	Akitadifena 300SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH ADU Việt Nam
513	Diafenthiuron 20%+ Emamectin benzoate 1%	Topmitetv 21EW	nhện đỏ/ lạc	Công ty CP Nông dược Unichem Việt Nam
514	Diafenthiuron 42.3% (432g/l) + Emamectin benzoate 1.4% (14g/l)	Dimafen 43.7SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP BVTV ACD
		Manly 437SC	nhện đỏ/ chè	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Spiderworm 43.7SC	sâu xanh da láng/khoai lang	Công ty TNHH TAT Hà Nội
515	Diafenthiuron 250 g/l + Emamectin benzoate 30 g/l	Difeben 280SC	sâu keo mùa thu/ ngô, nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH MTV Lucky
516	Diafenthiuron 463g/kg + Emamectin benzoate 37g/kg	Koronavi 500WP	sâu keo mùa thu/ngô; nhện đỏ/sắn	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
517	Diafenthiuron 35% + Indoxacarb 7%	Difeggo 42SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
518	Diafenthiuron 35.5% + Indoxacarb 7.5%	Mecxi 43SC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Multiagro
519	Diafenthiuron 500 g/kg + Indoxacarb 50 g/kg	Vangiakhen 550SC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
520	Diafenthiuron 300 g/l + Metaflumizone 200 g/l	Trust TD 01 500SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
521	Diafenthiuron 200g/kg + Propargite 350g/kg	Supermite 550WP	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
522	Diafenthiuron 30% + Tolfenpyrad 10%	Wolver 40SC	sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Golden Bells Việt Nam
523	Diafenthiuron 32% + Thiacloprid 8%	Centro 40SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM Hải Thụy

524	Diflubenzuron (min 97%)	Akizuron 250WP	sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
525	Diflubenzuron 430g/kg + Nitenpyram 350g/kg	Goodcheck 780WP	rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH An Nông
526	Diflubenzuron 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Sieuecheck 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
527	Diflubenzuron 150g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Tetramethrin (min 92%) 150g/kg	Superram 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
528	Diflubenzuron 125 g/kg + Pymetrozine 500 g/kg	TT-gep 625WG	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM Tân Thành
529	Dimethoate (min 95%)	Arriphos 40 EC	bọ xít/ lúa; sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ ngô; bọ trĩ/ bông vải	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Bai 58 40 EC	bọ xít hôi/ lúa, sâu đục quả/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Binh-58 40 EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/ lúa; rệp/ đậu xanh, thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; rệp bông xo/ mía	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bini 58 40EC	rệp/ mía, cà phê	Công ty CP Nicotex
		Bitox 40EC	bọ xít/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Bopindia 40EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH SX TM DV Hợp Thịnh
		By 90 40EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Cova 40EC	rệp sáp/ cà phê	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Dibathoate 40EC	rầy/ lúa, nhện/ cà phê, dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dimecide 40EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH Agrimatco Việt Nam
		Dimenat 20EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dimephos 40EC	rầy xanh/lạc	Công ty CP Hóa sinh Alpha
		Fezmet 40EC	sâu ăn lá/ hoa hồng	Zagro Group, Zagro Singapore Pvt Ltd.

		Forgon 40EC	sâu cuốn lá/ lúa	Forward International Ltd
		Nugor 10GR, 40EC	10GR: rệp sáp giả/rễ cà phê, rễ hồ tiêu; sâu đục thân/ ngô, lúa; bọ hung/mía; bọ hà/khoai lang 40EC: sâu ăn lá/ lạc; sâu đục thân/ điều; bọ xít, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Pyxote 44 EC	rầy/ ngô	Longfat Global Co., Ltd.
		Thần châu 58 40EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Tigithion 40EC	rệp sáp/ cà phê, bọ xít/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Watox 400 EC	bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
530	Dimethoate 3% + Fenobucarb 2%	BB-Tigi 5GR	rầy nâu/ lúa, đế dũi/ ngô	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Caradan 5GR	bọ trĩ/ lúa, sâu đục thân/ mía, ấu trùng ve sầu/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Palm 5GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Vibam 5GR	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
531	Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%	Mofitox 40EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
532	Dimethoate 400 g/l + Fenobucarb 100 g/l	Bisector 500EC	rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít hôi/ lúa; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
533	Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%	Bifentox 30EC	bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
534	Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%	Fenbis 25EC	rệp/ đậu tương, bọ xít/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fentox 25EC	bọ xít dài, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP TST Cần Thơ

535	Dimethoate 2% + Isoprocarb 3%	BM-Tigi 5GR	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
536	Dimethoate 286 g/l + Lambda-cyhalothrin 14g/l	Fitex 300EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rệp muội/ mía	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
537	Dimethoate 20% + Phenthoate 20%	Vidifen 40EC	rệp sáp/ cà phê, sâu xanh da láng/ lạc, bọ xít dài/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
538	Dinotefuran (min 89%)	Asinjapane 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Carasso 400WP	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hoá Nông
		Chat 20WP	rầy nâu/ lúa, bọ nhảy/ bắp cải, rầy bông/ xoài, rầy chống cánh/ cam, bọ phấn/ cà chua, dòi đục lá/ dưa chuột	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Cheer 20WP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Lion Agrevo
		Cyo super 200WP	rầy nâu/ lúa, rệp muội/ dưa chuột, rầy xanh/ chè	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Diny 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Dito 20SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Kona Crop Science
		Dovasin 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Hakiray 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Hitoshi 125ME, 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ikuzu 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Janeiro 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Newoshineu 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oshin	1GR: rầy xanh/ đậu bắp, bọ phấn/cà chua	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.

		1GR, 20WP, 20SG, 100SL	20WP: rầy nâu/ lúa, rầy/ xoài, dòi đục lá/ dưa chuột, rầy chổng cánh/ cam, bọ phấn/ cà chua, bọ nhậy/ bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu, rệp sáp/ cà phê 20SG: bọ phấn/cà chua, bọ nhậy/cải xanh, rầy xanh/đậu bắp 100SL: rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/ chè; bọ trĩ/ hoa cúc; bọ phấn/ hoa hồng; rầy nâu/lúa	
		Overcin 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Phesoldest 50SG	rầy lưng trắng/ ngô	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Raves 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Regunta 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Sara.dx 40WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Safrice 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
		Santaone 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sida 20WP	rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít dài, nhện gié/lúa; rầy chổng cánh/cam; rệp vảy/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toof 25WP, 150SL	25WP: rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa 150SL: bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tosifen 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		Yoshito 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
539	Dinotefuran 150g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Dorema 200EC	dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
540	Dinotefuran 200g/kg + Etofenprox 150g/kg	Tenchu pro 350WP	rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ chè, bọ nhậy sọc cong/ rau cải xanh, bọ phấn trắng/ sắn	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
541	Dinotefuran 0.1g/kg (10g/kg), (10g/l) +	Dichest 111WP, 160WG, 260SC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Vagritex

	Imidacloprid 110.9g/kg (150g/kg), (250g/l)			
542	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Brimgold 200WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Explorer 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
543	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anocis 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
544	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Daran - HB 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
545	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Prochess 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
546	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Ohgold 300WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
547	Dinotefuran 180 g/kg + Imidacloprid 120 g/kg	Toshinusa 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
548	Dinotefuran 100g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Bombigold 500WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
549	Dinotefuran 200g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Arc-clar 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		TD-Chexx 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
550	Dinotefuran 3% + Isoprocarb 27%	Dinofu 30SC	rệp xơ bông/mía	Công ty TNHH TCT Hà Nội
551	Dinotefuran 150g/kg + Lambda-cyhalothrin 20g/kg + Thiamethoxam 55g/kg	Onzinsuper 225WP	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
552	Dinotefuran 100g/l + Novaluron 100g/l	Heygold 200SE	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
553	Dinotefuran 85g/l + Profenofos 480g/l	TVG20 565EC	rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
554	Dinotefuran 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Nozzaplus 450WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ

555	Dinotefuran 90g/kg + Pymetrozine 610g/kg	Chetsduc 700WG	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
556	Dinotefuran 250g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Metrousa 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
557	Dinotefuran 20% (200g/kg) + Pymetrozine 40% (400g/kg)	Chessin 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Hesman 60WG	rầy bông/ xoài	Công ty CP Nicotex Nam Thái Dương
		Medino 60WG	rầy chổng cánh/ phật thủ, rệp muội/ đậu tương, bọ phần/sắn	Công ty CP Global Farm
558	Dinotefuran 10% + Pymetrozine 40%	Oppo 50WG	rệp muội/hoa hồng	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		Opal 50WG	rệp muội/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
559	Dinotefuran 30% + Pymetrozine 30%	Puzine Cap 60WG	rệp muội/ngô	Công ty TNHH Hóa sinh Mũ Xanh
		Worthide Plus 60WG	bọ phần trắng/sắn	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
560	Dinotefuran 10% + Spirotetramat 10%	Atdiphen 20SC	rầy nhậy/sầu riêng	Công ty TNHH MTV XNK Quốc tế An Thành
		Shipment 20SC	nhện đỏ/ lạc	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
561	Dinotefuran 100g/l + Spirotetramat 100g/l	Lisara 200SC	rệp sáp/ hồ tiêu; rầy xanh/chè	Công ty CP Nông nghiệp HP
562	Dinotefuran 200g/kg + Tebufenozide 50g/kg	Mishin gold 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
563	Dinotefuran 200 g/kg + Thiamethoxam 42g/kg	Centrosin 242WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
564	Dinotefuran 30% + Thiamethoxam 20%	Osin Gold 50WG	rầy xanh/lạc	Công ty CP Hóa Nông AMC
565	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90% + Avermectin B1b 10%) (min 70%)	AC-max 100EC, 300WG, 60ME	100EC: sâu xanh da láng/cải bắp 300WG: sâu xanh da láng/cải bắp, nhện đỏ/cam 60ME: nhện đỏ nâu/chè	Công ty TNHH Á Châu Hoá sinh

Acplant 1.9EC, 4TB, 20WG	1.9EC: rầy nâu, sâu phao đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu, sâu vẽ bùa/ cam 4TB: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương 20WG: sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Actimax 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu đục quả/ nhãn; bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa hấu; bọ trĩ, sâu xanh/ thuốc lá, nho; bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Hợp Trí Summit
Agtemex 38EC, 4.5WG, 5WP	sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu đục quả/ đậu tương, cà chua; sâu vẽ bùa, rệp sáp/ cam; rệp sáp/ cà phê, điều, vải; sâu xanh/ bắp cải	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
Angun 5WG, 5ME	5WG: sâu cuốn lá, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng, sâu khoang, bọ nhảy/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu tương; sâu ăn bông, bọ trĩ/ xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ chè; bọ xít muỗi, sâu đục cành, bọ trĩ/ điều, sâu keo mùa thu/ngô 5ME: sâu vẽ bùa/ cây có múi, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Ansuco 120EC, 260WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
Apache 4EC, 10WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Bafurit 5WG	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu đục quả/ đậu tương; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh da láng/ nho, bông vải; bọ xít/ vải; rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Nông Sinh
Bemab 3.8EC, 52WG	3.8EC: bọ trĩ/dưa chuột; sâu tơ/bắp cải; sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH DV TM Ánh Dương

	52WG: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ/dưa chuột; sâu khoang/lạc	
Binged 50WG	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
Billaden 50EC, 50WG	nhện đỏ/cam, sâu xanh/bắp cải	Công ty CP NN Thanh Xuân
BP. Emazoat 2.3EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH MTV Quốc tế Narico
BP. Kombat 57WG	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TM Bình Phương
Boema 50EC, 50WG	50EC: sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/ cam 50WG: sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP SAM
Browco 50WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
Calisuper 5.5WP, 41ME, 52WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
Chim ung 3.8EC, 20WG	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
Comda gold 5WG	dòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè; nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Compatt 55.5 WG	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Lan Anh
Creek 2.1EC, 51WG	2.1EC: sâu cuốn lá/lúa 51WG: sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hoá chất Đại Nam Á
Danobull 50WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy bông/ xoài; sâu đục ngon/điều; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Agriking
Đầu trâu Bi-sad 30EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
Doabin 3.8EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ/ cam; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Dofaben 22EC, 150WG	22EC: sâu cuốn lá/ lúa 150WG: nhện đỏ/cam, bọ trĩ/nho, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Dollar 50WG, 90EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc Tế APC Việt Nam
DT Ema 40EC	nhện gié/lúa, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu ăn bông/ xoài, nhện đỏ/ chè, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/ nho	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành

Dylan 2EC, 10WG	2EC: sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam, quýt; nhện lông nhung, sâu đục quả/ nhãn, vải; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa 10WG: sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, bọ cánh tơ/chè, sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
Eagle 20EC, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
Ebama 5.5WG, 50 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
Ebenzoate 5WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
Ema ando 5SG	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Bigfar Việt Nam
Ema king 40EC, 100WG	40EC: sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/ cam 100WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
Emaici 120WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
Emaben 2.0EC, 3.6WG, 60SG	2.0EC, 3.6WG: sâu đục bẹ, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ đậu tương 60SG: dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; sâu đục quả/ vải; bọ trĩ, rầy xanh/chè, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
Emacao-TP 75WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Nông nghiệp Long An

Emagold 6.5EC, 6.5WG	6.5EC: sâu khoang/lạc 6.5WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
Emaha 5SG	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Nông nghiệp Hà Anh
Emaplant 3.8EC, 5WG	3.8EC: nhện gié/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương, rệp sáp/ cà phê 5WG: sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/ cam	Công ty CP Thanh Điền
Ematin 19EW, 60EC	19EW: sâu cuốn lá/ lúa 60EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Emathai 4EC, 10WG	4EC: nhện đỏ/ cam, bọ trĩ/ xoài, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu 10WG: Bọ trĩ/ dưa hấu, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Emathion 55EC, 100WG	55EC: bọ trĩ/dưa hấu, sâu cuốn lá/ lúa 100WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Emasuper 1.9EC, 5WG	1.9EC: rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè 1.9EC, 5WG: bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chồng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
Ematigi 3.8EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Emtin 38EC, 100WG	38EC: sâu cuốn lá/lúa 100WG: sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
Emavua 36EC, 75WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam
Emaxtin 3.8EC, 55.5WG	3.8EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ cam 55.5WG: Nhện đỏ/ cam; sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè	Công ty TNHH US.Chemical
EMETINannong 1.9EC, 108WG	1.9EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt; sâu xanh/ cà chua 108WG: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông

Etimex 2.6 EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ rau cải, bắp cải; ruồi hại lá/ cải bó xôi; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu khoang, sâu xanh/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ, nhện đỏ/ nho; nhện đỏ/ nhãn; bọ xít muỗi/ chè, điều; rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Fastish 116WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
Fellow 5.7ME	sâu xanh da láng/cải bắp	Công ty TNHH TM Hải Thụy
Feroly 20SL, 35.5EC, 125WG	20SL: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vải 35.5EC: sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa 125WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
Focal 5.5EC, 80WG	5.5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa 80WG: sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn, bọ trĩ/ lúa; nhện đỏ/ chè, rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu tương, bọ xít muỗi/điều; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM Tân Thành
Foton 5.0 ME	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
G8-Thôn Trang 4EC, 96WG	4EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè 96WG: nhện đỏ/ chè, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Go.good One 5WG	sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu róm đỏ/điều	Công ty TNHH Ngân Anh
Goldemec 5.7EC, 55.5WG	5.7EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ cam, quýt 55.5WG: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp muội/ hồ tiêu, sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Golnitor 20EC, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Haeuro 125WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam

Hagucide 40EC, 70WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
Hamatin 5SG	sâu khoang/lạc	Công ty CP TM Hải Ảnh
Hepler 1.9EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Hóa chất SAM
Hoatox 2ME	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu cô ve; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ trĩ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Trường Thịnh
Homectin 40EC, 50WG	40EC: sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều 50WG: sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Hóc Môn
Jiametin 1.9EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
July 5EC, 5WG	sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ cải xanh, bắp cải; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, rệp/ đậu xanh, đậu tương; sâu xanh, rầy/ bông vải, thuốc lá	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
Kajio 1GR, 5EC, 5WG	1GR: bọ hà/khoai lang, tuyến trùng/hồ tiêu, bọ hung/mía, sâu đục thân/lúa 5EC: sâu xanh/bắp cải, sâu phao đục bẹ/lúa 5WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
Khùng 100WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
Kinomec 3.8EC	bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Vicowin
Lano-ema 5.7EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Hóa nông Lâm Ngọc
Lion kinh 50WG, 50EC	50WG: sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa 50EC: sâu khoang/lạc	Công ty CP VT Nông nghiệp Thái Bình Dương
Linoafta 5.7WG	sâu đục thân/ngô; sâu khoang/lạc	Công ty CP Liên nông Việt Nam
Măng xà 1.9 EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ dưa hấu	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
Makegreen 55WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH

		Nam Nông Phát
Map Winner 5WG	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ xít muỗi/ chè; sâu khoang/ cải xanh; sâu đục quả/cà chua, nhện đỏ/hoa hồng; rệp/chanh leo; bọ trĩ, rệp/ớt; rầy xanh, sâu xanh, bọ trĩ/bí ngô	Map Pacific Pte Ltd
Matrix 1.9EC, 5WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
Mekomectin 3.8EC, 135WG	3.8EC: sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam 135WG: sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
Mikmire 2.0EC, 14.5WG	2.0EC: bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua 14.5WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
Moousa 50EC, 60WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
Nazomi 2.0EC, 5WG	2.0EC: sâu vẽ bùa/ cam, sâu cuốn lá/ lúa, rệp muỗi/ đậu xanh 5WG: sâu vẽ bùa/ cam, sâu cuốn lá/ lúa, rệp cò/ ngô	Công ty TNHH Kiên Nam
Newgreen 2.0EC	sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, sâu xanh/ cải thảo	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Newmectin 2.0EC, 5WP, 41ME, 126WG	2.0EC: rầy nâu/ lúa 5WP: bọ cánh tơ/ chè 41ME, 126WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
New Tapky 10EC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn/ lúa /lúa	Công ty CP SX TM DV Tam Lập Thành
Oman 2EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; bọ trĩ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu cove; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Sinh học Hana Việt Nam

Proclaim® 1.9 EC, 5WG	1.9EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa; nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu đục cuống quả/ xoài; sâu đục quả/ bông vải; sâu khoang, sâu xanh, sâu gai sừng ăn lá/ thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu xanh da láng, sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; sâu xanh da láng, sâu tơ, rệp muội/ súp lơ; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/ nhãn. 5WG: sâu keo mùa thu/ ngô, sâu xanh bướm trắng/ cải bắp, sâu đục cuống quả/vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
Phesolbenzoate 3.8EC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/ cà chua	Công ty TNHH World Vision (VN)
Porlen xtra 5SG	sâu khoang/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
Prodife's 5.8EC, 8WG	5.8EC: rầy bông/ xoài, sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn 8WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
Promectin 5.0EC, 100WG	5.0EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ nho; rệp bông/ xoài 100WG: sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ xoài, sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Nông Việt
Quiluxny 72EC, 6.0WG, 99.9SC	72EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 6.0WG: sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/lạc; nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam 99.9SC: sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; dòi đục lá/cà chua, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
Ratoin 5WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
Remy 65EC, 100WG	sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
Rholam 20EC, 50WP, 68WG	20EC: sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vải; sâu đục quả/ xoài	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

	50WP: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ súp lơ; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 68WG: sâu xanh da láng/bắp cải	
Roofer 50EC	sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/chè	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
Royal city 75WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP ACB Nhật Bản
Sausto 1EC, 50WG	1EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh/ cà chua 50WG: sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nam Bắc
Sherdoba 20EC, 55WG	20EC: sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa 55WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Bản Việt
Silsau super 3.5EC, 5WP	5WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải 3.5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam, sâu hồng đục quả/ bưởi	Công ty TNHH ADC
Sittobios 40EC, 50SG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh, bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
Starrimec 5WG, 75EC, 80SC, 105SG	5WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang, rệp/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè, sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam 75EC: sâu cuốn lá/lúa 80SC, 105SG: nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
Susupes 1.9EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ hồ tiêu; sâu đục nụ, bọ trĩ/ hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao

Tamala 1.9EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; rầy bông, rệp sáp/ xoài; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
Tanwin 2.0EC, 5.5WG	2.0EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam 5.5WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
Tasieu 1.9EC, 5WG	1.9EC: sâu ăn lá/ hành; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/ bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu xanh, sâu đo, nhện đỏ/ hoa hồng; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nho; rệp muội/ thuốc lào, thuốc lá, na; nhện đỏ, rệp muội/ nhãn; sâu xanh/ cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục quả, nhện đỏ, bọ xít/ vải; sâu róm/ thông; rầy, sâu xanh/ hồ tiêu; sâu ăn lá, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê; rầy/ xoài 5WG: sâu róm/ thông; sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa chuột; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ/ chè; bọ xít/ vải, nhãn; sâu baba/ rau muống; bọ nhảy/ cải thảo, rau cải, su hào; sâu đục quả/ đậu đũa, đậu cô ve, ớt, cà pháo, cà tím; rầy xanh/ bí xanh; rệp muội/ đậu cove, rau cải, su hào, đậu đũa; sâu khoang/ mỏng toi, rau dền, rau muống; sâu tơ/ su hào, súp lơ, cải thảo, rau cải; sâu xanh da láng/ hành; bọ trĩ/ cà pháo, cà tím; dòi đục lá/hành, đậu cô ve, cải bó xôi	Công ty TNHH Việt Thắng
Tikemectin 4EC, 60WG	4EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài 60WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang

Topcide tsc 5.5EC, 100WG	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
Topsix 82WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
Totnhatsuper 100WG, 70EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Multiagro
Tungmectin 5EC, 5WG	5EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/ điều 5WG: sâu khoang/đậu tương; rầy bông/xoài; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/lạc; sâu tơ/cải bắp; bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/cà chua; rệp sáp/hồ tiêu; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/nhãn; rệp sáp/na; bọ trĩ/thuốc lá; nhện lông nhung/vải; bọ xít muỗi/ điều; sâu xanh da láng/đậu xanh; bọ trĩ/nho; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Vimatox 1.9EC, 5SG	1.9EC: bọ trĩ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu, xoài; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ bưởi 5SG: bọ cánh cứng/ rau cải, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Win 5WG	sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH SYC
Wiro 5.7WG	sâu cuốn lá/lạc	Công ty TNHH Visanto
Yasmine 19EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Adama Việt Nam

		Zamectin 65EC, 100WG	sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
566	Emamectin benzoate 4% + Flubendiamide 6%	Kamikaze 10WG	sâu keo mùa thu/ngô; sâu khoang/lạc	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
567	Emamectin benzoate 10% (100g/kg) + Flufiprole 10% (100g/kg)	Lopita 200WP	mọt đục quả/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tatachi 200WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
568	Emamectin benzoate 0.5% + Hexaflumuron 10%	AK-Ggo 10.5WG	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Nông Thái Dương
569	Emamectin benzoate 20 g/l + Indoxacarb 80 g/l	Xotare 10SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
570	Emamectin benzoate 4% + Indoxacarb 16%	Keepool 20SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Nông Thái Dương
571	Emamectin benzoate 5% + Indoxacarb 20%	Ticaca 25SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Chiko Nhật Bản
572	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 20%	Lk-saula 30WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
573	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 25g/l	Emacarb 75EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
574	Emamectin benzoate 35g/kg + Indoxacarb 60g/kg	Obaone 95WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
575	Emamectin benzoate 3% + Indoxacarb 6%	Topzaza 9SE	sâu keo mùa thu/ ngô; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nam Bắc
576	Emamectin benzoate 50g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Chetsau 100WG	sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/ lạc, sâu xanh/ thuốc lá	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
577	Emamectin benzoate 30 g/l + Indoxacarb 110 g/l	Doctor super 140SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
578	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Hd-Fortuner 150EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		IE-max 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
579	Emamectin benzoate 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Emingold 160SC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng

580	Emamectin benzoate 4% + Indoxacarb 12%	Auditor 16SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		EI-Trust 16SC	sâu xanh/đậu tương	Trustchem Co., Ltd.
581	Emamectin benzoate 30g/l (85g/kg) + Indoxacarb 150g/l (120g/kg)	Dhajapane 180SC, 205WP	180SC: sâu cuốn lá/ lúa 205WP: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
582	Emamectin benzoate 4% (50g/l) + Indoxacarb 6% (150g/l)	Shieldkill 10WG, 200SC	10WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương 200SC: sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu đục nụ/hoa hồng; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yên
583	Emamectin benzoate 25g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Carbatoc 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
584	Emamectin benzoate 45g/l + Lambda-cyhalothrin 45g/l	Fittoc super 90EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
585	Emamectin benzoate 50 g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Etoxgold 100EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
586	Emamectin benzoate 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 60g/kg	Nanophasyco 160WG	sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
587	Emamectin benzoate 20g/l + Liuyangmycin 100g/l	Map Genie 12EC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài	Map Pacific Pte Ltd
588	Abamectin aminomethyl 0.9% (Emamectin benzoate 1%) + Lufenuron 2%	Thanos 2.9SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Nông nghiệp New Season
589	Emamectin benzoate 20g/l + Lufenuron 40g/l	Lufentin 60EC	sâu khoang/ khoai tây; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Kiên Nam
		Tik-tot 60EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; rầy xanh/ chè; dòi đục lá/ cà chua	Công ty CP XNK Thọ Khang
590	Emamectin benzoate 20 g/l + Lufenuron 80 g/l	Lemura 100SC	sâu xanh đục bắp/ngô	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
591	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) + Lufenuron 50g/l (100g/kg)	Lufen extra 100EC, 150WG	100EC: châu chấu tre/ ngô, sâu xanh/ hoa cúc; sâu khoang/ khoai tây, sâu keo mùa thu/ ngô, bọ phấn trắng/ sắn	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong

			150WG: sâu xanh/ hoa cúc; sâu keo mùa thu/ ngô, bộ phận trắng/ sắn	
592	Emamectin benzoate 50g/l + Lufenuron 50g/l	Lufemin 100EC	sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Fujimoto Nhật Bản
		Metino 100EC	sâu cuốn lá/lạc	Công ty TNHH ADC
593	Emamectin benzoate 5% + Lufenuron 40%	Sun Eluron 45WG	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
594	Emamectin benzoate 10% + Lufenuron 40%	Armicide 50WG	sâu đục bắp/ngô, sâu keo mùa thu/ ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
595	Emamectin benzoate 3% + Lufenuron 5%	AU-Ferotin 8SC	bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Authentique Việt Nam
		Ematrin 8SC	sâu đục bắp/ngô	Công ty TNHH TM DV XNK Global Ecotech
596	Emamectin benzoate 49g/l (148g/l) + Matrine 1g/l (2g/l)	Nasdaq 50EC, 150WG	50EC: sâu cuốn lá/ lúa 150WG: sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
597	Emamectin benzoate 10g/l + Matrine 10g/l	Kimcis 20EC	nhện lông nhung/ nhện, rệp sáp/ cam, bọ hà/ khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking
598	Emamectin benzoate 7.5g/l + Matrine 7.5g/l	Gasrice 15EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
599	Emamectin benzoate 19g/l, (49g/kg), (89g/l) + Matrine 1g/l (1g/kg), (1g/l)	Mectinstar 20EC, 50SG, 90SC	20EC, 50SG: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu khoang/ lạc; rệp/ thuốc lá; rầy xanh/ chè; rầy bông/ xoài; nhện đỏ/ cam; sâu róm/ thông 90SC: rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
600	Emamectin benzoate 41g/l + Matrine 2g/l	9X-Actione 4.3EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
601	Emamectin benzoate 20g/kg (29g/l), (60.9g/kg) + Matrine 1g/kg (1g/l), (0.1g/kg)	Redconfi 21WP, 30EC, 61WG	21WP, 30EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhậy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ xít muỗi, rầy xanh/ chè 61WG: rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

602	Emamectin benzoate 25g/l, (48g/kg), (98g/kg) + Matrine 2g/l, (2g/kg), (2g/kg)	Rholam Super 27EC, 50SG, 100WG	27EC: nhện gié/lúa; sâu tơ/bấp cải 50SG: sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ cải xanh; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ nho; sâu khoang/ lạc; rầy bông/ xoài; sâu đục gân lá/ vải 100WG: sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP nông dược Nhật Việt
603	Emamectin benzoate 60g/l+ Matrine 4g/l	Bạch tượng 64EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; nhện lông nhung/nhãn; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH TM Nông Phát
604	Emamectin benzoate 24g/l, (55g/kg) + Matrine 1g/l, (0.5g/kg)	Dolagan 25EC, 55.5WG	25EC: sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ cam, bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè 55.5WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
605	Emamectin benzoate 95g/kg + Matrine 5g/kg	K54 100WG	sâu cuốn lá/ lúa, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Pro-sure 100WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
606	Emamectin benzoate 29.5g/l (49g/kg) + Matrine 0.5g/l (1g/kg)	Techtimex 30EC, 50WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
607	Emamectin benzoate 2% + Metaflumizone 20%	AF-Metazone 22SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agrifuture
608	Emamectin benzoate 2% + Methoxyfenozide 18%	Mexyfema 20SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Radiant AG
		Tenano 20SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agrofarm
609	Emamectin benzoate 5% + Methoxyfenozide 45.6 %	Masterole Plus 50.6 WG	sâu tơ/cải bắp; sâu khoang/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
610	Emamectin benzoate 0.4% (4g/l) + Monosultap 19.6% (392g/l)	Map Go 20ME, 39.6SL	20ME: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa, nhện/sắn 39.6SL: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; rệp sáp/cà phê	Map Pacific Pte Ltd
611	Emamectin benzoate 0.9% + Novaluron 5.25%	Novaer 6.15SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Rhone Việt Nam
612	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Eska 250EC	sâu cuốn lá, bọ xít dài, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh da láng/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu tương; bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa chuột, bí xanh;	Công ty CP Nông nghiệp HP

			rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu tơ, sâu xanh, rệp/ bắp cải; nhện đỏ/ nhãn	
613	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 395g/l	Emamec 400EC	sâu đục thân, cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu nành; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
614	Emamectin benzoate 5 g/l + Petroleum spray oil 245g/l	Comda 250EC	Bọ trĩ/ dưa hấu, bọ xít muỗi/ chè, rầy bông/ xoài, rệp muội/ hoa cúc, ớt; rệp sáp/ cà phê, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ hành, rầy xanh/ chè	Công ty CP BVTV Sài Gòn
615	Emamectin benzoate 19g/l + Permethrin 80.99 g/l	Tiachop 99.99EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
616	Emamectin benzoate 20g/l + Permethrin 220g/l	Happymy 240EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
617	Emamectin benzoate 10g/l + Quinalphos 240g/l	Daisuke 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
618	Emamectin benzoate 30g/kg + Spinosad 25g/kg	Amagong 55WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
619	Emamectin benzoate 4% + Spinosad 6%	Spatus 10WG	sâu keo mùa thu/ngô	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd.
620	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) + 200g/l (200g/kg) Spinosad	Boxin-TSC 25EC, 250WP	sâu xanh/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
621	Emamectin benzoate 18g/kg + Spirodiclofen 75g/kg	Kingspider 93SC	nhện đỏ/cam, chè	Công ty CP BVTV Sài Gòn
622	Emamectin benzoate 0.5% + Tebufenozide 10%	Danzo 10.5EC	sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Nam Bắc
623	Emamectin benzoate 10g/l + Triflumuron 50g/l	Mia Darius 60SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Mạnh Đan
624	Esfenvalerate (min 83%)	Sumi-Alpha 5EC	sâu đục quả/ đậu tương; bọ xít, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumisana 5EC	sâu khoang/khoai lang	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
625	Esfenvalerate 12.5g/l + Fenitrothion 250g/l	Sumicombi-Alpha 26.25 EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/ lúa; sâu khoang/ lạc; rầy xanh/ bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam

626	Esfenvalerate 1.2% + Phoxim 28.8%	Abrams 30EC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV Sao Phương Nam AG
627	Ethiprole (min 94%)	Curbix 100 SC	rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Tobirole 200SC	rầy chổng cánh/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
628	Ethiprole 100 g/l + Imidacloprid 100g/l	Peridor 200SC	rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
629	Etofenprox (min 96%)	Etofen 100SC	rầy xanh/chè	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Noray 30EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
		Slavic 10SC	rầy nâu/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Trebon 10EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh, sâu khoang/ bông vải, ngô; sâu vẽ bùa; rệp/ vải; bọ xít muỗi/điều	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
		Urano 100EC	rầy xanh/chè	Công ty TNHH Được Mùa
630	Etofenprox 2% + Phenthoate 48 %	ViCIDI-M 50EC	bọ xít/ lúa, sâu xanh/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
631	Etoazole (min 95%)	Ac-Toxazol 200SC	nhện đỏ/ chè, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Borneo 11SC	nhện lông nhung/ nhãn; nhện đỏ/ cam, hoa hồng, chè, ớt	Công ty TNHH Hoá chất Sumitomo Việt Nam
		Cantona 20SC	nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Etoman 20SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Eto-Xtra 110SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Hóa chất SAM
		Eto Speed 200SC	nhện đỏ/ cam, hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Humvee 20SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Master-nhện 20SC	nhện đỏ/hoa cúc	Công ty TNHH Agro Việt

		Nhenstar 20SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao NMD
		RedArmy 110SC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Cửu Long
		Sachnhen-Eto 110SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP TM Hải Anh
		SV-Proxima Centex 110SC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		TVEtazole 20SC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Ω-Etoxa 110SC	nhện đỏ/ cam, chè	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
632	Etazole 5% + Azocyclotin 18%	Etoclotin 23SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Nông dược CKD Việt Nam
633	Etazole 10% + Fenprothrin 10%	DN Zin 20SE	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
634	Etazole 10% + Fenprothrin 5%	Mantank 15SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Hải Thụy
635	Etazole 15% + Hexythiazox 5%	Doponer 20SC	nhện đỏ/chè, cam	Công ty CP Nông dược Việt Thành
636	Etazole 10% + Pyridaben 30%	Euromite 40SC	nhện đỏ/lạc	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
		Mia Mite 40SC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP Mạnh Đan
637	Etazole 100 g/l + Spirodiclofen 300 g/l	Nitmax 400SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
638	Etazole 15% + Spirotetramat 30%	Formite 45SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Vĩnh Thạnh
		Zicron 45SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
639	Etazole 150 g/l + Spirotetramat 300g/l	Etomat 450SC	rệp sáp/cam	Công ty TNHH Sunwa
640	Etazole 5% + Pyridaben 20%	Spinner 25SC	nhện đỏ/ hồ tiêu, sắn; bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
641	Eucalyptol (min 70%)	Pesta 2SL	nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ/ nhãn; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; sâu đục quả/ đậu tương; bọ	Công ty TNHH Nam Bắc

			trĩ/ bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu to/ bắp cải	
642	Fenbutatin oxide (min 95%)	Aki-Verati 500WP	nhện đỏ/ hoa cúc	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Kixoren 50WP	nhện đỏ nâu/chè	Công ty CP Nông dược HAI
		Newfen 50SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Gem Sky
		Nilmite 550SC	nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ hoa hồng, cam	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Sailun 50SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
643	Fenbutatin oxide 8% + Propargite 30%	Pro-F 38EC	nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
644	Fenitrothion (min 95%)	Factor 50EC	sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forwathion 50EC	sâu đục thân/ lúa, rệp/ cà phê	Forward International Ltd
		Metyl annong 50EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Nysuthion 50EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Sumithion 50 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Visumit 5DP, 50EC	5DP: cào cào, sâu trong đất/ lúa 50EC: sâu đục thân, châu chấu/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
645	Fenitrothion 45% + Fenobucarb 30%	Difetigi 75 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Subatox 75 EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
646	Fenitrothion 250g/l (25%) + Fenvalerate 50g/l (5%)	Hosithion 30EC	bọ xít hôi/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Hóc Môn
		Sumicombi 30EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu đục quả, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumitigi 30EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
647	Fenitrothion 450g/l + Fenpropathrin 50g/l	Danitol-S 50EC	nhện, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu đục cành, đục quả, rệp sáp/ cà phê; rệp, sâu xanh, rầy xanh, bọ trĩ/ bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
648	Fenobucarb (BPMC)	Abasba 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất

(min 96%)			Đại Nam Á
	Anba 50EC	rầy nâu/ lúa, bọ xít/ hồ tiêu, rệp/ đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
	Basasuper 700EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
	Bascide 50EC	rầy nâu/ lúa, rệp/ thuốc lá	Công ty CP BVTV Sài Gòn
	Bassa 50EC	rầy/ lúa, rệp sáp/ bông vải	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
	Bassatigi 50EC	rầy nâu, sâu keo/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
	Dibacide 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
	Dosadx 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
	Excel Basa 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Việt Thắng Group
	Forcin 50EC	rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ bông vải	Forward International Ltd
	Hoppecin 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
	Jetan 50EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
	Metasa 500EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
	Nibas 50EC	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa, rệp vảy/ cà phê	Công ty CP Nicotex
	Pasha 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
	Super Kill 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
	Tapsa 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
	Triray 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
	Vibasa 50EC	rầy, rầy nâu/ lúa; rệp/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
	Vitagro 50EC	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.

649	Fenobucarb 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Azora 350EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
650	Fenobucarb 415g/l + Imidacloprid 35g/l	Javipas 450EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
651	Fenobucarb 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Lanro 500EC	bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
652	Fenobucarb (5g/kg) 150g/l + Isoprocarb (195g/kg) 150g/l	Anbas 200WP, 300EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
653	Fenobucarb 350g/l + Isoprocarb 150g/l	Kimbas 500EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
654	Fenobucarb 20% + Phenthoate 30%	Viphensa 50EC	sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
655	Fenobucarb 30% (300g/l) + Phenthoate 45% (450g/l)	Diony 75EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Hopsan 75EC	bọ xít hôi, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
656	Fenobucarb 45% + Phenthoate 30%	Knockdown 75EC	rầy nâu/ lúa, sâu xanh/ lạc	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
657	Fenobucarb 305 g/l + Phenthoate 450 g/l	Abasa 755EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/lạc; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
658	Fenpropathrin (min 90%)	Alfathrin 100 EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Danitol 10EC	rệp/ bông vải, nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sauso 10EC	nhện đỏ/hoa hồng, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Takamite 20EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Hóa sinh Takashi Nhật Bản
		Vimite 10EC	nhện đỏ/ hoa hồng; bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
659	Fenpropathrin 160g/l + Hexythiazox 60g/l	Mogaz 220EC	nhện đỏ/ hoa hồng; nhện gié/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		Spider man 220EC	nhện gié/lúa, nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến

660	Fenpropathrin 5% + Phoxim 20%	Feroxim 25EC	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Agrofarm
661	Fenpropathrin 5g/l + Pyridaben 200g/l	Ratop 205EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
662	Fenpropathrin 100g/l + Pyridaben 200g/l	Sieunhen 300EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
663	Fenpropathrin 100g/l (5g/l) + Profenofos 40g/l (300g/l) + Pyridaben 10g/l (5g/l)	Calicydan 150EW, 310EC	150EW: nhện gié/lúa 310EC: rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
664	Fenpropathrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Naldaphos 350EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
665	Fenpyroximate (min 96%)	Linoromax 20SC	nhện đỏ/lạc	Công ty CP SX TM DV Tam Lập Thành
		May 050SC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Nasata 5SC	nhện đỏ/hoa hồng; bọ xít muỗi/ca cao; nhện đỏ/lạc	Công ty CP Liên nông Việt Nam
		Ortus 5SC	nhện đỏ/ hoa hồng, bông vải	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
		Simson 50SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH Agro Việt
666	Fenpyroximate 3% + Propargite 10%	Ω-Baxi 13EW	nhện đỏ/ lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
667	Fenpyroximate 50g/l + Pyridaben 150g/l	Rebat 20SC	nhện gié/lúa; bọ xít muỗi/điều, ca cao; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Tân Thành
668	Fenvalerate (min 93%)	Dibatox 20EC	sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa; sâu cuốn lá/lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fantasy 20EC	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Fenkill 20EC	sâu đục thân/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		First 20EC	bọ xít/ lúa	Zagro Singapore Pte Ltd
		Kuang Hwa Din 20EC	rầy xanh/ lúa	Bion Tech Inc.

		Pathion 20EC	sâu xanh/ thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Pyvalerate 20 EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi/ điều	Forward International Ltd
		Sanvalerate 200 EC	bọ xít/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Sutomo 25EC	sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Timycin 20 EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Vifenva 20 EC	sâu xanh/ thuốc lá, bọ xít/ đậu xanh, sâu keo/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
669	Fenvalerate 5% + Phoxim 15%	Oxi Plus 20EC	rệp muội/ngô	Công ty TNHH Cooperation Bio Đức
670	Fenvalerate 5% + Phoxim 25%	Metsi vip 30EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
671	Fenvalerate 45g/l + Phoxim 455g/l	Concept 500EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
672	Flometoquin (min 94%)	Gladius 10SC	bọ trĩ/ hoa cúc, bọ phấn trắng/sắn, sâu xanh da láng/đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Quinac 10SC	rầy nâu/ lúa, sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
673	Flonicamid (min 96%)	Acypimezin 10WG	rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Ace focamid 50WG	bọ trĩ/ hoa cúc; bọ phấn/ thuốc lá; bọ phấn/ sắn	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Exami 20WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Fairway 500WG	rệp muội/ ngô	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Itaray 10SC	bọ phấn trắng/khoai tây; rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP Itagro Việt Nam
		Million 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Việt Nam
		Teppeki 50WG	rầy nâu/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
674	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 400g/kg	Achetray 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

675	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Florid 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
676	Flonicamid 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Top hits 700WG	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
677	Flonicamid 3% + Spirotetramat 7%	Spi Ggo 10SC	bọ trĩ/hoa hồng	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
678	Flonicamid 10% + Spirotetramat 20%	VT-Flor 30SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
679	Flonicamid 75g/l + Spirotetramat 175g/l	Bicide Extra 250SC	bọ phấn/sắn; rệp sáp/cà phê	Shandong Runke Chemical Co., Ltd.
680	Flonicamid 20% + Thiamethoxam 40%	Nafloxam 60WG	bọ phấn trắng/sắn	Nanjing Agrochemical Co., Ltd
681	Fluazaindolizine (min 96.1%)	Salibro® 500SC	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
682	Fluazinam (min 96%)	Flame 500SC	nhện đỏ/ cam, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
683	Fluacrypyrim (min 95%)	Ang.clean 250SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
684	Flubendiamide (min 95%)	BH-Tamil 39.35SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH B.Helmer
		Flagrole 20WG	sâu đục quả/cà chua; sâu khoang/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Saikumi 39.35SC	sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/khoai lang, sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Superkumi 200SC	bọ trĩ/thanh long	Công ty TNHH Phú Nông
		Takumi 20WG, 20SC	20WG: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ cà chua, vải, sầu riêng; sâu keo mùa thu/ngô 20SC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá/lúa; sâu đục quả/bưởi, vải, cà chua	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		TT Gix 20SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Delta Cropcare

685	Flubendiamide 100g/l + Metaflumizole 150g/l	Beluka 250SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Nghiệp HP
686	Flubendiamide 240g/l + Thiacloprid 240g/l	Fluprid 480SC	Bọ xít muỗi/điều	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
687	Fluensulfone (min 95%)	Nimitz 480EC	tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
688	Flufenoxuron (min 98%)	Cascade 5EC	sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Oxuron 10DC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
689	Flufiprole (min 97%)	Tachi 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á châu
690	Flufiprole 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Good 150SC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
691	Flufiprole 150g/L + Lufenuron 50g/L	Verdant 200SC	sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
692	Flupyradifurone (min 96%)	Sivanto Prime 200SL	rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bộ phận/sắn	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
693	Fluxametamide (min 94%)	Gracia 100EC	sâu tơ/cải bắp; bộ trĩ/dưa hấu, hoa cúc	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
694	Fosthiazate (min 93%)	BN-Fosthi 10GR	tuyến trùng/ cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Forzate 20EW	tuyến trùng rế/cà phê, hồ tiêu	Công ty CP BMC Việt Nam
		Foszateha 30CS	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Foster 15GR	tuyến trùng/ cà phê	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Laska 10GR, 30CS	tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Hóa chất SAM
		Makeno 10GR	tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Nemafos 10GR, 30CS	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
		Nema King 10GR	tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

		Nemathorin 10GR	tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nemazate 15GR	tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Quota 10GR	tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu	Công ty TNHH ADC
		Sagofort 10GR	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sakuto 10GR	tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH US Agro
		Sun Choong En 5GR	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Tukuni 10GR	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Urefos 10GR	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty CP Nông dược Việt Nam
695	Fosthiazate 5% + Oligosaccharins 1%	Nematix 6EW	tuyến trùng/hồ tiêu	Brightmart CropScience
696	Fufenozide (min 98%)	Fufe-super 100SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
697	Gamma-cyhalothrin (min 98%)	Vantex 15CS	sâu đục thân/ lúa, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam
698	Garlic juice	Bralic-Tỏi Tỏi 1.25SL	bọ phấn/ cà chua	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Biorepel 10SL	rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; ruồi hại lá/ cải bó xôi; rệp muội/ hoa cúc, cải thảo; bọ phấn/ cà chua; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
699	<i>Helicoverpa armigera</i> nucleopolyhedrovirus (HearNPV)	Inbio 100WP	sâu xanh/cải bắp, đậu tương	Công ty TNHH Kiên Nam
700	Hexaflumuron (min 95%)	Fluron 100SC	sâu tơ/ cải bắp	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
		Humeron 50EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH US Agro
		Staras 50EC	sâu xanh/ lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Starmuron 5EC	sâu xanh/lạc	Công ty CP Biostars
701	Hexythiazox (min 94%)	Akiazox 50EW	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Hezox 50EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH US Agro
		Hoshi 55.5EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Lama 50EC	nhện gié/ lúa, nhện đỏ/cam	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Lissom 5.45EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nông dược HAI
		Nissorun 5 EC	nhện đỏ/ chè, hoa hồng, cam, đu đủ, xoài, hoa huệ; nhện gié/ lúa; nhện lông nhung/ nhện, vải	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nhendo 5EC	nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Ogiva 5EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Master AG
		Thizomite 200EC	bọ phấn trắng/ sắn, nhện đỏ/cam	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Tomuki 50EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
702	Hexythiazox 2% + Propargite 20%	Omega-Hexy 22EC	nhện đỏ/hoa hồng, rệp muội/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
703	Hexythiazox 3% + Propargite 30%	Aki-siêu nhện 33EW	nhện đỏ/ lạc	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
704	Hexythiazox 40g/l + Pyridaben 160g/l	Profen 200EC	bọ xít muỗi/điều; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Kiên Nam
		Super bomb 200EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Thizomi 200EC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH ADC
705	Imidacloprid (min 96%)	Acmayharay 100WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Actador 100WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khoa học CNC American

Actaprid 20SL	rệp bông xo trắng/mía	Công ty TNHH TM ACT Việt Nam
Admitox 050EC, 100SL, 100WP, 600SC, 750WG	050EC, 100SL: rầy nâu/ lúa 100WP: rệp sáp/cà phê; rầy nâu, bọ trĩ/lúa 750WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 600SC: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
AD-Overview 25WP	rầy xanh/lạc	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiền Giang
Aicmidac 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
Akindia 17.8 SL	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH A2T Việt Nam
Amico 10EC, 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Amida 100WP, 700WG	bọ trĩ/lạc	Công ty TNHH TM Grevo
Anvado 100SL, 100WP, 200SC, 700WG	100SL, 100WP, 200SC, 700WG: rầy nâu/lúa 100WP: châu chấu tre lưng vàng/ tre, ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
Armada 50EC, 100SL, 700WG	50EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu cuốn lá/ lạc 100SL: rệp sáp/ cà phê 700WG: bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Asimo 10WP	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Biffiny 10 WP, 400SC, 600FS	10WP: bọ trĩ/ lúa, rầy nâu/ lúa 400SC: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 600FS: xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
Canon 100SL	Bọ trĩ/lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
Confidor 200SL, 200 OD, 700WG	200SL: rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp vảy, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/ điều, rệp sáp/ hồ tiêu 200OD: rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ lúa, điều; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê; rầy xanh, rệp muội/ bông vải 700WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

Conphai 10ME, 10WP, 100SL, 700WG	10ME, 10WP, 700WG: rây nâu/ lúa 100SL: rây nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
Hamida 10WP	rệp muội/đậu xanh	Công ty CP TM Hải Ánh
Helmer Admida 350SC	bọ phấn trắng/ sắn	Công ty TNHH B.Helmer
Idi Ggo 30.5SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
Imida 10WP, 20SL	10WP: bọ trĩ/ lúa 20SL: rây nâu, bọ trĩ/lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Long Hiệp
Imidova 150WP	Rây nâu/lúa, rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Imithai 70WG	rệp muội/vùng	Công ty TNHH BVTV Việt Thái
Imitox 10WP, 20SL, 700WG	10WP: bọ trĩ, rây nâu/ lúa; rệp sáp/cà phê 20SL: rây nâu/ lúa 700WG: bọ trĩ/ lúa, rệp sáp/ cà phê, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa; bọ phấn trắng/ sắn	Công ty CP Đồng Xanh
Inmanda 100WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
Iproimida 20SL	rây nâu/lúa	Công ty CP Futai
Javidan 100WP, 150SC	rây nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Jiami 10SL	rây nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Jugal 17.8 SL	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Just 050 EC	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Kerala 700WG	rây nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
Keyword 10SL	bọ trĩ/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
Kimidac 050EC	rây nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
Kola 600FS, 700WG	600FS: xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rây nâu, ruồi hại lá/ lúa	Công ty TNHH ADC

	700WG: bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/ lúa	
Kongpi-da 151WP, 700WG	151WP: rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ điều 700WG: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Lion Ray 200SC	rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty TNHH TCT Hà Nội
Map-Jono 5EC, 700WP	5EC: bọ trĩ/ lúa 700WP: rầy nâu/ lúa; sâu xám/ ngô; rầy xanh/ bông vải	Map Pacific Pte Ltd
Mega-mi 178 SL	bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rầy thánh giá/ hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM Anh Thơ
MH-charita 100WP	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
Mikhada 10WP, 45ME, 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP TM BVT Minh Khai
Miretox 10EC, 250WP, 700WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVT Việt Trung
Midan 10 WP	rầy xanh/ bông vải; rầy nâu, bọ trĩ, rầy lưng trắng/ lúa; rệp vảy/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Nicotex
Nomida 10WP, 50EC, 700WG	10WP, 50EC: rầy nâu/ lúa 700WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Điền Thạnh
OFI 200SL	rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
Phenodan 10 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH VT BVT Phương Mai
Pysone 700WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Punto xtra 70WG	rầy nâu/lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co.Ltd
Samida 70WG	rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP SAM
Saimida 100SL	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVT Sài Gòn
Samimi 30.5 SC, 20WP, 70WG	30.5 SC, 20WP: rệp sáp bột hồng/sắn 70WG: rệp bông xo/mía	Công ty CP Hóa chất SAM
Sahara 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVT Thanh Hưng
Sectox 100WP, 200EC, 700WG	100WP: rầy nâu/ lúa 200EC, 700WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Stun 20SL	rầy nâu/ lúa; bộ xít muỗi/ điều; bộ xít lười/ hồ tiêu; bộ trĩ/ lạc	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Sun top 700WP	rầy nâu/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		SV-Cleanex 2GR	sâu xám/lạc	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		T-email 10WP, 70WG	10WP: bộ trĩ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê 70WG: sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê; dòi đục lá/ đậu xanh; bộ xít muỗi, bộ trĩ/ điều; rệp sáp, bộ xít lười/ hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thần Địch Trùng 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Thanasat 10WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Tinomo 100SL, 100WP	100SL: rầy nâu, bộ trĩ/ lúa 100WP: rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vicondor 50 EC, 700WP	50EC: rầy nâu/ lúa 700WP: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vipespro 150SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Yamida 10WP, 100EC, 100SL, 700WG	10WP: bộ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê 100EC, 700WG: bộ trĩ, rầy nâu/ lúa 100SL: bộ trĩ/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
706	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 50g/l	Aickacarb 250SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
707	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 70g/l	Yasaki 270SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
708	Imidacloprid 150g/l + Indoxacarb 150g/l	Xacarb 300SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Xarid 300SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
709	Imidacloprid 1.5% + Isoprocarb 22.5%	Wealth 24WP	rệp muội/lạc	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang

710	Imidacloprid 3% + Isoprocarb 32%	Qshisuco 35WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
711	Imidacloprid 100g/kg + Isoprocarb 250g/kg	Tiuray TSC 350WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
712	Imidacloprid 12% + Lambda-cyhalothrin 3%	VT-Lamic 15WP	rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
713	Imidacloprid 250g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/ kg	Centertrixx 750 WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá nông Mê Kông
714	Imidacloprid 205g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Startcheck 755WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
715	Imidacloprid 15g/kg + Monosultap 425g/kg	Monopoly 440WP	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vestaron
716	Imidacloprid 2% + Monosultap 68%	Closutap 70WP	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TAT Hà Nội
717	Imidacloprid 2.5% + Monosultap 55.5%	Sultapmax 58WP	sâu đục thân/mía	Công ty CP TM SX - XNK Otuksa Nhật Bản
718	Imidacloprid 5% + Nitenpyram 45% + Pymetrozine 25%	Ramsuper 75WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
719	Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Transfluthrin (min 95%) 50g/kg	Strongfast 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
720	Imidacloprid 100g/kg (50g/l) + Pirimicarb 20g/kg (150g/l)	Actagold 120WP, 200EC	rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
721	Imidacloprid 50g/l + Profenofos 200g/l	Romano 250EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Vitasupe 250EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
722	Imidacloprid 2% + Pyridaben 18%	Hapmisu 20EC	bọ phấn/ lạc, rệp sáp/ cà phê, bọ trĩ/ hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao

723	Imidacloprid 2.5% + Pyridaben 15%	Usatabon 17.5WP	rệp bông xo/ mía, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
724	Imidacloprid 150 g/kg (150g/kg) + Pymetrozine 200 g/kg (500g/kg)	Tvpymeda 350WP, 650WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
725	Imidacloprid 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Cherray 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
726	Imidacloprid 11.01% + Spirotetramat 11.01%	Sparkill 22.02SC	rệp muội/lạc	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Nông nghiệp Biopesticide
727	Imidacloprid 15g/kg + Thiamethoxam 285g/kg	Wofara 300WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
728	Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Leader 350WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập Đoàn Điện Bàn
729	Imidacloprid 100g/l (400g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (350g/kg)	NOSOT Super 300SC, 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
730	Imidacloprid 200g/kg + Thiamethoxam 50g/kg	Aicpyricyp 250WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
731	Imidacloprid 10g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 340g/kg	Actadan 350WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
732	Imidacloprid 5% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 85%	Zobin 90WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
733	Imidacloprid 2% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 58%	Midanix 60WP	sâu xanh/ đậu tương; sâu cuốn lá; bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nicotex
734	Imidacloprid 4g/kg (20g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 36g/kg (930g/kg)	Vk.Dan 40GR, 950WP	40GR: sâu đục thân/ lúa 950WP: bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
735	Imidacloprid 5% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 70%	Rep play 75WP	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

736	Indoxacarb (min 90%)	Actatin 150SC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Aficap 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
		Agfan 15SC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít lười/ hồ tiêu, sâu khoang/lạc	Albaugh Asia Pacific Limited
		Amateusamy 150SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Amater 150SC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Lion Agrevo
		Avio 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ hà/ khoai lang	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Ammate [®] 30WG, 150EC	30WG: sâu cuốn lá/ lúa 150EC: sâu khoang/ lạc, sâu xanh/ thuốc lá, sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Anhvato 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Anmaten 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Atone 14.5SC	sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An
		Betakill 150SC	sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty CP Kỹ nghệ Hoàng Gia Anh
		Blog 8SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clever 150SC, 300WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Doxagan 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		HA.Cropando 14.5SC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Indocar 150SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Indogold 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Indony 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến

		Indosuper 150SC, 300WG	150SC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, nhện gié/ lúa; rệp muội, sâu đục quả, sâu đục hoa, sâu xanh/ đậu tương 300WG: sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Inrole 30WG	sâu khoang/ lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Master Indo 150SC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Vision Chemical
		Newamate 200SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Đồng Vàng
		Opulent 150SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Minh Long
		Samxacarb 145SC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP SAM
		Sparring 30WG	sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Supermate 150SC	sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/ thuốc lá, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH An Nông
		Sunset 100EC, 100ME, 100WP, 150SC, 300WG	100EC, 100ME, 100WP, 150SC: sâu keo mùa thu/ngô 300WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Thamaten 150SC	sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Zazz 150SC	sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Wavesuper 15SC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bộ
737	Indoxacarb 150g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Divine 180SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
738	Indoxacarb 150 g/l + Lambda-cyhalothrin 50 g/l	Casino 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
739	Indoxacarb 345 g/kg + Matrine 5g/kg	August 350WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
740	Indoxacarb 13% + Methoxyfenozide 13%	Raptor Wips 26SC	sâu cuốn lá/lạc	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
741	Indoxacarb 100 g/l + Methoxyfenozide 150 g/l	Carno 250SC	sâu keo mùa thu/ ngô, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Global Farm

742	Indoxacarb 10% + Methoxyfenozide 30%	AF-Unimax 40SC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Agrifuture
		Atmeca 40SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH MTV XNK Quốc tế An Thành
743	Indoxacarb 15% + Methoxyfenozide 20%	ET-Mecar 35SC	sâu keo mùa thu/ngô	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
		Superplus 35SC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH A2T Việt Nam
744	Indoxacarb 240 g/l + Novaluron 80 g/l	Plemax 320SC	sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH Adama Việt Nam
745	Indoxacarb 4.5% + Novaluron 5.25%	BV.Cropskill 9.75 SC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
746	Indoxacarb 55g/kg (0.2g/l), (160g/l) + Profenofos 0.5g/kg (84.8g/l), (40g/l)	Goldkte 55.5WG, 85EW, 200SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
747	Indoxacarb 50g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Pymin 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
748	Indoxacarb 150g/l + Tebufenozide 200g/l	Captain 350SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
749	Isocycloseram (min 96%)	Incipio® 200SC, 100DC	200SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá /lúa 100DC: sâu tơ/cải bắp; nhện đỏ/cam; bọ nhảy/cải ngọt; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
750	Isoprocarb (min 95%)	Mipcide 50WP	rầy xanh/ bông vải, rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Micinjapane 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tigicarb 20EC, 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vimipe 20EC, 25WP	rầy/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
751	Isoprocarb 22% + Thiamethoxam 3%	AA-Hammer 25WP	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH XNK TM Agriasian
752	Isoprocarb 400g/kg + Thiamethoxam 25g/kg	Cynite 425 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
753	Isoprocarb 400g/kg + Thiacloprid 50g/kg	Zorket 450WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Được Mùa

754	Isoprocarb 200g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Silwet 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
755	Isoprocarb 40% + Pymetrozine 10%	Dobamper 50WP	rầy xanh/hồ tiêu	Công ty CP Nông dược Việt Thành
		Hapyro 50WP	sâu khoang/lạc	Công ty CP TM Hải Ảnh
756	Isoprocarb 600g/kg + Pymetrozine 80g/kg	Pentax 680WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
757	Karanjin	Takare 2EC	nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ dưa chuột, nho, dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn, vải; nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam, hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI
		TT-umax 2EC	sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Delta Cropcare
758	Lambda-cyhalothrin (min 81%)	Cyhella 250CS	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Karate® 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, sâu phao, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá, sâu ăn lá/ lạc; sâu ăn lá/ đậu tương	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Katedapha 25EC	bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH KD HC Việt Bình Phát
		Katera 50EC	sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		K-T annong 25EC, 25EW	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH An Nông
		K-Tee Super 50EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Fast Kill 2.5 EC	rệp/ thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Iprolamcy 5EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP Futai
		Lahalo 10EW	sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao NMD
		Perdana 2.5EC	sâu cuốn lá/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Racket 2.5EC	sâu ăn lá/ lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sumo 2.5 EC	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd

		Vovinam 2.5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu róm/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
759	Lambda-cyhalothrin 9.5% + Lufenuron 9.5%	Metis 19SC	sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH TM Hải Thủy
760	Lambda-cyhalothrin 50g/l + Methylamine avermectin 38g/l	Manytoc 88EC	sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH CEC Việt Nam
761	Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Paichongding (min 95%) 250g/kg	Kingcheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
762	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Profenofos 335g/l	Wofatac 350 EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
763	Lambda-cyhalothrin 50g/l + Profenofos 375g/l	Gammalin super 425EC	rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
764	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Quinalphos 235g/l	Cydansuper 250EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Repdor 250 EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
765	Lambda-cyhalothrin 20g/l + Quinalphos 230g/l	Supitoc 250EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
766	Lambda-cyhalothrin 106g/l (10.6%) + Thiamethoxam 141g/l (14.1%)	Fortaras top 247SC	rầy nâu, bọ xít hôi, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Uni-tegula 24.7SC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
767	Lambda-cyhalothrin 110g/l + Thiamethoxam 140g/l	Valudent 250SC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Yapoko 250SC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH SX-TM-DV Cà phê Arabica Đà Lạt
768	Lambda-cyhalothrin 9.4% + Thiamethoxam 12.6%	Vikres 22SC	dòi đục thân/đậu tương	Công ty TNHH BVTV Việt Thái
769	Lambda-cyhalothrin 10% + Thiamethoxam 10%	Tuk tuk 20SC	rệp muội/ngô	Công ty TNHH Master AG
770	Lambda-cyhalothrin 2g/l (50g/l) + Phoxim 283g/l	Boxing 405EC, 99.99EW	405EC: rầy nâu, sâu đục thân/ lúa 99.99EW: sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

	(19.99g/l) + Profenofos 120g/l (30g/l)			
771	Lambda-cyhalothrin 20g/l (10g/kg) (110g/l) + Thiacloprid 36.66g/l (100g/kg) (10g/l) + Thiamethoxam 10g/l (10g/kg), (150g/l)	Arafat 66.66EW, 120WP, 270SC	66.66EW: sâu cuốn lá/lúa 120WP, 270SC: rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
772	Lufenuron (min 96%)	BP. Lupeldon 50EC	sâu xanh da láng/thuốc lá	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Canuron 100EC	sâu xanh da láng/cà chua; sâu vẽ bùa/cam; sâu đục quả/đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Cedar 100EC	bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Lino pesti 80EC	sâu tơ/cải bắp; sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP Liên nông Việt Nam
		Lockin 100EC	sâu keo mùa thu/ngô, sâu khoang/cải bắp	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Lockone 115EC	sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương; sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Lufenmax 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Lufenron 050EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh, thuốc lá; sâu đục quả/ đậu tương, sâu vẽ bùa/cam; sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty CP Đồng Xanh
		Lufenpesti 10SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH XNK Kết Nông
		Lugon 5.5EC	sâu xanh da láng/cải bắp	Công ty CP Lan Anh
		Martadu 100SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Match® 050 EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ đậu xanh, thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/cà chua; sâu keo mùa thu/ ngô; sâu khoang/ khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Nikkei 5EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
		Nuronic 50EC	sâu tơ/cải bắp	Bailing Agrochemical Co., Ltd.
		Sukibe 50EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TCT Hà Nội

		Tomi 5EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP BMC Việt Nam
		Tplufenron 100EC	sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH VTNN Trung Phong
		VT-Fenuron 10SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nam Bắc
		Ω-Luron 50SC	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
773	Lufenuron 50g/l + Metaflumizone 200 g/l	Samixplus 250SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Truemax 250SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Zumon Super 250SC	sâu tơ/cải bắp; sâu cuốn lá đầu đen/lạc; sâu xanh da láng/hành	Công ty CP Kiên Nam
774	Lufenuron 50g/l + Profenofos 500g/l	Ronfos 550EC	sâu khoang/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
775	Lufenuron 10% + Spinosad 5%	Vitagold 15SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Big Farm
776	Lufenuron 50g/l + Spirotetramat 200g/l	New vario 250SC	rệp sáp/thanh long; rệp sáp/sầu riêng	Công ty TNHH Phú Nông
777	Lufenuron 53g/l + Tolfenpyrad 106g/l	Pilarbomba 159SC	sâu khoang/lạc	Pilarquim (Shanghai) Co., Ltd
778	Liuyangmycin (min 90%)	ANB52 Super 100EC	nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
		Map Loto 10EC	nhện đỏ/ xoài, cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ phấn/ đậu côve; rệp muội/ quýt	Map Pacific Pte Ltd
779	Matrine (dịch chiết từ cây khổ sâm) (min 98%)	Agri-one 1SL	sâu khoang/ lạc, đậu côve; dòi đục lá/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp Hà Long
		Ajisuper 0.5SL, 1EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Aphophis 5EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP nông dược Việt Nam

Asin 0.5SL	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH – TM Thái Nông
Đầu trâu Jolie 1.1SP	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
Dotrine 0.6 SL	sâu tơ/ bắp cải, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Ema 5EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè, rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/ điều; bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nho; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Faini 0.288EC, 0.3 SL	0.288EC: rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè 0.3SL: sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa	Công ty CP Nicotex
Kobisuper 1SL	nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ hoa cúc, cam; ruồi hại lá/ đậu tương; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; nhện đỏ/ nho; sâu đục quả, dòi đục lá/ đậu đũa; ruồi hại lá/ cây bó xôi; sâu khoang/ lạc; sâu xanh/ thuốc lá; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
Ly 0.26SL	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Marigold 0.36SL	rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê; rầy xanh/ xoài; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ vải; bọ xít/ điều; sâu đục quả/ chôm chôm; sâu tơ/ bắp cải; thối quả/ xoài; mốc xám/ nho; sương mai/ dưa hấu, cà chua	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Plasma 3EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP QT APC Việt Nam

		Sakumec 0.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Sokonec 0.36 SL	sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu đục quả/ đậu côve; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Sokupi 0.5SL	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp muội / cải bẹ; sâu khoang/ lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/ thuốc lá, cà chua; bọ trĩ/ dưa chuột; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Wotac 16EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
780	Matrine 0.5% + Oxymatrine 0.1%	Disrex 0.6 SL	sâu ăn hoa/ xoài, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH An Nông
781	Matrine 2g/l + Quinalphos 250g/l	Nakamura 252 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
782	Metaflumizone (min 96%)	Ataflu 240SC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		DN Methaomizol 260SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Lumizon 240SC	sâu đục quả/cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
		Like-HP 240SC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Takiwa 22SC	sâu tơ/cải bắp; sâu khoang/hành	Công ty CP BMC Việt Nam
		Tamizone 20EC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Agrofarm
		Verismo 240SC	sâu khoang/hành; sâu tơ/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
783	Metaflumizone 10% + Methoxyfenozide 10%	Margo 20SC	sâu xanh da láng/hành	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
784	Metaflumizone 20% + Methoxyfenozide 20%	Mesplus 40SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TM Agri Green

785	Metaflumizone 150 g/l + Methoxyfenozide 150 g/l	Metadi 300SC	sâu xanh da láng/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Global Farm
786	Metaflumizone 200 g/l + Methoxyfenozide 200 g/l	MDMetometa 400SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Mạnh Đan
787	Metaflumizone 18% + Methoxyfenozide 12%	Ace sniper 30SC	sâu xanh da láng/cải bắp	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
788	<i>Metarhizium anisopliae</i>	Metaran 10 ⁸ CFU/g WP	sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/cam	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Naxa 800DP	rầy nâu/lúa	Công ty CP sinh học NN Hai Lúa Vàng
		Ometar 1.2 x 10 ⁹ bào tử/g	rầy, bọ xít/ lúa; bọ cánh cứng/ dừa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
789	Methoxyfenozide (min 95%)	Gold Wing 24SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Masterole 24SC	sâu xanh da láng/cải bắp	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Methozidetv 240SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Newrice 230SC	sâu xanh da láng/cải bắp	Công ty CP S New Rice
		Prodigy [®] 240SC	sâu khoang, sâu xanh/ lạc; sâu xanh da láng/ cải bắp; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Profendi 240SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Gap Agro
		Swin 240SC	sâu khoang/cải bắp	Công ty CP Orfama
		TCT Sieu 240SC	sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty TNHH TCT Hà Nội
790	Methoxyfenozide 150 g/l + Pyridalyl 90 g/l	Zylo 240SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Mepyda 240SC	sâu keo mùa thu/ ngô, sâu xanh da láng/cải bắp, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
791	Methoxyfenozide 300g/l + Spinetoram 60g/l	Pixy [®] 360SC	sâu keo mùa thu/ ngô; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
792	Methylamine avermectin (min 70%)	Aicmectin 75WG	rầy xanh/ chè, sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Hagold 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Lutex 1.9EC, 5.5WG	1.9EC: sâu cuốn lá/lúa 5.5WG: sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
793	Methyl butyrate	Map rigo 3.2 SL	sâu xanh da láng/ hành, nhện đỏ/ cam	Map Pacific Pte Ltd

794	Milbemectin (min 92%)	Cazotil 1EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
795	Naled (Bromchlophos) (min 93%)	Dibrom 50EC	bọ xít hôi/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		TĐK Epoxyco 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
796	Natural rubber	Map Laba 10EC	rệp sáp/ ổi, nhện đỏ/ cam	Map Pacific Pte Ltd
797	Nitenpyram (min 95%)	Acnipyram 50WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		AT-Army 50SP	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Benusa 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		BP Ram 500SG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Charge 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Doramto 50SP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
		Dyman 500WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Elsin 10EC, 500SL, 600WP	10EC: rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; rệp/ đậu tương 500SL: rầy nâu/lúa 600WP: rầy nâu/lúa, rệp muội/đậu tương	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Fonica 600WP	rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Isaen 100SL	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Quốc tế Nhật Bản
		Luckyram 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Nitensuper 220SL, 500WP	220SL: bọ trĩ/ điều, rầy nâu/ lúa 500WP: bọ xít muỗi/ điều; rầy nâu, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Rabure 10SL	bọ phấn trắng/sắn	Công ty CP Nông nghiệp CMP
		Soso 500WG	rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Super King 500SL, 600WP	bọ phấn trắng/ sắn	Công ty TNHH Việt Đức
		TVG28 650SP, 250 OD	650SP: bọ phấn trắng/ sắn; rầy nâu/lúa 250 OD: bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ

		Ω -ram 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
798	Nitenpyram 150g/kg (15%) + Pymetrozine 200g/kg (20%)	Asa Ray 350OD	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Nitop 350D	rầy chổng cánh/phật thủ, rệp muội/ đậu tương, bộ phận trắng/ sắn	Công ty CP Global Farm
799	Nitenpyram 20% (200g/kg) + Pymetrozine 60% (600g/kg)	ADU-Matty 800WG	bộ phận trắng/sắn	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Gadgete 80WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
		Maxram 800WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Phú Nông
		Meniten 800WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Global Farm
		Metro Penxita 80WG	bộ trĩ/hoa hồng	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Nitendo 80WG	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI
		Oriolus 800WG	rầy nâu/lúa; bộ xít lưới/hồ tiêu	Albaugh Asia Pacific Limited
		Osago 80WG	bộ phận/sắn, rầy nâu/ lúa, rầy chổng cánh/ Phật thủ	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Phoppaway 80WG	rệp muội/mía	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Samurai 800WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Sinapyram 80WG	rệp muội/đậu tương	Sinamyang Group Pte. Ltd.
		Star Chase 80WG	bộ phận/sắn	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Vuachest 800WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TAT Hà Nội
800	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 30%	TT Led 70WG, 70WP	70WG: rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/ lúa; một đục quả, rệp sáp/cà phê 70WP: rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
801	Nitenpyram 30% (300g/kg) + Pymetrozine 40% (400g/kg)	Laroma 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Nisangold 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Ramsing	700WP: rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông

		700WP, 700WG	700WG: rầy nâu/lúa	
802	Nitenpyram 30% (50%) + Pymetrozine 40% (25%)	Lkset-up 70WG, 75WP	70WG: rầy nâu/ lúa 75WP: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
803	Nitenpyram 50% + Pymetrozine 25%	Nypydo 75WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
804	Nitenpyram 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Palano 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
805	Nitenpyram 150 g/kg + Pymetrozine 450 g/kg	Titan 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTN I TW
806	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 40%	Auschet 80WP	rầy nâu nhỏ/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
807	Nitenpyram 20% + Pymetrozine 50%	Pytenram 70WG	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Kona Crop Science
808	Nitenpyram 500g/kg + Pyriproxyfen 220g/kg	Supercheck 720WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
809	Nitenpyram 450g/kg + Tebufenozide 200g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Facetime 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
810	Nitenpyram 500 g/kg + Spiromesifen 200g/kg	Ang-Sachray 700WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
811	Novaluron (min 96%)	Rimon 10EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		True 100EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Uniron 100EC	sâu khoang/ớt	Công ty TNHH UPL Việt Nam
812	Oxymatrine (min 98%)	Vimatriner 0.6 SL	bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu tơ/ rau cải ngọt; ruồi hại lá/ cải bó xôi; bọ phấn, sâu đục quả, sâu xanh da láng/ cà chua; bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
813	Permethrin (min 92%)	Anperan 50EC	rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Army 10EC	sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam
		Asitrin 50EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

Clatinusa 500EC	sâu keo/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Crymerin 50EC	mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; sâu róm/ điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Fullkill 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Forward International Ltd
Galaxy 50EC	sâu xanh/ lạc, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Kilsect 10EC	sâu khoang/lạc; bọ trĩ, sâu phao/ lúa; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi, sâu róm/ điều	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
Map-Permethrin 50EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, sâu đục quả/ đậu tương, sâu xanh da láng/ lạc, rệp sáp/ cà phê, sâu keo mùa thu/ngô	Map Pacific Pte Ltd
Megarín 50 EC	sâu xanh/ đậu tương, rầy thánh giá/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Anh Thơ
Patriot 50EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu đục thân, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Peca Ggo 500EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
Peran 50 EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu ăn tạp, sâu đục quả/ đậu tương; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Lion Agrevo
PER annong 100EW, 500EC	100EW: rệp sáp/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa 500EC: bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục hoa/ đậu tương, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
Perkill 50 EC	sâu xanh/ đậu xanh; rệp sáp/ cà phê; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Permecide 50 EC	sâu khoang/ lạc, bọ xít muỗi/ điều, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hợp Trí Summit
Pernovi 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông Việt
Perthrin 50EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, sâu ăn tạp/ bông vải; rệp sáp/ cà phê; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Đồng Xanh
Pounce 50EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam
Terin 50EC	bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá, bọ xít, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành

		Tigifast 10 EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungperin 50 EC	sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh; dòi đục lá/ đậu tương; sâu đục ngọn/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân/ mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
814	Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l	Checksau TSC 500EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lion Agrevo
815	Permethrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Ferlux 350EC	sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
816	Petroleum spray oil (min 97%)	Citrole 96.3EC	rệp sáp, nhện đỏ/cam; sâu vẽ bùa, rệp muội/quýt	TotalEnergies Fluids
		Dầu khoáng DS 98.8 EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cây có múi	Công ty CP Đồng Xanh
		DK-Annong Super 909EC	rầy xanh/ chè; rệp sáp/ cà phê; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH An Nông
		Medopaz 80EC	bọ trĩ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam	Kital Ltd.
		SK Enspray 99 EC	nhện đỏ/ chè, cam; nhện lông nhung/nhãn, sâu hồng đục quả/ bưởi	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vicol 80 EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
817	Petroleum oil	Em Oil 99EC	nhện đỏ/hoa mai	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
818	Phenthoate (Dimephenthoate) (min 92%)	Elsan 50 EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh, sâu ăn lá/ thuốc lá; rệp/ bông vải; sâu đục thân/ mía; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Forsan 60 EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Forward International Ltd
		New Oatox 500EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP S New Rice
		Phetho 50 EC	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Pyenthoate 50 EC	sâu đục thân/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Vifel 50 EC	sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

819	Phoxim (min 90%)	AD-Lutein 3GR	sâu xám/ngô	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiền Giang
820	Phosalone (min 93%)	Pyxolone 35 EC	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
		Saliphos 35 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu keo/ ngô, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
821	Pirimicarb (min 95%)	Altis 50WP	rệp muội/ thuốc lá	Công ty CP Nicotex
		Ahoado 50WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TCT Hà Nội
822	Pirimiphos-methyl (min 88%)	Piripro 550EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
823	<i>Plutella xylostella</i> granulosis virus (PXGV)	Nosivirus No.1 SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nông Sinh
824	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết (<i>Gleditschia australis</i>), Hy thiêm (<i>Siegesbeckia</i> <i>orientalis</i>), Đon buốt (<i>Bidens pilosa</i>), Cúc liên chi dại (<i>Parthenium</i> <i>hystherophorus</i>)	Anisaf SH-01 2SL	rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải, rau cải; sâu xanh, sâu khoang/ dưa chuột; sâu khoang, muỗi đen, rệp đào/ thuốc lá, sâu đục cuống quả/ vải, rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)
825	Profenofos (min 87%)	Binhfos 50EC	bọ trĩ/ lúa; rệp, sâu khoang/ bông vải; rệp/ ngô	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Callous 500EC	sâu khoang/ đậu xanh, sâu đục thân/ ngô, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Carina 50EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/ cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Chopyfos 400EC	rệp sáp/mía; sâu đục thân/ngô	Công ty CP Nông dược Việt Thành
		Cleaver 45EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Gatac 400EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Fujisan Nhật Bản
		Naviphos 500EC	sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Nongiaphat 500EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong

		Ophos Plus 40EC	rệp muội/ngô	Công ty TNHH Ròng Đại Dương
		Profit 40EC	sâu xanh đục bắp/ngô	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
		Pumagold 50EC	sâu keo mùa thu/ngô; sâu khoang/lạc	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		Ronado 500EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Selecron® 500 EC	sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, nhện đỏ/ bông vải; sâu cuốn lá, rầy xanh/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Vadofos 40EC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH TM-DV VAD
826	Profenofos 5% + Phoxim 20%	ET-Phizin 25EC	sâu khoang/lạc	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
827	Profenofos 10% + Phoxim 14%	Djong 24EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Multiagro
828	Profenofos 10% + Phoxim 30%	MDPhonecron 40EC	sâu đục thân/ngô	Công ty CP Mạnh Đan
829	Profenofos 20% + Phoxim 20%	Swat Pro 40EC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Mekong Agro
830	Profenofos 50g/l + Propargite 150g/l + Pyridaben 150g/l	Ducellone 350EC	nhện đỏ/lạc, nhện gié/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Newdive 350EC	nhện đỏ/lạc, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
831	Profenofos 450g/l + Thiamethoxam 100g/l	Thipro 550EC	rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
832	Profenofos 100 g/l + Thiamethoxam 147g/l	Tik wep 247 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang
833	Propargite (min 85%)	Atamite 73EC	nhện đỏ/ hoa hồng, cam; nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bigmite 73EC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		BN-Mite 570EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Comite® 73 EC, 570EW	73EC: nhện đỏ/ chè, cải bẹ xanh, lạc, cam, sắn; nhện gié/ lúa 570EW: nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ chè, cam, lạc, sắn	Công ty TNHH UPL Việt Nam

		Daisy 57EC	nhện đỏ/ chè, cam	Công ty CP Nicotex
		Hacomai 57EC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Kamai 730 EC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Promite 730EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		Rapova 73EC	nhện đỏ/hoa hồng, hồ tiêu	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Saromite 57EC	nhện đỏ/ chè; nhện gié, bọ phấn /lúa, nhện lông nhung/nhân	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Starpagit 73EC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Biostars
		Sun Promite 70EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Superrex 73 EC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Topspider 570EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		TP-Open 57EC	nhện đỏ/sắn	Công ty TNHH Nông Thái Dương
834	Propargite 150g/l + Pyridaben 50g/l	Muteki 200EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
835	Propargite 300g/l + Pyridaben 200g/l	Proben super 500EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
836	Prothiofos (min 95%)	Sheba 50EW	rệp sáp/cà phê, sâu keo mùa thu/ ngô	Sinon Corporation
837	Pyflubumide (min 94%)	Shogun 20SC	nhện đỏ/hoa hồng, cam	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
838	Pymetrozine (min 95%)	Bless 500WP	rầy nâu, bọ xít/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Career 500WG	rầy xanh/chè	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Checknp 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Chelsi 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng

Chess® 50WG	rây nâu, rây lưng trắng, bộ phân/lúa; bộ trĩ, rây bông/xoài; rệp đào/khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
Cheesapc 500WG	rây nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
Cheestar 50WG	rây nâu/lúa, rây bông/ xoài, rây xanh/ chè	Công ty CP Nicotex
Chersieu 50WG	rây nâu, bộ xít dài/lúa, rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
Chits 500WG	rây nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
Gepa 50WG	rây nâu/lúa	Công ty CP Hợp Trí Summit
F35 25WP	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Hichespro 500WP	rây nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Hits 50WG	rây nâu/lúa, nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cà phê; rệp muội, bộ phân/cải xanh	Công ty CP SX TM Bio Vina
Jette 50WG	rây nâu/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
Longanchess 70WP, 700WG	rây nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Map sun 500WP	rây nâu/lúa	Map Pacific Pte Ltd
Matoko 50WG	rây nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
NBChestop 50WG	bộ trĩ/ hoa cúc	Công ty TNHH Nam Bắc
Newchestusa 500WG	rây nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Oscare 100WP, 600WG	600WG: rây nâu, bộ trĩ /lúa 100WP: rệp bông xo/mía, rây nâu/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
Pelena Ultra 25SC	rệp muội/ca cao	Công ty TNHH Pesticide Thụy Sĩ
Pylon 50WG	rây bông/ xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Rayzin 25WP	bộ trĩ/dưa hấu; rây bông/ xoài; bộ xít muối/ chè	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Sagometro 50WG	rây nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Sara Extra 25SC	rệp muội/ngô	Công ty TNHH One Bee Việt Nam
		Schezgold 500WG	rầy xanh/chè, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Scheccjapane super 750WG	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-osa 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
839	Pymetrozine 40% + Spirotetramat 25%	Pimero 65WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Sunwa
840	Pymetrozine 65% + Thiamethoxam 5%	Chery 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
841	Pymetrozine 400g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Tvusa 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
842	Pymetrozine 300g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Topchets 650WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
843	Pymetrozine 40% + Thiamethoxam 10%	Raytot 50 WG	rệp xo bông/mía	Công ty TNHH TCT Hà Nội
844	Pyrethrins (min 20%)	Bopy 14EC	sâu tơ/bấp cải	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Mativex 1.5EW	rệp/ bắp cải, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
		Nixatop 3.0CS	rệp muội, sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Nicotex
845	Pyrethrins 2.5% + Rotenone 0.5%	Biosun 3EW	rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhầy/ rau cải; bọ phấn/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
846	Pyridaben (min 95%)	Acarina 250EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Alfamite 150EC, 200WP	150EC: nhện gié/ lúa; nhện đỏ/hoa hồng 200WP: nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Babengold 20WP	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa nông HBR
		Bipimai 150EC	nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty TNHH TM Bình Phương

		Coven 200EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
		Dandy 15EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietnhen 150EC	nhện gié/ lúa, nhện đỏ /hoa huệ	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
		Koben 15EC	bọ xít muỗi/ điều; rệp/ bông vải; nhện gié/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Massy 200EC	sâu cuốn lá đầu đen/lạc	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
		Ongtrum 200EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Ribell 200EC	bọ xít lười/hồ tiêu	Công ty TNHH TM-DV Thanh Sơn Hoá Nông
		Tifany 150EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Winmite 15EC	sâu cuốn lá đầu đen/lạc	Công ty TNHH Bio Delta
847	Pyridaben 200 g/l + Quinalphos 300 g/l	Pyphos-HB 500EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
848	Pyridaben 9% + Spirodiclofen 18%	Yonmix 27SC	nhện đỏ/sắn	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
849	Pyridaben 35% + Spirodiclofen 10%	Bayspider 45SC	nhện đỏ/sắn	Công ty TNHH TM Gem Sky
850	Pyridaben 150g/kg (150g/l) + Sulfur 250g/kg (350g/l)	Pyramite 400WP, 500SC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
851	Pyridalyl (min 91%)	Newpyri 100EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP S New Rice
		Sumipleo 10EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu keo mùa thu/ ngô, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Ω-Dalyn 100SC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu đục quả/ớt	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
852	Pyridaphenthion (min 95%)	Difitox 200EC	rệp bông xo/mía	Công ty CP BVTV I TW
853	Pyrifluquinazon (min 95%)	PQZ 20WG	rệp đào/khoai tây; bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Nichino Việt Nam

854	Pyriproxyfen (min 95%)	Lekima 100EC	bọ phấn/hoa hồng; rệp sáp/cam	Công ty CP BMC Việt Nam
		Permit 100EC	rệp sáp/ cà phê, tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Polafen 11EC	rệp sáp/roi	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Sunlar 110EC	sâu vẽ bùa/ cam	Sundat (S) PTe Ltd
855	Pyriproxyfen 50g/l + Quinalphos 250g/l	Assassain 300EC	nhện gié, sâu cuốn lá, bọ phấn trắng/ lúa; sâu khoang/ lạc, sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
856	Pyriproxyfen 8% + Spirotetramat 16%	TD-Pyritet 24SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nông Thái Dương
857	Pyriproxyfen 170g/l (350g/kg) + Tolfenpyrad 130g/l (250g/kg)	Bigsun 300EC, 600WP	300EC: rầy nâu/ lúa 600WP: rệp sáp/ cà phê, rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
858	Quinalphos (min 70%)	Aquinphos 40EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Cyphos 25EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
		Faifos 5GR, 25EC	5GR: sâu đục thân/ ngô, lúa 25EC: rệp muội/ thuốc lá, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ bông vải, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kinalux 25EC	sâu khoang/ lạc; sâu ăn tạp/ đậu tương; rệp/ cà phê; sâu phao, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu đục ngọn/ điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Methink 25 EC	sâu phao, nhện gié/lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Obamax 25EC	sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê; sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Peryphos 25 EC	sâu phao/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Quiafos 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; vôi voi đục nõn/ điều; sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
		Quilux 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu đục ngọn/ điều, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thanh Điền

		Quintox 25EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
859	Quinalphos 230g/l + Thiamethoxam 40g/l	Inikawa 270EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
860	Rotenone	Bin 25EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/ đậu xanh, rệp muội/hồ tiêu	Công ty CP SAM
		Dibaroten 5 WP, 5SL, 5GR	5WP: sâu xanh/ cải bẹ, dưa chuột 5WP, 5SL, 5GR: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/ cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/ nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/ hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/ chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/ đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/ xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fortenone 5 WP	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh/ đậu tương	Forward International Ltd
		Limater 7.5 EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; rệp, nhện đỏ, sâu đục quả/ ớt; rệp sáp/ bí xanh; nhện đỏ/ bí đỏ, hoa hồng; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng, dòi đục lá/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ/ chè; sâu vẽ bùa, rệp sáp, nhện đỏ/ cam; bọ xít/ nhãn; rệp/ xoài; sâu đục quả/ vải; rệp sáp/ na; sâu ăn lá/ cây hồng; sâu róm/ ổi	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Nevi-Roten 6ME	sâu khoang/lạc	Công ty CP Newfarm Việt Nam
		Newfatoc 75WP, 75SL	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Rinup 50 EC, 50WP	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, lạc, đậu tương; sâu xanh/ cà chua; dòi đục lá/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu ăn hoa/ xoài	Công ty TNHH An Nông

		Trusach 2.5EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; bọ nhảy/ rau cải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vironone 2 EC	sâu tơ/ cải thảo	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
861	Rotenone 5% (5g/l) (5g/l) + Saponin 14.5% (145g/l) (145g/l)	Sitto-nin 15BR, 15EC, 15SL	15BR: tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía, ốc bươu vàng/ lúa 15EC: tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía 15SL: ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
862	Rotenone 2.5% + Saponin 2.5%	Dibonin 5WP, 5SL, 5GR	5WP: bọ nhảy, sâu xanh/ cải xanh 5WP, 5SL, 5GR: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/ cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/ nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/ hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/ chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/ đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/ xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
863	Rotenone 2g/kg + Saponin 148g/kg	Ritenon 150BR, 150GR	tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
864	Saponin	Map lisa 230SL	sâu tơ/bắp cải, sâu xanh bướm trắng/cải xanh; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Map Pacific Pte Ltd
865	Saponozit 46% + Saponin acid 32%	TP-Thần Điền 78SL	rệp sáp, rệp vảy xanh, rệp nâu/ cà phê, xoài; rệp muội/ nhãn, vải; rệp/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa chuột; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Thành Phương
866	Sodium pimaric acid	Dulux 30EW	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nicotex
867	Spinetoram (min 86.4%)	Radiant® 60SC	sâu xanh da láng/ hành, lạc, đậu tương; dòi đục lá, sâu đục quả, bọ trĩ/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, nho, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá/ ớt; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ hoa hồng, chè; bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu keo mùa thu/ ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Pineram 60SC	sâu cuốn lá đầu đen/ lạc, bọ xít lười/ hồ tiêu, bọ xít muối/ điều	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

		Thor 60SC	sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/ cà chua	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
868	Spinetoram 120 g/kg + Triflumezopyrim 100 g/kg	Hibifen® 220WG	rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
869	Spinosad (min 85%)	ADU-Saka 20WG	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Akasa 25SC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu keo/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành, lạc; dòi đục lá, sâu đục quả/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; dòi đục quả/ ổi; sâu đục quả/ xoài	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Automex 100EC, 250SC, 250WP	100EC, 250WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa 250SC: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Bioarrow 100SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		BP.Green 25SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Daiwansin 25SC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Futai
		Efpê 25EC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH ADC
		Pistol 2.5SC	sâu khoang/lạc; sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Hóa chất SAM
		Qiluspin 10SC	sâu tơ/cải bắp	Qilu Crop Science Vietnam Co., Limited
		RBC-Spino 100SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Spicess 28SC	sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH An Nông
		Spincer 480SC	sâu tơ/cải bắp, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Spinki 25SC	bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội/ bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá, sâu khoang/ cà chua; sâu xanh, rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện	Công ty TNHH Phú Nông

870	Spirodiclofen (min 98%)		đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông, rệp vảy/ xoài; rệp sáp/thanh long, sâu riềng; bọ trĩ/ót	
		Success 25SC	sâu tơ/ cải bắp; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Sucsad 25SC	sâu xanh da láng/hành; sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nam Bắc
		Suhamcon 25SC, 25WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp muối, bọ nhảy sọc cong vỏ lạc/ bắp cải; rệp muối, bọ nhảy, sâu xanh da láng/ hành; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu đục quả, rệp muối/ đậu đũa; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		SV-Incomex 5SC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		Wish 25SC	sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ hành	Công ty CP Đồng Xanh
	Spirodiclofen (min 98%)	Brinka 240SC	nhện đỏ/ hoa cúc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Dilufen 29SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Etong-nhện 340SC	nhện đỏ/ cam	Shanghai E-Tong Chemical Co., Ltd
		Goldmite 240SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Lino tieunhen 240SC	nhện đỏ/hoa cúc	Công ty CP Liên Nông Việt Nam
		MDSpifendor 340SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Mạnh Đan
		Mesut 240SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Omega-Spidermite 24SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Onbord 240SC	nhện đỏ/cam	Albaugh Asia Pacific Limited
		Palman 150EC, 240SC	150EC: nhện đỏ/hoa hồng, cam 240SC: nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Long Hiệp
		Phesolstamp 240SC	nhện đỏ/vải, roi	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Pirotop 240SC	bọ phấn trắng/ sắn	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Setis 34SC	nhện đỏ/hoa hồng, hoa đồng tiền	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

		Spiro 240SC	nhện đỏ/quýt	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Spiromax 300SC	nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Tvramite 34SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
		Yonlock 240SC	nhện đỏ/ cam, sanh	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
		Wilson 240SC	nhện đỏ/ cam, hoa hồng	Công ty CP Nông nghiệp HP
871	Spiropidion (min 96%)	Elestal® 300SC	bọ trĩ/dưa hấu; rệp sáp/thanh long	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
872	Spiromesifen (min 97%)	Forbidmite 22.9SC	nhện đỏ/ớt	Forward International Ltd.
		Oberon 240SC	nhện đỏ/cam, ớt, chè, xoài	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Seprain 240SC	nhện đỏ/hoa hồng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
873	Spirotetramat (min 96%)	Armata 22.4SC	rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/cam	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd.
		Aspiro 150OD	rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Dotramat 150OD	bọ trĩ/xoài; nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Ecudor 22.4SC	nhện đỏ/hoa cúc	Công ty CP Agri Shop
		Faster 150OD, 22.4SC	bọ phấn/khoai tây	Công ty TNHH TM và PT Phú Thịnh
		Mario 22.4SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		MH-Kafar 22.4SC	bọ trĩ/chè	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
		Monaco 500SC	rệp sáp/cam	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Movento 150OD	rệp muội/ bắp cải, vải, dưa hấu; bọ trĩ/chè; rệp sáp/ thanh long, nhãn, cà phê, cam, hồ tiêu, xoài, sầu riêng; bọ trĩ, sâu đục quả, bọ phấn/cà chua; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả, rệp sáp/bưởi; bọ trĩ, bọ phấn/ khoai tây; sâu đục cuống quả/ nhãn, vải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Nicapi 150SC	rệp sáp giã/bưởi	Công ty TNHH ADC
		Notary 22.4SC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược HAI

		Ramat 120SC	rệp sáp/cam	Công ty CP Global Farm
		Sentinet 22.4SC	rệp sáp/bưởi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Seroto 224SC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóa nông AMC
		Sharma 22.4SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
		Speramet 150OD	rầy chống cánh/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Spiroviet Plus 40SC	rệp sáp/sầu riêng	Công ty TNHH TM DV Vietcropchem
		Suparep 22.4SC	bọ phấn/khoai tây; bọ trĩ/dưa chuột	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Vella 150SC	rệp sáp/thanh long; rệp muội/bắp cải	Công ty TNHH Nông nghiệp Mặt Trời Vàng
874	Spirotetramat 11% + Thiacloprid 11%	Takashi 22SC	rệp muội/ngô; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Fujimoto Nhật Bản
875	Spirotetramat 15% + Thiamethoxam 15%	Protetra 30SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
876	Spirotetramat 110g/l + Thiacloprid 110g/l	AA-Coach 220SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH XNK TM Agriasian
877	Spirotetramat 120g/l + Thiacloprid 120g/l	Speramet Plus 240SC	bọ xít muỗi/điều	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
878	Spirotetramat 150 g/l + Thiamethoxam 150 g/l	Tiramat 300SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Gap Agro
879	Spirotetramat 10% + Thiamethoxam 15%	Yoop Super 25SC	rệp sáp bột hồng/sắn; rệp muội/đậu tương	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
880	Spirotetramat 10% + Tolfenpyrad 8%	Tamatra S 18SC	nhện trắng/hoa cúc; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP BMC Việt Nam
881	<i>Spodoptera exigua</i> nucleopolyhedrovirus	Viranik 500SC	sâu xanh da láng/ cải bắp, đậu tương	Công ty TNHH Kiên Nam
882	<i>Spodoptera litura</i> NPV	Nosivirus No2 WG	sâu khoang/khoai lang; sâu xanh da láng/dưa hấu	Công ty TNHH Nông Sinh

883	Sulfoxaflor (min 95%)	Closer® 500WG	rầy nâu/lúa, rệp/ bông vải; rệp muội/đậu tương; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/ bông vải; bọ phấn trắng/ lúa; rệp muội/ ngô; bọ phấn/ khoai tây	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
884	Sulfur (min 99%)	Bacca 80WG	nhện đỏ/cam	Công ty CP Bell
		Sul-AC 80WG	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Sul-elong 80WG	nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Sulfex 80WG	nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Sumitomo Chemical India Limited
		Tramuluxjapane 80WG	nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
885	Tebufenozide (min 98%)	Adu-feno 200SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Meroca 200SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Kiên Nam
		Mimic® 20 SC	sâu xanh da láng/ thuốc lá, lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Racy 20SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		T-Fennozide 20SC	sâu khoang/lạc; sâu keo mùa thu/ngô; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Tezimax 200SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH US Agro
		VT-Nozide 200SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Xerox 20SC	sâu xanh da láng/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
886	Tebufenpyrad 250g/kg (min 98%) + Thiamethoxam 250g/kg	Fist 500WP	rầy nâu, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/hoa cúc; bọ xít lười/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
887	Tetraniliprole (min 90%)	Vayego 200SC	sâu tơ/ bắp cải; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu keo mùa thu/ ngô; sâu khoang/dưa hấu, khoai tây; sâu cuốn lá/chè	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
888	Tolfenpyrad (min 95%)	Aoba 15EC	bọ phấn/sắn; rệp muội/ngô; rệp bông xo/mía; bọ trĩ/thuốc lá	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
		Zigen 15SC	nhện trắng/hoa cúc	Công ty CP BMC Việt Nam

889	Thiacloprid (min 95%)	Calypso 240SC	bọ trĩ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Fentinat 48SC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Hostox 480SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Koto 240SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Yamo 48SC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Zukop 480SC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
890	Thiamethoxam (min 95%)	Actara® 25WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp/ mía; bọ trĩ/ điều; rệp/ thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amira 25WG	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Anfaza 250WG, 350SC	250WG: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê 350SC: bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Apfara 25 WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Asarasuper 500SC, 250WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dop 25WG	bọ trĩ/ hoa cúc	Công ty CP Phát triển Dịch vụ Nông nghiệp IPM
		Falcon 25WG	bọ trĩ/lúa; rệp đào/khoai tây	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Fortaras 25WG	rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp, sâu đục cành/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Furacol 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Hercule 25WG	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Kovachick 300SC	rệp bông xo/mía	Công ty TNHH Deutschland Việt Nam
		Impalasuper 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Jiathi	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)

		25WP		
		Masherr 25WG, 30SC	25WG: rệp bông xo/mía 30SC: bọ phấn trắng/sắn	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
		Methoxam 25WG, 350SC	rệp bông xo/mía	Công ty CP SAM
		Nofara 35WG, 350SC	35WG: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 350SC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Ranaxa 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Tata 25WG, 355SC	25WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 355SC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thia Extra 50WG	rệp muội/ngô	Công ty TNHH One Bee Việt Nam
		Thiamax 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Thionova 25WG	rầy nâu/ lúa; rệp muội, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vithoxam 350SC	rầy nâu/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
891	Thiodicarb (min 96%)	Click 75WP	bọ trĩ, ốc bươu vàng, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Ondosol 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Pontiac 800WG	rệp sáp/ hồ tiêu	Albaugh Asia Pacific Limited
		Supepugin 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Thio.dx 75WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
892	Triflumezopyrim (min 94%)	Pexena® 106SC, 20WG	106SC: rầy nâu, rầy lưng trắng, rầy nâu nhỏ/ lúa 20WG: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
893	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) (Monosultap) (min 95%)	Acemo 180SL	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Apashuang 10GR, 18SL, 95 WP	10GR: sâu đục thân/ lúa, mía, ngô 18SL, 95WP: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông

Binhdan 10GR, 18SL, 95WP	10GR: sâu đục thân/ lúa, mía, ngô 18SL: rầy nâu, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu keo, rầy xanh/ lúa; sâu đục thân, rệp/ ngô; sâu xanh/ đậu tương; sâu đục thân, rệp/ mía; rệp sáp/ cà phê 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy xanh/ lúa; sâu xanh/ đậu tương; rầy/ bông vải; sâu đục thân/ ngô, mía; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Catodan 18SL, 90WP	18SL: sâu cuốn lá/ lúa 90WP: sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
Colt 95 WP, 150 SL	95WP: sâu phao/ lúa 150SL: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH ADC
Dibadan 18 SL, 95WP	18SL: bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp bông xo mía; rầy/ bông vải; rệp/ ngô 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ ngô; rầy/ bông vải; rệp sáp/ cà phê; rệp bông xo/ mía	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Neretox 18 SL, 95WP	18SL: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; châu châu tre lưng vàng/ ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
Netoxin 90WP	sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Sát trùng đơn (Sát trùng đan) 5 GR, 18 SL, 95WP	5GR: sâu đục thân/ lúa 18SL: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh/ đậu tương 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh/ đậu tương	Công ty CP Nicotex
Sadavi 18 SL, 95WP	18SL: bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/ lúa	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
Sanedan 95 WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiền Giang
Shaling Shuang 180SL, 950WP	180SL: sâu đục thân/ lúa 950WP: sâu đục thân, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Sha Chong Jing 95WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
Sha Chong Shuang 18 SL, 50SP, 95WP	18SL, 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 50SP: sâu đục thân lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)

		Taginon 18 SL, 95 WP	18SL: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa 95WP: rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tiginon 5GR, 18SL, 95WP	5GR: sâu đục thân/ mía, lúa 18SL: sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/ cà phê 95WP: sâu xanh/ đậu xanh, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungsong 18SL, 95WP	18SL: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tvpyrafos 250SL, 750WP	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Vietdan 3.6GR, 29SL, 95WP	3.6GR: sâu đục thân/ lúa 29SL: bọ trĩ/ lúa 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vinetox 5GR, 18SL, 95SP	5GR, 18SL: sâu đục thân/ lúa 95SP: rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vi Tha Dan 18 SL, 95WP	18SL: bọ trĩ, sâu đục thân lúa 95WP: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
894	Veratramine (min 95%)	Vatradin 0.5SL	rầy xanh/chè	Công ty CP Nông dược Việt Nam
895	<i>Verticillium chlamydosporium</i> ZK7	Nematodie GR	tuyến trùng/ cà chua, hồ tiêu	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Allicin	Garlinker 5ME	thối nhũn/cải bắp	Chengdu Newsun Crop Science Co., Ltd.
2	Ascorbic acid 2.5% + Citric acid 3.0% + Lactic acid 4.0%	Agrilife 100 SL	bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài; thối nhũn vi khuẩn/bắp cải; thán thư/ớt; thán thư/thanh long; lúa von/lúa (xử lý hạt giống); đốm mắt cua/ ớt, đốm lá/ cà tím; héo xanh/ mướp, cà tím	Công ty CP Hợp Trí Summit
3	Acrylic acid 4% (40g/l) + Carvacrol 1% (10g/l)	Som 5 SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá/ lúa; giả sương mai, mốc xám/ dưa chuột, xà lách, cà; thán thư/ ớt	Công ty TNHH Nam Bắc
		Stargolg 5SL	khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; thán thư/ớt	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
4	Acibenzolar-S-methyl (min 96%)	Bion 50 WG	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

5	Albendazole (min 98.8%)	Abenix 10SC	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá vi khuẩn/ lúa; vàng lá, thán thư/hồ tiêu	Công ty CP Nicotex
6	Albendazole 100g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Masterapc 600WG	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
7	Amisulbrom (min 96.5%)	Gekko 20SC	sương mai/cà chua, ớt; giả sương mai/dừa chuột; sưng rễ/ bắp cải; xì mủ/ sầu riêng, cam, mít; chết nhANH/hồ tiêu	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
8	Anacardic acid	Amtech 100EW	thối nhũn/ cải thảo, cải bắp; đốm vòng/ cà tím; giả sương mai/ dừa chuột, dừa lười; thán thư/ thanh long, vải, xoài; loét/cam; sương mai/ cà chua, hành; thối búp/ chè; mốc xám/dâu tây; héo xanh/ớt; mốc sương/ nho; lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
9	Azoxystrobin (min 93%)	Amistar® 250 SC	đốm vòng/ cà chua; mốc sương, lở cổ rễ/khoai tây; thối quả/ca cao; sương mai, thán thư/ dừa hấu; sương mai/ cà chua; đốm nâu/ thanh long; thán thư/cam, xoài, vải, ớt, sầu riêng; đốm lá sigatoka/chuối	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amistic 250SC	giả sương mai/dừa hấu	Công ty CP Fujisan Nhật Bản
		Anpro 250SC	đốm vòng/cà chua; thán thư/xoài, vải	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Asiwon 50WG	sương mai/nho	Công ty CP Agri Shop
		Astro 250SC	thán thư/ớt, sầu riêng	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Azo-elong 350SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Azony 25SC	khô vằn, đạo ôn/ lúa; sọc/ cam, thán thư/xoài	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Azoxytop 250SC	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Clodac 250SC	đốm lá sigatoka/chuối	Công ty TNHH BVTV Việt Thái
		Envio 250SC	lem lép hạt/ lúa, đốm nâu/thanh long, thán thư/ xoài, sương mai/ dừa hấu	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Hametar 250SC	sương mai/cà chua	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hiache 23SC	thán thư/xoài, nho	Công ty TNHH World Vision (VN)

		Majestic 250SC	thán thư hoa/ xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Mission 250SC	phần trắng/ hoa hồng; mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Overamis 300SC	thán thư/ xoài; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Oxystar 250SC	rỉ sắt/hoa cúc	Công ty TNHH Minh Hòa Phát
		Sam Robin 250SC	thán thư/ xoài	Công ty CP SAM
		Sinstar 250SC	đạo ôn/lúa	Sinon Corporation
		Sixoastrobin 25SC	đốm lá/ lạc	Công ty TNHH Sixon
		Solani 250SC	thán thư/ớt, xoài	Công ty TNHH Gap Agro
		Star.dx 250SC	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; thán thư/ớt, xoài, dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Suzuko 300SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Trobin 250SC	đạo ôn, khô vằn/ lúa; thán thư/ xoài; ghẻ nám/ cam	Công ty TNHH Phú Nông
		Tvazostartop 300SC	thán thư/cà phê	Công ty CP Nông dược Unichem Việt Nam
		XinAzo 250SC	thán thư/xoài	Anhui Guangxin Agrochemical Co., Ltd.
10	Azoxystrobin 250g/kg + Boscalid 350g/kg	Anorka Axo 600WG	thán thư/ớt	Công ty TNHH UPL Việt Nam
11	Azoxystrobin 300g/l + Boscalid 150g/l	Dosam - Goal 450SC	đốm nâu/thanh long; thán thư/xoài; sẹ/cam	Công ty CP Nông dược Quốc tế Nhật Bản
12	Azoxystrobin 60g/l + Chlorothalonil 500g/l	Ameed Plus 560SC	rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ ớt, giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
		Mighty 560SC	sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Nowa 560SC	đốm vòng/ cà chua	Công ty TNHH Danken Việt Nam
13	Azoxystrobin 60 g/l + Chlorothalonil 600 g/l	Avial 660SC	thán thư/xoài; rỉ sắt/cà phê	Agria S.A.
14	Azoxystrobin 100g/l + Chlorothalonil 500g/l	Azoxygold 600SC	lem lép hạt/ lúa; đốm nâu/ thanh long; sẹ/ cam; thán thư/ xoài	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Kata-top 600SC	phần trắng/hoa hồng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC

		Ortiva® 600SC	thán thư/ xoài; thán thư, đốm vòng/ ớt; giả sương mai/ dưa chuột; nấm hồng/ cà phê; thán thư, sương mai/ dưa hấu; thán thư, rỉ sắt/ cà phê; thán thư, đốm vòng, sương mai/ cà chua; đốm lá/ cà chua; vàng rụng lá, nứt vỏ khô mủ/ cao su	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
15	Azoxystrobin 90g/l + Chlorothalonil 700g/l	Kempo 790SC	sương mai/ dưa hấu	Công ty TNHH Trường Thịnh
16	Azoxystrobin 20% + Cymoxanil 30%	One clear 50WG	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Master AG
17	Azoxystrobin 200g/l + Cyproconazole 80g/l	Kingstar 280SC	phần trắng/hoa hồng; đốm đen/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Nizoxy 280SC	thán thư/điều	Công ty CP Nicotex
18	Azoxystrobin 200g/kg + Cyproconazole 75g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Cyat 525WG	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
19	Azoxystrobin 200 g/l + Cyazofamid 100 g/l	Runmun 300SC	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
20	Azoxystrobin 25% + Cyazofamid 15%	Famid Bgo 40SC	giả sương mai/ dưa hấu	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
21	Azoxystrobin 11.5% + Difenoconazole 18.5%	Myscole 30SC	sương mai/hoa hồng	Công ty CP Công nghệ cao Kyoto Japan
22	Azoxystrobin 125g/l + Difenoconazole 200g/l	Takatop 325SC	phần trắng/hoa hồng	Công ty CP Hóa sinh Takashi Nhật Bản
23	Azoxystrobin 18.2% + Difenoconazole 11.4%	Astro-Top 29.6SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM DV XNK Global Ecotech
		Bizol 29.6SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Nông nghiệp Biopesticide
		Trobin Master 29.6SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Agro Việt
24	Azoxystrobin 19% + Difenoconazole 11%	Azoagri 30SC	thán thư/cà phê	Công ty CP TM SX - XNK Otuksa Nhật Bản
25	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 120g/l	Vitrobin 320SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
26	Azoxystrobin 20% + Difenoconazole 12.5%	Azobin gold 32.5SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Thiên Bình

27	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l	Adiconstar 325SC	thán thư/ cà phê, hồ tiêu; chết cây con/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Afenzole 325SC	thán thư/cà phê	United Plant Protection Co., Limited
		Amistar Top® 325SC	khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; chết cây con/ lạc; phần trắng/ hoa hồng; phần trắng, vàng lá, khô nứt vỏ/cao su; đốm lá lớn, rỉ sắt, khô vằn/ ngô; thán thư/ hồ tiêu; thán thư, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amylatop 325SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; chết cây con/lạc, phần trắng/cao su; vàng rụng lá/ cao su, phần trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Angold 325SC	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH DVNN Lộc Trời
		Artivar Helmer 325SC	nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH B.Helmer
		Asmaitop 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Azo Dino Zop 325SC	đốm đen/hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Azodife 325SC	thán thư/cà phê	Công ty CP SAM
		Azofenco 325SC	lem lép hạt/lúa	Kital Ltd.
		Hametar gold 325SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Keviar 325SC	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Mastertop 325SC	lem lép hạt/lúa; thán thư/cà phê, hồ tiêu; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Moneys 325SC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phần trắng/hoa hồng	Albaugh Asia Pacific Limited
		Ohho 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Phaybuc 325SC	chết ẻo cây con/lạc	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Star.top 325SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Supreme 325 SC	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Topmystar 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu

		TT-Over 325SC	lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; thán thư/cà phê; vàng lá/ khoai lang	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Trobin top 325SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; đốm nâu, lở cổ rễ/ lác; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt, thán thư/ cà phê; thối gốc/ lác; đốm vòng/khoai tây	Công ty TNHH Phú Nông
28	Azoxystrobin 255g/l + Difenconazole 160g/l	Citeengold 415SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH VTNN Ngọc Lan
29	Azoxystrobin (250g/l), (250g/kg) + Difenconazole (250g/l), (250g/kg)	Amity top 500SC, 500SG	500SC: khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa; phấn trắng/cao su; rỉ sắt/cà phê 500SG: đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
30	Azoxystrobin 200g/l (400g/kg) + Difenconazole 125g/l (250g/kg)	Myfatop 325SC, 650WP	325SC: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa 650WP: lem lép hạt/ lúa; nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH An Nông
31	Azoxystrobin 10g/kg, (50g/kg), (200g/l) + Difenconazole 200g/kg, (200g/kg), (125g/l)	Audione 210WP, 250WG, 325SC	210WP, 250WG: lem lép hạt/ lúa 325SC: đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
32	Azoxystrobin 200 g/l + Difenconazole 150g/l	Amass TSC 350SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Ara-super 350SC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; đốm lá/đậu tương; chết nhanh/hồ tiêu; sương mai/khoai tây	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Aviso 350SC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/ cao su; thán thư/cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
		Maxtatopgol 350SC	phấn trắng/cao su	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Mi stop 350SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		X-Glider 350SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Agrimatco Việt Nam
33	Azoxystrobin 20% + Difenconazole 15%	Hazotop 35SC	thán thư/hồ tiêu	Công ty CP TM Hải Ánh
		Lesthan 40SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
		Navitop 35SC	khô cành, khô quả/ cà phê	Công ty CP Khử trùng Nam Việt

34	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 150g/l	Anmisdotop 400SC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Asmiltatop Super 400SC	lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Azotop 400SC	đạo ôn, lem lép hạt /lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Azosaic 400SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Bi-a 400SC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Dovatop 400SC	thán thư/ điều, khoai môn; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; khô quả/cà phê; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Help 400SC, 400OD	400SC: lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn, đốm nâu/ lúa; thán thư/ hồ tiêu, hoa hồng, cà phê 400OD: thán thư/ hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH ADC
		Paramax 400SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt, đốm lá/ ngô	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yên
		Upper 400SC	lem lép hạt, đạo ôn/lúa, vàng rụng lá/ cao su; thán thư/ cà phê; nứt thân xì mũ/ cao su; chết nhanh/hồ tiêu; lở cổ rễ/thuốc lá	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Walker 400SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Western Agrochemicals
35	Azoxystrobin 25% + Difenoconazole 15%	Uni-rich 40SC	rỉ sắt/ lạc, cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
36	Azoxystrobin 30% + Difenoconazole 18%	AU-Perzoxin 48SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Authentique Việt Nam
37	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 220g/l	Majetictop 420SC	rỉ sắt/cà phê; lem lép hạt, đốm nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
38	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 175g/l	Vk.Lasstop 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
39	Azoxystrobin 325g/l + Difenoconazole 125g/l	Neoamistagold 450SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
40	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 200g/l	Amitop 450SC	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH TM Grevo

		A zol 450SC	đạo ôn/ lúa, sương mai/ khoai tây, thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Toplusa 450SC	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
41	Azoxystrobin 300g/l + Difenconazole 150g/l	Jiadepero 450SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
		Miligo 450SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
42	Azoxystrobin 270g/l + Difenconazole 180g/l	Tilgent 450SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
43	Azoxystrobin 60g/kg + Difenconazole 200g/kg + Dimethomorph 100g/kg	Novistar 360WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Nông Việt
44	Azoxystrobin 210 g/l + Difenconazole 130 g/l + Hexaconazole 50g/l	Mitop one 390SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
45	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 125g/l + Hexaconazole 50g/l	Curegold 375SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; khô cành khô quả/ cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
46	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 125g/l + Hexaconazole 100g/l	Starvil 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
47	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Osaka-Top 500SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
48	Azoxystrobin 150g/l + Difenconazole 250g/l + Tebuconazole 25g/l	Nacazol-ND 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
49	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 80 g/l + Tricyclazole 200g/l	Athuoctop 480SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
50	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 125g/l + Tricyclazole 200g/l	Mix Perfect 525SC	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; nấm hồng, vàng rưng lá/cao su; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

51	Azoxystrobin 50g/l + Difenoconazole 250g/l + Tricyclazole 255g/l	Tilgermany super 555SC	lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
52	Azoxystrobin 20.1g/l (50g/kg) + Difenoconazole 12.6g/l (150g/kg) + Sulfur 294.3g/l (560g/kg)	Titanicone 327SC, 760WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVT Việt Trung
53	Azoxystrobin 5% + Dimethomorph 20%	Yezak 25SC	loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyên giao công nghệ
54	Azoxystrobin 200 g/kg (20%) + Dimethomorph 100g/kg (10%)	Azomor 300WG	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP BVT Asata Hoa Kỳ
		Diabin 30WG	sương mai/ dưa hấu	Công ty TNHH MTV BVT Omega
		Dirobin 30WG	mốc sương/khoai tây	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
55	Azoxystrobin 20% + Dimethomorph 30%	Azomoonpro 50SC	thán thư/xoài	Công ty TNHH BVT Akita Việt Nam
		Kanbai 50WP	đốm vòng/cải bắp; giả sương mai/dưa chuột	Công ty CP Nông dược Quốc tế Nhật Bản
56	Azoxystrobin 20% + Dimethomorph 40%	Avatop 60WG	sương mai/ dưa hấu, vải	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
57	Azoxystrobin 20% + Dimethomorph 20%	Azofox 40SC	giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH BVT Thảo Điền
		Chusen 40SC	thán thư/hoa hồng; xì mù/sầu riêng	Công ty TNHH Thuốc BVT Bông Sen Vàng
58	Azoxystrobin 20% + Fenoxanil 20%	Stop Bgo 40SC	gỉ sắt/ngô	Công ty TNHH TM Nam Hải Group
59	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l	Baola 400SC	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Tân Hưng Việt Nam
60	Azoxystrobin 60g/kg + Dimethomorph 30g/kg + Fosetyl-aluminium 250g/kg	Map hero 340WP	thán thư/cà chua; giả sương mai/ dưa gang; mốc sương/ nho; đốm vòng/ bắp cải; thán thư, sương mai/ dưa hấu; thối thân, đốm nâu/ thanh long; sương mai/ cà chua; nứt thân chảy nhựa/ dưa hấu	Map Pacific Pte Ltd

61	Azoxystrobin 250 g/l (250g/kg) + Fenoxanil 200g/l (500g/kg)	Lk-Vill @ 450SC, 750WG	450SC: lem lép hạt/ lúa 750WG: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
62	Azoxystrobin 200g/kg (250g/l) + Fenoxanil 125g/kg (150g/l)	Omega 325WP, 400SC	325WP: đạo ôn/lúa; đốm vòng/ hành, sẹ/ cam 400SC: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; đốm vòng/ hành; ghẻ nhám/ cam; sương mai/bắp cải	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
63	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l	Trobin plus 400SC	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
64	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l + Hexaconazole 100g/l	Aha 500SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
65	Azoxystrobin 30g/l (60g/kg) + Fenoxanil 200g/l (350g/kg) + Kasugamycin 30g/l (40g/kg)	Surijapane 260SC, 450WP	260SC: đạo ôn/lúa 450WP: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
66	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 210g/l + Ningnanmycin 40g/l	Lazerusa 450SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
67	Azoxystrobin 10g/l + Fenoxanil 200g/l + Tebuconazole 150g/l	Chilliusa 360SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
68	Azoxystrobin 200 g/l + Fluazinam 300 g/l	Balstop 500SC	phân trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
69	Azoxystrobin 15% + Fludioxonil 15%	Chamnuri 30SC	phân trắng/hoa hồng	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
70	Azoxystrobin 150g/l (200g/l) + Flusilazole 150g/l (150g/l)	Willsuper 300EC, 350SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
71	Azoxystrobin 12% + Flusilazole 8%	Fifatop 20SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
72	Azoxystrobin 30% + Flutolanil 30%	Padnia 60WG	đốm vòng/khoai tây; đốm nâu/thanh long	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.

73	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Camilo 150SC	lem lép hạt, khô vằn, đốm nâu/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá, phấn trắng/ cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; thán thư/ xoài	Công ty TNHH ADC
		Hextop 150SC	lem lép hạt, khô vằn /lúa; vàng rụng lá/cao su; thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Inavil 150SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM Grevo
		Ori 150SC	vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
74	Azoxystrobin 8% + Hexaconazole 16%	Acaben Gold 24SC	đốm lá/hoa cúc	Công ty CP BVTN ATC
75	Azoxystrobin 80g/l + Hexaconazole 160g/l	BM Tepblast 240SC	rỉ sắt/cà phê	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
76	Azoxystrobin 10% + Hexaconazole 20%	SV-Tradimix 30WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
77	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 101g/l	Super cup 151SC	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
78	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 50g/l	Calox 250SC	vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
79	Azoxystrobin 10g/l (200g/kg) + Hexaconazole 60g/l (565g/kg)	Anforli 70SC, 765WG	70SC: khô vằn/lúa 765WG: lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTN Việt Trung
80	Azoxystrobin 250g/l + Hexaconazole 70g/l	Acatop 320SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
81	Azoxystrobin 270g/l + Hexaconazole 90g/l	Fujivil 360SC	sẹo/cam	Công ty CP Nông dược Việt Nam
82	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 40g/l + Tricyclazole 220g/l	King-cide Japan 460SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
83	Azoxystrobin 10g/l + Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 220g/l	Avas Zin 260SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
84	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 100g/l + Tebuconazole 50g/l	Acdino 350SC	lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu

85	Azoxystrobin 200 g/l + Isopyrazam 125 g/l	Reflect® Xtra 325 SC	khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
86	Azoxystrobin 3% + Jingangmycin A (Validamycin A) 9%	SV-antibacter 12WP	đốm đen/hoa hồng	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
87	Azoxystrobin 200 g/l + Kasugamycin 50 g/l	Hottawa 250SC	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Kiên Nam
		Ngonta 250SC	thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Trobinsuper 250SC	chết nhanh/hồ tiêu; thán thư/ cà phê; đạo ôn, lem lép hạt/lúa; mốc sương/khoai tây; rỉ sắt, héo xanh vi khuẩn/hoa cúc	Công ty TNHH Phú Nông
88	Azoxystrobin 50 g/kg + Mancozeb 700 g/kg	Fineluck 750WG	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
89	Azoxystrobin 7% + Mancozeb 40%	Helan 47OS	thán thư/xoài	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An
90	Azoxystrobin 20% + Metalaxyl-M 10%	Galaxyl-M 30SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH A2T Việt Nam
		Gemistar 30SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM Gem Sky
		Meazofungi 30SE	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Kết Nông
91	Azoxystrobin 28.4% + Metalaxyl-M 10.6%	Bvsupertot 39SE	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Bản Việt
92	Azoxystrobin 282g/l + Metalaxyl-M 108g/l	Tvpyranil 390SC	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Newfarm Việt Nam
93	Azoxystrobin 155g/l + Oxathiapiprolin 15g/l	Perolis 170SC	mốc sương/cà chua; giả sương mai/dưa chuột, dưa hấu	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
94	Azoxystrobin 56g/l + Prochloraz 200g/l + Tebuconazole 100g/l	Almagor 356EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
95	Azoxystrobin 110g/l + Propiconazole 185g/l	Pilarpro 295SE	đốm nâu/lạc	Công ty CP Phát triển Dịch vụ Nông nghiệp IPM
96	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 12%	Omega-Vil 32SC	chết nhanh/hồ tiêu, đốm lá/ đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

97	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 15%	Bn-azopro 35SC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, phần trắng/cao su	Công ty CP Bảo Nông Việt
98	Azoxystrobin 75g/l + Propiconazole 125g/l	Apropo 200SE	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Quilt® 200SE	đốm lá lớn/ ngô; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
99	Azoxystrobin 7% + Propiconazole 11.7%	Propazomix 18.7SC	rỉ sắt/cà phê	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
100	Azoxystrobin 1g/l (130g/l), (100g/kg) (200g/kg) + Propineb 10g/l (10g/l), (300g/kg) (10g/kg) + Tebuconazole 260g/l (200g/l), (100g/kg) (550g/kg)	Amisupertop 271EW, 340SC, 500WP, 760WG	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
101	Azoxystrobin 1g/l (260g/l), (50g/kg) + Sulfur 20g/l (10g/l), (460g/kg) + Tebuconazole 260g/l (60g/l), (250g/kg)	Topnati 281EW, 330SC, 760WP	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
102	Azoxystrobin 80 g/l + Tebuconazole 160 g/l	Buxyzole 240SC	thán thư/cà phê	Albaugh Asia Pacific Limited
103	Azoxystrobin 20% + Tebuconazole 30%	Omega-mytop 50SC	đốm lá đậu tương, rỉ sắt/ cà phê, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
104	Azoxystrobin 120g/l + Tebuconazole 200g/l	Custodia 320SC	đạo ôn, khô vằn/lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
105	Azoxystrobin 12.5% + Tebuconazole 12.5%	Carolin 25SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Hóa chất SAM
106	Azoxystrobin 200g/l (450g/kg) + Tebuconazole 200g/l (350g/kg)	Lotususa 400SC, 800WG	400SC: lem lép hạt/ lúa 800WG: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
107	Azoxystrobin 200 g/l + Tebuconazole 200 g/l	Tebaz 400SC	rỉ sắt/cà phê	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.

108	Azoxystrobin 49% + Tebuconazole 36%	Trustar 85WG	thán thư/ điều	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
109	Azoxystrobin 400g/kg + Tebuconazole 100g/kg	Maxxa 500WG	đạo ôn; lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
110	Azoxystrobin 300g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Natiduc 800WG	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
111	Azoxystrobin 260g/l (100g/kg) + Tebuconazole 60g/l (350g/kg)	Natigold 320SC, 450WG	320SC: lem lép hạt, đạo ôn /lúa 450WG: lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
112	Azoxystrobin 25% + Tebuconazole 50%	SV-Calida 75WP	đốm lá/lạc	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
113	Azoxystrobin 250g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Ameed top 750WG	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; đốm lá/ lạc, phấn trắng/ hoa hồng	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
114	Azoxystrobin 11% + Tebuconazole 18.3%	Tebazo 29.3SC	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
115	Azoxystrobin 100 g/l + Tetraconazole 80 g/l	Eminent excell 180SC	rỉ sắt/hoa cúc; phấn trắng/hoa hồng; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Kỹ thuật sinh học Mekong
116	Azoxystrobin 0.2g/kg (100g/l), (10g/kg) + Tricyclazole 79.8g/kg (225g/l), (750g/kg)	Verygold 80WP, 325SC, 760WG	80WP, 760WG: đạo ôn/ lúa 325SC: lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
117	Azoxystrobin 16.7% + Tricyclazole 33.3%	Lagan 50SC	đốm nâu/lạc	Công ty CP Bigfive Việt Nam
118	Azoxystrobin 100g/l + Tricyclazole 225 g/l	Staragro 325SC	khô vằn/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
119	Azoxystrobin 30 g/l (50g/kg) + Tricyclazole 370g/l (750g/kg)	Azobem 400SC, 800WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Chất và TM Trần Vũ
120	Azoxystrobin 20g/l + Tricyclazole 400g/l	Top-care 420SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
121	Azoxystrobin 60g/l + Tricyclazole 400g/l	Roshow 460SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
122	Azoxystrobin 15g/kg + Tricyclazole 745g/kg	Bemjapane 760WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

123	Azoxystrobin 10g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Be-amusa 810WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
124	Azoxystrobin 200g/l + Tricyclazole 300g/l	Altista top 500SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
125	Azoxystrobin 20% + Thifluzamide 5%	Tvazomide 25WP	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
126	Azoxystrobin 25% + Thifluzamide 20%	Environ 45SC	khô vằn/ngô	Công ty CP Đầu tư phát triển Apollo Việt Nam
127	Azoxystrobin 20% + Thifluzamide 10%	Azotide 30SC	khô vằn/ngô	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
128	Azoxystrobin 200g/l + Zinc thiazole (min 95%) 300g/l	Onew 500SC	loét vi khuẩn/cam; lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
129	Bạc Nano 1g/l + Chitosan 25g/l	Nano Kito 2.6SL	nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Ngân Anh
130	<i>Bacillus siamensis</i> 10 ⁸ CFU/g + <i>Streptomyces misionensis</i> 10 ⁸ CFU/g	Bio-VAAS.1	xì mũ/cam, sầu riêng	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
131	<i>Bacillus subtilis</i>	Ace Bacis 111WP	đạo ôn/ lúa, mốc xám/ cà chua, phấn trắng/ dưa chuột	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Balus 111WP	đạo ôn/lúa, phấn trắng/dưa chuột	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Biobac WP	héo xanh/ cà chua; phấn trắng/ dâu tây; thối rễ/ súp lơ, sùng rễ/ bắp cải; vàng lá thối rễ/ cam; héo xanh vi khuẩn/ ớt, hoa cúc	Bion Tech Inc.,
		Biocare WP	thán thư/sầu riêng	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Bionite WP	đốm phấn vàng, phấn trắng/ dưa chuột, bí xanh; sương mai/ nho; mốc sương/ cà chua; biến màu quả/ vải; héo vàng, chết cây con/ lạc; đen thân/ thuốc lá; đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; bệnh còng, chết cây con/ hành tây	Công ty TNHH Nông Sinh
		Mostika 10 ⁹ cfu/ml SL	chết nhanh/hồ tiêu; thối nhũn/bắp cải	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Moti-V 100WP	mốc xám/cà chua	Công ty TNHH TM Hải Thụy

		Rebaci 100WP	vàng lá thối rữa/ cam, quýt	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Subtial 100WP	khô vằn/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
132	<i>Bacillus amyloliquefaciens</i> (Bacillus subtilis) QST 713	Serenade SC	thối đen/bấp cải; loét/ cam; đạo ôn/lúa; sương mai/ hành; héo xanh vi khuẩn, đốm vòng/ cà chua; phần trắng/ dưa chuột; đốm lá/chuối; loét vi khuẩn/bưởi; héo xanh vi khuẩn/khoai tây; chết rạp cây con/ớt; đốm lá/xoài; thán thư/thanh long	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
	<i>Bacillus amyloliquefaciens</i> AT-332	Miyabi WG	phần trắng/ ớt chuông, dưa lưới	Công ty CP Việt Thắng Group
	<i>Bacillus amyloliquefaciens</i>	Antibac 10 ⁸ cfu/g WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Balucar WP	tuyến trùng/cà rốt	Công ty CP Nông Nghiệp HP
		Sinsmart SC	mốc xám/dâu tây; đốm lá vi khuẩn/cải bắp; loét/cam	Sinon Corporation
133	Bemystrobin (min 98%)	Bemy 100SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
134	Benalaxyl (min 94%)	Dobexyl 50WP	giả sương mai/ dưa hấu, đốm lá/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
135	Benthiavalicarb-isopropyl (min 91%)	Hida 15WG	mốc sương/ dưa chuột, sương mai/ khoai tây, giả sương mai/dưa hấu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
136	Benthiavalicarb-isopropyl 1.75% + Mancozeb 70.0%	Valbon 71.75WG	sương mai/ cà chua, chết nhanh/ hồ tiêu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
137	Berberine	Antiba 4SL	đốm góc cạnh vi khuẩn/ cà chua, dưa chuột	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		ET-Hebal 5SL	chết nhanh/ hồ tiêu; mốc xám/cà chua	Shanghai E-Tong Chemical Co., Ltd.
138	Bismethiazol (Sai ku zuo) (min 90%)	Agpicol 200WP	bạc lá/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Anti-xo 200WP	bạc lá, thối gốc vi khuẩn/lúa, loét vi khuẩn/ cam; thối đen vi khuẩn/bấp cải; đốm lá vi khuẩn/cà chua, đậu tương; héo xanh vi khuẩn/ớt; đốm đen vi khuẩn/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Asusu 20 WP	bạc lá/ lúa, loét/ cam	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Benita 250 WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP

		Diebiala 20SC	bạc lá/ lúa, xì mũ/ xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Kadatil 300WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Sasa 25 WP	bạc lá/lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Sansai 200 WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		TT-atanil 250WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		TT Basu 250WP	bạc lá/lúa; thối nhũn/bấp cải; héo rũ/ khoai lang; đốm lá vi khuẩn/ hành	Công ty TNHH TM Tân Thành
		VK. Sakucin 25WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Xanthomix 20 WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Nicotex
		Xiexie 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Zeppelin 200WP	bạc lá/lúa, phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
139	Bismerthiazol 15% + Copper hydroxide 60%	TT-Tařin 75WP	bạc lá/lúa; sương mai/khoai tây	Công ty TNHH TM Tân Thành
140	Bismerthiazol 350 g/kg + Fenoxanil 450 g/kg	Broken 800WP	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
141	Bismerthiazol 250g/kg + Fenoxanil 400g/kg + Sulfur 100g/kg	Bikin 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
142	Bismerthiazol 150g/kg + Gentamicin sulfate 15g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	ARC-clench 215WP	bạc lá, lép vàng vi khuẩn/lúa; héo rũ/hồ tiêu; đốm đen xì mũ/xoài	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Riazor 215WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
143	Bismerthiazol 150g/l + Hexaconazole 450g/l	TT-bemdex 600SC	khô vằn, bạc lá/ lúa; thán thư, nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành

144	Bismerthiazol 190 g/kg + Kasugamycin 10g/kg	Probicol 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
145	Bismerthiazol 290g/kg (475g/l) + Kasugamycin 10g/kg (25g/l)	Nanowall 300WP, 500SC	bạc lá/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
146	Bismerthiazol 200g/kg + Oxytetracycline hydrochloride 20g/kg	Tokyo-Nhật 220WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
147	Bismerthiazol 200g/kg + Oxolinic acid 200g/kg	Captivan 400WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Longantivo 400WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
148	Bismerthiazol 200 g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Probencarb 250WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
149	Bismerthiazol 150g/kg + Tecloftalam (min 96%) 100g/kg	Kasagen 250WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sieu sieu 250WP	bạc lá/ lúa; đốm sọc vi khuẩn/ lúa, ngô	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
150	Bismerthiazol 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Bitric 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
151	Bismerthiazol 400g/kg + Tricyclazole 375g/kg	Antigold 775WP	đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
152	Bismerthiazol 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Bimplus 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Tigondiamond 800WP	bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
153	Bismerthiazol 200g/kg + Tricyclazole 400g/kg + Sulfur 200g/kg	Antimer-so 800WP	bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
154	Bordeaux mixture (min 83.05%)	BM Bordeaux M 25WP, 25WG	25WP: sương mai/ cà chua, ri sắt/ cà phê, sẹ/cam, táo đỏ/hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su, thán thư/ điều 25WG: ri sắt/cà phê; nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Ngân Anh

		IC-Top 28.1SC	loét vi khuẩn/ cam; sương mai/ nho	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát
155	Boscalid (min 96%)	Ac-Bosca 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Bonito 50WG	mốc xám/nho	Zhejiang Udragon Pesticides and Chemicals Co., Ltd.
		Boss cat 50WG	lở cổ rễ/hoa cúc	Công ty CP BMC Việt Nam
		Bosstar 25SC	phần trắng/ nho	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Entry 500 WG	thối quả/ xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Dontrump 500WG	mốc xám/ớt	Công ty TNHH US Agro
		Gap-boss 300SC	già sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Gap Agro
		Grude 50WG	mốc xám/nho	Công ty CP Nông dược HAI
		Kimono.apc 50WG	sương mai/đậu tương; lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		MDBosdan 500WG	thán thư/hồ tiêu; mốc xám/ớt	Công ty CP Mạnh Đan
		Noducalid 50WG	đốm đen/hoa hồng	Công ty TNHH Nông dược Miền Nam
		Wasaki 250SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TCT Hà Nội
156	Boscalid 240 g/l + Fludioxonil 60 g/l	Bolini 300SC	già sương mai/dưa chuột; thán thư/xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
157	Boscalid 15% + Iprodione 20%	Boslid 35SC	phần trắng/dưa chuột; đốm vòng/cà chua	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
158	Boscalid 20% + Kresoxim-methyl 10%	Phonrx 30SC	phần trắng/dưa chuột	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
159	Boscalid 200g/l + Kresoxim-methyl 100g/l	Kelme 300SC	mốc xám/ớt	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
160	Boscalid 25% + Pyraclostrobin 10%	Mustang 35SC	thán thư/ hồ tiêu	Zhejiang Udragon Pesticides and Chemicals Co., Ltd.

161	Boscalid 25% + Pyraclostrobin 13%	Kangaroo 38WG	thán thư/hoa hồng	Công ty TNHH thuốc BVTV NCC
		Rustona 38WG	đốm nâu/thanh long	Công ty TNHH Agro Việt
162	Boscalid 25.2% (252 g/l) + Pyraclostrobin 12.8% (128g/l)	Astra Boss 38WG	mốc sương/khoai tây	Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Klever
		Bibos 380SC	sẹo/ cam, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Boscalos 380SC	thán thư/ớt	Công ty CP Tập đoàn Japex
		Boss-B 380SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
		Bostrobin 380SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Lessick 38WG	thán thư/ ớt, sâu riêng; đốm vòng/hành	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Migu 38WG	già sương mai/dừa chuột	Công ty TNHH Nam Bộ
		Mokoni 380SC	thán thư/cà chua	Công ty CP Nông nghiệp HP
		New Boss 380SC	thán thư/ớt	Công ty CP S New Rice
		VT-Trocalid 38 SC	phân trắng/hoa hồng	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
163	Boscalid 20% + Pyraclostrobin 10%	Fujiboss 30SC	sương mai/nho	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Roteva 30SC	sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd.
164	Boscalid 26.5% + Pyraclostrobin 6.5%	Fortine 33SC	thán thư/hồ tiêu	Forward International Ltd
165	Boscalid 420 g/l + Trifloxystrobin 140 g/l	Tribo 560SC	thán thư/ xoài	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
166	Bromothalonil (min 95%) 20% + Cuppric nonyl phenolsulfonate (min 92%) 5%	Shirako 25ME	phân trắng/hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam

167	Bromothalonil 25% + Kasugamycin 2%	IKD-Tamu 27WP	đốm nâu/lạc	Công ty CP Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ sinh học IKD – Hoa Kỳ
168	Bromothalonil 370 g/kg + Myclobutanil 130 g/kg	Ang-Sachbenh 500WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
169	Bronopol (min 99%)	Totan 200WP	bạc lá, lép vàng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Xantocin 40WP	bạc lá, thối gốc do vi khuẩn/lúa; chết chậm/hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		TT-biomycin 40.5WP	bạc lá, lem lép hạt do vi khuẩn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
170	Bronopol 450g/kg + Salicylic acid 250g/kg	Sapol 700WP	bạc lá, thối bẹ/lúa; héo xanh vi khuẩn/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sieukhuan 700WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
171	Bupirimate (min 98%)	Ω-Buri 25ME	đạo ôn/ lúa, giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
172	<i>Burkholderia</i> sp. strain A396	Majestene 94.46 SL	tuyến trùng/cà phê, cà chua	Công ty CP Hợp Trí Summit
173	Calcium Polysulfide	Lime Sulfur	phấn trắng/ nho, sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH ADC
174	Carpropamid (min 95%)	Newcado 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
175	Carvacrol 0.1% + Eugenol 2%	Senly 2.1SL	bạc lá, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ bí xanh; giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt	Công ty TNHH Trường Thịnh
176	<i>Chaetomium cupreum</i>	Ketomium 1.5 x 10 ⁶ Cfug bột	thối rễ, thối thân/ cà phê, hồ tiêu; đạo ôn/ lúa; héo rũ/ cà chua; đốm lá, phấn trắng/ cây hồng	Viện Di truyền nông nghiệp
		Vaciline 10 ⁶ SC	thán thư/ớt; đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao
177	<i>Chaetomium</i> sp. 1.5 x 10 ⁶ cfu/ml + <i>Trichoderma</i> sp 1.2 x 10 ⁴ cfu/ml	Mocabi SL	sung rỗ, héo vàng/ bắp cải; héo vàng/ cà chua; thối gốc, thối lá/ hành tây; lem lép hạt/ lúa; thối gốc/ hồ tiêu; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Nông Sinh
178	Chitosan	Fusai 50SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Jolle 1SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ vải, xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

		Kaido 50SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ xoài, vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Stop 5 SL, 15WP	5SL: tuyến trùng/cà rốt, cà chua, thanh long, hoa huệ, xà lách; héo dây, cháy lá, thối rễ, thối gốc/dưa hấu 15WP: tuyến trùng/ cà rốt; sương mai/ dưa chuột; đốm nâu, đốm xám, thối búp, thối rễ, tuyến trùng/ chè; đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Ngân Anh
		Thumb 0.5SL	bạc lá, khô vằn, đạo ôn/ lúa; phần trắng/ bí xanh; giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt; tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Nam Bắc
		Tramy 2 SL	tuyến trùng/ cải xanh, xà lách, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, bệnh héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; tuyến trùng, mốc sương/ dưa hấu; héo rũ/ lạc; đạo ôn, tuyến trùng/ lúa; đốm lá/ngô; thối quả/ vải, xoài; mốc xám/ xà lách	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Vacxilplant 8 SL	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM – SX Phước Hưng
		Yukio 50SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
179	Oligo-Chitosan	Rizasa 3SL	đạo ôn, lem lép hạt, kích thích sinh trưởng/ lúa; thối ngọn, kích thích sinh trưởng/ mía; kích thích sinh trưởng/ chè; mốc xám, kích thích sinh trưởng/ đậu tây; phần trắng, rỉ sắt, kích thích sinh trưởng/ đậu hà lan; mốc sương, kích thích sinh trưởng/ cà chua	Công ty TNHH Ngân Anh
180	Chitosan 5g/l + Kasugamycin 20g/l	Premi 25SL	lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
181	Chitosan tan 0.5% + Nano Ag 0.1%	Mifum 0.6SL	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
182	Chitosan 10g/l (10g/kg)+ Ningnanmycin 10g/l (17g/kg)	Hope 20SL, 27WP	bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
183	Chitosan 20g/kg + Nucleotide 5g/kg	Daone 25WP	thán thư quả/vải; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

184	Chitosan 2% + Oligo-Alginate 10%	2S Sea & See 12WP, 12SL	12WP: đốm vòng/ cà rốt; thối đen vi khuẩn/ súp lơ xanh; rỉ sắt/ hoa cúc; kích thích sinh trưởng/ cải xanh, chè; đốm nâu, đốm xám/ chè 12SL: đốm vòng/ cà rốt; thối đen vi khuẩn/ bắp cải; rỉ sắt/ hoa cúc; kích thích sinh trưởng/cải xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
185	Chitosan 19g/kg + Polyoxin 1g/kg	Starone 20WP	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; phần trắng/ xoài; lở cổ rễ/ bắp cải, thối búp/chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
186	Chitosan 1g/l (1g/kg) + Polyoxin B 20g/l (21g/kg)	Stonegold 21SL, 22WP	21SL: đạo ôn, lem lép hạt/lúa 22WP: đạo ôn, bạc lá/ lúa; thán thư/ vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
187	Chlorobromo isocyanuric acid (min 85%)	Hoả tiễn 50 SP	bạc lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
188	Chlorothalonil (min 98%)	Agronil 75WP	khô vằn/ lúa, sương mai/ dưa hấu	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Anhet 75WP	giả sương mai/dưa hấu, đốm lá/hành	Công ty CP Futai
		Arygreen 75 WP, 500SC	75WP: đốm vòng/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, vải thiều; đốm lá/ hành; thán thư/ xoài, điều 500SC: thán thư/ điều, xoài; đốm lá/ hành, lạc; giả sương mai/ dưa hấu; sương mai/ cà chua, vải; chết rạp cây con/ ớt, ghê sọc/cam	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Binhconil 75 WP	đốm lá/ lạc; đốm nâu/ thuốc lá; khô vằn/ lúa; thán thư/ cao su	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Carnival 720SC	thán thư/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Chionil 750WP	thán thư/xoài; đốm lá/ hành; đốm vòng/ cà chua; giả sương mai/ dưa chuột; chết cây con/ ớt	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Clearner 75WP	sương mai/ dưa hấu; thán thư/ớt, xoài; sọc/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Cornil 75WP, 500SC	sương mai/ khoai tây	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Daconil 75WP, 500SC	75WP: phần trắng/ hoa hồng, dưa chuột; đốm lá/ hành, chè; bệnh đồ ngã cây con/ bắp cải, thuốc lá; đạo ôn, khô vằn/ lúa; thán thư/ vải, ớt, xoài, chanh leo, thanh long; sọc, Melanos/ cam; mốc sương/	Công ty CP Việt Thắng Group

		khoai tây; giả sương mai/dưa hấu; phần trắng, mốc sương/ cà chua; sương mai/khoai tây 500SC: đốm lá/lạc; thán thư/xoài, chè, dưa hấu, nhãn, chanh leo; mốc sương/cà chua; giả sương mai/dưa chuột; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; phần trắng/ nho, vải; sẹo, Melanos/cam; mốc sương/ khoai tây; sương mai/ súp lơ, mướp; sương mai, thán thư, rỉ sắt/đậu cove; đốm lá/ cà tím; đốm mắt cua, thối cổ rễ/ mồng toi; đốm mắt cua, phần trắng/ ớt; lở cổ rễ/ su hào; sương mai, lở cổ rễ, mốc xám/ rau cải; rỉ sắt, sương mai, thán thư/đậu đũa; rỉ trắng/rau muống	
	Damssi 720SC	giả sương mai/ dưa chuột; đốm nâu/thanh long; sẹo/cam; thán thư/xoài, cà phê	Công ty CP Cửu Long
	Duruda 75WP	giả sương mai/ dưa hấu	FarmHannong Co., Ltd.
	Forwanil 50SC, 75WP	50SC: khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê 75WP: đốm vòng/ cà chua, đốm nâu/ lạc, sương mai/ bắp cải	Forward International Ltd
	Fungonil 75WP	thán thư/cam	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
	Ronil 75WP	thán thư/xoài	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
	Rothanil 75 WP	rỉ sắt/ lạc	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
	Samconil 500SC	phần trắng/hoa hồng	Công ty CP SAM
	Sinlonil 75WP	sương mai/dưa hấu	Sinon Corporation
	Sulonil 720SC, 750WP	720SC: sương mai/ dưa chuột, cà chua; đốm lá/ lạc; giả sương mai/ dưa chuột 750WP: đốm lá/ lạc, mốc sương/ cà chua	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
	Top Line 75WP	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
	Thalonil 75 WP	sương mai/ dưa hấu, đốm vòng/ cà chua	Longfat Global Co., Ltd.
189	Chlorothalonil 375g/l + Cymoxanil 50g/l	Trimox 425SC	phần trắng/hoa hồng Albaugh Asia Pacific Limited

190	Chlorothalonil 60% (600g/kg) + Cymoxanil 15% (150g/kg)	Cythala 75 WP	khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
		Dipcy 750WP	phần trắng/hoa hồng	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Thacynil 750WP	rỉ sắt/cà phê; phần trắng/hoa hồng; thán thư/điều	Công ty CP Kiên Nam
191	Chlorothalonil 500g/l + Dimethomorph 100g/l	Mixtan 600SC	mốc sương/cà chua; giả sương mai/dưa chuột	Albaugh Asia Pacific Limited
192	Chlorothalonil 600g/l + Fluoxastrobin (min 94%) 60g/l	Evito-C 660SC	đốm nâu/thanh long	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
193	Chlorothalonil 30% + Fosetyl-aluminium 50%	Calaeti 800WP	chết nhanh/ hồ tiêu; giả sương mai/dưa hấu; sương mai/vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
194	Chlorothalonil 500g/l + Hexaconazole 50g/l	Tisabe 550 SC	rỉ sắt/ cà phê; khô vằn/lúa; thán thư/dưa hấu, điều, xoài; đốm vòng/hành; vàng rụng lá/ cao su; ghẻ nhám/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
195	Chlorothalonil 500g/l + Hexaconazole 55g/l	Rubygold 555SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
196	Chlorothalonil 8% (80g/kg) + Mancozeb 56% (560 g/kg)	Mdancozeb 640WP	giả sương mai/dưa chuột; thán thư/vải	Công ty CP Mạnh Đan
		Romandine 64WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Radiant AG
197	Chlorothalonil 125g/kg + Mancozeb 625g/kg	Elixir 750WG	thán thư/dưa hấu, ớt, xoài, sầu riêng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
198	Chlorothalonil 400g/l + Metalaxyl 40g/l	Mechlorad 440SC	loét sọc mặt cao/cao su	Công ty CP Bình Điền MeKong
199	Chlorothalonil 600g/kg + Metalaxyl 50g/kg	Dobins 650WP	rỉ sắt/ đậu tương, thán thư/ hồ tiêu, sương mai/ khoai tây	Công ty CP Nông dược Việt Thành
200	Chlorothalonil 40% + Metalaxyl-M 4%	Kevlar 44SC	phần trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
201	Chlorothalonil 200g/kg + Propineb 600g/kg	Dr.Green 800WP	thán thư/ xoài, sươngmai/dưa hấu	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
202	Chlorothalonil 400g/l + Mandipropamid (min 93%) 40g/l	Revus Opti [®] 440SC	sương mai/ cà chua, mốc sương/ dưa chuột, nứt dây/ dưa hấu, thán thư/ xoài, đốm vòng, mốc sương/khoai tây, thán thư, thối rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

203	Chlorothalonil 400 g/l + Oxathiapiprolin 6g/l	Orondis® Opti 406SC	giả sương mai/dừa chuột, dừa hấu; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
204	Chlorothalonil 15% + Sulfur 35%	Suflonil 50SC	rỉ sắt/ hoa hồng	Công ty TNHH A2T Việt Nam
205	Chlorothalonil 20% (200g/kg) + Thiram 50% (500g/kg)	Extra Gold 70WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		TDC Mix 700WP	đốm lá/đậu tương	Công ty TNHH TDC Thành Nam
206	Chlorothalonil 35% (530g/l) + Tricyclazole 45% (25g/l)	Vanglany 80WP, 555SC	80WP: khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn, thối bẹ/ lúa 555SC: thán thư/ cao su; đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
207	Chlorothalonil 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Kimone 750WP	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt, đạo ôn/lúa, thán thư/cao su, thối củ/gừng	Công ty CP Nông dược Agriking
208	Citrus oil	MAP Green 6SL	thối búp, bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/ chè; thán thư/ ớt; mốc sương, bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nho; phấn trắng/ bầu bí; bọ phấn/ cà chua; bọ nhầy/ cải ngọt; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ dừa chuột; thán thư/ xoài; nhện lông nhung/nhãn; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều, chết éo cây con/lạc, xì mũ/cam, thán thư/điều; vàng rụng lá/ cao su; thán thư/ cà phê	Map Pacific Pte Ltd
209	Cnidiadin	Wifi 1.0EW	sương mai/ dừa chuột	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
210	Copper abietate (min 90%)	Abi copper 230EC	đốm lá/lạc	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Cocan 23EC	bạc lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Tiên Tiến
211	Copper abietate 25% + Pyraclostrobin 5%	Pyracoper 30SC	rỉ sắt/lạc	Công ty TNHH TAT Hà Nội
212	Copper acetate (min 98%)	Layboy 200WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
213	Copper acetate 4% + Moroxydine hydrochloride (min 98%) 16%	Hoby 200WP	xoăn lá/thuốc lá; bạc lá/lúa	Công ty TNHH Được Mùa

214	Copper acetate 5% + Moroxydine hydrochloride 15%	Killvirus 20WP	Mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Deutschland Việt Nam
215	Copper acetate 10% + Moroxydine hydrochloride 10%	Nevicopper 20WP	đốm nâu/lạc	Công ty CP Newfarm Việt Nam
		Tateria 20WP	xoăn lá/thuốc lá	Công ty TNHH TAT Hà Nội
216	Copper acetate 23% + Propamocarb 28%	ML-Acemocab 51SL	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Hoá chất Nông dược Minh Linh
217	Copper citrate (min 95%)	Ải vân 6.4SL	bạc lá, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Heroga 64SL	lở cổ rễ/ đậu tương, lạc; tuyến trùng/ hồ tiêu; bạc lá, đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
218	Copper Hydroxide (min Cu 57.3%)	Ajily 77WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Champion 37.5SC, 57.6 DP, 77WP	37.5SC: đốm rong, chết chậm/hồ tiêu; táo đỏ/cà phê 57.6DP: rụng quả, táo đỏ/cà phê 77WP: nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH Nufarm Việt Nam
		Chapaon 770WP	sương mai/khoai tây	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Copperion 77WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP VT NN Việt Nông
		Kocide® 46.1 WG	thán thư/ điều; bạc lá/ lúa; sương mai/khoai tây; chết nhanh, thán thư/ hồ tiêu; thán thư, thối rễ/cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Funguran-OH 50WP	bạc lá/ lúa; rỉ sắt/cà phê; sương mai/khoai tây; thán thư/hồ tiêu	Agspec Asia Pte Ltd
		Hidrocop 77WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Map-Jaho 77 WP	rỉ sắt/ cà phê	Map Pacific Pte Ltd
		Omega-copperide 77WP	đốm lá/đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		VT-Copper 77WP	đốm nâu/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Zisento 77WP	khô cành khô quả/cà phê	Công ty CP Nicotex

219	Copper Hydroxide 22.9% + Copper Oxychloride 24.6%	Oticin 47.5WP	bạc lá/lúa; rỉ sắt/ hoa cúc	Công ty TNHH TM Tân Thành
220	Copper Hydroxide 461g/kg + Cymoxanil 60g/kg	Cipi 521WG	mốc sương/khoai tây	Agria S.A.
221	Copper Oxychloride (min Cu 55%)	Bacba 85WP	đốm đen/hoa hồng	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		BM super COC 85WP	thán thư/điều	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		Cocadama 85 WP	chết chậm/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Copercide 50WP	mốc sương/khoai tây	Công ty CP SAM
		Curenoc 85WP, 85WG	85WP: chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/ điều; nấm hồng/ cao su 85WG: tảo đỏ/hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su, thán thư/điều	Công ty TNHH Ngân Anh
		Đồng Cloruloxi 30 WP	sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Việt Thắng
		Epolists 85WP	bạc lá/lúa, rỉ sắt/cà phê, thán thư/ điều	Công ty CP Thanh Điền
		Incopper 85WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Isacop 65.2WG	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Kỹ thuật Sinh học Mekong
		Oxi-cup 85WG	thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM Vĩnh Thạnh
		Oxicop 50WP	đốm nâu/ lạc	Công ty TNHH Agro Việt
		PN-Copercide 50WP	đốm lá, thối thân/ lạc; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Phương Nam - Việt Nam
		Romio 300WP	sương mai/ khoai tây	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Supercook 85WP	đốm lá/lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Vidoc 30 WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
222	Copper Oxychloride 29% + Cymoxanil 4% + Zineb 12%	Dosay 45 WP	sương mai/ khoai tây; vàng rụng lá/cao su	Agria S.A.
223	Copper Oxychloride 16% + Kasugamycin 0.6%	New Kasuran 16.6WP	bạc lá/lúa, nấm hồng/cà phê, thán thư/điều; phấn trắng/ cao su; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

224	Copper Oxychloride 45% + Kasugamycin 2%	Copper gold 47WP	nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
		Kargate 470WP	phần trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH B.Helmer
		TDC Kasu 47WP	thán thu/hoa hồng	Công ty TNHH TDC Thành Nam
225	Copper Oxychloride 45% + Kasugamycin 5%	BL. Kanamin 50WP	phần trắng/ khoai tây, thán thu/ hoa hồng	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		BV. Cropamin 50WP	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Kasuran 50WP	cháy lá do vi khuẩn <i>Pseudomonas</i> spp/ cà phê, bệnh thối do vi khuẩn/ đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Kusuman 50WP	phần trắng/hoa hồng; héo xanh vi khuẩn/lạc	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
226	Copper Oxychloride 755g/kg + Kasugamycin 20g/kg	Reward 775WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
227	Copper oxychloride 756g/kg + Kasugamycin 57g/kg	Phesolcheck 813 WP	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
228	Copper Oxychloride 39% + Mancozeb 30%	CocMan 69 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
229	Copper Oxychloride 43% + Mancozeb 37%	Cupenix 80 WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
230	Copper Oxychloride 47% + Metalaxyl 8%	Coup 55WP	chết nhanh/hồ tiêu; sương mai/khoai tây	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
231	Copper Oxychloride 50% + Metalaxyl 8%	Viroxyl 58 WP	sương mai/ khoai tây, chết vàng cây con/ lạc, chết chậm/hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
232	Copper Oxychloride 60% + Oxolinic acid 10%	Sasumi 70WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
233	Copper Oxychloride 6.6% + Streptomycin 5.4%	Batocide 12 WP	bạc lá/ lúa, giác ban/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
234	Copper Oxychloride 45% + Streptomycin sulfate 5%	K.Susai 50WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

235	Copper Oxychloride 17% + Streptomycin sulfate (Streptomycin) 5% + Zinc sulfate 10%	PN-balacide 32WP	bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, đen lép hạt/ lúa; bệnh thối lá/ cây hoa huệ; bệnh thối hoa/ cây hoa hồng; héo xanh/ khoai tây	Công ty TNHH Phương Nam - Việt Nam
		Vicilin 32WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
236	Copper Oxychloride 175g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg + Zinc sulfate 100g/kg	Parosa 325WP	bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/ lúa; mốc xám/ hoa hồng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
237	Copper Oxychloride 300g/kg + Zineb 200g/kg	Zincopper 50WP	rỉ sắt/ cà phê, phấn trắng/ cao su, đốm lá/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Vizincop 50WP	rỉ sắt, nấm hồng/cà phê, phấn trắng/cao su; thán thư/ điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
238	Copper Oxychloride 17% + Zineb 34%	Copforce Blue 51WP	rỉ sắt/ cà phê, mốc sương/khoai tây, thán thư/ hồ tiêu, đốm đen/ hoa hồng,	Agria S.A.
239	Copper sulfate pentahydrate (min 98%)	Super mastercop 21SL	bạc lá/lúa, rụng lông chết dây/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Phyton 240SC	thán thư/ cà phê	Công ty CP Hợp Trí Summit
240	Copper sulfate (Tribasic) (min 98%)	Bordocop super 25WP	xì mũ/cao su	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Cuproxat 345SC	rỉ sắt/ cà phê, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Nufarm Việt Nam
		Dia Thuong Vuong 27.12SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Đồng Hóc Môn 24.5SG	đốm mắt cua/ thuốc lá	Công ty CP Hóc Môn
		Novicure 400WG	thán thư/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Omega-coppersul 70WG	đốm lá/ đậu tương, thán thư/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
241	Copper sulfate (Tribasic) 345 g/l + Cymoxanil 35 g/l	Moltovin 380SC	bạc lá/ lúa; mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Nufarm Việt Nam

242	Copper sulfate (Tribasic) 15% + Difenconazole 15%	Sita 30SC	rỉ sắt/hoa cúc	Công ty TNHH Master AG
243	Copper sulfate 47.15% + Mancozeb 30%	Cuprofix Dispress 77.15WG	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
244	Copper sulfate (Tribasic) 78.520% + Oxytetracycline 0.235% + Streptomycin 2.194%	Cuprimicin 500 81 WP	bạc lá/ lúa, chết chậm/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
245	Cucuminoid 5% + Gingerol 0.5%	Stifano 5.5SL	thối nhũn, sương mai/ rau họ thập tự; bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/ lúa; thối gốc, chết cây con/ lạc, đậu đũa; héo xanh, mốc sương, héo vàng, xoắn lá/ cà chua, khoai tây; héo xanh, giả sương mai/ dưa chuột, bầu bí; đốm lá, thối gốc, bệnh còng/ hành; chảy gôm, thối nâu quả/ cam, quýt; khô hoa rụng quả/ vải; phòng lá, châm xám/ chè; đốm đen, sương mai/ hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
246	Cuprous Oxide (min 97%)	Norshield 58WP, 86.2WG	58WP: vàng lá thối rữa/ cà phê 86.2WG: thán thư/ điều, bạc lá/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Onrush 86.2WG	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Redpoint 86WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
247	Cuprous Oxide 60% + Dimethomorph 12%	Eddy 72WP	chết nhanh/hồ tiêu; thối quả/ ca cao; mốc sương/ khoai tây; vàng lá thối rữa/ cà phê, chết ẻo/ đậu xanh	Công ty CP Hợp Trí Summit
248	Cuprous oxide 60% + Metalaxyl-M 6%	Mecup 66WP	mốc sương/khoai tây; phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
249	Cyazofamid (min 93.5%)	Brilliant 35SC	giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Camaro 100SC	giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH Đuốc Mùa
		Cyfarost 100SC	thán thư/vải; phấn trắng/dưa chuột	Công ty CP Kiên Nam
		Famid 500SC	giả sương mai/dưa chuột	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Foxpro 100SC	giả sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Khử trùng Việt Nam

		Goalman 100SC	sương mai/cà chua	Công ty TNHH Goal
		Hafamid 100SC	già sương mai/dưa chuột	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp Hà Lan
		NewFami 100SC	sương mai/ cà chua	Công ty CP S New Rice
		Rancher 100 SC	sương mai/ vải	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Ranman 10 SC	sương mai/ cà chua, nho, dưa hấu, khoai môn; già sương mai/ dưa chuột.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Shield-fast 200SC	sương mai/cà chua	Công ty TNHH SX và TM RVAC
		Showbiz 16SC	mốc sương/khoai tây	Công ty CP BMC Việt Nam
		Sirocco 100SC	sương mai/hoa hồng	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Valent 20SC	mốc sương/khoai tây	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Vithamid 100SC	già sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Agro Việt
		Xanhdot 20SC	thối đen quả/ca cao; sương mai/nho	Công ty TNHH World Vision (VN)
250	Cyazofamid 10% (8%) + Cymoxanil 30% (16%)	Sunmofamid 40WP, 24SC	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
251	Cyazofamid 85 g/l + Cymoxanil 170 g/l	Pilarzox 255SC	sương mai/ khoai tây	Pilarquim (Shanghai) Co., Ltd
		Pilax Gold 255SC	ri sắt/cà phê	Công ty CP S New Rice
252	Cyazofamid 8% + Dimethomorph 32%	Akita-Konho 40SC	sương mai/vải	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
253	Cyazofamid 8% + Dimethomorph 40%	NBC-Vixlet 48SC	mốc sương/cà chua	Công ty TNHH Nam Bắc
254	Cyazofamid 5% + Dimethomorph 25%	Cyamet 30SC	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH TM Agri Green
255	Cyazofamid 7.5% + Dimethomorph 22.5%	Silt cyme 30SC	mốc sương/cà chua	Công ty CP Tập đoàn King Elong
256	Cyazofamid 10% + Dimethomorph 30%	Boocpha 40SC	già sương mai/dưa hấu	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Cyazo Cap 40SC	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Hóa sinh Mũ Xanh

		Cymobgo 40SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM Nam Hải Group
257	Cyazofamid 100g/l + Dimethomorph 300g/l	Zomo 400SC	sương mai/cà chua; thối thân xì mủ/sầu riêng	Công ty TNHH TM Vĩnh Thạnh
258	Cyazofamid 5% + Fluazinam 25%	Pickup 30SC	đốm đen/hoa hồng	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
259	Cyazofamid 100g/l + Fluazinam 300g/l	Abita gold 400SC	nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
260	Cyazofamid 100 g/l + Flumorph (min 96%) 200g/l	Cyfamo 300SC	giả sương mai/ dừa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
261	Cyazofamid 10% + Oligosaccharins 2%	ACE Vacxin 12SC	giả sương mai/dừa chuột	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
262	Cyazofamid 4% + Pyraclostrobin 20%	Raduten 24SC	giả sương mai/dừa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
263	Cyazofamid 10% + Pyraclostrobin 20%	Nacybin 30SC	mốc sương/khoai tây; giả sương mai/dừa hấu	Nanjing Agrochemical Co. Ltd.
264	Cyazofamid 10% + Pyraclostrobin 25%	Globole Master 35SC	phấn trắng/dừa chuột	Công ty TNHH A2T Việt Nam
265	Cyazofamid 100g/l + Trifloxystrobin 250g/l	Cyrobin 350SC	giả sương mai/dừa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
266	Cyclobutrifluram (min 95%)	Vaniva® 450 SC	tuyến trùng/ cà phê, cam, thanh long, sầu riêng; vàng lá thối rễ/cam	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
267	Cyflufenamid (min 97%)	Cyflamid 5EW	phấn trắng/dừa chuột	Sumitomo Corporation Vietnam LLC
268	Cymoxanil 10% + Dimethomorph 40%	Copperaniltv 50WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Newfarm Việt Nam
269	Cymoxanil 20% + Dimethomorph 50%	Limo 70WG	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Sun Momobul 70WG	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hagrochem
270	Cymoxanil 25% + Famoxadone 25%	TT-Taget 50WG	đạo ôn/ lúa, sương mai/ khoai tây, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành

271	Cymoxanil 30% (300g/kg) + Famoxadone 22.5% (225g/kg)	Cyfa 525WG	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Equation® 52.5WG	khô vằn, bạc lá, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Fushi 52.5WG	đốm đen/hoa hồng; mốc sương/khoai tây	Công ty CP BVTV I TW
		RBC-Famonil 52.5WG	mốc sương/khoai tây	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Teamwork 525WG	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
272	Cymoxanil 8% (80g/kg) + Fosetyl-aluminium 64% (640g.kg)	Cymozeb Gold 720WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Foscy 72 WP	chết cây con/ thuốc lá, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Đồng Xanh
273	Cymoxanil 8% (80g/kg) + Mancozeb 64% (640g/kg)	Bigzeb 72WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Cajet-M10 72WP	chết dây/ hồ tiêu; sương mai/ khoai tây; đốm lá/lạc, rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Carozate 72WP	chết nhanh, chết chậm/hồ tiêu; rỉ sắt/cà phê; sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Curzate®-M8 72WP	chết héo dây/ hồ tiêu, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Cycozeb 720WP	sương mai/khoai tây	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Cymanil 720WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Nông nghiệp CMP
		Cymoplus 720WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Cyxazebindia vb 72WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
		Dolphin 720WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Iprocymán 72WP	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Futai
		Jack M9 72 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Hacyco 72WP	phân trắng/hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ảnh

		Kanras 72WP	sương mai/ hoa hồng, loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH Việt Thắng
		Manconil 72WP	chết nhanh/hồ tiêu; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Global Farm
		Navi-M8 72WP	sương mai/khoai tây	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Niko 72WP	sương mai/ hoa hồng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Razocide 720WP	loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Simolex 720WP	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Victozat 72WP	phân trắng/ hoa hồng, rỉ sắt/ cà phê, sương mai/ khoai tây	Công ty CP Long Hiệp
		Xanized 72 WP	loét sọc mặt cạo/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Nông nghiệp HP
274	Cymoxanil 8% + Mancozeb 67%	Cyzate 75WP	chết nhanh/ hồ tiêu, rỉ sắt/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
275	Cymoxanil 8% (8%) + Macozeb 60% (64%)	Kin-kin Bul 68WG, 72WP	72WP: vàng rụng lá/cao su, sương mai/ khoai tây 68WG: chết cây con/thuốc lá; sương mai/khoai tây; loét sọc mặt cạo/cao su	Agria S.A.
276	Cymoxanil 5% + Mancozeb 68%	Nautile 73WG	chết chậm/ hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam
277	Cymoxanil 40g/kg + Mancozeb 720g/kg + Metalaxyl 40g/kg	Ridoxanil 800WP	loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Cali Agritech USA
278	Cymoxanil 50g/l + Propamocarb.HCl 400g/l	Ambora Duo 450SC	mốc sương/khoai tây	Agria S.A.
279	Cymoxanil 60g/kg + Propineb 640g/kg	Antramix 700WP	khô vằn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
280	Cymoxanil 6% (60g/kg) + Propineb 70% (700g/kg)	Cyxazebindiavb 72WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
		Tracomix 760WP	lem lép hạt/ lúa; thán thư/điều	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
		Vival 760WP	đốm lá/ lạc; phân trắng/cao su	Công ty CP Nông dược HAI
281	Cymoxanil 8% + Propineb 70%	Rudy 78WP	sương mai/ khoai tây, thán thư/ điều	Công ty CP Cửu Long

282	Cymoxanil 40% + Pyraclostrobin 20%	AU-Morax 60WG	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Authentique Việt Nam
283	Cyproconazole (min 94%) 50g/l + Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 250g/l	Thecyp 350SE	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông tín AG
284	Cyproconazole 75 g/kg + Mancozeb 700 g/kg	Zenlovo 775WP	rỉ sắt/ đậu tương, đốm đen/hoa cúc	Công ty CP Nông nghiệp HP
285	Cyproconazole 80 g/l + Picoxystrobin 200 g/l	Acapela System® 280SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Picosuper 280SC	rỉ sắt/đậu tương, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
286	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 250g/l	Forlita Gold 330EC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Kinazole 330EC	đốm nâu/lạc; rỉ sắt/cà phê; phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Kiên Nam
		Neutrino 330EC	khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Lion Agrevo
		Nevo® 330EC	khô vằn, lem lép hạt, thối thân/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Newyo 330EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Sopha 330EC	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tigh super 330EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
				Công ty TNHH TM Nông Phát
287	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 260g/l	Protocol 340 EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
288	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 270g/l	Cy-pro 350EC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
289	Cyproconazole 10g/kg (80g/l) + Propiconazole 250g/kg (250g/l)	Newsuper 260WG, 330EC	260WG: lem lép hạt/lúa 330EC: khô vằn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
290	Cyprodinil (min 98%)	Aspire 500WG	thán thư/ xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
291	Cyprodinil 500 g/kg + Myclobutanil 50 g/kg	Mydinil 550WP	đốm lá/ đậu tương, đốm đen/ hoa hồng, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH An Nông
292	Cyprodinil 25% + Picoxystrobin 25%	Cypico 50WG	đốm vòng/khoai tây	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
293	Cyprodinil 17% + Pyrisoxazole (min 95%) 8%	Dinil-Pro 25SC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

294	Cytokinin (Zeatin) (min 99%)	Etobon 0.56SL	tuyến trùng/ lạc, cà rốt; lở cổ rễ/ bắp cải, cải củ; tuyến trùng, thối rễ/ chè; thối rễ/ hoa hồng	Công ty TNHH Đước Mùa
		Geno 2005 2 SL	tuyến trùng/ dưa hấu, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, khô vằn/ lúa; tuyến trùng, mốc xám/ xà lách, cải xanh; héo rũ, tuyến trùng, mốc sương/ cà chua; héo rũ/ lạc; đốm lá/ ngô; thối quả/ vải, nho, nhãn, xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sincocin 0.56 SL	tuyến trùng, nấm <i>Fusarium</i> sp. gây bệnh thối rễ/ trong đất trồng bắp cải, lạc, lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
295	Cytosinpeptidemydin	Sat 4 SL	bạc lá/ lúa; khảm, héo xanh/ thuốc lá; sương mai, héo xanh, xoắn lá/ cà chua; héo xanh/ bí đao, hồ tiêu; thối nõn/ dưa; đốm lá/ hành; loét, chảy gôm/ cam; thán thư, thối cuống/ nho; thối vi khuẩn/ gừng; thán thư/ xoài, ớt; nứt thân chảy gôm/ dưa hấu; sương mai, phấn trắng, giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
296	Dazomet (min 98%)	Basamid Granular 97MG	xử lý đất trừ bệnh héo rũ do nấm <i>Fusarium</i> sp./ hoa cúc	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
297	Dẫn xuất Salicylic Acid (Ginkgoic acid 425g/l + Corilagin 25g/l + m- pentadecadienyl resorcinol 50g/l)	Sông Lam 333 50EC	khô vằn, đạo ôn/ lúa; chảy mủ do <i>phytophthora</i> / cây có múi, lở cổ rễ/hồ tiêu, lở cổ rễ, thân do nấm/ cà phê	Công ty TNHH NN Phát triển Kim Long
298	Dầu bắp 30% + dầu hạt bông 30% + dầu tỏi 23%	GC-3 83SL	phấn trắng/ hoa hồng, đậu que, dưa chuột	Công ty TNHH Ngân Anh
299	Dicloran (min 97%)	Phesolmate 50WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
300	Didecyldimethylammonium chloride (min 76.6%)	Sporekill 120SL	lem lép hạt do vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Nufarm Việt Nam
301	Difenoconazole (min 94%)	Amber 250EC	thán thư/ hồ tiêu	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Divino 250EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Goldnil 250EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

		Hi-sco 250EC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH United Pesticides
		Kacie 250EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm lá/ lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Nemo 250EC	đốm đen/ hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Renzo Extra 250SC	rỉ sắt/cà phê; đốm nâu/lạc	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Scogold 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Score [®] 250EC	mốc sương/ khoai tây; phấn trắng/ cây xanh, thuốc lá; thán thư/ điều; muối đen, đốm nâu/ thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
302	Difenoconazole 5% + Dithianon 35%	Diego 40SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM Gem Sky
303	Difenoconazole 12% + Fenoxanil 20%	Feronil 32EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
304	Difenoconazole 170g/l + Fenoxanil 200g/l	Lotuscide 370EC	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
305	Difenoconazole 150g/l + Flusilazole 150g/l	Tecnoto 300EC	đốm lá/ ngô; thán thư/ điều, cà phê; khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng.
306	Difenoconazole 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Longanvingold 150SC	lem lép hạt, đạo ôn/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
307	Difenoconazole 250g/l + Hexaconazole 83g/l	Koromin 333EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
308	Difenoconazole 150g/l + Hexaconazole 33 g/l + Propiconazole 150g/l	Center super 333EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa nông An Phú
309	Difenoconazole 133g/l + Hexaconazole 50g/l + Propiconazole 150g/l	Sieuvil 333EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
310	Difenoconazole 150g/l + Hexaconazole 100g/l + Propiconazole 150g/l	Prohed 400EC	khô vằn/ lúa	Công ty CP Nông Tín AG
311	Difenoconazole 37g/l + Hexaconazole 63g/l + Tricyclazole 300g/l	Ensino 400SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Enasa Việt Nam

312	Difenoconazole 100g/kg + Hexaconazole 100g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Super tank 650WP	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa, thán thư/cà phê, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
313	Difenoconazole 150g/kg + Isoprothiolane 400g/kg + Propiconazole 150g/kg	Alfavin 700WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
314	Difenoconazole 7.5% + Isoprothiolane 12.5% + Tricyclazole 20%	Babalu 40WP	đạo ôn, lem lép hạt /lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
315	Difenoconazole 100g/kg + Isoprothiolane 150g/kg + Tricyclazole 350g/kg	Bankan 600WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
316	Difenoconazole 75g/l (75g/kg) + Isoprothiolane 125g/l (125g/kg) + Tricyclazole 200g/l (200g/kg)	Bump gold 40SE, 40WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
317	Difenoconazole 15% + Isoprothiolane 25% + Tricyclazole 40%	Edivil 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Sapful 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
318	Difenoconazole 5g/kg + Isoprothiolane 295g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Bimstar 850WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
319	Difenoconazole 125g/l + Kasugamycin 50g/l	Sconew 175SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
320	Difenoconazole 10% + Kresoxim-methyl 20%	SV-Phalanx 30SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
321	Difenoconazole 10% + Kresoxim-methyl 30%	Starkonazole 40WP	thán thư/cà phê	Công ty CP Biostars
322	Difenoconazole 20% + Picoxystrobin 20%	Barivil 40SC	thán thư/cà phê	Công ty CP Delta Cropcare
323	Difenoconazole 150 g/l + Picoxystrobin 250 g/l	Teacher 400SC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; mốc sương/khoai tây; thán thư/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông

324	Difenoconazole 120g/l + Picoxystrobin 200g/l	Sagoperfect 320SC	thán thu/cà phê; thán thu/điều, hồ tiêu; rỉ sắt/hoa cúc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
325	Difenoconazole 7.5%+ Prochloraz 17.5%	Coperatv 25SC	đốm đen/ hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
326	Difenoconazole 5% + Prochloraz 15%	Atria 20ME	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Agrofarm
327	Difenoconazole 100g/l + Prochloraz 300g/l	Fencora 400EW	chết rạp cây con/ lạc	Công ty TNHH United Pesticides
328	Difenoconazole 13.9% + Propiconazole 13.9%	Maktin gold 27.8EC	rỉ sắt/hoa cúc	Công ty CP BVTV ATC
329	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Acsupertil 300EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, phấn trắng/ điều	Công ty TNHH MTV Lucky
		Arytop 300 EC	lem lép hạt/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Antabe 300EC	thán thu/cà phê; khô vằn/ ngô	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Autozole 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa nông An Phú
		Boom 300EC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		BM Pro-Super 300SC	rỉ sắt/cà phê	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		Bretil Super 300EC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Cure supe 300 EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt, đốm mắt cua/ cà phê; phấn trắng, thán thu/ điều	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Daiwanper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Futai
		Famertil 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hotisco 300EC	lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
		Iso tin 300EC	khô vằn /lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Jasmine 300SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Jettilesuper 300EC	lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty TNHH VTNN Ngọc Lan

Jiasupper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kammuri 300EC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP SAM
Kanavil 300EC	lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ lạc	Công ty TNHH Kiên Nam
Kimsuper 300EC	thán thư/điều	Công ty CP Nông dược Agriking
Map super 300 EC	lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, đậu tương; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều, cà phê; phấn trắng/hoa hồng, hoa cúc; vàng rụng lá/cao su	Map Pacific Pte Ltd
Nbctilfsuper 300EC	rỉ sắt/ cà phê; đốm nâu/lạc; nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Nam Bắc
Ni-tin 300EC	rỉ sắt, khô quả/ cà phê; lem lép hạt/lúa; thán thư/ điều	Công ty CP Nicotex
Prodifad 300EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Bình Điền MeKong
Sagograin 300EC	lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Scooter 300EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, ngô; đốm vòng/ khoai lang	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
Still liver 300ME	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
Super-kostin 300 EC	lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH OCI Việt Nam
Supertim 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Superten 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
Sunzole 30EC	lem lép hạt/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
Tien super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
Tilbest super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
Tilcalisuper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP CNC Thuốc BVTV USA
Tileuro super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Tilfugi 300 EC	lem lép hạt, khô vằn, đốm nâu/ lúa; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
Tin Euro Super 300EC	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Công nghệ Nhật Bản STJ
Tinitaly surper 300EC, 300SE	300EC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa 300SE: lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông

		Tilt Super® 300EC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ cà phê, đậu tương; nấm hồng, vàng lá/cao su; khô vằn/ngô; thán thư/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Tinmynew Super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Tittus super 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Tstil super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Uni-dipro 300EC	khô vằn, lem lép hạt/lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH World Vision (VN)
330	Difenoconazole 150g/l (150g/kg) + Propiconazole 150g/l (150g/kg)	Superone 300EC, 300WP	300EC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 300WP: khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
331	Difenoconazole 260g/l + Propiconazole 190g/l	Tilindia super 450EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
332	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 250g/l	Tiptop gold 400EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
333	Difenoconazole 15% + Propiconazole 15%	Futitan 30SC	phân trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Phú Nông
		Happyend 30EC	khô vằn/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Superice 30EC	rỉ sắt/ngô	Công ty CP Itagro Việt Nam
334	Difenoconazole 25% + Propiconazole 25%	Hatilusa 50EC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP TM Hải Ánh
		Til Pro 50EW	đốm nâu/lạc	Công ty CP Hóa chất SAM
335	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 160g/l	Nônggiabảo 310EC	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/ lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH - TM Thái Phong
336	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 170g/l	Canazole super 320EC	lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
337	Difenoconazole 155g/l (150g/l) + Propiconazole 150g/l (200g/l)	Tiljapanesuper 305SC, 350EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
338	Difenoconazole 200g/l + Propiconazole 200g/l	Atintin 400EC	lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/ cà phê; đốm lá/lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông

339	Difenoconazole 250g/l + Propiconazole 250g/l	SV-Legion 500EC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
340	Difenoconazole 20g/l (50.5g/kg) + Propiconazole 150g/l (0.5g/kg) + Prochloraz 150g/l (504g/kg)	Tilobama 320EC, 555WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
341	Difenoconazole 100g/l + Propiconazole 200g/l + Tebuconazole 50g/l	Tilcrown super 350EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP VT BVTV Hà Nội
342	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 50g/l	T-supernew 350EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ cà phê, lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Kobesuper 350EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
343	Difenoconazole 100g/l + Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 50g/l	Goltis super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
		Tilplus super 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
344	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tebuconazole 50 g/l	Tilbluesuper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
345	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 50g/l + Tebuconazole 150g/l	Gone super 350EC	lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
346	Difenoconazole 155g/l + Propiconazole 155g/l + Tebuconazole 50g/l	Amicol 360EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
347	Difenoconazole 140g/l + Propiconazole 120g/l + Tebuconazole 140g/l	Tilasiasuper 400EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
348	Difenoconazole 5g/l + Propiconazole 165g/l + Tricyclazole 430g/l	Fiate 600SE	đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ

349	Difenoconazole 125g/l + Pydiflumetofen 75g/l	Lorito 200SC	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
350	Difenoconazole 10% + Pyraclostrobin 15%	Ditrobin 25SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Vĩnh Nông Phát
351	Difenoconazole 10% + Pyraclostrobin 20%	Ω-Bingo 30WP	chết nhanh/hồ tiêu; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
352	Difenoconazole 14% + Pyraclostrobin 21%	Pyrolax Plus 35SC	thán thư/cà phê; rỉ sắt/lạc	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
353	Difenoconazole 15% + Pyraclostrobin 25%	AF-Pycofen 40SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Agrifuture
		Binzoleafv 40SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Agrifarm Việt Nam
		Ditrobinusavb 40SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
		Pyrazone 40SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
354	Difenoconazole 20% + Pyraclostrobin 10%	Mervyn 30SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Big Farm
355	Difenoconazole 220g/l + Pyraclostrobin 80g/l	Pyra star 300SC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH VTNN Trung Phong
356	Difenoconazole 250g/l + Pyraclostrobin 150g/l	Green Keep 400EC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
357	Difenoconazole 177g/l + Pyraclostrobin 283g/l	Ateva 460SC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Nông nghiệp New Season
358	Difenoconazole 15% (150g/l) + Tebuconazole 15% (150g/l)	Dasuwang 30EC	đốm lá/ lạc	FarmHannong Co., Ltd.
		Tilvilusa 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
359	Difenoconazole 20% + Tebuconazole 20%	Tintin Super 40SC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
360	Difenoconazole 50g/kg (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (250g/kg)	Latimo super 500WP, 780WG	500WP: lúa von/ lúa (xử lý hạt giống), khô vằn, lem lép hạt/ lúa 780WG: lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông

361	Difenoconazole 150g/l + Tricyclazole 350g/l	Gold-chicken 500SC	lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
362	Difenoconazole 265.5g/l (30g/kg), (25g/l) + Tricyclazole 0.5g/l (270g/kg), (400g/l)	Supergold 266ME, 300WP, 425SC	266ME, 300WP: lem lép hạt/ lúa 425SC: đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
363	Difenoconazole 150g/kg (150 g/l) + Tricyclazole 450g/kg (450g/l)	Cowboy 600WP, 600SE	600SE: đạo ôn/ lúa 600WP: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
364	Difenoconazole 150g/l (150g/kg) + Tricyclazole 450g/l (650g/kg)	Dovabeam 600SC, 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
365	Difenoconazole 150g/kg + Tricyclazole 460g/kg	Imperial 610WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
366	Difenoconazole 150g/kg + Tricyclazole 450 g/kg + Cytokinin 2g/kg	Salame 602WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
367	Difenoconazole 10% + Trifloxystrobin 10%	Bingold 20SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
368	Dimethomorph (min 98%)	ADU-Modrich 80WG	mốc sương/cà chua	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Carlotta 80WG	thán thư/xoài	Công ty TNHH Radiant AG
		Cylen 500WP	mốc sương/ cà chua	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Dimethor 500SC	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH US Agro
		Hathomop 50WP	phần trắng/hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ảnh
		Insuran 50WG	mốc sương/ cà chua, giả sương mai/dưa chuột; sọc lá/ngô (xử lý hạt giống); sọc lá/ngô (phun); phần trắng/ nho; chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai /vải, loét sọc mặt cao/ cao su; xì mủ/ sầu riêng, bưởi, ca cao; sương mai/ dưa hấu; thối quả/ ca cao, sầu riêng, dâu tây; sương mai/khoai tây	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Maxsuran 80WG	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Metho fen 50SC	sương mai/cà chua	Công ty TNHH World Vision (VN)

		Mor-AC 800WG	giả sương mai/ dừa chuột	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Morphelmer 500WP	giả sương mai/ dừa hấu	Công ty TNHH B.Helmer
		Morphindiatv 80WG	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Newsuran 500WG	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		TD-Lumordie 500WP	sương mai/cà chua	Công ty TNHH Nông Thái Dương
		Phytocide 50WP	giả sương mai/ dừa hấu, loét sọc mặt cao/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai/ vải, cà chua; bạch tạng/ngô	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Rotamorph 500SC	rỉ sắt/cà phê	Albaugh Asia Pacific Limited
		Thomor-TAT 100SC	giả sương mai/ dừa chuột	Công ty TNHH TAT Hà Nội
		Vtsuzan 500WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
369	Dimethomorph 200 g/l + Fluazinam 200 g/l	Banjo Forte 400SC	chết nhanh/ hồ tiêu; nứt thân xì mũ/mít	Công ty TNHH Adama Việt Nam
370	Dimethomorph 30% + Fluopicolide 10%	Jepway 40SC	chảy gôm/ cam	Công ty CP Nông dược quốc tế Nhật Bản
371	Dimethomorph 25% + Fluopimomide 15%	Ecodrive 40SC	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
372	Dimethomorph 50% + Kresoxim-methyl 30%	Dimoxim 80WG	phấn trắng/dừa chuột	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
373	Dimethomorph 9% (90g/kg) + Mancozeb 60% (600g/kg)	Acrobat MZ 90/600 WP	sương mai/ dừa hấu, cà chua; chảy gôm/ cam; chết nhanh/ hồ tiêu; thối thân xì mũ/ sâu riêng; loét sọc mặt cao/ cao su	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Hoda 690WP	thán thư/ xoài	Công ty CP BVTV ATC
		Mabenzon 69WP	giả sương mai/dừa hấu	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Nekko 69WP	sương mai/hoa hồng	Công ty TNHH Giải pháp Nông nghiệp Việt Nam

		Omega-downy 69WP	thán thư/cà phê, chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Spendora 690WP	thán thư/đậu tương	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
374	Dimethomorph 10% (100g/kg) + Mancozeb 60% (600g/kg)	Andibat 700WP	loét sọc mặt cao/cao su	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Diman bul 70WP	chết nhanh/hồ tiêu, loét sọc mặt cao/cao su, mốc sương/khoai tây, sương mai/dừa hấu, xì mũ/sầu riêng	Agria S.A.
375	Dimethomorph 12% + Mancozeb 48%	TV Morph 60WP	phấn trắng/ hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
376	Dimethomorph 35% + Metalaxyl-M 5%	Thanny 40SC	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI
377	Dimethomorph 23% + Oxine-copper 23%	Arisa 46SC	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH TM Grevo
378	Dimethomorph 12% + Propineb 60%	Satoshi 72 WP	đốm nâu/thanh long	Công ty TNHH Master AG
379	Dimethomorph 12% + Pyraclostrobin 6.7%	Bavimin gold 18.7WG	phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Bản Việt
		Flick-Top 18.7 WG	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Sil-Nice 18.7WG	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Agro Việt
		Travost 18.7WG	giả sương mai/ dừa chuột	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Ximor Extra 18.7WG	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH One Bee Việt Nam
380	Dimethomorph 12.3% + Pyraclostrobin 6.7%	DP-Trust 19WG	mốc sương/khoai tây; rỉ sắt/cà phê	Trustchem Co., Ltd.
381	Dimethomorph 25% + Pyraclostrobin 15%	Salva 40SC	giả sương mai/dừa hấu	Công ty TNHH DV TV Đầu tư Kim Cương
382	Dimethomorph 30% + Pyraclostrobin 15%	Dosimax gold 45SC	thán thư/bơ; chết nhanh/hồ tiêu; xì mũ/sầu riêng	Công ty CP Nông dược Việt Thành
		MDBintop 45SC	giả sương mai/dừa chuột; mốc sương/khoai tây	Công ty CP Mạnh Đan

383	Dimethomorph 380g/kg (38%) + Pyraclostrobin 100g/kg (10%)	Dimetop 480WP	mốc sương/cà chua; đốm nâu/đậu tương	Công ty CP Kiên Nam
		Newtrobin 480WG	sương mai/cà chua	Công ty CP S New Rice
		Omega-downy rust 48WG	rỉ sắt/cà phê, chết nhanh/hồ tiêu, đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
384	Dimethomorph 140 g/l + Pyraclostrobin 80 g/l	Dimebin 220SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV Lucky
385	Dimethomorph 600g/kg + Pyraclostrobin 60g/kg	Pyramix 660WG	sương mai/cà chua	Công ty TNHH TM Vĩnh Thạnh
386	Dimethomorph 200g/kg + Ziram 600g/kg	Libero 800WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
387	Diniconazole (min 94%)	Dana-Win 12.5 WP	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Danico 12.5WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Nicotex
		Dicozol 260SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Nicozol 12.5WP, 25SC	25SC: lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, đốm lá/ lạc 12.5WP: lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm đen/hoa hồng, đốm lá/lạc	Công ty CP Thanh Điền
		Nodudizole 12.5WP	đốm đen/hoa hồng	Công ty TNHH Nông dược Miền Nam
		Sumi-Eight 12.5 WP	rỉ sắt/ cà phê, hoa cúc; lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/ cao su	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Topzol 250SC	rỉ sắt/cà phê; đốm nâu/lạc; phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Kiên Nam
388	Diniconazole 2.5% (25g/kg) + Mancozeb 30% (300g/kg)	Dinimanafv 32.5WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Agrifarm Việt Nam
		Mandini 325WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
389	Disodium Phosphonate 375g/l + Hexaconazole 50g/l	Primitus 425SC	rỉ sắt/cà phê	Imaspro Resources Sdn. Bhd.
390	Dithianon (min 95%)	Nakano 50WP	đốm lá/ lạc; sương mai/ khoai tây; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Phuc dao 42.2SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)

391	Edifenphos (min 94%)	Vihino 40 EC	đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
392	Edifenphos 200g/l + Isoprothiolane 200g/l	Difusan 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
393	Epoxiconazole (min 92%)	Cazyper 125 SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Expostar 125SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH DV và TM Tân Xuân
		Opus 75EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa, đốm lá/ lạc, rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/ ngô; đốm đồng tiền/ khoai lang	BASF Vietnam Co., Ltd.
394	Epoxiconazole 50g/l + Pyraclostrobin 133g/l	Pirastar 183SE	rỉ sắt/ cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
395	Erythromycin 200g/kg + Oxytetracycline 250g/kg	Hope Life 450WP	đốm sọc vi khuẩn, bạc lá/ lúa; thối đen/bắp cải; sương mai/cà chua; héo cây con/ dưa hấu; thối củ/gừng; thối nhũn/ hành; thối quả/ xoài	Công ty TNHH An Nông
396	Erythromycin (min 98%) 10g/kg + Streptomycin sulfate 20g/kg	Apolits 30WP	bạc lá/lúa, thán thư/lạc, thối nhũn/bắp cải, nấm hồng/cam	Công ty CP Trường Sơn
397	Ethaboxam (min 99.6%)	Danjiri 10 SC	mốc sương/ nho; sương mai/cà chua, dưa chuột, hoa hồng, dưa hấu; cháy lá/ khoai môn; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mủ/ sầu riêng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
398	Ethirimol (min 97%) 200g/l + Trifloxystrobin 100g/l	Erobin 300SC	giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Gap Agro
399	Ethylcin (min 90%)	Galoa 80EC	bạc lá/ lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
400	Etridiazole (min 96%)	Terrazole 35WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
401	Eugenol (min 99%)	Doyle 12SL	sẹo/cam; đốm nâu/lạc	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Genol 1.2SL	giả sương mai/ dưa chuột, dưa hấu, cà chua, nhãn, hoa hồng; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; khô vằn/ ngô; đốm lá/ thuốc lá, thuốc lào; thối búp/ chè; sẹo/ cam; thán thư/ nho, vải, điều, hồ tiêu; nấm hồng/ cao su, cà phê	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Lilacter 0.3 SL	khô vằn, bạc lá, tiêm lửa, đạo ôn, thối hạt vi khuẩn/ lúa; héo xanh, mốc xám, giả sương mai/ dưa chuột; mốc xám/ cà pháo, đậu tương, hoa lyly; thán thư/	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông

			ớt; thán thư, sương mai/ vảy; đốm lá/ na; phần trắng, thán thư/ xoài, hoa hồng; sọc/ cam; thối quả/ hồng; thối nõn/ dừa; thối búp/ chè	
		Piano 18EW	đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài; phần trắng/ nho; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Công ty TNHH An Nông
		PN-Linhcide 1.2 EW	khô vằn/ lúa; mốc sương/ cà chua; phần trắng/ dưa chuột; đốm nâu, đốm xám/ chè; phần trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH Phương Nam - Việt Nam
402	Famoxadone (min 96%) 15% + Flusilazole 15%	Dbond 30EC	đốm nâu/ lạc	Công ty TNHH Nam Bắc
403	Famoxadone 450g/kg + Hexaconazole 250g/kg	Famozol 700WP	sương mai/ khoai tây, thán thư/ hồ tiêu	Công ty TNHH An Nông
404	Famoxadone 300 g/l + Oxathiapiprolin 30 g/l	Zorvec® Encantia® 330SE	sương mai/ cà chua, khoai tây, dưa chuột; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mũ/ sâu riêng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
405	Fenaminstrobin (min 98%) 2.5% + Tricyclazole 22.5%	Aiker Top 25SC	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Phát An
406	Fenbuconazole (min 98.7%)	Indar® 240 SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
407	Fenoxanil (min 95%)	BN-Fepro 20SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Fendy 25WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
		Feno Cali 40SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
		Feno Extra 20SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Fenogold 250EC, 300WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Fenxo 30SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Haras 200SC	đạo ôn/ lúa	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
		Fenomy 40SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Fenoxa super 200SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Fexanil 200SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh

		Headway 200SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Katana 20SC	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Kasoto 200SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		Naxanil 20SC	đạo ôn/ lúa	Nanjing Agrochemical Co., Ltd
		Nero 400SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Redrice 200SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Vagritex
		Sako 25WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Strong 200SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
		Taiyou 20SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Hợp Trí Summit
		TT Goldleaf 20SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
408	Fenoxanil 200 g/l + Hexaconazole 50 g/l	Fen Super 250SC	rỉ sắt/cà phê; thán thư/hồ tiêu; phấn trắng/nho	Công ty CP Kiên Nam
		Fenonil 250SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Kona Crop Science
		Fortuna 250SC	phấn trắng/ hoa hồng; đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
409	Fenoxanil 200 g/l + Hexaconazole 100 g/l	TT Keep 300SC	đạo ôn/lúa; thán thư/xoài; ghẻ sọc/cam	Công ty TNHH TM Tân Thành
410	Fenoxanil 250g/l + Hexaconazole 50g/l	Hutajapane 300SC	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
411	Fenoxanil 300g/l + Hexaconazole 200g/l	Xanilzol 500SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
412	Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 300g/l	Ninja 35EC	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
413	Fenoxanil 100g/l + Isoprothiolane 400g/l	Feno One 500EC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Kiên Nam
		Fenolan 500EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh

		Isoxanil 50EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
414	Fenoxanil 60g/l + Isoprothiolane 300g/l	Feliso 360EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Pyrilan 360EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
415	Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 400g/l	Credit 450EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
416	Fenoxanil 20% + Kasugamycin 1%	Demon 21SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Hải Thụy
417	Fenoxanil 250g/kg + Kasugamycin 18g/kg	Feno super 268WP	đạo ôn, đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Fenoba 268WP	thối nhũn/ cải bắp; héo xanh vi khuẩn, rỉ sắt/ hoa cúc; đạo ôn/lúa; héo xanh vi khuẩn/cà chua; thán thư/dưa hấu	Công ty TNHH Phú Nông
		Newfeno 268WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP S New Rice
418	Fenoxanil 20% (200g/l) + Kresoxim-methyl 6% (60g/l)	Fenova 260SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Nông nghiệp Nông Vàng
		Masterone 26SC	thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Master AG
		Okasa one 260SC	thán thư/ dưa hấu; đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
419	Fenoxanil 220g/l + Ningnanmycin 30g/l	Victoryusa 250SC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
420	Fenoxanil 200g/l + Oxolinic acid 200g/l	Farmer 400SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
421	Fenoxanil 100g/l + Oxolinic acid 100g/l + Tricyclazole 300g/l	Fob 500SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
422	Fenoxanil 112g/l + Prochloraz 168g/l	Pilarwin 280ZC	thán thư/cà phê	Pilarquim (Shanghai) Co., Ltd.
423	Fenoxanil 200g/l + Propiconazole 125 g/l	Lukki 325EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

424	Fenoxanil 100g/l (200g/kg) + Sulfur 300g/l (350g/kg) + Tricyclazole 50g/l (200g/kg)	Kitini super 450SC, 750WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
425	Fenoxanil 20% + Tebuconazole 10%	Fenozon 30SC	đốm nâu/lạc	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
		Rosy 30SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
426	Fenoxanil 100g/l (200g/kg) + Tricyclazole 250g/l (500g/kg)	Map Famy 35SC, 700WP	đạo ôn/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
427	Fenoxanil 10% + Tricyclazole 20%	AGCummins 30SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV Sao Phương Nam AG
428	Fenoxanil 15% + Tricyclazole 25%	Fenil Bgo 40SC	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
		Feno Promax 40SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH XNK TM Agriasian
429	Fenoxanil 150g/l + Tricyclazole 350g/l	Bixanil 500SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
430	Ferimzone (min 95%)	Sumiferi 30WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
431	Florfenicol (min 99%) 5g/kg + Kanamycin sulfate 15g/kg	Usaflotil 20WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Trường Sơn
432	Florylpicoxamid (min 93%)	Verpixo® 100SC	thán thư/xoài, ớt	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
433	Fluazinam (min 96%)	AF-Fluzam 50SC	đốm lá/lạc	Công ty TNHH Agrifuture
		Flumo 500SC	đốm nâu/lạc	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Fon Sha 500SC	phân trắng/hoa hồng	Sinon Corporation
		Garland 50SC	sưng rề/cải bắp	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Lk-Chacha 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Nando 500SC	giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Nufarm Việt Nam

		Porsche 50SC	sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Preguard 500SC	giả sương mai/ dưa hấu	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Shonam 500SC	mốc sương/nho; thán thư/hoa hồng	Công ty CP Agri Shop
		Starzinam 500SC	đốm lá/lạc	Công ty CP Biostars
		Tado Doctor 50SC	đốm nâu/lạc	Công ty CP Vật tư Tây Đô Long An
		TT-amit 500SC	đạo ôn, khô vằn/lúa; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH TM Tân Thành
		X-track 500SC	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
434	Fluazinam 30% + Iprodione 15%	ET-Pronam 45SC	chết nhanh/hồ tiêu	Shanghai E-Tong Chemical Co., Ltd.
435	Fluazinam 400 g/l (500g/kg) + Metalaxyl-M 80 g/l (180g/kg)	Furama 480SC, 680WP	480SC: đốm lá/ ngô, mốc sương/ khoai tây, lem lép hạt/lúa; loét sọc mặt cạo/ cao su 680WP: đốm lá/ ngô, héo rũ gốc mốc trắng/ lạc; chết nhanh, chết chậm/ hồ tiêu; mốc sương/ khoai tây; đốm vòng/ khoai môn; loét sọc miệng cạo/ cao su; lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
436	Fluazinam 500g/kg + Metalaxyl-M 180g/kg	Zaalo 680WP	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
437	Fludioxonil (min 96.8%)	Thaxonil 500WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
438	Fludioxonil 80g/l + Pyrimethanil 320g/l	VT-Flunil 400SC	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
439	Fludioxonil 100g/l + Pyrimethanil 400g/l	Tutor 500SC	đốm vòng/cà chua	Công ty TNHH Nufarm Việt Nam
440	Flumorph (min 96%)	Fulldown 30SC	sương mai/khoai tây	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
441	Flumorph 10% + Metalaxyl-M 5%	Ω-Metano 15WP	rỉ sắt/cà phê, chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Agrohao Việt Nam
442	Fluopicolide (min 97%) 44.4 g/kg + Fosetyl-alumilium 666.7 g/kg	Profiler 711.1WG	sương mai/bắp cải, cà chua, nho, vải, nhãn, hành, hoa hồng, cải bẹ xanh; xì mũ/ bưởi; chảy nhựa, xì mũ/cam; nứt thân xì mũ/sầu riêng; giả sương mai/dưa hấu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

443	Fluopicolide 62.5g/l + Propamocarb 524g/l	Fluocarb 586.5SC	mốc sương/cà chua	Công ty TNHH TAT Hà Nội
444	Fluopicolide 7% + Propamocarb HCl 63%	Supermario 70SC	giả sương mai/dưa chuột	Xuzhou Jinhe Chemicals Co., Ltd
445	Fluopicolide 62.5g/l + Propamocarb hydrochloride 625g/l	Infinito 687.5SC	mốc sương/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, dưa chuột, bắp cải, vải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Paloride 687.5SC	giả sương mai/ dưa hấu; chết cây con/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Parole 687.5SC	giả sương mai/dưa chuột; sương mai/cà chua	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Sagoflu Pro 687.5SC	mốc sương/cà chua	Công ty CP BVTV Sài gòn
446	Fluopicolide 10% + Metalaxyl 20%	Picolax 30WG	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Gap Agro
447	Fluopicolide 80g/l + Oxine Copper 240g/l	Oxili 320SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
448	Fluopimomide (min 98%) 5% + Pyraclostrobin 25%	Flupirac 30ZC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hoá nông Á Châu Hà Nội
449	Fluopyram (min 96%)	Velum Prime 400SC	tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê, bắp cải, chuối, bưởi, cà chua, thanh long, ớt, cà rốt	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
450	Fluopyram 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Luna Experience 400SC	lem lép hạt/ lúa; đốm vòng/ khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
451	Fluopyram 250g/l + Trifloxystrobin 250g/l	Luna Sensation 500SC	đốm vòng/ khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
452	Flusilazole (min 92.5%)	anRUTA 400EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà	Công ty TNHH An Nông
		Avastar 40EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Hatsang 40 EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Isonuta 40EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Nôngiaphúc 400EC	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong

		Nuzole 40EC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Shinawa 400EC	thán thư/hoa đào	Công ty CP BMC Việt Nam
		Silan 40EC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Gap Agro
453	Flusilazole 10 g/l + Hexaconazole 30 g/l + Tricyclazole 220 g/l	Avas New 260SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
454	Flusilazole 40g/l + Prochloraz 160g/l	Hilux 200EW	đốm nâu/lạc	Công ty CP Phát triển Dịch vụ Nông nghiệp IPM
455	Flusilazole 100g/l + Propiconazole 300g/l	Fluzone 400EC	rỉ sắt/cà phê; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Kiên Nam
		Novotsc 400EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
456	Flusilazole 50g/kg (25g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (100g/l), (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/l), (250g/kg)	Newthivo 500WP, 525SE, 780WG	500WP: khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa 525SE: đạo ôn/lúa 780WG: lem lép hạt, khô vằn/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH An Nông
457	Flusulfamide (min 98%)	Nebijin 0.3DP	Bệnh ghẻ/ khoai tây (Xử lý đất)	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
458	Flutolanil (min 98%)	Moncut 40SC	khô vằn/lúa	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
459	Flutriafol (min 95%)	Blockan 25SC	đạo ôn, lem lép hạt /lúa; đốm đen, phần trắng/ hoa hồng; thán thư/cà phê; phần trắng, héo đen đầu lá/cao su; đốm lá/lạc; thán thư/ hồ tiêu, ca cao	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Impact 12.5SC	rỉ sắt/ cà phê; đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		T-Control 25SC	thán thư/cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
460	Flutriafol 30% + Tricyclazole 40%	Victodo 70WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Long Hiệp
461	Flutriafol 300 g/kg + Tricyclazole 400 g/kg	Fiwin 700WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Minh Long
462	Fluxapyroxad (min 98%) 200g/l + Mefentrifluconazole 200g/l	Mibelya 400SC	thán thư/ót	BASF Vietnam Co., Ltd.

463	Fluxapyroxad 167g/l + Pyraclostrobin 333g/l	Priaxor 500SC	thán thư/ cà phê, hồ tiêu; khô vằn/ ngô; đốm vòng/ khoai tây	BASF Vietnam Co., Ltd.
464	Folpet (min 90%)	Crystal 80WG	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Folcal 50WP	xì mũ/ cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Folpan 50 WP, 50 SC	50WP: khô vằn, đạo ôn/ lúa, giả sương mai/dừa hấu 50SC: khô vằn, đạo ôn/ lúa; thán thư/ xoài; mốc sương/ nho; đốm lá/ hành	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Fudan 80WG	mốc sương/khoai tây	Agria S.A.
		Kifolpet 500WP	mốc sương/nho	Công ty CP Kiên Nam
465	Folpet 25% + Fosetyl-aluminium 50%	Darius 75WG	chảy gôm/sầu riêng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
466	Fosetyl-aluminium (min 95%)	Acaete 80WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Agofast 80 WP	chết nhanh/ hồ tiêu, đốm lá/ thuốc lá, mốc sương/dừa hấu, xì mũ/cao su, thối quả, xì mũ/ sầu riêng	Công ty CP Đồng Xanh
		Aliette 80 WP, 800 WG	80WP: sương mai/ hồ tiêu 800WG: lở cổ rễ, chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai/ dừa hấu, cà chua, khoai tây, dưa chuột, bắp cải, vải, cải bẹ xanh, hành, hoa hồng; thối quả, xì mũ/ sầu riêng, ca cao; bạc lá/lúa; thối gốc chảy nhựa/ bưởi, cam, quýt; mốc sương/nho	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Alle 800WG	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Alimet 80WP, 80WG, 90SP	80WP: sương mai/ điều, khoai tây, xoài; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mũ/ sầu riêng, cam; mốc sương/ nho, dừa hấu; thối nõn/ dứa; chết cây con/ thuốc lá 80WG: mốc sương/ nho, xì mũ/sầu riêng, thối nõn/dứa, chết cây con/thuốc lá, chết nhanh/ hồ tiêu, chết cây con/dừa hấu 90SP: mốc sương/ nho, dừa hấu; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mũ/ sầu riêng; đốm lá/ thuốc lá	Công ty CP Kiên Nam
		Alonil 80WP, 800WG	80WP: chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Nicotex

			800WG: Bạc lá/lúa, chết nhanh/ hồ tiêu, phần trắng/ dừa hấu, thối nõn/dừa	
	Alpine 80 WP, 80WG		80WP: sương mai/ hoa hồng; chết nhanh/ hồ tiêu 80WG: thối rễ/ dừa hấu, chết nhanh/ hồ tiêu, xì mủ/ cam, bạc lá/ lúa, mốc sương/ nho; thối thân xì mủ/ cao su; thối đen/phong lan	Công ty CP BVTV Sài Gòn
	Aluminy 800WG		bạc lá/lúa, xì mủ/cao su, thối rễ, cam	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
	ANLIEN-annong 400SC, 800WP, 800WG		400SC, 800WG: chết nhanh/ hồ tiêu 800WP: thối thân/ hồ tiêu, sương mai/ khoai tây, thối nõn/dừa	Công ty TNHH An Nông
	Dafostyl 80WP		chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai / nho, dừa hấu; xì mủ/ cam	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
	Dibajet 80WP		chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
	Forliet 80WP		sương mai/ dừa hấu, chết nhanh/ hồ tiêu, xì mủ/ cam, thối quả/ nhãn, bạc lá do vi khuẩn/lúa, nứt thân chảy nhựa/dừa hấu; sọc lá/ngô; loét sọc mặt cạo/ cao su; thối nhũn/gùng; thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH TM Tân Thành
	Juliet 80 WP		giả sương mai/ dừa chuột	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
	New Zia 800WP		thán thư/cà phê	Công ty CP S New Rice
	Sakin-zai 800WG		chảy gôm/ cam; xì mủ/mắc ca	Công ty CP Nông dược Việt Nam
	Vialphos 80 SP		chết nhanh, thối thân/ hồ tiêu; chảy gôm/ cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
467	Fosetyl-aluminium 700g/kg + Isotianil (min 96%) 70g/kg	Tiviant 770WG	héo xanh vi khuẩn/cà chua	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
468	Fosetyl-aluminium 25% + Mancozeb 45%	Binyvil 70WP	lem lép hạt/ lúa; chết cây con/ dừa hấu; xì mủ/ sầu riêng; đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
469	Fosetyl-aluminium 30% + Mancozeb 40%	Tvzebjapane 70WP	đốm nâu/ thanh long	Công ty CP Newfarm Việt Nam
470	Fosetyl-aluminium 40% + Mancozeb 35%	Fostynium 75WP	giả sương mai/dừa hấu	Công ty TNHH Radiant AG

471	Fosetyl aluminium 45% + Mancozeb 25%	Cobe Uc 70WP	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Cooperation Bio Đức
472	Fosetyl-aluminium 280g/kg + Mancozeb 220g/kg	Atizol 500WP	đốm lá/hoa mai	Công ty Cổ phần Công nghệ cao Kyoto Japan
473	Fosetyl-aluminium 400g/kg + Mancozeb 200g/kg	Anlia 600WG	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
474	Fthalide (min 97%) 20% + Kasugamycin 1.2%	Kasai 21.2WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
475	Fthalide 200 g/kg + Kasugamycin 20 g/kg	Saicado 220WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Vagritex
476	Fungous Proteoglycans	Elcarin 0.5SL	héo xanh/ cà chua, ớt, thuốc lá; thối nhũn/ bắp cải; bạc lá/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		ET-Funpro 20SL	thối nhũn/cải bắp; héo xanh/ớt; bạc lá/lúa	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
		Fugoba 1SL	bạc lá/lúa; thối nhũn/cải bắp; héo xanh/cà chua	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Leti Star 1SL	héo xanh vi khuẩn/ cà chua, ớt; bạc lá/lúa	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Metube 0.5SL	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Navita 1SL	thối nhũn/cải bắp; héo xanh/cà chua	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Newtop 1SL	thối nhũn/cải bắp	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI
		Procan 2SL	thối nhũn/cải bắp; héo xanh/cà chua	Công ty TNHH Nông dược Miền Nam
		Velvet 2SL	bạc lá/lúa; thối củ/gừng; héo xanh/dưa hấu	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
477	Garlic oil 20g/l + Ningnanmycin 30g/l	Lusatex 5SL	bạc lá, lem lép hạt/ lúa; héo rũ, sương mai/ cà chua; xoắn lá/ ớt; phấn trắng/ nho; chết nhanh/ hồ tiêu; hoa lá/ thuốc lá; chết khô/ dưa chuột	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
478	Gentamicin sulfate 15g/kg + Ningnanmycin 45g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Riazor gold 110WP	bạc lá do vi khuẩn/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

479	Gentamicin sulfate 2% (20g/kg) + Oxytetracycline hydrochloride 6% (60g/kg)	Antisuper 80WP	bạc lá/ lúa; loét/cam	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Avalon 8WP	bạc lá/ lúa, đốm cành/ thanh long, đốm đen xì mủ/ xoài, héo xanh vì khuẩn/ cà chua, loét/ cam; thối quả/thanh long, đốm sọc vì khuẩn/lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Lobo 8WP	bạc lá, lem lép hạt/ lúa; héo xanh/cà chua; héo xanh vì khuẩn/ dưa hấu; thối đen gân lá, thối nhũn/bắp cải	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Oxysunfate 80WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
480	Gentamicin sulfate 20g/kg + Streptomycin sulfate 46.6g/kg	Panta 66.6WP	bạc lá/ lúa, thối nhũn/ hành	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
481	Hexaconazole (min 85%)	Acanvinsuper 55SC	lem lép hạt/ lúa, nấm hồng/ cao su, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV Lucky
		Aicavil 100SC	đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Anvilando 5SC	phần trắng/ hoa hồng	Công ty CP TM Hải Anh
		Angoldvin 50SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Anhvinh 50 SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Annongvin 50SC, 800WG	50SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 800WG: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Amwilusa 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Anvil® 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt, nấm hồng, đốm vòng/ cà phê; đốm lá/ lạc; khô vằn/ ngô; phần trắng, đốm đen, rỉ sắt/ hoa hồng; lở cổ rễ/ thuốc lá; phần trắng, vàng lá, nấm hồng/cao su, ghẻ sọc/cam; đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Anwinnong 100SC	rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ xoài, vải; lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH US Agro
		Apica Pro 25SC	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
		Atulvil 5SC, 10EC	5SC: rỉ sắt/ cà phê; nấm hồng/ cao su; đốm lá/ lạc; khô vằn, lem lép hạt/ lúa; phần trắng/ nho	Công ty CP Thanh Điền

	10EC: lem lép hạt/ lúa	
Aviando 50SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV Kiên Giang
Avil-cali 100SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
A-V-T Vil 5SC	lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn/ lúa; đốm lá/lạc; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Việt Thắng
Awin 100SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; vàng rụng lá/cao su, rỉ sắt, nấm hồng/ cà phê; thán thư/ điều; đốm lá/ lạc	Công ty TNHH TM Thái Phong
Bena 5SC	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Agro Việt
Best-Harvest 15SC	rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/lúa	Sundat (S) Pte Ltd
Bioride 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
BN-Vinzole 10SC	khô vằn/ngô	Công ty CP Bảo Nông Việt
BP.Hexasuper 50SC	khô vằn/ngô	Công ty TNHH TM Bình Phương
Callihex 5SC	khô vằn/lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Centervin 50SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng/ cao su; đốm lá/ lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
Chevin 5SC, 40WG	5SC: vàng rụng lá, nấm hồng/ cao su; khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; thán thư, phấn trắng/ xoài; ghẻ sọc/cam 40WG: khô vằn, lem lép hạt/lúa; phấn trắng/dưa hấu	Công ty CP Nicotex
Ckvil 10SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Nông dược CKD Việt Nam
Convil 100EC, 100SC	100EC: thán thư/ điều, khô vằn/ lúa 100SC: rỉ sắt/cà phê, lem lép hạt/lúa, thán thư/ xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Dibazole 5SC, 10SL	5SC: khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/ ngô; đốm lá/ lạc, lở cổ rễ/ bầu bí, vàng rụng lá/cao su 10SL: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; rỉ sắt, đốm vòng/ cà phê; rỉ sắt/ hoa hồng; lở cổ rễ/ bầu bí; đốm lá/ lạc, đốm mắt cua/ cà phê, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Doctor 5ME, 5SC	5ME: khô vằn/ lúa 5SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát

Dovil 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Endico 5SC	nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An
Evitin 50SC	lem lép hạt/ lúa; nứt vỏ, phần trắng/cao su, vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; đốm lá/lạc; đốm đen, phần trắng, rỉ sắt/hoa hồng; nấm hồng, rỉ sắt/cà phê; khô vằn/ngô; thán thư/ điều, sầu riêng; ghẻ/cam; đốm nâu/thanh long	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Extra-Vil 10SC	đốm nâu/lạc	Công ty CP Hưng Toàn Vĩnh Phát
Fillmore 100SC	đốm đen/ hoa hồng	Công ty TNHH Western Agrochemicals
Forwavi 5SC	khô vằn/ lúa	Forward International Ltd
Fulvin 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ điều, dừa hấu; phần trắng, vàng rụng lá/ cao su; rỉ sắt/ hoa hồng, rỉ sắt, khô cành, nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
Goldvil 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Hakivil 5SC	khô vằn/lúa	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
Hanovil 10SC	thán thư/ điều; nấm hồng/ cao su; lem lép hạt/ lúa; khô vằn/ ngô; rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
Haruko 5SC	nấm hồng/ cao su; phần trắng/ hoa hồng; đốm mắt cua/cà phê	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
Hecona 10SC	phần trắng/ cao su	United Plant Protection Co., Limited
Hecwin 5SC, 550WP	5SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng, phần trắng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê 550WP: khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
Hexathai 100SC	rỉ sắt/cà phê, lem lép hạt/lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
Hexaindia 5SC	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH A2T Việt Nam
Hexausa 10SC	nấm hồng/cà phê	Công ty CP Hóa chất SAM

Hexavil 6SC	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/cà phê, vàng rụng lá/cao su, đốm lá/lạc	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
Hexin 5SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
Hextat 75WG	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH BVTV TAT Hà Nội
Hoanganhvil 50SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
Hosavil 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ lạc, thán thư/ điều, rỉ sắt/ cà phê, vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Hóc Môn
Huivil 5SC	lem lép hạt/lúa; nấm hồng/cao su; rỉ sắt/cà phê	Agria S.A.
Indiavil 5SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; thán thư/ điều, xoài; rỉ sắt/ cà phê, nấm hồng/ cao su, đốm lá/ lạc; vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Đồng Xanh
Japa vil 110SC	lem lép hạt	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
JAVI Vil 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Jiavin 5 SC	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, thán thư/ điều, nấm hồng/ cao su	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Joara 5SC	khô vằn/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
Kenvil 100SC	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH TM Anh Thor
Lervil 100SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Longanvin 5SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Mainex 50SC	khô vằn, lem lép hạt/lúa; nấm hồng/ cà phê; phấn trắng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Mekongvil 5SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH P - H
Namotor 100SC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
Pyravil 5SC	khô vằn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
RD-Viral 5SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Radiant AG

		Saizole 5SC	phần trắng/ nho; nấm hồng/ cao su, cà phê; đốm lá/ lạc; lem lép hạt, khô vằn/ lúa; chết cây con/cà rốt; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Synvil 5SC	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Master AG
		Tadowin 5SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Vật tư Tây Đô Long An
		TB-hexa 5SC	phần trắng/cao su; lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
		Tecvil 50SC	lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, phần trắng/ chôm chôm	Công ty TNHH Kiên Nam
		Thonvil 100SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Topvil 111SC	lem lép hạt/ lúa, nấm hồng/cao su, thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
		Tungvil 5SC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt, nấm hồng, thán thư/ cà phê; lở cổ rễ/ thuốc lá; nấm hồng/ cao su; đốm đen/ hoa hồng; thán thư/ điều	Công ty CP SX -TM - DV Ngọc Tùng
		Tvil TSC 50SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Uni-hexma 5SC	khô vằn/lúa, nấm hồng/ cao su, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Vilmax 50SC	vàng rụng lá/cao su, lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Vilover 55SC	nấm hồng/cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vivil 5SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; vàng rụng lá/ cao su; rỉ sắt, thối quả/ cà phê; thán thư/ điều; rỉ sắt/nho; đốm lá/lạc, phần trắng/xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
482	Hexaconazole 100 g/l + Iprodione 250 g/l	Saipora super 350SC	khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; đốm nâu/thanh long; thán thư/xoài	Công ty CP BVTV Sài Gòn
483	Hexaconazole 75g/l + Isoprothiolane 75g/l	Thontrangvil 150SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
484	Hexaconazole 5% + Isoprothiolane 30%	Absolute 35SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
485	Hexaconazole 5% + Isoprothiolane 40%	Starmonas 45WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
486	Hexaconazole 30g/l (20g/kg) + Isoprothiolane	Bibiusamy 550SC, 800WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

	(270g/l), (320g/kg) + Tricyclazole (250g/l), (460g/kg)			
487	Hexaconazole 32 g/kg + Isoprothiolane 350g/kg + Tricyclazole 440g/kg	Nofada 822WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
488	Hexaconazole 30g/kg + Isoprothiolane 420g/kg + Tricyclazole 410g/kg	Camel 860WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
489	Hexaconazole 5% + Isoprothiolane 35% + Tricyclazole 40%	Beansuperusa 80WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
490	Hexaconazole 3% + Isoprothiolane 43% + Tricyclazole 40%	Citymyusa 86WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV DV TM Đăng Vũ
491	Hexaconazole 5% (50g/l) + Kasugamycin 3% (30g/l) + Tricyclazole 72% (360g/l)	Lany super 80WP, 440SC	80WP: đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa 440SC: lem lép hạt, thối thân lúa, bạc lá, đạo ôn/ lúa; loét sọc mặt cao/cao su, rỉ sắt/lạc; thán thư/ cà phê	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
492	Hexaconazole 25% + Kresoxim-methyl 15%	Hekaxim 40SC	phấn trắng/dưa chuột	Công ty CP Công nghệ Israel Việt Nam
493	Hexaconazole 24g/kg + Mancozeb 526g/kg	Nourich 550WG	thán thư/xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
494	Hexaconazole 40g/l + Metconazole 60g/l	Workplay 100SL	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
495	Hexaconazole 320g/kg + Myclobutanil 380g/kg	Centerbig 700WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Agrohao VN
496	Hexaconazole 8% + Prochloraz 20%	Anproxa 28SC	phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Cửu Long MTV
497	Hexaconazole 55 g/l + Prochloraz 10 g/l	Nevis 65SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
498	Hexaconazole 1.5% + Prochloraz Manganese chloride complex 18.5%	Complex super 20WP	nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản

499	Hexaconazole 4% + Propineb 56%	Helpro 60WG	nấm hồng/ cao su	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
500	Hexaconazole 62 g/kg + Propineb 615 g/kg	Shut 677WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; phấn trắng, nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; đốm nâu/ thanh long; thán thư/ điều	Công ty TNHH ADC
501	Hexaconazole 75g/kg + Propineb 630g/kg	Passcan 705WP	vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
502	Hexaconazole 50g/kg + Propiconazole 150g/kg + Tricyclazole 355g/kg	Sieubem super 555WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
503	Hexaconazole 50g/l (50g/kg) + Sulfur 49.9g/l (49.9g/kg)	Galirex 99.9SC, 99.9WP	99.9WP: khô vằn/ lúa 99.9SC: rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Nông dược Việt Thành
504	Hexaconazole 50g/l (10g/kg) + Sulfur 20g/l (450g/kg) + Tricyclazole 10g/l (50g/kg)	Grandgold 80SC, 510WP	80SC: khô vằn/ lúa 510WP: đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
505	Hexaconazole 56g/l + Tebuconazole 10g/l	Ferssy 66SC	phấn trắng/ hoa hồng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
506	Hexaconazole 50g/l + Tebuconazole 250g/l	Tezole super 300SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
507	Hexaconazole 50g/kg (25g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (100g/l), (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/l), (250g/kg)	Vatino super 500WP, 525SE, 780WG	500WP: khô vằn, đạo ôn/lúa 525SE: lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa 780WG: lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH An Nông
508	Hexaconazole 100g/kg + Tebuconazole 400g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Natoyo 750WG	lem lép hạt, đạo ôn/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH An Nông
509	Hexaconazole 13.9% + Thifluzamide 13.9%	Hezamide 27.8SC	phấn trắng/ hoa hồng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
510	Hexaconazole 14%+ Thifluzamide 14%	Agsorento 28SC	thán thư/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV Sao Phương Nam AG

511	Hexaconazole 20% + Thifluzamide 20%	Maika 40SC	khô vằn/ngô; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Rovecc 40SC	thán thư/cà phê	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd.
512	Hexaconazole 5% + Thifluzamide 15%	Mdan Light 20SC	khô vằn/ngô	Công ty CP Mạnh Đan
		Valentino 20SC	khô vằn/ngô	Xuzhou Jinhe Chemicals Co., Ltd.
		Viltop 20SC	khô vằn/ngô	Công ty TNHH TM Agri Green
513	Hexaconazole 56 g/l + Tricyclazole 10 g/l	Leener 66SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
514	Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 220g/l	Bimvin 250SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
		Dohazol 250SC	khô vằn/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
		Forvilnew 250 SC	đạo ôn, đốm vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê; đốm lá/ lạc, đậu tương; thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Hextric 250SC	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Sun-hex-tric 25SC	đạo ôn/ lúa, rỉ sắt/ lạc, thán thư/ điều	Sundat (S) Pte Ltd
		Westminster 250SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
515	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 200g/l	Beamvil-super 250SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH XNK Gold Star Thụy Điển
		Lashsuper 250SC	đạo ôn, khô vằn/ lúa; héo đen đầu lá/ cao su; rỉ sắt, thán thư /cà phê, thán thư /điều; vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM Tân Thành
516	Hexaconazole 40g/l (35g/kg) + Tricyclazole 239g/l (770g/kg)	King-cide 279SC, 805WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
517	Hexaconazole 30g/l (100g/l), (57g/kg) + Tricyclazole 220g/l (425g/l), (700g/kg)	Siukalin 250SC, 525SE, 757WP	250SC: khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa 525SE, 757WP: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
518	Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 250g/l	Co-trihex 280SC	đạo ôn/lúa, thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Baconco

		Donomyl 280SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
519	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 250g/l	Amilan 300SC	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng, rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều; đốm lá/lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		HD-pingo 300SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		Hexalazole 300SC	khô vằn, đạo ôn/lúa; rỉ sắt, thán thư/ cà phê; héo đen đầu lá/ cao su; thán thư/điều, đốm lá/lạc; phấn trắng/ cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Newtec® 300SC	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt /lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Trivin 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
520	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 450g/l	Gold-duck 500SC	rỉ sắt/cà phê, thán thư/ điều, nấm hồng/ cao su	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
521	Hexaconazole 100g/l + Tricyclazole 300g/l	Avinduc 400SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
522	Hexaconazole 125g/l + Tricyclazole 400g/l	Marx 525SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện bản
523	Hexaconazole 100g/l (150g/kg) + Tricyclazole 425g/l (600g/kg)	Natofull 525SE, 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá nông Mê Kông
524	Hexaconazole 30g/l (30g/kg) + Tricyclazole 270g/l (770g/kg)	Perevil 300SC, 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
525	Hexaconazole 30g/kg + Tricyclazole 670g/kg	Trihexad 700WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
526	Hexaconazole 5% + Validamycin 2.5%	Roxaly 7.5SC	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Rhone Việt Nam
		ValXtra 7.5SC	khô vằn/ngô	Công ty TNHH Agrimatco Việt Nam
527	Hexaconazole 25g/l + Validamycin 75g/l	Zilla 100SC	nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
528	Hexaconazole 2.5% (1.2%) + Validamycin 8.5% (2.3%)	SV-Atomer 11WP, 3.5ME	đốm đen/hoa hồng	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam

529	Hymexazol (min 98%)	Hariwon 30SL	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Hymethazol 30SL	héo vàng/hoa cúc	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Raigoc 0.1GR	chết cây con/lạc	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
530	Hymexazol 25% + Metalaxyl-M 5%	Hymex 30SL	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
531	Imazalil (min 95%) 10% + Prochloraz 20%	Imapro 30EW	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Vĩnh Nông Phát
532	Imibenconazole (min 98.3%)	Manage 5WP	phồng lá/ chè; rỉ sắt/ đậu tương; thán thư/ vải, xoài, ớt; đốm đen/ hoa hồng; phấn trắng/ dưa chuột, dưa hấu, hoa hồng, nho	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
533	Iminoctadine (min 93%)	Bellkute 40WP	phấn trắng/ hoa hồng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
534	Iprobenfos (min 94%)	Kisaigon 10GR, 50EC	10GR: đạo ôn, thối thân/ lúa 50EC: khô vằn, đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Kitatigi 10GR, 50EC	10GR: đạo ôn/ lúa 50EC: đạo ôn, thối thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tipozin 10GR, 50EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vikita 10GR, 50EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
535	Iprobenfos 20% + Isoprothiolane 20%	Bimtado 40EC	đốm đen/ hoa hồng	Công ty CP Vật tư Tây Đô Long An
		Vifuki 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
536	Iprobenfos 30% (10g/kg) + Isoprothiolane 15% (390g/kg)	Afumin 45EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
537	Iprobenfos 10% + Tricyclazole 10%	Dacbi 20WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
538	Iprobenfos 14% + Tricyclazole 6%	Lúa vàng 20WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
539	Iprobenfos 100g/kg+ Tricyclazole 750g/kg	Superbem 850WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ

540	Iprodione (min 96%)	Citione 350SC, 500WP, 700WG	350SC, 500WP: lem lép hạt/ lúa 700WG: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Doroval 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Givral 500WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Hạt chắc 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Hạt vàng 50 WP, 250SC	50WP: lem lép hạt/ lúa 250SC: lem lép hạt/ lúa, đốm quả/ nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Matador 750WG	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
		Niforan 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Prota 50WP, 750WG	50WP: lem lép hạt, khô vằn/ lúa; héo vàng/ đậu tương 750WG: lem lép hạt, khô vằn/ lúa; thối gốc/ dưa hấu	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Prozalthai 500SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Rora 750WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương; thán thư/ điều, hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Rorang 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Rovannong 50WP, 250SC, 750WG	50WP: khô vằn/ lúa 250SC, 750WG: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Royal 350SC, 350WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa.	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rovral 50WP	lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ cà chua, dưa hấu, bắp cải, lạc; thán thư/ cà phê	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Tilral 500WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Viroval 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zoralmy 50WP, 250SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu

541	Iprodione 8% + Prochloraz 8%	AF-Oxynd 16SC	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Agrifuture
542	Iprodione 200g/kg + Pyraclostrobin 50g/kg	Union 250WP	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
543	Iprodione 200g/l (50g/kg) + Sulfur 300g/l (500g/kg)	Rollone 500SC, 550WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
544	Iprodione 50g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Bemgold 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
545	Iprodione 350g/kg + Zineb 250g/kg	Bigrorpran 600WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
546	Isoprothiolane (min 96%)	Aco one 400EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Anfuan 40EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Dojione 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Fuan 40EC	đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Fuannong 400EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Fu-army 30WP, 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Fujiduc 450EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Fuji-One 40EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Fujy New 40EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Fuel-One 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Funhat 40EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Futrangone 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fuzin 400EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Iso one 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Jia-Jione 40EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kara-one	đạo ôn/ lúa	Eastchem Co., Ltd.

		400EC, 400WP		
		Lumix 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		One-Over 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH XNK QT SARA
		One-Super 400EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM – DV Ngọc Tùng
		Vifusi 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
547	Isoprothiolane 40% + Kasugamycin 2%	Fukasu 42WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
548	Isoprothiolane 235g/kg (230g/kg) + Kasugamycin 15g/kg (20g/kg) + Tricyclazole 400g/kg (550g/kg)	Topzole 650WP, 800WG	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
549	Isoprothiolane 50g/l + Propiconazole 250g/l	Tung super 300EC	lem lép hạt/ lúa; đốm lá, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
550	Isoprothiolane 200g/l + Propiconazole 150g/l	Tilred Super 350EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
551	Isoprothiolane 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tricyclazole 350g/l	Tinanosuper 600SE	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
552	Isoprothiolane 10.5g/l (10g/kg) + Propineb 4.5g/l (150g/kg) + Tricyclazole 400g/l (55g/kg)	Eifelgold 415SC, 215WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
553	Isoprothiolane 400g/l + Sulfur 30 g/l	Tung One 430 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
554	Isoprothiolane 250g/kg + Sulfur 400g/kg	Puvertin 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
555	Isoprothiolane 250g/kg + Sulfur 350g/kg + Tricyclazole 200.8g/kg	Bimmy 800.8WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông

556	Isoprothiolane 0.5g/l (405g/l) (10g/kg) + Sulfur 20g/l (19.5g/l) (55g/kg) + Tricyclazole 400.5g/l (0.5g/l) (755g/kg)	Ricegold 421SC, 425EC, 820WP	421SC: đạo ôn/ lúa 425EC, 820WP: đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
557	Isoprothiolane 400g/l + Tebuconazole 150g/l	Gold-buffalo 550EC	khô vằn, đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
558	Isoprothiolane 10g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Citiusa 810WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Lan Anh
559	Isoprothiolane 400g/kg + Tricyclazole 250 g/kg	Trizim 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH vật tư BVTV Phương Mai
560	Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Bump 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Downy 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Ka-bum 650WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Stazole top 650WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
561	Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Bulny 700WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
562	Isoprothiolane 30% (300g/kg) + Tricyclazole 40% (400g/kg)	Tripro-HB 700WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Triosuper 70WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
563	Isoprothiolane 18g/kg (460g/kg) + Tricyclazole 30g/kg (400g/kg)	NP G6 4.8GR, 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
564	Isoprothiolane 200g/l (400g/kg) + Tricyclazole 325g/l (250g/kg)	Bom-annong 525SE, 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
565	Isoprothiolane 375g/kg + Tricyclazole 375g/kg	Bimson 750WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Tùng Dương
566	Isoprothiolane 350g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Bim-fu 750WG	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Đức

567	Isoprothiolane 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Newtinano super 800WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
568	Isoprothiolane 400g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Acfubim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Bim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Fireman 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Trifuaic 800WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
569	Isopyrazam (min 92%)	Reflect® 125EC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
570	Iprovalicarb (min 95%) 55g/kg + Propineb 612.5g/kg	Freelance 667.5WP	thán thư/sâu riêng	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Interest 667.5WP	thán thư/xoài; giả sương mai/ dưa chuột; mốc sương/ nho	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Melody duo 66.75WP	mốc sương/ nho, dưa hấu, cà chua, dâu tây; sương mai/ hành, hoa hồng, rau cải; thán thư/ ớt; sương mai, thán thư/ vải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Mix-pro 667.5WP	phân trắng/hoa hồng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
571	Kanamycin sulfate (min 98%)	Marolyn 10WP	khô vằn/lúa, rỉ sắt, thán thư/lạc, thối nhũn/bắp cải	Công ty CP Trường Sơn
572	Kasugamycin (min 70%)	Asana 2SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá/ lúa; thối nhũn/ bắp cải, cải xanh; héo xanh/ cà chua; sẹ/ cam; thối quả/ nhãn, xoài, sầu riêng, vải	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		AD-Carp 2SL	bạc lá/lúa, thán thư/ ớt	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiền Giang
		Bactecide 20SL, 60WP	bạc lá, đạo ôn/ lúa; thán thư/ ớt; phân trắng/ bầu bí	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Bisomin 2SL, 6WP	2SL: đạo ôn, bạc lá/ lúa; thán thư, sẹ/ cam, quýt; thán thư, thối quả/ vải, nhãn, xoài; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua, bắp cải; thối quả, phân trắng/ nho 6WP: đạo ôn, bạc lá/ lúa; phân trắng/ nho	Bailing Agrochemical Co., Ltd

BN-Kakasu 2SL	bạc lá/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
Calistar 20SC, 25WP	20SC: đạo ôn/ lúa 25WP: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
Chay bia la 2SL	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Citimycin 20SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa	Eastchem Co., Ltd.
Fujimin 20SL, 50WP	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, đậu trạch, bí xanh, dưa chuột.	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Fukmin 20SL	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Golcol 20SL, 50WP	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, đậu trạch, bí xanh, dưa chuột.	Công ty CP Nông dược Việt Nam
Goldkamin 20SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư /xoài	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Grahitech 2SL, 4WP	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn/ bắp cải, hành; lở cổ rễ/ thuốc lá, dưa chuột, dưa hấu, cà chua; bệnh sọc/ cam; thán thư/ vải, xoài	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
JAVI Min 20SL, 60WP	20SL: lem lép hạt/ lúa 60WP: đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Kagomi 3SL	đạo ôn, bạc lá vi khuẩn/lúa; thối nhũn vi khuẩn/ bắp cải; loét/cam	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yên
Kamycinjapane 20SL, 80WP	20SL: khô vằn/ lúa 80WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
Kamsu 2SL, 8WP	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn do vi khuẩn/ hành, bắp cải; lở cổ rễ/ cà chua, dưa chuột, dưa hấu, thuốc lá, thuốc lào; sọc/ cam; thán thư/ vải, nhãn, xoài, nho, điều, hồ tiêu.	Công ty TNHH Việt Thắng
Karide 3SL, 6WP	đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư /xoài; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH An Nông
Kasuduc 3SL, 100WP	3SL: bạc lá/lúa 100WP: đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
Kasuga 60WP	thối nhũn/ cải bắp, phấn trắng/bí xanh	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Kasugacin	khô vằn, đạo ôn/ lúa, sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Nông nghiệp

	3SL		Việt Nam
	Kasugen 20SL	thối nhũn/cải bắp	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
	Kasuhan 4WP	thối nhũn/hành, cải thảo	Công ty CP BMC Việt Nam
	Kasumin 2SL	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá, đen lép hạt do vi khuẩn/ lúa; thối vi khuẩn/ hành, bắp cải; loét vi khuẩn/ cam; đốm lá/ lạc	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
	Kasumira 60SL	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH XNK TM Agriasian
	Kasustar 62WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Vagritex
	Kata 2SL	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn/ bắp cải; đốm lá/ lạc; bệnh loét/ cam	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
	Katamin 3SL	đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
	Kminstar 20SL, 60WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; sọc/ cam; thối vi khuẩn/ bắp cải; thối quả/ vải, xoài	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
	Fortamin 3SL, 6WP	đạo ôn, đốm nâu, bạc lá/ lúa; đốm lá/ dưa chuột; thối nhũn/ bắp cải; thán thư/ xoài, dưa hấu; sọc/ cam	Công ty TNHH Phú Nông
	Laba 20WP	thối quả vi khuẩn/thanh long; phấn trắng/hoa cúc; thán thư/mít	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
	Newkaride 3SL, 6WP	3SL: đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; phấn trắng/ nho; thán thư, đốm đen vi khuẩn/ xoài, bệnh sọc/ cam 6WP: đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư/ xoài; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH US.Chemical
	Tabla 20 SL	bạc lá, đạo ôn/ lúa; thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
	Trasuminjapane 2SL, 8WP	đạo ôn, bạc lá, khô vằn, đốm nâu/ lúa; thối nhũn/ bắp cải; đốm lá/ dưa chuột; thán thư/ dưa hấu, xoài; loét sọc vi khuẩn/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
	Tutin 40SL	đạo ôn/lúa, đốm lá/ phong lan, thán thư/ ớt, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Kyoto Japan
	Saipan 2 SL	đạo ôn, bạc lá/lúa, thối nhũn/bắp cải, loét/cam	Công ty CP BVTV Sài Gòn
	Usakacin 6WP, 30SL	bạc lá, đạo ôn/ lúa; thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

573	Kasugamycin 30g/kg + Isoprothiolane 390g/kg	Xperia 420WP	đốm lá lớn/ngô	Công ty TNHH Hoá chất Mạnh Hùng
574	Kasugamycin 20g/kg + Isoprothiolane 180g/kg + Tricyclazole 650g/kg	Tranbemusa 850WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
575	Kasugamycin 2g/l + Ningnanmycin 40g/l	Kamilaic 42SL	đốm lá/ hành	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
576	Kasugamycin 20 g/kg + Ningnanmycin 48g/kg	No-vaba 68WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
577	Kasugamycin 2g/l (2g/kg) + Ningnanmycin 38g/l (48g/kg)	Linacin 40SL, 50WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
578	Kasugamycin 25g/l (50g/kg) + Ningnanmycin 25g/l (60g/kg)	Chobits 50SL, 110WP	50SL: lem lép hạt/ lúa 110WP: lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
579	Kasugamycin 20g/l + Ningnanmycin 20g/l	Parisa 40SL	thối nhũn/ bắp cải	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
580	Kasugamycin 10g/l (16g/kg) + Ningnanmycin 65g/l (60g/kg)	Kamycinusa 75SL, 76WP	75SL: khô vằn/lúa; nấm hồng/cao su 76WP: đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
581	Kasugamycin 2g/kg + Ningnanmycin 98g/kg	Nikasu 100WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
582	Kasugamycin 5g/l, (20g/kg) + Ningnanmycin 41.9g/l (50.9g/kg) + Polyoxin B 0.1g/l, (0.1g/kg)	Gallegold 47SL, 71WP	thán thư/ vải, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
583	Kasugamycin 10g/kg (10g/l) + Ningnanmycin 40g/kg (40g/l) + Streptomycin sulfate 50g/kg (100g/l)	Famycinusa 100WP, 150SL	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
584	Kasugamycin 2% + Oligosaccharins 2%	Oli Bgo 4SL	khô vằn/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
585	Kasugamycin 7% + Oligosaccharins 3%	Biolisa 10SL	bạc lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam

586	Kasugamycin 3% + Oxine copper 30%	IKD-Keni 33SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ sinh học IKD – Hoa Kỳ
		Kaoxin 33SC	rỉ sắt/lạc	Công ty TNHH A2T Việt Nam
		Topaz 33SC	đốm nâu/lạc	Công ty CP US Farm Việt Nam
587	Kasugamycin 3% + Oxine copper 33%	Asus 36SC	đốm nâu/lạc; mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Kona Crop Science
588	Kasugamycin 3.5% (35g/kg) + Oxine copper 40% (400g/kg)	Kasuno 43.5WP	cháy bìa lá/gừng, sương mai/ khoai tây	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Osaku 435WP	thán thư/hoa hồng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
589	Kasugamycin 9g/l (1g/kg), (1g/l) + Polyoxin 1g/l (19g/kg), (20g/l)	Starsuper 10SC, 20WP, 21SL	10SC, 21SL: đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; sọc/ cam; thối quả/ vải, xoài; sương mai/ cà chua 20WP: phòng lá/chè, héo xanh/dưa chuột; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; sọc/ cam; thối quả/ vải, xoài; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
590	Kasugamycin 15g/l (20g/kg) + Polyoxin 2g/l (2g/kg)	Kaminone 17SL, 22WP	thán thư quả/vải	Công ty CP Vagritex
591	Kasugamycin 1g/l (1g/kg) + Polyoxin B 21g/l (22g/kg)	Yomisuper 22SC, 23WP	22SC: Lem lép hạt, đạo ôn/lúa 23WP: Thán thư/ vải, phòng lá/ chè, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
592	Kasugamycin 2g/kg + Streptomycin 38g/kg	Sunner 40WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
593	Kasugamycin 10g/kg + Streptomycin sulfate 40g/kg	Navara 50WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
594	Kasugamycin 20g/kg + Streptomycin sulfate 80g/kg	Amigol-lux 100WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
595	Kasugamycin 50g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Teptop 100WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
596	Kasugamycin 5g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Novinano 55WP	bạc lá/lúa, héo xanh/cà chua	Công ty CP Nông Việt
597	Kasugamycin 1g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Teamgold 101WP	bạc lá/ lúa; lở cổ rễ/bắp cải; héo xanh vi khuẩn/cà chua, thán thư/ớt, thối nhũn/hành	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ

598	Kasugamycin (10g/l) 15g/kg + Streptomycin sulfate (140g/l) 170g/kg	Gamycinusa 150SL, 185WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
599	Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 300 g/kg	Bingle 320WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
600	Kasugamycin 77g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Javizole 777WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
601	Kasugamycin 12g/kg + Tricyclazole 250g/kg	Bemsai 262WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
602	Kasugamycin 1.2% + Tricyclazole 20%	Kansui 21.2WP	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
603	Kasugamycin 3.6% + Tricyclazole 24.4%	RB-Trisu 28WP	thán thư/cà phê	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
604	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 28%	Kabim 30WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
605	Kasugamycin 19 g/l (10g/kg) + Tricyclazole 11g/l (240g/kg)	Ankamycin 30SL, 250WP	30SL : bạc lá/ lúa 250WP : đạo ôn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
606	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 29%	Hibim 31WP	đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
607	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 30%	Unitil 32WP, 32WG	32WP : đạo ôn, bạc lá/ lúa 32WG : đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
608	Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 480g/kg	Daiwantocin 50WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Futai
609	Kasugamycin 10g/kg + Tricyclazole 790g/kg	Bibojapane 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
610	Kasugamycin 15g/l (30g/kg) +Tricyclazole 285g/l (770g/kg)	Beammy-kasu 300SC, 800WG	đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
611	Kasugamycin 5% + Tricyclazole 75%	Binbinmy 80WP	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
612	Kasugamycin 15g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Stardoba 715WP	đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Agro Việt
613	Kasugamycin 12g/l + Tricyclazole 80g/l	Kasai-S 92SC	đạo ôn/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

614	Kasugamycin 40g/kg + Tricyclazole 768g/kg	Nano Diamond 808WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
615	Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Fujitil 820WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
616	Kasugamycin 0.5% + Tricyclazole 74.5%	Haragold 75WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
617	Kasugamycin 35g/kg + Tricyclazole 692g/kg + Validamycin 50g/kg	Tilmec 777WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
618	Kasugamycin 2% + Zhongshengmycin 2%	Emycin 4WP	ghẻ sọc/cam; bạc lá/lúa	Công ty CP Agri Shop
619	Kasugamycin 3% + Zhongshengmycin 2%	Rankacin 5WP	loét/cam; bạc lá/ lúa; thối nhũn/cải bắp	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
620	Kasugamycin 10% + Zhongshengmycin 3%	Kaminusavb 13WG	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
621	Kresoxim-methyl (min 95%)	Bolivar 500WG	thán thư/xoài	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Dosumba 50WG	thán thư/ớt; sương mai/hành	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
		Inari 300SC	thán thư/ thanh long, ớt, nhãn; giả sương mai/dưa hấu	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Kexim 30WP, 50WG	đốm mắt cua/ớt	Công ty TNHH Gap Agro
		Kesoximusa 30SC	nấm hồng/cà phê; giả sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Kimju 500WP	đốm nâu/lạc; chết nhanh/hồ tiêu; thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		MAP Rota 50WP	thán thư/ xoài, phần trắng/nho, giả sương mai/dưa hấu, đốm vòng/cà chua, thán thư/ớt; chết nhanh/hồ tiêu; đốm đen/dâu tây; sương mai/cà chua, sọc/cam; phần trắng/ hoa hồng	Map Pacific Pte Ltd
		Newkoxim 500WP	thán thư/ ớt	Công ty CP S New Rice
		Sasusim 500WG	thán thư/xoài	Công ty TNHH thuốc BVTV Nam Nông
		Sosim 300SC	đạo ôn/ lúa; sương mai/ bầu, rau cải, bí xanh, mướp, đậu cove, đậu đũa; mốc xám/ rau cải ; đốm	Công ty TNHH Việt Thắng

			mắt cua/ mỏng toi; rỉ trắng/ rau dền; thán thư/ đậu côve, đậu đũa; sương mai/súp lơ, hành; thán thư, phấn trắng, đốm mắt cua/ớt; rỉ sắt/đậu đũa, rỉ trắng/rau muống	
		Topxim Pro 30SC	đốm lá/hoa đào; rỉ sắt/hoa cúc	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Vadisanam 50WG	rỉ sắt/hoa cúc; phấn trắng/dưa chuột	Công ty TNHH TM - DV VAD
622	Kresoxim-methyl 15% + Metalaxyl 50%	BC-Phytopkill 65WP	thán thư/cà phê; phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Biocrop
623	Kresoxim-methyl 10% + Metiram 50%	Ketiram 60WP	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Golden Bells Việt Nam
624	Kresoxim-methyl 10% + Propineb 50%	Omega-downy rot 60WG	rỉ sắt/ cà phê, đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
625	Kresoxim-methyl 300 g/kg + Tebuconazole 150 g/kg	Trido 450WP, 450WG	450WP: thán thư/ cà phê 450WG: mốc sương/khoai tây; phấn trắng/hoa hồng; rỉ sắt/hoa cúc	Công ty CP BVTV ATC
626	Kresoxim-methyl 20% + Triflumizole 15%	Dream heart 35SC	thán thư/ cà phê	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyên giao công nghệ
627	Laminarin (min 86%)	Vacciplant 45SL	thán thư/ dưa hấu, sầu riêng; giả sương mai/dưa chuột; bạc lá/lúa; đốm nâu/thanh long	Công ty TNHH UPL Việt Nam
628	Mancozeb (min 85%)	Aikosen 80WP	thán thư/ xoài, thanh long, ớt, đốm lá/ bắp cải, xì mủ/ sầu riêng	Công ty TNHH World Vision (VN)
		An-K-Zeb 800WP	thối quả/ vải	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Annong Manco 80WP, 300SC	80WP: sương mai/ khoai tây, cà chua; thán thư/hoa hồng, xoài; phấn trắng/ nho; lem lép hạt/ lúa 300SC: lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; sương mai/ cà chua, phấn trắng/ nho	Công ty TNHH An Nông
		Bavizeb 75WP	phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		BM Plant Shield 80WP	đốm nâu/lạc	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
		Byphan 800WP	thán thư/ vải	Công ty TNHH TM Bình Phương

Cadilac 75WG, 80 WP	75WG: đốm đen/hoa hồng, rỉ sắt/cà phê, thán thư/vải, mốc sương/ khoai tây 80WP: mốc sương/khoai tây, rỉ sắt/cà phê, giả sương mai/dừa hấu; lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ hoa cây cảnh	Agria S.A.
Caliber 750WG, 800WP	750WG: rỉ sắt/ cà phê, sương mai/khoai tây, đốm đen/ hoa hồng 800WP: đốm đen/hoa hồng, rỉ sắt/cà phê, thán thư/ xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
Camaneb 80WP	mốc sương/cà chua	Công ty CP TST Cần Thơ
Đaiman 800WP	lem lép hạt/lúa; mốc sương/ cà chua; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
Dipomate 80 WP, 430SC	80WP: sương mai/ cà chua, rỉ sắt/ hoa cúc, lem lép hạt/ lúa 430SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Dithane® M-45 80WP, 600OS	80WP: mốc sương/ cà chua, khoai tây; lem lép hạt, đạo ôn/lúa; mốc sương/nho, vải; thán thư/cà phê, xoài, điều; rỉ sắt cà phê. 600OS: nấm hồng, thán thư/cao su; thán thư/điều, xoài, cà phê; rỉ sắt/ cà phê; lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Arysta LifeScience Việt Nam
Dizeb-M 45 80 WP	đốm lá/ lạc, ngô; đạo ôn, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, đậu tương; đốm nâu/ thuốc lá; sương mai/ khoai tây	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Dofazeb 800WP	sương mai/ khoai tây, rỉ sắt/cà phê, thối quả/sầu riêng	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Dove 80WP	thán thư/ xoài	Công ty TNHH Nông nghiệp Mặt Trời Vàng
Forthane 43 SC, 80WP	80WP: thán thư/ bắp cải, đạo ôn/ lúa. 43SC: đạo ôn/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
Fovathane 80WP	sương mai/ khoai tây, đốm lá/ lạc; vàng rụng lá, nấm hồng/ cao su; đạo ôn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
Kingcozeb 80WP	sương mai/ cà chua	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
Lanozeb 800WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Hóa nông Lâm Ngọc
Man 80 WP	thối nhũn/ bắp cải, rỉ sắt/ cà phê	DNTN TM - DV và Vật tư Nông nghiệp Tiến Nông

Man City 80WP	đốm đen/hoa hồng	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
Manando 80WP	phần trắng/ hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ánh
Manco TD 80WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
Manco Color 80WP	thán thư/cam	Công ty TNHH TM SX XNK Đình Gia Phát
Mancobaca 80WP	thán thư/cà phê	Công ty TNHH NN Bà Cả
Mancobgo 80WP	thán thư/vải	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
Makozeb-RBC 80WP	thối quả/cam	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
Manindia 80WP	đốm đen/hoa hồng	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
Manozeb 80 WP	phần trắng/dưa chuột, đốm lá/ lạc, chết nhanh/ hồ tiêu, thán thư/ cà phê; sương mai/dưa hấu	Công ty CP Nông dược HAI
Manthane M 46 37 SC, 80 WP	37SC: sương mai/ cà chua 80WP: sương mai/ cà chua, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Penncozeb 75WG, 80 WP	75WG: thán thư/ xoài, đốm lá/ cà chua 80WP: thán thư/ xoài, ớt; đốm lá/ cà chua; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Baconco
Queen night 800WP	rỉ sắt/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất phân bón thuốc BVTV Dubai
Sancozeb 80 WP	thối quả/ cam, phần trắng/ dưa chuột	Forward International Ltd
Sunmanbul 80WP	đốm lá/lạc	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
Tenem 80 WP	mốc sương/ dưa chuột, đốm lá/ cây có múi	Công ty TNHH TM Trang Nông
Timan 80 WP	thối nhũn/ bắp cải, ghê/ cam, thán thư/thanh long, dưa hấu	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Tipozeb 80 WP	đạo ôn/ lúa, thán thư/ xoài, rỉ sắt/ cà phê, sẹo/quýt	Công ty TNHH – TM Thái Phong
Tungmanzeb 800WP	lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc, ngô; rỉ sắt/ lạc, cà phê, ngô; thán thư/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

		Tvzeb 800WP	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Unizebando 800WP	sương mai/cà chua	Công ty CP SAM
		Unizeb M-45 75WG, 80 WP	75WG: đốm vòng/ cà chua 80WP: thán thư/ dừa hấu, xoài, thanh long, ớt; rỉ sắt/ lạc; vàng lá/ lúa; sương mai/ cà chua.	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vimancoz 80WP	đốm lá/ rau cải, thối gốc, chảy mủ/ sầu riêng; sương mai/ khoai tây; chết cây con/ lạc, chết chậm/hồ tiêu, thán thư/xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vosong 800WP	sương mai/ dừa hấu, ghẻ nám/cam, sương mai/cà chua, đốm lá/hồ tiêu	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
		VT Manco 80WP	phần trắng/hoa hồng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		ZebindiaX 80WP	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH MTV Hóa Sinh Cửu Long
629	Mancozeb 0.24% (64%) + Metalaxyl 0.01% (8%)	Biorosamil 0.25PA, 72WP	loét sọc mặt cao/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
630	Mancozeb 640g/kg + Metalaxyl 40g/kg	Rinhmyn 680WP	sương mai/ khoai tây, rỉ sắt/ cà phê, thán thư/ hồ tiêu, điều	Công ty TNHH An Nông
631	Mancozeb 64% + Metalaxyl 8%	Agrimyl 72WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Sinh học NN Hai Lúa Vàng
		BP Dimilgold 720WP	loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty TNHH MTV Nam Thịnh Hòa Bình
		Favaret 72WP	loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty CP Nicotex
		Fortazeb 72 WP	loét sọc mặt cao/ cao su	Forward International Ltd
		Hacoxyl 72WP	phần trắng/ hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ảnh
		Hoanganhbul 72WP	phần trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Mancolaxyl 72WP	loét miệng cao/ cao su; lem lép hạt/ lúa; thối rễ/ hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Met-Helmer 72WP	thán thư/ cà phê, đốm đen/ hoa hồng. xì mủ/ cao su	Công ty TNHH B.Helmer
		Memman 72WP	thán thư/điều, loét sọc mặt cao/ cao su; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
		Mexyl MZ	chết nhanh/ hồ tiêu; loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty CP BVTV

		72WP		Sài Gòn
		Phesolmanco-M 72WP	loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Ricide 72 WP	loét sọc mặt cao/ cao su, đốm lá/ thuốc lào	Công ty CP BVTV I TW
		Ridozeb 72WP	lở cổ rễ/ cây vừng, xì mủ thân/ mắc ca, loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Rithonmin 72WP	đạo ôn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Romil 72WP	chết nhanh/hồ tiêu	Rotam Agrochemical Co., Ltd
		T-Promy MZ 72WP	loét sọc mặt cao/cao su; chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/điều	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Talaxyliindiavb 72WP	phân trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
		Tungsin-M 72WP	loét miệng cao/ cao su; thán thư/ điều; lem lép hạt/ lúa; chết héo/ hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vimonyl 72 WP	loét sọc mặt cao/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu, sương mai/khoai tây, chết ẻo/lạc, thán thư/ điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
632	Mancozeb 640g/kg + Metalaxyl 80g/kg	Ridoman 720WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Zimvil 720WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
633	Mancozeb 600 g/kg (640g/kg) + Metalaxyl 80g/kg (80g/kg)	Rorigold 680WG, 720WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
634	Mancozeb 60% (64%) + Metalaxyl 8% (8%)	Metman bul 68WG, 72WP	loét sọc mặt cao/cao su, sương mai/ khoai tây	Agria S.A.
635	Mancozeb 480g/kg (48%) + Metalaxyl 100g/kg (10%)	Domigold 580WP	đốm đen/hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Manmetpul 58WP	thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
		Mexyl Gold 580WP	thán thư/cà phê	Công ty CP Hóa sinh Takashi Nhật Bản
		Ridokin 58WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		VT-Manmet 58WP	thán thư/cà phê	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái

636	Mancozeb 48% + Metalaxyl-M 5%	Ω-Mancom 53WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
637	Mancozeb 64% (640g/kg) + Metalaxyl-M 4% (40g/kg)	Copezin 680WP	rỉ sắt/cà phê, loét sọc mặt cao/ cao su, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH TM Tân Thành
		DN Man 68WG	đốm lá/ngô	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Lanomyl 680WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Mekomil gold 680WG, 680WP	680WG: rỉ sắt/ cà phê, thán thư/điều, sương mai/ khoai tây 680WP: đạo ôn/ lúa, thán thư/điều, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Ridomil Gold® 68WG	thán thư/ điều; sương mai/ ca cao; loét sọc mặt cao/ cao su; chết cây con/ thuốc lá, lạc; chết nhanh/ hồ tiêu; đốm lá/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Rildzomigol super 68WG	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Suncolex 68WP	loét sọc mặt cao/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu	Sundat (S) PTe Ltd
638	Mancozeb 640g/kg + Metalaxyl-M 39g/kg	Skywalk 679WG	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
639	Mancozeb 660g/kg + Metalaxyl-M 60g/kg	Rubbercare 720WP	loét sọc mặt cao/cao su; chết nhanh/ hồ tiêu, đốm lá/ ngô, thán thư/điều	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
640	Mancozeb 680g/kg + Metalaxyl-M 40g/kg	Shikoku 720WG	nấm hồng/ cà phê, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM-SX GNC
641	Mancozeb 44% + Polyoxin B 2%	Polyman 46WP	thán thư/ thanh long	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
642	Mancozeb 301.6g/l + Propamocarb.HCl 248g/l	Propman bul 550SC	sương mai/cà chua, dưa hấu	Agria S.A.
643	Mancozeb 620 g/kg + Tricyclazole 180g/kg	Triman gold 800WP	đốm đen/ hoa hồng	Công ty CP SAM
644	Mancozeb 280 g/kg + Sulfur 420 g/kg	Sufer man 700WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
645	Mandipropamid (min 93%) 250g/l + Oxathiapiprolin 30g/l	Orande® 280SC	sương mai/vải; xì mủ/cam	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

646	Mefentrifluconazole (min 97%)	Cevya 400SC	lem lép hạt/ lúa, phần trắng/dưa chuột, đốm vòng/cà chua	BASF Vietnam Co., Ltd.
647	Metalaxyl (min 95%)	Acodyl 25EC, 35WP	25EC: sương mai/khoai tây, thối rễ/hồ tiêu, loét sọc mặt cao/ cao su 35WP: thối rễ/ hồ tiêu	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Alfamil 350WP	chết nhanh/ hồ tiêu; mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Binhtaxyl 25 EC	mốc sương/ khoai tây; đốm lá/ lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Eroxyl gold 250EC, 500WG	sương mai/hoa hồng	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
		Foraxyl 35WP	rỉ sắt/ đậu tương	Forward International Ltd
		Karoke 350WP	chết nhanh/tiêu, phần trắng/hoa hồng, sọc lá/ngô	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
		Lâmbac 35WP	rỉ sắt/lạc	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Mataxyl 500WG, 500WP	500WG: chết nhanh/ hồ tiêu, loét sọc mặt cao/ cao su; sương mai/ khoai tây 500WP: chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai/ khoai tây; chết ẻo/ lạc; loét sọc mặt cao, vàng rụng lá/cao su; thối quả, thối thân/ca cao; vàng lá/sắn; phần trắng/ đậu tương	Map Pacific Pte Ltd
		Meta-M-CMP 35WP	chết nhanh/ hồ tiêu, loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty CP Nông nghiệp CMP
		No mildew 25WP	thối/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Trang Nông
		Rampart 35SD	chết ẻo cây con/ thuốc lá, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Salegold 250EC	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tân qui Talaxyl 25WP	chết nhanh/ hồ tiêu; thán thư/điều; rỉ sắt/cà phê; loét sọc mặt cao/cao su	Công ty TNHH Ngân Anh
648	Metalaxyl 15% + Propamocarb 10%	Laxyl pro 25WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
649	Metalaxyl-M (min 91%)	Voces 25WP	loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
650	Metalaxyl-M 7.5% + Propamocarb 37.5%	Maxkudo 45SL	chết cây con/lạc	Công ty TNHH TM Hải Thụy

651	Metalaxyl-M 80 g/kg + Propineb 420 g/kg	Bavacol 500WP	phần trắng/hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
652	Metconazole (min 94%)	Anti-fusa 90SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Ozzova 90SL	lem lép hạt, lúa von/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty TNHH MTV Lucky
		Workup 9 SL	lem lép hạt/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
653	Metiram Complex (min 85%)	Polylam 80WG	chạy dây/ dừa chuột; đốm vòng/ cà chua; sương mai/ vải, dừa hấu; thán thư/ hồ tiêu, xoài, sầu riêng; thối quả/ nhãn; lúa von/ lúa; ghẻ sọc/cam; đốm nâu/thanh long	BASF Vietnam Co., Ltd.
654	Metiram complex 550 g/kg + Pyraclostrobin 50 g/kg	Haohao 600WG	thán thư/vải, đạo ôn/ lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Verityz 600WG	thán thư/xoài, thanh long; ghẻ sọc/ cam; thán thư/ớt; sương mai/hoa hồng; đốm lá sigatoka/chuối; giả sương mai/dừa chuột; mốc sương/cà chua	Công ty CP Tập đoàn Japex
655	Metiram 40% + Prochloraz-Manganese Chloride complex 12%	Metipro 52WP	phần trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH TM Agri Green
656	Metiram 55% (550g/kg) + Pyraclostrobin 5% (50g/kg)	ADU-Flore 600WG	thán thư/ớt	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Ballad 60WG	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Deutschland Việt Nam
		Bellico 60WG	sọc/cam	Công ty CP BVTV I TW
		Cabrio Top 600WG	sương mai/ cà chua, sương mai/ dừa hấu; bệnh sọc/ cam; giả sương mai/ dừa chuột, sương mai/khoai tây, rỉ sắt/đậu tương; thán thư/ớt, hồ tiêu, xoài, sầu riêng; đốm nâu/thanh long	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Carlos 60WG	phần trắng/ hoa hồng, sương mai/ khoai tây, sọc/ cam	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Casino Top 600WG	phần trắng/ hoa hồng	Công ty CP Liên doanh Quốc tế Fujimoto
		Combo 600WG	thán thư/ ớt	Công ty CP Khử trùng Việt Nam

		Magic-Power 60WG	thán thư/hoa hồng, ớt, xoài	Công ty CP Itagro Việt Nam
		Metrobin 600WG	thán thư/ ớt	Công ty TNHH Vĩnh Nông Phát
		Metrotop 600WG	mốc sương/cà chua	Công ty CP Hóa nông AMC
		Morio top 600WG	thán thư/ớt	Công ty TNHH TM DV Việt Phát
		Ometi super 60WG	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH Cooperation Bio Đức
		Pymetop 60WG	thán thư/cà phê, ớt	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Rambrio 60WG	thán thư/xoài; giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
		Rhett 60WG	rỉ sắt/hoa cúc	Công ty TNHH Agro Việt
		Sun Milano 60WG	rỉ sắt/đậu tương	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hagrochem
657	Metominostrobin (min 97%)	Ringo-L 20SC	rỉ sắt/đậu tương, thán thư/ gừng, thán thư/ cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
658	Myclobutanil (min 98%)	Kanaka 50SC, 405WP	50SC: lem lép hạt/ lúa 405WP: lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Micelo 125WP	chết nhanh/ hồ tiêu, đốm lá/ khoai môn	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Myclo 400WP	đạo ôn/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Hóc Môn
		Phytoxil 400SC	đốm lá/khoai môn	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
659	Myclobutanil 130 g/kg + Pyraclostrobin 250 g/kg	Tokayo 380WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
660	Myclobutanil 50g/kg (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (250g/kg)	Sieutino 500WP, 780WG	500WP: lúa von/ lúa (xử lý hạt giống); khô vằn, lem lép hạt/lúa 780WG: khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
661	Myclobutanil 100g/kg + Tebuconazole 400g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Rusem super 750WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông

662	Myclobutanil 100g/kg + Thiophan-methyl 500g/kg	Wonderful 600WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty TNHH An Nông
663	Myclobutanil 50g/l (200g/kg) + Thiophan-methyl Zinc 200g/l (500g/kg)	Usagvil 250SC, 700WP	250SC: bạc lá/lúa 700WP: bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/ cà phê, điều; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH An Nông
664	Ningnanmycin (min 20%)	Ace green 8SL	đốm sọc vi khuẩn/ lúa	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Annongmycin 80SL, 100SP	80SL: bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài; phần trắng/ nho 100SP: thối nhũn/hành	Công ty TNHH An Nông
		Bonny 4SL	chết cây con/ lạc, bạc lá/ lúa, thối nhũn/ cải bắp, héo rũ/ cà chua; chết chậm, chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/dưa chuột; chạy dây/dưa hấu; thối thân vi khuẩn/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Cosmos 2SL	bạc lá, khô vằn/ lúa; hoa lá, xoắn lá, thán thư/ ớt; phần trắng, thối rễ, khô dây/ bí xanh; phần trắng, giả sương mai/ dưa chuột; hoa lá/ thuốc lá; sương mai, xoắn lá/ cà chua	Công ty TNHH Nam Bắc
		Diboxilin 2 SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, thối mạ, hoa cúc, lúa von/ lúa; mốc xám, đốm lá/ bắp cải, cải xanh; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, bầu bí; héo rũ/ đậu tương, lạc, cà phê; thán thư/ cam, chanh; thối quả/ xoài, vải, nhãn, nho; vàng lá/ hoa cúc; thán thư, phần trắng, thối nhũn/ nho; thán thư, phần trắng/ xoài; thối nhũn/ tỏi, hành; khô bông, thán thư/ điều; rụng quả, rỉ sắt/ cà phê; chết chậm, chết nhanh/ hồ tiêu, đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Ditacin 8 SL, 10 WP	8SL: héo rũ, bệnh khảm, bệnh sáng gân/ thuốc lá; sương mai/ cà chua; bạc lá/ lúa; thối nõn/ dưa; héo xanh/ lạc, cà chua, dưa chuột, bí xanh 10WP: khảm/ thuốc lá; héo rũ/ lạc	Công ty TNHH Nông Sinh
		Evanton 40SL	thối nhũn/bắp cải, bạc lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Fukuda 3SL	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC

Jonde 3SL	cháy bìa lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
Kanycin 100WP	thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH CEC Việt Nam
Kozuma 5WP, 3SL	khô vằn, đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt lúa / lúa; vàng lá/ hoa cúc; xoắn lá/ ớt; sương mai/ dưa hấu; loét/ cam; héo khô/ bí xanh; khảm, héo rũ/ thuốc lá; héo rũ/ cà phê, đậu tương, lạc; thối quả/ xoài, nho, nhãn, vải; lở cổ rễ, héo rũ/ cà chua	Công ty CP Nông nghiệp HP
Kufic 80SL	héo xanh/ cà chua, bạc lá/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
Lincolnusa 15WP, 81SL	15WP: bạc lá/ lúa 81SL: bạc lá/ lúa, thối nhũn/ hành	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
Molbeng 2SL	bạc lá/ lúa, héo rũ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu; thối quả/ xoài, vải	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
Naga 80SL	bạc lá/lúa; thối nhũn/cải bắp, chết chậm/hồ tiêu, héo xanh/cà chua	Công ty CP Hóc Môn
Niclosat 4SL	khô vằn, bạc lá/ lúa; lở cổ rễ/ lạc, đậu đỗ, cải bắp; khô cành/ cà phê; lở cổ rễ, sương mai/ cà chua; khô vằn/ ngô; thối gốc/ khoai tây, bí xanh; xoắn lá/ ớt; hoa lá/ thuốc lá; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Ningnastar 50WP, 50SL	50WP: đạo ôn, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ dưa chuột 50SL: phấn trắng/dưa chuột	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
Pyramos 40SL	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Romexusa 2SL, 20WP	2SL: phấn trắng/ đậu tương 20WP: bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Somec 2 SL	bệnh hoa lá/ thuốc lá; bệnh hoa lá, xoắn lá/ ớt; bạc lá/ lúa; thối rễ, khô dây/ bí xanh; phấn trắng/ dưa chuột; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH Nông dược Miền Nam
Sucker 4SL, 90WP	4SL: đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, thối mạ, lúa von/ lúa; thán thư /cam; mốc xám, đốm lá/ bắp cải; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; thối quả, phấn trắng/ xoài; rỉ sắt/ cà phê; thối nhũn/ hành, tỏi; khô bông/ điều 90WP: đốm sọc vi khuẩn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		Supercin 50WP, 80SL	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; giả sương mai/ cà chua, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn/ bắp cải.	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Supermil 50WP, 40SL	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, dưa chuột, đậu trạch, bí xanh; thối nhũn/ bắp cải.	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Thaiponbao 40SL	phần trắng/ nho, bạc lá/lúa, thối nhũn/ bắp cải; sương mai, chết cây con/ cà chua; thối quả/ cà phê	Công ty TNHH - TM Thái Phong
665	Ningnanmycin 17g/l, (10g/kg) + Polyoxin B 10g/l, (22g/kg)	Polysuper 27SL, 32WP	27SL: thán thư/ vải 32WP: lem lép hạt/ lúa, thán thư/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
666	Ningnanmycin 5g/kg + Polyoxin B 11g/kg + Streptomycin sulfate 5g/kg	Rorai 21WP	lem lép hạt, bạc lá/lúa; thán thư/ vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Sunshi 21WP	thán thư/ vải; lem lép hạt, bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
667	Ningnanmycin 10g/kg (20g/l) + Streptomycin sulfate 68g/kg (60g/l)	Mycinusa 78WP, 80SL	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
668	Ningnanmycin 60g/l (60g/kg) + Streptomycin 240g/l (490g/kg)	Liveshow 300SL, 550WP	300SL: đốm sọc vi khuẩn/ lúa 550WP: thán thư/xoài; đạo ôn, lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn, bạc lá /lúa; phần trắng/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
669	Ningnanmycin 30g/kg + Tricyclazole 770g/kg	Avazole 800WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
670	Ningnanmycin 25g/l (10g/kg) + Tricyclazole 425g/l (790g/kg)	Vitaminusa 450SC, 800WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
671	Ningnanmycin 27g/kg + Tricyclazole 700g/kg + Validamycin 50g/kg	Goldbem 777WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
672	Ningnanmycin 4% + Triflumizole 25%	Couple 29WP	mốc sương/khoai tây	Công ty CP Đầu tư phát triển Apollo Việt Nam
673	Oligo-alginate	M.A Maral 10SL	đốm vòng/ cà rốt; kích thích sinh trưởng/ chè	Công ty TNHH Ngân Anh
674	Oligo-saccharit	Olicide 9SL	rỉ sắt/ chè, sương mai/ bắp cải, chết nhanh (héo rừ)/ hồ tiêu, đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
675	Oligosaccharins	Acoustic 5SL	sương mai/cà chua	Công ty TNHH Deutschland Việt Nam

		ET-Oligo 30SL	chấm xám/chè; sương mai/cà chua; đạo ôn/lúa	Shanghai E-Tong Chemical Co., Ltd.
		KT-Oligosa 0.5SL	thán thư/ót, sâu riềng; giả sương mai/dừa hấu; sương mai/cà chua; đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV NN Kiên Thịnh
		Tutola 2.0SL	sương mai/ cà chua; chấm xám/ chè; rỉ sắt/ hoa cúc; đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Vdimin 5SL	giả sương mai/dừa chuột	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
676	Oligosaccharins 75g/kg + Zhongshengmycin 25g/kg	Oli gold 100WP	héo xanh vì khuẩn/cà chua; thối nhũn vì khuẩn/hành; bạc lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp New Season
677	Oxathiapiprolin (min 95%)	Zorvec® Enicade® 10 OD	sương mai/cà chua	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
678	Oxine Copper (min 99%)	Cadatil 33.5SC	cháy bìa lá/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Batista 33.5SC	bạc lá/lúa	Sinon Corporation
		Funsave 33.5SC	bạc lá/ lúa	Công ty CP Global Farm
679	Oxine copper 30% + Pyraclostrobin 10%	Piracop 40SC	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH TM Hải Thụy
680	Oxolinic acid (min 93%)	G-start 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Jesmin 200WP	héo xanh/lạc	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Oka 20WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Oxalin 200WP	bạc lá/ lúa, héo dây thối củ/ khoai lang	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Oxo 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Sieu tar 20WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Starner 20WP	lem lép hạt, bạc lá/ lúa; héo xanh/ hoa cúc	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam

		Starwiner 20WP	bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		Violet 200WP	khô vằn/ngô; thán thư/hoa hồng	Công ty CP Kiên Nam
681	Oxolinic acid 600g/kg + Salicylic acid 150g/kg	Dorter 750WP	thán thư/ hoa hồng, bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
682	Oxolinic acid 100g/kg + Streptomycin sulfate 25g/kg	Map lotus 125WP	bạc lá, thối bẹ, thối hạt/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
683	Oxolinic acid 100g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Lino oxto 200WP	bạc lá/lúa, phần trắng/ cao su	Công ty CP Liên Nông Việt Nam
684	Oxolinic acid 200g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Tryxo 750WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
685	Oxytetracycline	Usastano 500WP	bạc lá/ lúa, đốm vòng/ bắp cải	Công ty TNHH An Nông
686	Oxytetracycline 50g/kg + Streptomycin 50g/kg	Miksabe 100WP	bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, lem lép hạt/ lúa; héo xanh, thối quả/ cà chua; loét, sẹo/ cam; héo rễ cây con/ thuốc lá; đốm lá/ dưa chuột; héo cây con/ dưa hấu; héo rễ cây con, phần trắng/ cà phê; thối hoa/ hoa hồng; thối gốc/ hoa ly; héo rễ/ hoa cúc; thối nhũn, thối đen gân lá/ bắp cải	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Oxycin 100WP	thối nhũn /bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
687	Oxytetracycline hydrochloride 55% (550g/kg) + Streptomycin sulfate 35% (350g/kg)	Marthian 90SP	héo xanh/ cà chua	Công ty TNHH Hạt giống HANA
		Ychatot 900SP	héo xanh/cà chua, bạc lá/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
688	Oxytetracycline 400 g/kg + Streptomycin 100 g/kg	Centertaner 500WP	bạc lá/lúa, đốm đen/ cải xanh	Công ty TNHH An Nông
689	Oxytetracycline 50g/kg + Streptomycin 50g/kg + Gentamicin 10g/kg	Banking 110WP	bạc lá/lúa, thán thư/thanh long; chết nhanh/hồ tiêu, héo xanh/ cà chua	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
690	Oxytetracycline hydrochloride 2g/kg +	Avikhuan 102SP	bạc lá/lúa	Công ty CP XNK nông dược Hoàng Ân

	Streptomycin sulfate 100g/kg			
691	Oxytetracycline 300g/kg + Tetramycin 200g/kg	Goldfull 500WP	thối nhũn/hành; cháy bìa lá, thối củ /gừng; thán thư/ót; bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
692	<i>Paecilomyces lilacinus</i>	Bionema 80WP	tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu, dưa lưới	Trung tâm công nghệ sinh học TP. Hồ Chí Minh
		Manecer 200WP	tuyến trùng/thanh long, hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI
		Nemaces 10 ⁸ cfu/g WP	tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu, thanh long, cam, chuối, cà rốt	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Padave 10 ⁶ WP	tuyến trùng/thuốc lá, cà chua	Công ty TNHH Công nghệ sạch Nông nghiệp
		Palila 500WP (5 x 10 ⁹ cfu/g)	tuyến trùng/cà rốt, cà chua, hồ tiêu, lạc, thuốc lá, cà phê	Công ty TNHH Nông Sinh
693	<i>Paenibacillus polymyza</i>	Panda 10 x 10 ⁸ WP	đốm góc cạnh/ dưa chuột; héo xanh vi khuẩn/cà chua; thán thư/dưa hấu	Công ty TNHH Gap Agro
694	Papain	MAP Oni 2 SL	loét/cam; bạc lá/lúa; thối nhũn/ bắp cải; héo xanh vi khuẩn/cà chua	Map Pacific Pte Ltd
695	Penconazole (min 95%)	Penazon 100EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
		Toshiro 10EC	phân trắng/ hoa hồng, đốm mắt cua/ hoa cúc	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Ω-Penco 20EW	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
696	Penconazole 10% + Pyraclostrobin 15%	Pencobin 25SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Hóa sinh Alpha
697	Pencycuron (min 98%)	Alfaron 250 WP	khô vằn/ lúa, chết rạp cây con/ đậu tương	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Forwaceren 25 WP	khô vằn/ lúa, đổ ngã cây con/ khoai tây	Forward International Ltd
		Luster 250 SC	khô vằn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Monceren 250 SC	khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ bông vải, chết éo/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Moren 25 WP	khô vằn/ lúa, chết éo cây con/ dưa chuột, lở cổ rễ/ lạc, khô vằn/ ngô	Công ty CP BVTV I TW

		Vicuron 250 SC	khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
698	Pencycuron 150g/kg + Tebuconazole 120g/kg	Arakawa 270WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Teb 270WP	lem lép hạt/lúa, lở cổ rễ/ hoa cúc	Sundat (S) PTe Ltd
699	Penthiopyrad (min 98.8%)	Kabina 200SC	đốm nâu/ thanh long	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
700	Picarbutrazox (min 94.5%)	Quintect 10SC	giả sương mai/ dưa hấu; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH FMC Việt Nam
701	Physcion	Dofine 0.5SL	phần trắng/ bí đao, đốm nâu/ thanh long, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
702	Picoxystrobin (min 98.5%)	AA Yaki 30SC	thán thư/xoài	Công ty TNHH XNK TM Agriasian
		Aproach® 250SC	khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa; thán thư/ xoài	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Coxy 225SC	thán thư/xoài	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Master Plus 225SC	đốm lá/ngô	Công ty TNHH Master AG
		Picobin 250SC	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa, đốm vòng/ cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
		Picothaobin 250SC	đốm vòng/ cà chua	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Ω-Pico 225SC	thán thư/ thanh long	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
703	Picoxystrobin 10% + Propiconazole 20%	Ace pypro 30SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
704	Picoxystrobin 70g/l + Propiconazole 120g/l	Suntioo 190SC	rỉ sắt/ đậu tương; đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
705	Picoxystrobin 250g/l + Prothioconazole 50g/l	Picoros 300SC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; đốm nâu/thanh long; nứt thân xì mũ/mít; mốc sương/cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
706	Picoxystrobin 6.78% + Tricyclazole 20.33%	Salsa 27.11SC	rỉ sắt/cà phê; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Arysta LifeScience Việt Nam
707	Phosphorous acid	Agri-Fos 400SL	bệnh do nấm phythophthora/ sầu riêng; chết nhanh, vàng lá thối rễ/ hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su; đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá, khô vằn/ lúa; đốm nâu/ thanh long; xử lý hạt giống trừ bệnh đạo ôn/ lúa	Công ty CP Phát triển CN sinh học (DONA- Techno)

		Ceres 600SL	nứt thân chảy nhựa/sầu riêng	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Herofos 400 SL	mốc sương/ nho; tuyến trùng/ hồ tiêu, cà phê, cỏ sân golf, cải bắp; chết nhanh/ hồ tiêu; đốm nâu/ thanh long; đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Hortiphos 600SL	xì mù/ sầu riêng	Công ty TNHH Agmin Vietnam
		Phytofos 600SL	nứt thân xì mù/sầu riêng, sương mai/khoai tây	Công ty TNHH TM Vĩnh Thạnh
		Sprayphos 620SL	sương mai/cà chua; xì mù/ cam, quýt, sầu riêng; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
708	Polyoxin complex (min 31%)	Polyoxin AL 10WP	đốm lá/ hành, chảy gôm/dừa hấu, thán thư/thanh long, ớt	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
709	Polyoxin	Indicater 10WP	phân trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
710	Polyoxin B	5 Lua 3SL, 20WP	phân trắng/ bầu bí; sương mai/ cà chua; đạo ôn, bạc lá, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bio Top 30WP	đốm lá/ hành, sung rể/ cải bắp	Công ty CP Công nghệ cao Kyoto Japan
		Caligold 20WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Ellestar 3SL, 20WP, 30SC	3SL: phân trắng/ bầu bí 20WP: đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; phân trắng/ xoài; lở cổ rễ/ bắp cải; sương mai/ cà chua 30SC: sọc/ cam	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Ortega 10WP	phân trắng/ớt	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Super poly 50SL	đạo ôn/lúa	Sino Ocean Enterprises Limited
		Staroxin 10WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Biostars
711	Polyoxin B 4% + Pyraclostrobin 6%	Awesome 10WP	sương mai/khoai tây	Công ty CP Công nghệ cao Kyoto Japan
712	Polyphenol chiết xuất từ cây núc nác (<i>Oroxylum indicum</i>) và lá, vỏ cây liễu (<i>Salix babylonica</i>)	Chubeca 1.8SL	thán thư, héo rũ/ ớt; thối nhũn/ cải xanh; lở cổ rễ/ bắp cải; khô vằn, lem lép hạt, bạc lá, đạo ôn/lúa; nhện lông nhung/nhãn; thán thư/ xoài, thanh long; đốm nâu/ thanh long; thán thư/hành, ghẻ nám/ cam, đốm lá/ngô	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
713	Prochloraz (min 97%)	Agrivil 250EC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng

		Atilora 48EC	lem lép hạt/ lúa	Asiagro Pacific Ltd
		Azopro Top 450EW	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Dailora 25EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Futai
		Khabib 250EC	thán thư/cà phê; đốm nâu/lạc	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Mirage 50WP, 450EC	50WP: thán thư/ hồ tiêu 450EC: lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Satno 250EC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Talent 500WP	thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
714	Prochloraz-Manganese complex	Thanstar 50WP	thán thư/cà phê, cao su	Công ty CP SX – TM - DV Ngọc Tùng
		Trinong 50WP	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, thối thân/ lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
715	Prochloraz-Manganese chloride complex	Shimizu 50WP	đốm lá (cháy lá)/hoa mai	Công ty CP BMC Việt Nam
716	Prochloraz 400 g/l + Propiconazole 90 g/l	Picoraz 490 EC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; đốm lá/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
717	Prochloraz 255g/l, (309.9g/l), (10g/kg), 250g/kg + Propineb 10g/l, (0.1g/l), (705g/kg), 500g/kg	Forlione 265EW, 310EC, 715WP, 750WG	lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
718	Prochloraz 30% + Pyraclostrobin 10%	Mergent Plus 40EW	chết cây con/lạc; thán thư/điều	Shandong Runke Chemical Co., Ltd.
719	Prochloraz 30% + Tebuconazole 15%	Sunbeam 45EW	đốm nâu/lạc; lem lép hạt/lúa; thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
720	Prochloraz-Manganese chloride complex 35% + Tebuconazole 7%	AGsouthstar 42WP	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH MTV Sao Phương Nam AG
721	Prochloraz 267 g/l + Tebuconazole 133 g/l	Sun Coloraz 400EW	đốm lá/lạc	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Tepro 400EW	thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM DV XNK Global Ecotech

722	Prochloraz 250g/l + Tebuconazole 160g/l	Tilrice 410EC	đốm lá/ lạc	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
723	Prochloraz 250g/l + Thifluzamide 50g/l	Prozamide 300SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
724	Prochloraz 420g/l (10g/kg), + Tricyclazole 10g/l (65g/kg)	Anizol 430SC, 75WP	75WP: đạo ôn/ lúa 430SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Vagritex
725	Prochloraz 400g/l (10g/kg) + Sulfur 20g/l (450g/kg), (300g/kg) + Tricyclazole 10g/l (55g/kg)	Rexcide 430SC, 515WP	515WP: đạo ôn/lúa 430SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
726	Propamocarb.HCl (min 92%)	Hussa 722SL	sương mai/dưa hấu; chết cây con/ lạc; nứt thân xì mũ/sầu riêng	Công ty CP BVTV ATC
		Paro 722SL	sương mai/cà chua	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Probull 722SL	tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Proplant 722 SL	nấm trong đất/ hồ tiêu, nứt thân chảy nhựa/ dưa hấu, chết ẻo cây con/lạc, xì mũ/ cam	Công ty TNHH Kiên Nam
		SV Hebula 66.5SL	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		Treppach Bul 607SL	chết nhanh/ hồ tiêu, sương mai/dưa chuột, xì mũ/sầu riêng; loét sọc mặt cạo/cao su; mốc sương/ cà chua	Agria S.A.
		Zamil 722SL	mốc sương/ nho	Công ty CP Nicotex
727	Propamocarb 530 g/l + Fosetyl-aluminium 310g/l	Previcur Energy 840 SL	chết rạp/ cà chua (sử dụng trong vườn ươm)	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
728	Propamocarb hydrochloride 500g/l + Kasugamycin 25g/l	Vaba super 525SL	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
729	Propiconazole (min 90%)	Agrozo 250 EC	thối thân, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Bumper 250 EC	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Canazole 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Catcat 250EC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Fordo 250 EC	khô vằn/ lúa	Forward International Ltd
		Fungimaster 250EC	lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Hoá Nông

		Lunasa 25 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Propytil 250EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Starsai 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Tien sa 250 EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Tilusa super 300EC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tinmynew 250 EC, 250EW	250EC: khô vằn/ lúa 250EW: lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH US.Chemical
		Tinix 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Tiptop 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
		Vitin New 250EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
730	Propiconazole 125g/l + Tebuconazole 100g/l	Farader 225EW	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
731	Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 150g/l	Folitasuper 300EC	lem lép hạt, đốm nâu, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương, lạc; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		TEPRO - Super 300EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; thán thư/ điều; khô vằn/ ngô, đốm lá/ lạc, thán thư/cà phê	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Tilgol super 300EC	lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
732	Propiconazole 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Gtop 400EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiền Giang
733	Propiconazole 150 g/l + Tebuconazole 50 g/l + Tricyclazole 350 g/l	Bembo 550SE	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX – TM - DV Ngọc Tùng
734	Propiconazole 30g/kg + Tebuconazole 500g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Bismer 780WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
735	Propiconazole 125g/l + Tricyclazole 400g/l	Dotalia 525 SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng

		Fao-gold 525 SE	lem lép hạt/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Filia® 525 SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Filyannong super 525SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Newlia Super 525SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Tillage-super 525SE	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
736	Propiconazole 55g/l + Tricyclazole 500g/l	Nano Gold 555SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
737	Propiconazole 125g/l (30g/kg) + Tricyclazole 400g/l (720 g/kg)	Novazole 525SE, 750WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Agrohao VN
738	Propiconazole 55 g/l (100g/kg) + Tricyclazole 500g/l (550g/kg)	Bumrosai 555SE, 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
739	Propiconazole 25g/kg (125g/l) + Tricyclazole 400g/kg (400g/l)	Rocksai super 425WP, 525SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
740	Propiconazole 125g/l + Tricyclazole 450 g/l	Finali 575SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
741	Propiconazole 150g/l + Tricyclazole 400g/l	Bimtil 550SE	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		TilBem Super 550SE	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
		Tilbis super 550SE	đạo ôn/ lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Tilmil super 550SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
742	Propiconazole 10.7% + Tricyclazole 34.2%	Thiazol 44.9SE	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Thiên Bình
743	Propineb (min 80%)	A-chacô 70WP	thán thư/xoài	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Acone 70WP	thán thư/ xoài; mốc sương/ nho; lem lép hạt/ lúa; sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Đồng Xanh
		Afico 70WP	thán thư/ xoài; lở cổ rễ/hành; sương mai/dưa hấu	Công ty CP Nicotex

Alphacol 700WP	thán thư/ xoài, phần trắng/ nho	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Antracol 70WP, 70WG	70WP: đóm lá/ bắp cải, đậu tương, lạc, hồ tiêu; mốc xám/ thuốc lá; thối cổ rễ/ hành; thán thư/ xoài, cà phê, điều, chè, thanh long, chôm chôm; sương mai/ nho, dưa chuột, vải, hành; cháy sớm/ cà chua; đóm vòng/ khoai tây; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; đóm quả/ cam; đóm lá, rỉ sắt, khô vằn/ ngô; mốc xám/ rau cải; đóm mắt cua/ mỏng tơ; đóm đen, thán thư/ bưởi 70WG: thán thư/ xoài, sương mai/ nho	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
Bach 70WP	lem lép hạt/lúa	Sinon Corporation
Donacol super 700WP	thán thư/xoài	Công ty CP Smart Farm
Doremon 70WP	sương mai/ khoai tây; lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài	Công ty TNHH An Nông
Dovatracol 72WP	thán thư/sâu riềng, xoài, cà phê, hồ tiêu; ghẻ nám/ chanh; lem lép hạt /lúa; sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Ekawa 800WP	đóm lá/thuốc lá	Công ty CP Công nghệ cao Kyoto Japan
Finish 700WP	thán thư/cà phê	Công ty CP Hóa chất SAM
Newtracon 70 WP	thán thư/ xoài, cà phê, điều, vải; đạo ôn/ lúa; sương mai/ dưa hấu; đóm lá/ bắp cải, xoài; mốc sương/ nho; thán thư, thối rễ chết nhanh/ hồ tiêu; đóm lá/ lạc, hành; sương mai/ cà chua; lở cổ rễ/ hành; ghẻ sọc/ cam; vàng lá/ khoai lang	Công ty TNHH TM Tân Thành
Nofacol 70WP	thán thư/ ớt, thanh long; đóm vòng/cà chua	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
Nova 70WP	thán thư/đậu cô ve, cà chua, cà phê, xoài	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Pylacol 700WP	đóm lá/ cần tây; đạo ôn, đóm nâu/ lúa; thán thư/ xoài, ớt	Albaugh Asia Pacific Limited
Sienna 70WP	sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bộ
Startracon 70WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

		Strancolusa 70WP	thán thư/ cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tadashi 700WP	sương mai/ hành, dưa hấu; thán thư/ xoài, cà phê	Công ty CP GAP AP
		Tamnong Propin 70WG	thán thư/ ớt	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Tobacol 70WP	mốc sương/ nho, thán thư/ xoài, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Yoshino 70WP	chết nhanh/ hồ tiêu; nấm hồng/ cà phê; loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Zintracol 70WP	thán thư/ xoài, cà phê; đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; sương mai/ dưa chuột; đốm lá/ bắp cải; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH Phú Nông
744	Propineb 450g/kg + Pyraclostrobin 50g/kg	Jeezp 500WG	giả sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH Đước Mùa
745	Propineb 65% + Pyraclostrobin 5%	Rominbgo 70WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
746	Propineb 65% + Tebuconazole 5%	Capjapane 70WP	rỉ sắt/ hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
747	Propineb 10g/l (10g/l), (705g/kg), (500g/kg) + Tebuconazole 260g/l (445g/l), (10g/kg), (250g/kg)	Natisuper 270EW, 455SC, 715WP, 750WG	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
748	Propineb 10g/l (10g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 260g/l (10g/l), (10g/kg) + Tricyclazole 10g/l (400g/l), (760g/kg)	Natitop 280EW, 420SC, 800WP	280EW, 800WP: lem lép hạt/lúa 420SC: đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
749	Propineb 70% + Triadimefon 5%	ARC-carder 75WP	lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm vòng/ khoai tây	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
750	Propineb 542g/kg + Tricyclazole 150g/kg	Felling 692WP	đốm lá/ lạc	Công ty CP Nông dược HAI
751	Propineb 613g/kg + Trifloxystrobin 35g/kg	Activo super 648WP	thán thư/ xoài, vải, cà phê; sương mai/ hành; phấn trắng/ nho; đốm nâu/thanh long	Công ty CP GAP AP

		Flint pro 648WG	đạo ôn/lúa; thán thư/ớt, xoài, dưa chuột, dưa hấu, nhãn; đốm lá/ bắp cải, cà chua; mốc xám/ rau cải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
752	Protein amylose	Vikny 0.5 SL	thối nhũn/ bắp cải; thán thư/ ớt, dưa hấu; bạc lá/ lúa; xử lý hạt giống bệnh lúa von/lúa, thối nhũn/hành, loét vi khuẩn/cam, lép vàng vi khuẩn, thối gốc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
753	Prothioconazole (min 95%)	Midas 300D	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Navypro 300SC	đốm nâu/ thanh long, thán thư/ xoài, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		TT Tadol 480SC	thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM Tân Thành
754	Prothioconazole 150g/l + Pyraclostrobin 250g/l	Pickleball 400SC	thán thư/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Nhật Bản
755	Prothioconazole 20% + Tebuconazole 20%	Tebul Cap 40SC	đốm nâu/lạc	Công ty TNHH Hóa sinh Mũ Xanh
756	Prothioconazole 200 g/l + Tebuconazole 200 g/l	Mdanzole 400SC	rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP Mạnh Đan
757	Prothioconazole 210 g/l + Tebuconazole 210 g/l	Mobipro 420SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
758	Prothioconazole 175 g/l + Trifloxystrobin 150 g/l	Trithizole 325SC	thán thư/hoa hồng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
759	<i>Pseudomonas fluorescens</i>	B Cure 1.75WP	đốm nâu, đốm gạch, lúa von, khô đầu lá, thối bẹ, đạo ôn, khô vằn/ lúa; đốm lá, giả sương mai, lở cổ rễ/ đậu tương; lở cổ rễ/ cà chua, ớt; mốc xám/ nho	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Sudo 0.5WP	héo rũ/đậu tương	Công ty CP Newfarm Việt Nam
		TKS-Anti Phytop WP	chết nhanh/ hồ tiêu, thán thư/ chanh	Công ty TNHH Thủy Kim Sinh
		Topfast 311WP	héo xanh vi khuẩn/ cà chua	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
760	Pydiflumetofen (min 98%)	Miravis® 200SC	phấn trắng/ ớt; đốm nâu/ thanh long; ghẻ/cam	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
761	Pyraclostrobin (min 95%)	Century New 300SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Công nghệ Nhật Bản STJ

Coranto 250SC	sương mai/khoai tây	Công ty TNHH SX và TM Tinh Hóa
Eva 250SC	rỉ sắt/ đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Hansam 25SC	đốm vòng/cải bắp; rỉ sắt/ngô; thán thư/dưa hấu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Hao Bach Nien 25SC	thán thư/ca cao	Công ty TNHH World Vision (VN)
Hi-top 250SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Global Farm
Highline 150SC	đốm lá/lạc	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
Kaiser 250EC	ghẻ sọc/cam	Công ty CP Nicotex Nam Thái Dương
Koko 25SC	sương mai/ cà chua	Công ty CP Nông dược Việt Nam
Kanto 250SC	sương mai/khoai tây	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
Kratos 250SC	thán thư/điều	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
Mdbin 250SC	rỉ sắt/ cà phê, thán thư/ xoài	Công ty CP Mạnh Đan
Mastery 25SC	sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH Agro Việt
Milife super 250SC	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
Miterbin 25SC	thán thư/hồ tiêu	Công ty CP Hitaka
Nevi-Kepler 200CS	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Newfarm Việt Nam
Otkunka 250SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Tập đoàn King Elong
Pilino 250SC	đốm lá nhỏ/ ngô, thối cành/ thanh long	Công ty CP Hóc Môn
Pyra Cap 25SC	phân trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa sinh Mũ Xanh
Pyratado 25SC	đốm đen/hoa hồng	Công ty CP Vật tư Tây Đô Long An

		PyrazoleTV 25SC	đốm đen/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Smart Pro 250SC	thán thư/ ốt	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Sunline 25SC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Sun Agro
		Tanaka 265SC	mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Hoá sinh Vinchem
		Tanzent 20WG	thán thư/ cà phê	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Topsun 250SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Vagritex
		Trilosan 300SC	nứt thân xì mù/dưa hấu	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
		Youtup 250EC	thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
762	Pyraclostrobin 7% + Tebuconazole 28%	Goruden 350SC	rỉ sắt/ ngô, lạc; phấn trắng/ hoa hồng	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
763	Pyraclostrobin 10% + Tebuconazole 20%	Aglasoto 30SC	rỉ sắt/đậu tương	Công ty TNHH MTV Sao Phương Nam AG
		Tebeauty 30SC	rỉ sắt/cà phê	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
764	Pyraclostrobin 115 g/l + Tebuconazole 230 g/l	Pilartep 345SC	rỉ sắt/cà phê	Pilarquim (Shanghai) Co. Ltd.
765	Pyraclostrobin 8% + Tebuconazole 37%	BN-Tepy 45WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
766	Pyraclostrobin 10% + Thifluzamide 10%	Gongfu 20SC	thán thư/ hồ tiêu, điều	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
767	Pyraziflumid (min 96%)	Parade 20SC	phấn trắng/hoa hồng; thán thư/nho; nứt thân, chảy nhựa/dưa chuột	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
768	Pyrimethanil (min 95%)	Halo Farm 40SC	mốc xám/cà chua	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp Hà Long
		Rovia 420SC	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Đợc Mùa
		Tilsom 400SC	thối nhũn/hành	Công ty TNHH Trường Thịnh
769	Pyrimidine Nucleotide Antibiotic	Mai 007 5SL	giả sương mai/dưa chuột, đạo ôn/lúa, thán thư/ xoài	Công ty CP Hợp Trí Summit

770	Quaternary Ammonium Salts	Physan 20SL	thối thân, thối hạt vi khuẩn, bạc lá, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; lúa von/ lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su, thối nhũn/phong lan	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
771	<i>Reynoutria sachalinensis</i>	Regalia 12SL	lem lép hạt/lúa; đốm lá vi khuẩn/cà chua	Công ty CP Hợp Trí Summit
772	<i>Rhodopseudomonas palustri</i> PSB-S	Sunfly SC	sương mai/cà chua, đốm lá/ hành	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
773	<i>Rhodovulum sulfidophilum</i> HNI-1	Uprise SC	sương mai/cà chua, đốm lá vi khuẩn/ớt, đốm nâu/thanh long	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
774	Saisentong (min 95%)	Conpho 200SC	héo xanh/lạc	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Newsen 200SC	héo xanh/lạc	Công ty CP S New Rice
		Kiwin 50SC	héo xanh vi khuẩn/cà chua; thán thư/hoa hồng; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Kiên Nam
		Saisen-XO 200SC	loét/cam; bạc lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Sasuke 200SC	loét/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Visen 20SC	bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
775	Salicylic Acid	Bacla 50SC	bạc lá, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Exin 4.5SC	4.5SC: (Exin R) đạo ôn, bạc lá/ lúa, chết nhanh/ hồ tiêu 4.5SC: (Phytoxin VS): héo tươi/ cà chua	Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Sinh học
776	Spiroxamine (min 95%)	Sparkup 800EC	khô vằn/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
777	<i>Streptomyces lydicus</i>	Actinovate 1 SP	thối thân, lem lép hạt/ lúa; thán thư, mốc xám, thối nứt trái do vi khuẩn, thối thân, thối rễ/ nho, dâu tây; sương mai, phấn trắng, thán thư, nứt dây chày nhựa/ dưa hấu, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn do vi khuẩn, thối thân, thối rễ, phấn trắng, mốc xám, đốm vòng/ phong lan; héo rũ do vi khuẩn, thán thư, thối trái/ khoai tây, cà chua, ớt, bắp cải; thán thư, phấn trắng, ghẻ loét, thối trái, xì mù thân, vàng lá, thối rễ/ cam, sầu riêng, xoài, nhãn, vải; tuyến trùng/ hồ tiêu; thối nhũn/bắp cải, đốm vòng/hành, thối búp/chè	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

778	<i>Streptomyces lydicus</i> 1.3% + Fe 21.9% + Humic acid 47%	Actino-Iron 1.3 SP	thối thân, lem lép hạt/ lúa; thán thư, mốc xám, thối nứt trái do vi khuẩn, thối thân, thối rễ/ nho, dâu tây; sương mai, phấn trắng, thán thư, nứt dây chày nhựa/ dưa hấu, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn do vi khuẩn, thối thân, thối rễ, phấn trắng, mốc xám, đốm vòng/ phong lan; héo rũ do vi khuẩn, thán thư, thối trái/ khoai tây, cà chua, ớt, bắp cải; thán thư, phấn trắng, ghẻ loét, thối trái, xì mủ thân, vàng lá, thối rễ/ cam, sầu riêng, xoài, nhãn, vải	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
779	<i>Streptomycin sulfate</i>	Acstreptocinsuper 40TB	thối nhũn/ bắp cải; thán thư/thanh long, sẹo/ cam	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Goldnova 200WP	bạc lá/lúa; thối nhũn/xà lách	Công ty TNHH An Nông
		Kaisin 100WP	thối nhũn/ bắp cải, bạc lá, lem lép hạt/ lúa, sẹo/cam, giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Việt Thắng
		Liberty 100WP	thối nhũn/ bắp cải, bạc lá/lúa, loét/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Poner 40TB, 40SP	thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
		Stepguard 100SP, 150TB	100SP: thối nhũn/ bắp cải; bạc lá/ lúa 150TB: bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Strepgold 100WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Supervy 50WP	đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; sẹo/ cam; thối quả/ vải, xoài; sương mai/ cà chua	Công ty CP Thuộc BVTV Việt Trung
		Yomistar 105WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
780	Sulfur (min 99%)	Fulac 80WG, 80WP, 500SC	80WG: nhện gié/lúa 80WP: nhện đỏ/cam 500SC: phấn trắng/cao su	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Hafurlac 80WG	phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ánh
		Kumulus 80WG	sẹo/ cam, phấn trắng/ xoài, nhện gié/ lúa, nhện đỏ/ cà phê, phấn trắng/ cao su	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Lipman 80WG	phấn trắng/xoài, cao su, chôm chôm; nhện gié/ lúa; sẹo/cam	Công ty CP Nông dược HAI

		Microthiol Special 80WG, 80WP	80WG: phần trắng/ nho, chôm chôm; nhện/ cam 80WP: phần trắng/ rau cải, đốm lá/ ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		OK-Sulfolac 80WG, 80WP, 85SC	80WG: phần trắng/ xoài, chôm chôm; rỉ sắt/cà phê 80WP: phần trắng/ nho 85SC: sọc, nhện đỏ/ cam; lem lép hạt/ lúa; nhện lông nhung/nhân, nhện gié/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
		Scorcarb 80WG	phần trắng/dâu tây; phần trắng/xoài	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Sulfurindiavb 80WG, 55.16SC	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
		Sulfurluxthai 80WG	thán thu/vải	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Sulox 80 WP	phần trắng/ xoài, cao su; đốm lá/ lạc; nhện gié/ lúa; nhện lông nhung/ vải, nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		T-Sulfur 50SC	phần trắng/xoài; sọc/cam	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
781	Sulfur 65% (650g/kg) + Tebuconazole 10% (100g/kg)	Haru 750WG	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Tebufurindiavb 75WG	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
782	Sulfur 100g/kg + Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Novitop 850WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Việt
783	Sulfur 10% + Triadimefon 10%	Dimafur 20WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP TM SX - XNK Otuksa Nhật Bản
784	Sulfur 2% (2%), (7%) + Tricyclazole 40% (75%), (75%)	Vieteam 42SC, 77WG, 82WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
785	Sulfur 50g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Bibim 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
786	Sulfur 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	StarBem Super 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
787	Sulfur 450g/l (655g/kg)+ Tricyclazole 200g/l (200g/kg)	Bimsuper 650SC, 855WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
788	Sulfur 35% + Tricyclazole 50%	Labem 85WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

789	Sulfur 350g/kg + Tricyclazole 225g/kg	Lionsul 575WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
790	Tebuconazole (min 95%)	Conaxel 150SC	thán thư/ hồ tiêu, thối cổ rễ/cà phê	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hoá Nông
		Folicur 250EW, 250WG, 430SC	250EW: đốm lá/ lạc; khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; thán thư/ điều; chết chậm/ hồ tiêu 250WG: khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa 430SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; đốm lá/ lạc, chết chậm/ hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Forlita 250EW, 430SC	250EW: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; chết cây con, đốm lá/ lạc; đốm lá/ đậu tương 430SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa, đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Fortil 25 SC	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Fozeni 250EW	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Huibomb 25EW	khô vằn/lúa	Huikwang Corporation
		Jiacure 25EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Milazole 250 EW	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Poly annong 250EW, 250EC, 450SC	250EW, 250EC: lem lép hạt/ lúa 450SC: Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Poticua 250EW	lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa; chết cây con/ lạc	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Provil 30EW, 450SC	30EW: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa 450SC: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/hoa hồng; chết chậm/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Sforlicuajapane 450SC	lem lép hạt/lúa, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		Sieu tin 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		T.B.Zol 250EW	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Tebuzole 250 SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Thianzole 12.5EW	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Tien 250 EW	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		T-zole super 250EW, 250SC	250EW: đốm lá/ đậu tương, đốm nâu/ lạc, đốm vòng/ khoai môn 250SC: lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
		Vitebu 250SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
791	Tebuconazole 160 g/l + Tricyclazole 200 g/l	Beam™ Plus 360SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
792	Tebuconazole 125g/l + Tricyclazole 400g/l	Dolalya 525SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
793	Tebuconazole 250 g/l + Tricyclazole 275 g/l	Gold-dog 525SC	rỉ sắt/cà phê, thán thư/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
794	Tebuconazole 500g/kg + Tricyclazole 200g/kg	Tivaho 700WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
795	Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Map Unique 750WP	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/lạc, thán thư, rỉ sắt/cà phê, xử lý hạt giống trừ lúa von/lúa	Map Pacific Pte Ltd
796	Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Novigold 800WP	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Nông Việt
797	Tebuconazole 240g/l + Trifloxystrobin 120g/l	Bourbo 360SC	thán thư/cà phê; phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH ADC
798	Tebuconazole 32% + Trifloxystrobin 16%	Huge 48SC	phấn trắng/ hoa hồng; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Bigfive Việt Nam
799	Tebuconazole 250g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	TT-Bastigold 500SC	thán thư/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
800	Tebuconazole 20% + Trifloxystrobin 10%	Sanbang 30SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BMC Việt Nam

801	Tebuconazole 30% + Trifloxystrobin 15%	AD-Siva 45SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiền Giang
802	Tebuconazole 500g/kg (200g/l) + Trifloxystrobin 250g/kg (100g/l)	Nativo 750WG, 300SC	750WG: lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, lạc, đậu tương; thán thư/ hoa hồng, điều, cà phê; đốm lá/ hoa cúc, hồ tiêu; phấn trắng/ hoa hồng; thán thư, bệnh sọc đen/ ca cao; đốm vòng/ khoai tây; khô vằn, đốm lá/ ngô 300SC: đốm lá, rỉ sắt/ ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
803	Tebuconazole 500g/kg (50%) + Trifloxystrobin 250g/kg (25%)	Activo 750 WG	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Amtivo 75WG	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Thiên Bình
		Atrozole 750WG	thán thư/hoa hồng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		BC-Latino 750WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Biocrop
		Conabin 750WG	đạo ôn, lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Natrobin 750WG	rỉ sắt/hoa cúc; thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM Vĩnh Thạnh
		Navigator 750WG	thán thư/cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Subway 750WG	rỉ sắt/đậu tương	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Tanimax 750WG	đốm lá/ hồ tiêu	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Triflo-top 750WG	phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Twinstar 75WG	rỉ sắt/ cà phê, lạc; phấn trắng/hoa hồng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Yanibin 75WG	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM Anh Thơ
804	Tebuconazole 50% + Trifloxystrobin 20%	Madex Top 70WG	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH ADU Việt Nam
805	Tebuconazole 180 g/l + Thifluzamide 90 g/l	Nafluz 270SC	lở cổ rễ/ lạc	Nanjing Agrochemical Co., Ltd
806	Tetraconazole (min 94%)	Domark 40 ME	rỉ sắt/ cà phê, hoa cúc, ngô, lạc	Công ty TNHH Kỹ thuật sinh học Mekong

807	Tetramycin	Mikcide 1.5SL	bạc lá, đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn, thối đen gân lá/ bắp cải; chết xanh/ dưa hấu; héo rũ/ thuốc lá, cà phê, cà chua; loét/ cam; thối thân/ nho; phấn trắng/ hoa hồng; vàng rụng lá/cao su; đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH Được Mùa
808	Tinh dầu quế	Tiêu tuyến trùng 18EC	tuyến trùng/cà rốt, hồ tiêu, cà phê	Công ty CP VT NN Việt Nông
809	Thảo mộc (Bã quả trâu, bã thanh hao hoa vàng, bã vỏ hạt điều) 70% + <i>Trichoderma harzianum</i> 10 ⁶ cfu/g + <i>Bacillus subtilis</i> 10 ⁶ cfu/g + <i>Metarhizium anisopliae</i> 10 ⁶ cfu/g + <i>Azotobacter beijerinckii</i> 10 ⁶ cfu/g + <i>Bacillus gisengihumi</i> 10 ⁶ cfu/g + <i>Streptomyces owasiensis</i> 10 ⁶ cfu/g	SH-Lifu (SH-BV1)	chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng/ hồ tiêu	Viện Bảo vệ thực vật
810	Thiabendazole (min 98.5%)	Bestar 505SC	lem lép hạt do vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
811	Thifluzamide (min 96%)	Amide Gold 240SC	vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		BC-thizamide 240SC	khô vằn/ngô	Công ty TNHH Biocrop
		Filix 240SC	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Linozamzar 240SC	mốc sương/khoai tây; khô vằn/ngô	Công ty CP Liên nông Việt Nam
		Luza Plus 240SC	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH Rồng Đại Dương
		Luzamin 240SC	khô vằn/ngô	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		NBC-Zitto 240SC	khô vằn/ngô	Công ty TNHH Nam Bắc
		Pulsor 23SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam

		Shiral 240SC	khô vằn/ngô	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		SV-Semeta 240SC	thán thư/ cà phê; khô vằn/ngô	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		Tribute 230SC	phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		VT-Zamite 240SC	khô vằn/ngô	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
812	Thiodiazole copper (min 95%)	Longbay 20SC	bạc lá/ lúa; xỉ mủ, nấm hồng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Trường Thịnh
813	Thiodiazole zinc (min 95%)	Anti-one 200SC	bạc lá/ lúa; đốm đen vi khuẩn/xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Lk-one 50SC	bạc lá/lúa, sẹo/ cam	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
814	Thiram (TMTD) (min 96%)	Itaboom 50WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Itagro Việt Nam
		Mdan Guard 50WP	đốm nâu/lạc	Công ty CP Mạnh Đan
		Newthiram 800WP	thán thư/ cà phê	Công ty CP S New Rice
		Pro-Thiram 80WP, 80WG	80WP: đốm lá/ phong lan 80WG: khô vằn/lúa, thán thư/ cà phê	Agspec Asia Pte Ltd
		Proram 500WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Fujisan Nhật Bản
		Scortlan 80WP, 80WG	80WP: đốm lá/ đậu tương, lạc 80WG: cháy lá/ hoa mai	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
815	Thiram 30% + Ziram 50%	Zipra 80WP	thán thư điều, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Zipram 80WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Fujisan Nhật Bản
816	Triadimefon (min 96%)	Anmefon 250SC	đốm lá/đậu tương	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Apricot 80WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
		Encoleton 250 WP	thối gốc/ khoai tây, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Nicalusa 250WP	rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Omega-mefon 15WP	đốm lá/ đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

817	Triadimefon 9.3% + Jingangmycin (Validamycin) 6.2 %	Cocosieu 15.5WP	rỉ sắt/cà phê	Xuzhou Jinhe Chemicals Co., Ltd
818	Triadimenol (min 97%)	Bayfidan 250 EC	rỉ sắt/ cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Samet 25EC	phần trắng/ cao su, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Taminop 250EC	rỉ sắt/cà phê; phần trắng/cao su	Công ty CP Kiên Nam
819	<i>Trichoderma</i> spp	Bio-Pro Tricho 1 x 10 ⁹ bào tử/g FG	chết rạp cây con/ cà rốt, cà chua, cải bắp	Công ty TNHH Dalat Hasfarm
		Promot Plus WP (<i>Trichoderma</i> spp 5.10 ⁷ bào tử/g); Promot Plus SL (<i>Trichoderma koningii</i> 3.10 ⁷ bào tử/g + <i>Trichoderma harzianum</i> 2.10 ⁷ bào tử/g)	WP: thối gốc, thối hạch/ bắp cải; chết cây con/ cải thảo SL: đốm nâu, đốm xám/ chè; thối hạch, thối gốc/ bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh
		TRICÔ-ĐHCT 10 ⁸ bào tử/g	vàng lá thối rữa do <i>Fusarium solani</i> /cây có múi; chết cây con/dưa hấu, bí đỏ, lạc, điều, cải bẹ; thối rữa/cà phê, hồ tiêu; tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu, cà rốt; sưng rễ/bắp cải	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Vi-ĐK 10 ⁹ bào tử/g AP	thối rữa/ sâu riềng; lở cổ rễ/ cà chua; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
820	<i>Trichoderma harzianum</i> 4% + <i>Trichoderma konigii</i> 1%	Tiên tiến 5 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
821	<i>Trichoderma harzianum</i>	Podesta 200WP	lở cổ rễ/cà chua; thán thư/hành	Công ty CP Nông dược HAI
		Nemastin TH 1.0WP	tuyến trùng/cà rốt	Công ty CP Newfarm Việt Nam
		Taglife H 1.0WP	tuyến trùng/cà rốt	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		Zianum 1.00WP	chết rạp cây con/cải cúc, lở cổ rễ/cà chua, thối rữa/hồ tiêu, thán thư/ hành, thanh long; tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
822	<i>Trichoderma asperellum</i> 80% (8 x 10 ⁷ bào tử/g) +	TricôĐHCT-Lúa von 10 ⁸ bào tử/g WP	lúa von/lúa; khô vằn/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

	<i>Trichoderma atroviride</i> 20% (2 x 10 ⁷ bào tử/g)			
823	<i>Trichoderma virens</i> 80% (8 x 10 ⁷ bào tử/g) + <i>Trichoderma hamatum</i> 20% (2 x 10 ⁷ bào tử/g)	TricôĐHCT-Phytoph 10 ⁸ bào tử/g WP	loét sọc miệng cao/ cao su; xì mũ/ bưởi, sầu riêng, chết nhanh/ hồ tiêu; thối quả/ vải; thối quả /nhãn; đốm nâu /thanh long; sương mai/cà chua, khoai tây	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
824	<i>Trichoderma viride</i> 75% (7.5 x 10 ⁷ bào tử/g) + <i>Trichoderma harzianum</i> 25% (2.5 x 10 ⁷ bào tử/g)	Tricô ĐHCT-Nấm hồng 10 ⁸ bào tử/g WP	nấm hồng/ cao su, cà phê, sầu riêng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
825	<i>Trichoderma sperellum</i> 80% (8 x 10 ⁷ bào tử/g) + <i>Trichoderma harzianum</i> 20% (2 x 10 ⁷ bào tử/g)	Tricô ĐHCT-Khóm 10 ⁸ bào tử/g WP	thối nõn/ dừa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
826	<i>Trichoderma konigii</i> M8; M32; M35 1x10 ⁹ CFU/g	Tricô hạt nhân C833 1x10 ⁹ CFU/g WP	tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH Tam Nông
827	<i>Trichoderma virens</i> (T.41).10 ⁹ cfu/g	NLU-Tri	chết rạp cây con/ cải ngọt, dưa chuột; héo rũ trắng gốc/ cà chua	Trường ĐH Nông lâm TP Hồ Chí Minh
828	<i>Trichoderma viride</i>	Ace tricov 19WP	thối rễ/ ớt	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Biobus 1.00WP	thối gốc, thối hạch, lở cổ rễ/ bắp cải; héo vàng, lở cổ rễ, mốc sương/ cà chua, khoai tây; thối nhũn, đốm lá/ hành; thán thư/ xoài; xì mũ/ sầu riêng; rỉ sắt, nấm hồng, thối gốc rễ, lở cổ rễ/ cà phê; chấm xám, thối búp/ chè; chết nhanh, thối gốc rễ/ hồ tiêu	Công ty TNHH Nam Bắc
		Taglife V 1.5WP	héo rũ/dưa hấu	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
829	Tricyclazole (min 95%)	Acdowbimusa 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Andozol 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Angate 75WP, 350SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Avako 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Bamy 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nicotex

Beam® 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
Belazole 75WP	đạo ôn/ lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
Bemgreen 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Bemsuper 500SC, 750WG, 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Bidizole 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SAM
Bim-annong 45SC, 75WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Bimdownmy 375SC, 750WG, 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
Bimusa 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
Binlazonethai 75WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
Binhtryzol 75 WP	đạo ôn/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Blastogan 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH DVTM Witip
Bn-salatop 80WP, 80WG	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
Bpbymys 200WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
Bsimisu 75WG, 555SC, 880WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
Cittizen 75WP, 333SC	đạo ôn/ lúa	Eastchem Co., Ltd
Colraf 20 WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Danabin 75WP, 80WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
Dolazole 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng

Forbine 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
Flash 75WP, 800WG	đạo ôn/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
Frog 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH ADC
Fullcide 50SC, 760WG, 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
Goldone 420SC, 760WG, 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Gremusamy 80WP, 80WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Hagro.Blast 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hợp Trí Summit
Hobine 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
Jiabea 75 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kennedy 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
Koszon-New 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam
Lany 75 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
Lazole TSC 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
Lim 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Newbem 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH SX TM & DV Nông Tiến
Newzobim 45SC, 75WG, 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
Pim.pim 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH P - H
Pin ấn độ 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
Sieubyma 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Superzole 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Long Hiệp
Tanbim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Tri 75WG	đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành

		Tricom 75WG, 75WP	75WG: đạo ôn/ lúa, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa 75WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Tridozole 45 SC, 75WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Trione 750WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Trizole 75WP, 75WG, 400SC	75WP, 75WG: đạo ôn lá, cỏ bông/ lúa 400SC: đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Uni-trico 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Usabim 75WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Vật tư Liên Việt
		Vace 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông Việt
		Vdbimduc 820WG	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Vibimzol 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Window 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Zoletigi 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
830	Tricyclazole 200 g/kg + Sulfur 650 g/kg	Centerdorter 850WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV XNK Quốc tế An Thành
831	Tricyclazole 720 g/kg + Sulfur 140g/kg	Grinusa 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
832	Tridemorph (min 95%)	Musaclean 860OL	phấn trắng/ cao su	Albaugh Asia Pacific Limited
833	Trifloxystrobin (min 96%)	Bao ngu coc 500WG	thán thư/ ca cao, thanh long	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Bina 30SC	thán thư/ót	Zhejiang Udragon Pesticides and Chemicals Co., Ltd.
		Kora 250SC	ri sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Triforce 500WG	đốm vòng/ cà chua	Công ty TNHH Danken Việt Nam
834	Triflumizole (min 99.38%)	Movie 30WP	phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

		TT-Akazole 480SC	đạo ôn/ lúa, lở cổ rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
835	Triforine (min 97%)	Saprol 190DC	phần trắng/ hoa hồng, đạo ôn/lúa, thán thư/ xoài, đốm nâu/ thanh long	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
836	Tổ hợp dầu thực vật (dầu màng tang, dầu sả, dầu hồng, dầu hương nhu, dầu chanh)	TP-Zep 18EC	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn, khô vằn/ lúa; mốc sương/ cà chua; đốm nâu, đốm xám, thối búp/ chè; phần trắng, đốm đen/ hoa hồng; nấm muôi đen (<i>Capnodium</i> sp)/ nhãn	Công ty TNHH Thành Phương
837	Validamycin (Validamycin A) (Jingangmycin) (min 40%)	Anlicin 5WP, 5SL	5WP: khô vằn/ lúa 5SL: khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cà phê, cao su	Công ty TNHH An Nông
		Asiamycin super 100SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
		Avalin 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Biovacare 5SL	nấm hồng/cao su	Công ty TNHH SX – TM Tô Ba
		Damycine 5 WP, 5SL	khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ rau cải; thối rễ/ cà chua, khoai tây, bông vải, ngô; héo rũ/ cà chua, khoai tây, lạc, dưa chuột; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Duo Xiao Meisu 3SL, 5WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Fubarin 20WP	khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ đậu tương, lạc; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Nông Sinh
		Haifangmeisu 5WP, 10WG, 10SL	5WP: khô vằn/ lúa 10WG: khô vằn/ lúa, chết cây con/dưa hấu 10SL: Chết cây con/dưa hấu	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Javidacin 5SL, 5WP	5SL: khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su 5WP: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ cà chua	Công ty TNHH Việt Đức
		Jinggangmeisu 5SL, 10WP	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty CP Nicotex
		Limycin 5SL	khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		Natistar 51WG, 100SC	khô vằn/ lúa	Công ty CP Vagritex
		Navalilusa 5SL, 5WP	khô vằn/ lúa; chết ẻo cây con/ ớt, bắp cải, thuốc lá, dưa hấu.	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Pinkvali 5SL, 50WP	5SL: nấm hồng/ cao su, đốm vằn/ lúa 50WP: lở cổ rễ/cà chua, khô vằn/lúa	Công ty CP Hóc Môn

Qian Jiang Meisu 5WP, 5SL	5WP: khô vằn/ lúa 5SL: lở cổ rễ/đậu tương; nấm hồng/cà phê, cao su; khô vằn/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
Tidacin 3SC, 5SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Top-vali 5SL	mốc hồng/ cà phê, cao su; khô vằn/ lúa	Công ty TNHH SX ND vi sinh Viguato
Tung vali 5SL, 5WP	5SL: khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su, lở cổ rễ/ rau cải, cà chua, ớt, bí xanh, dưa hấu, dưa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/ cà phê 5WP: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ rau cải, cà chua, ớt, bí xanh, dưa hấu, dưa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Vacin 5SL	khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH ADC
Vacinmeisu 50WP, 50SL	khô vằn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Vacony 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yên
Vali 5 SL	khô vằn/lúa; lở cổ rễ/đậu; nấm hồng/cà phê, cao su	Công ty CP Nông dược HAI
Valicare 5WP, 8SL	khô vằn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
Validad 100SL	nấm hồng/cao su	Công ty CP Bình Điền MeKong
Vali TSC 5SL	nấm hồng/cao su	Công ty CP Lion Agrevo
Vali-navi 5SL	nấm hồng/cao su, khô vằn/ lúa	Công ty CP Khử Trùng Nam Việt
Validacin 5SL	khô vằn/ lúa, đổ ngã cây con/ ớt, mốc hồng/ cao su	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
Validan 3SL, 5WP	3SL: khô vằn/ lúa, ngô 5WP: khô vằn/ lúa, ngô; chết cây con/ dưa hấu, bầu bí, lạc, rau cải, đậu cove	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Valijapane 5SL, 5SP	nấm hồng/ cao su; khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ lạc, đậu tương, cà phê, bông vải	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Valitigi 3SL	khô vằn/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang

		Valigreen 50SL, 100WP	khô vằn/ lúa, ngô; nấm hồng/ cao su; khô cành/ cà phê; thối gốc/ khoai tây; lở cổ rễ/ bắp cải, bí xanh, đậu đũa, lạc, cà chua	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Valivithaco 3SL, 5SC, 5WP	3SL: khô vằn/ lúa, ngô; nấm hồng/ cao su, cà phê; thán thư/ nhãn, vải; lở cổ rễ/ thuốc lá, thuốc Lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải 5WP: khô vằn/ ngô, lúa; thán thư/ nhãn, vải; lở cổ rễ/ thuốc lá, thuốc Lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải 5SC: khô vằn/ lúa, bệnh chết éo/ rau cải	Công ty TNHH Việt Thắng
		Valinhut 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Vallistar 5SL, 10WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Valygold 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty CP Nông Việt
		Vamylicin 5 WP	khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ bắp cải	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Villa-fuji 100SL	lở cổ rễ/ lạc, nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Vanicide 5SL, 5WP	5SL: khô vằn/ lúa, thối gốc/ khoai tây, nấm hồng/ cao su, lở cổ rễ/ cà chua 5WP: khô vằn/ lúa, ngô; lở cổ rễ/ cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Varison 5 WP	khô vằn/ lúa	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
		Vida® 3 SC, 5WP	3SC: khô vằn/ lúa, thối (gốc, rễ)/ rau cải 5WP: khô vằn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
		V-cin 5 SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Sundat (S) PTe Ltd
		Vivadamy 5SL, 5SP	5SP: khô vằn/ lúa, mốc hồng/ cao su 5SL: khô vằn/ lúa; mốc hồng/ cao su; nấm hồng/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Voalyđacyn-nhật 5SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
838	Zineb (min 86%)	Yomivil 108SC, 115WG	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Bp-nhepbun 800WP	thán thư/ dưa hấu	Công ty TNHH TM Bình Phương

		Guinness 72 WP	phân trắng/ nho, cà chua	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Tigineb 80 WP	mốc sương/ cà chua, thối quả/ cam, quýt; thán thư/ cà phê; đốm lá/ xà lách xoong, ghẻ sọc/ quýt	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Zineb 800WP	đốm vòng/ cà chua	Công ty CP Global Farm
		Zin 80WP	mốc sương/ khoai tây, mốc xanh/ thuốc lá, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Zineb Bul 80WP	mốc sương/ khoai tây, đốm vòng/ cà chua, lem lép hạt/ lúa, sọc/ cam, phân trắng/ nho	Agria S.A.
		Zinacol 80WP	rụng lá/ cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Zinforce 80WP	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ dưa hấu	Forward International Ltd
		Zithane Z 80WP	thối quả/ nho, sương mai/ cà chua	Công ty CP BVTV I TW
		Zodiac 80WP	đốm nâu/ lúa, mốc sương/ cà chua	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
839	Ziram (min 95%)	Ziflo 76WG	thán thư/ cà phê	Agspec Asia Pte Ltd
840	Zhongshengmycin (min 95%)	Limousine 3WP	đốm lá vi khuẩn/ ớt; bạc lá/ lúa; héo xanh/ hoa cúc	Công ty TNHH Master AG
		Map strong 3WP, 8SP	3WP: bạc lá/ lúa; héo xanh/ cà chua; loét vi khuẩn/ cam; thối nhũn vi khuẩn/ cải bắp; đốm đen vi khuẩn/ xoài 8SP: loét/ cam; bạc lá/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
		Senmy 3WP	héo xanh/ cà chua	Công ty TNHH Gap Agro
		Vadaka 3WP	héo xanh/ lạc	Công ty TNHH TM - DV VAD
		Winsa 3WP	giả sương mai/ dưa chuột; thối nhũn/ hành; héo xanh/ cà chua	Công ty CP Nông dược Quốc tế Nhật Bản
3. Thuốc trừ cỏ:				
1	1.8-Cineole (min 98%)	Nosiquat 0.2SL	cỏ/ cà phê, cam	Công ty TNHH Nông Sinh
2	Acetochlor (min 93.3%)	Acepro 50EC	cỏ/ ngô	Công ty CP Futai
		Acetad 900EC	cỏ/ ngô	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Acvipas 50EC	cỏ/ ngô, mía	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Alibom 500EC	cỏ/ lạc, sắn	Công ty TNHH Trường Thịnh

Antaco 500EC	cỏ/ lạc, sắn, ngô, mía, hành	Công ty TNHH Việt Thắng
Antacogold 500EC	cỏ/ ngô, sắn, lạc	Công ty TNHH DV TM Ánh Dương
Atabar 800EC	cỏ/ ngô, lạc, mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Atas 500EC	cỏ/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
Atasco 500EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
Bpsaco 500EC	cỏ/ lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
Capeco 500EC	cỏ/sắn, lạc, ngô, mía	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Cochet 200WP	cỏ/ lúa cây	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
Dibstar 50EC	cỏ/ đậu tương, ngô, bông vải, lạc, sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
DN Tocoí 50EC	cỏ/ngô	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
Gorop 500EC	cỏ/ngô, đậu tương, khoai lang, mía	Công ty CP Nông dược HAI
Herbest 50EC	cỏ/lạc, bông vải	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
Iaco 500EC	cỏ/đậu tương	Công ty CP Kỹ thuật Dohaledusa
Jia-anco 50EC	cỏ/đậu tương	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kamaras 50EC	cỏ/đậu tương	Công ty CP VTNN Việt Nông
Nistar 500EC	cỏ/đậu tương	Công ty CP Nicotex
Missusa 500EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Peso 480EC	cỏ/ lạc, mía, sắn, ngô	Công ty CP Hóc Môn
Pestcetor 900EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Xây dựng An Phú
Safe-co 500EC	cỏ/ ngô	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
Saicoba	cỏ/sắn, mía, lạc, ngô	Công ty CP BVTV

		500EC		Sài Gòn
		Starco 500EC	cỏ/ lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tropica 900EC	cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Valux 500EC	cỏ/ sắn, lạc	Công ty CP Nông nghiệp HP
3	Acetochlor 12% + Bensulfuron-methyl 2%	Beto 14WP	cỏ/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
4	Acetochlor 145g/kg + Bensulfuron-methyl 25g/kg	Afadax 170WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
5	Acetochlor 14.6% (146g/kg) + Bensulfuron-methyl 2.4% (24g/kg)	Acenidax 17WP	cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Arorax 17WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bpanidat 170WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH TM Bình Phương
6	Acetochlor 42g/kg (210g/kg) + Bensulfuron-methyl 8g/kg (40g/kg)	Aloha 5GR, 25WP	5GR: cỏ/lúa gieo thẳng 25WP: cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
7	Acetochlor 14.0% + Bensulfuron-methyl 0.8% + Metsulfuron-methyl 0.2%	Natos 15WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nicotex
8	Acetochlor 200 g/kg + Bensulfuron-methyl 45g/kg + Metsulfuron-methyl 5g/kg	Alphadax 250WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
9	Acetochlor 16% (500g/l) + Bensulfuron-methyl 1.6% (0.3g/l) + Metsulfuron-methyl 0.4% (0.2g/l)	Sarudo 18WP, 500.5EC	18WP: cỏ/ lúa cấy 500.5EC: cỏ/ sắn, lạc, đậu tương	Công ty TNHH An Nông
10	Acetochlor 160g/kg + Bensulfuron-methyl 16g/kg + Metsulfuron-methyl 4g/kg	Sun-like 18WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
11	Acetochlor 470g/l + Butachlor 30g/l	Rontatap 500EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

12	Acetochlor 180g/kg (10g/l) + Metolachlor 15g/kg (725g/l)	Duaone 195WP, 735EC	195WP: cỏ/ lúa cây 735EC: cỏ/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
13	Acetochlor 30% + Oxadiazon 5%	Tvatozone 35EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
14	Acetochlor 410g/l + Oxyfluorfen 40g/l	Catholis 450EC	cỏ/ lạc	Công ty CP BVTV I TW
15	Acetochlor 15 g/l + Pretilachlor 285 g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Nomefit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
16	Acetochlor 160g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 40g/kg	Blurius 200WP	cỏ/ lúa cây	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
17	Acifluorfen (min 95%) 80g/l + Bentazone 360 g/l	Aciben 440SL	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Bentac 440SL	cỏ/ngô	Công ty TNHH TM Agri Green
		Khong Lo Fen 440SL	cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
18	Acifluorfen 8% + Bentazone 32%	Tasmani 40SL	cỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
19	Ametryn (min 96%)	Amesip 80 WP	cỏ/ mía, ngô	Forward International Ltd
		Ametrex 80 WP, 80WG	cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Amet annong 500FW, 800WP	500FW: cỏ/ mía, cà phê 800WP: cỏ/ mía	Công ty TNHH An Nông
		Ametsuper 80WP	cỏ/ mía, ngô	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Aptramax 800 WP	cỏ/ngô, mía	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Asarin 800WP	cỏ/ mía	Công ty TNHH Việt Thắng
		Atryl 80WP	cỏ/ ngô, mía	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Dkmetryn 80WG	cỏ/mía	Công ty TNHH Danken Việt Nam

		Phu Quy Do 25EC	cỏ/mía	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Slimgold 510SC, 810WP	cỏ/mía	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
20	Ametryn 40% (400g/kg) + Atrazine 40% (400g/kg)	Atramet Combi 80WP	cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Animex 800WP	cỏ/ ngô, mía	Công ty CP Nicotex
		Aviator combi 800WP	cỏ/mía	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		Metrimex 80WP	cỏ/mía	Forward International Ltd
		Wamrincombi 800WP	cỏ/mía	Công ty TNHH Việt Thắng
21	Ametryn 800g/kg + Halosulfuron-methyl 30g/kg	Okaya 830WP	cỏ/mía	Công ty CP BVTV I TW
22	Ametryn 40% + MCPA-Sodium 8%	Solid 48WP	cỏ/mía	Công ty CP Nicotex
23	Ametryn 30% + Simazine 50%	T-P.Metsi 80WP	cỏ/mía	Công ty TNHH TM Thái Phong
24	Amicarbazone (min 96.5%)	Dinamic 700WG	cỏ/mía	Công ty TNHH UPL Việt Nam
25	Amidosulfuron (min 98%) 10.4% + Florasulam 1.6%	Ω-Flora 12WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
26	Atrazine (min 96%)	Agmaxzime 500SC, 800WP	cỏ/ngô	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Amex gold 800WP	cỏ/mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Atamex 800WP	cỏ/ngô	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		Atra 500 SC	cỏ/ mía, ngô	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Atra annong 500 FW, 800WP	500FW: cỏ/ mía, ngô 800WP: cỏ/ ngô	Công ty TNHH An Nông
		Atraco 500SC	cỏ/ ngô	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Atranex 80 WP	cỏ/ mía, ngô	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		A-zet 80WP	cỏ/ ngô	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba

		Catrazin 800WP	cỏ/ ngô	Công ty TNHH Phú Nông
		Destruc 800WP	cỏ/ ngô, mía, quế	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Hagumex 800WP	cỏ/ ngô	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Many 800WP	cỏ/ ngô	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Maizine 80 WP	cỏ/ ngô, mía	Forward International Ltd
		Mizin 80WP, 500SC	80WP: cỏ/ mía, ngô 500SC: cỏ/ ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Nitrazin 800WP	cỏ/ ngô	Công ty CP Nicotex
		Sanazine 500 SC	cỏ/ mía, ngô	Longfat Global Co., Ltd.
		Wamrin 500SL, 800WP	500SL: cỏ/ngô, mía 800WP: cỏ/ ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Zimizin 800WP	cỏ/ ngô	Công ty CP Nông dược Việt Thành
27	Atrazine 29% + Butachlor 19%	Omega-Manchester 48SE	cỏ/mía, ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
28	Atrazine 20% + Mesotrione 6%	Zinzin 26SC	cỏ/ngô	Công ty CP Big Tree
29	Atrazine 20% + Mesotrione 5%	Atraone 25OD	cỏ/ngô, mía	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
30	Atrazine 250g/l + Mesotrione 25g/l	Calaris Xtra® 275SC	cỏ/ ngô, mía	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
31	Atrazine 240g/l + Mesotrione 60g/l	Mesoipplus 300 OD	cỏ/ngô	Công ty TNHH US Agro
32	Atrazine 34% + Mesotrione 6%	Ω-Ameso 400SC	cỏ/ ngô, mía	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
33	Atrazine 35% + Mesotrione 10%	Azin rio 45SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
34	Atrazine 40% + Mesotrione 6%	Valora 46SC	cỏ/ngô	Zhejiang Udragon Pesticides and Chemicals Co., Ltd.
35	Atrazine 40% + Mesotrione 10%	Hamaize 50WP	cỏ/ngô	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam

		New Warmrin 500WP	cỏ/ ngô	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
36	Atrazine 50% (500g/l) + Mesotrione 5% (50g/l)	Hetloco 550SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH Vĩnh Nông Phát
		Halanmizin 55SC	cỏ/ngô	Công ty CP Hóa chất NN Hà Lan
		Logichu 55SC	cỏ/ngô	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Metrazin 550SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Mezin-xtra 55SC	cỏ/ngô	Công ty CP Hóa chất SAM
		Obisu 55SC	cỏ/ngô	Công ty CP BVTV I TW
37	Atrazine 76% + Mesotrione 12%	Armaize Xtra 88WG	cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
38	Atrazine 80.8% + Mesotrione 8%	Dicoba 88.8WG	cỏ/ngô	Công ty TNHH MTC Tiến Minh
39	Atrazine 120g/l + Mesotrione 32g/l + S-metolachlor 320g/l	Lumax 472SE	cỏ/ ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
40	Atrazine 20% + Nicosulfuron 3%	VT-Ansaron 23 OD	cỏ/mía	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
41	Atrazine 200 g/l + Nicosulfuron 40 g/l	Anico 240OD	cỏ/mía, sắn	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
42	Atrazine 48% + Nicosulfuron 4%	Bigzin 52WP	cỏ/ngô, quế	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Tgold 52WP	cỏ/ ngô	Công ty TNHH Hóa sinh Việt Nhật
43	Atrazine 500g/kg + Nicosulfuron 10g/kg	Map hope 510WP	cỏ/ ngô, mía	Map Pacific Pte Ltd
44	Atrazine 445g/kg + Nicosulfuron 35g/kg	Nicosuper 480WP	cỏ/ ngô	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
45	Atrazine 72% + Nicosulfuron 8%	Nicomaize 80WG	cỏ/ ngô	Công ty TNHH TM-DV VAD
46	Atrazine 14% + Propisochlor 26%	Ω-Apiso 40SE	cỏ/ ngô, mía	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

47	Atrazine 300g/l + Sulcotrione (min 95%) 125g/l	Topical 425SC	cỏ/ ngô	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
48	Atrazine 30% + Sulcotrione 10%	Asuherb 40SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH XNK Kết Nông
49	Bensulfuron-methyl (min 96%)	Beron 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Bensurus 10WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Furore 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
		Loadstar 10WP, 60WG	10WP: cỏ/ lúa gieo thẳng 60WG: cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Mullai 100WP, 100WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Rorax 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sharon 100 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sulzai 10WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vật tư BVTV Phương Mai
50	Bensulfuron-methyl 12% + Bispyribac-sodium 18%	Honixon 30WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
51	Bensulfuron-methyl 0.16g/kg + Butachlor 3.04g/kg	Apoger 3.2GR	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Chuyển giao tiến bộ KTNN Nicotex
		Apogy 3.2GR	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		One-tri 3.2GR	cỏ/lúa cấy	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
52	Bensulfuron-methyl 1.5% + Butachlor 28.5% + Chất an toàn Fenclorim 10%	Bé bụ 30WP, 30SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
53	Bensulfuron-methyl 100g/kg + Cyhalofop butyl 50g/kg + Quinclorac 300g/kg	Haly super 450WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản

54	Bensulfuron-methyl 63g/kg + Cyhalofop Butyl 1g/kg + Quinclorac 343g/kg	Topsuper 407WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
55	Bensulfuron-methyl 20g/kg + Mefenacet 660 g/kg	Danox 68WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
56	Bensulfuron-methyl 30g/kg + Mefenacet 500g/kg	Acocet 53WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Nông
57	Bensulfuron-methyl 4% + Mefenacet 46%	Wenson 50WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
58	Bensulfuron-methyl 3% + Metolachlor 17%	Superdax 20WP	cỏ/ ngô	Công ty CP Nicotex Đông Thái
59	Bensulfuron-methyl 4% + Pretilachlor 36%	Queen soft 40WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
60	Bensulfuron-methyl 0.7% + Pyrazosulfuron-ethyl 9.3%	Cetrius 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
61	Bensulfuron-methyl 5g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 95g/kg	Siraft 100WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
62	Bensulfuron-methyl 10g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 100g/kg	Rus-Sunri 110WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
63	Bensulfuron-methyl 0.25g/kg (40g/kg) + Pretilachlor 1.75g/kg (360g/kg)	Droper 2GR, 400WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
64	Bensulfuron-methyl 5.5% + Pretilachlor 49.5%	Masaro 55OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV ATC
65	Bensulfuron-methyl 3.5% + Propisochlor (min 95%) 15%	Fenrim 18.5WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
		Fitri 18.5 WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Pisorim 18.5WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		Vitarai 18.5WP	cỏ/lúa cây	Công ty TNHH Việt Thắng
66	Bensulfuron-methyl 40g/kg + Propisochlor 160g/kg	Gradf 200WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
67	Bensulfuron-methyl 4% + Quinclorac 28%	Quinix 32 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
68	Bensulfuron-methyl 3% (30g/kg) + Quinclorac 33% (330g/kg)	Cow 36WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sifata 36WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Subrai 36WP	cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cây	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tempest 36 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
69	Bensulfuron-methyl 50g/kg + Quinclorac 350g/kg	Flaset 400WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
70	Bensulfuron-methyl 7% + Quinclorac 33%	Laphasi 40WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
71	Bensulfuron-methyl 6% (60g/l) + Quinclorac 34% (340g/l)	Ankill A 40WP, 40SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
72	Bensulfuron-methyl 90g/l (90g/kg) + Quinclorac 450g/l (450g/kg)	Newnee 540SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Omofit 540WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Multiagro
73	Bensulfuron-methyl 95g/kg (7g/kg) + Quinclorac 5g/kg (243g/kg)	Rocet 100WP, 250SC	100WP: cỏ/ lúa cây 250SC: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
74	Bensulfuron-methyl 40g/kg + Quinclorac 560g/kg	Mizujapane 600WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
75	Bentazone (min 96%)	Baragren 480SL	cỏ /đậu tương	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Basagran 480SL	cỏ/lúa gieo thẳng, ngô, lạc	BASF Vietnam Co., Ltd.

Basegold 480SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
Benta 480SL	cỏ/lạc	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
Bentagold 560SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Bentaherb 480SL	cỏ/ngô	Công ty TNHH XNK Kết Nông
Bentazan 480SL	cỏ/đậu tương	Công ty CP Vagritex
Benzema 480SL	cỏ/lạc, lúa gieo thẳng	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
Betazol 480SL	cỏ/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng VN
Benton 480SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hợp Trí Summit
Bolero 480SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
DB-Roma 480SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, thuốc BVTV Dubai
Dktazone 480SL	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Danken Việt Nam
Eco-chac 480SL	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM DV XNK Global Ecotech
Genaxe 480SL	cỏ /đậu tương	Công ty TNHH US Agro
Helios 480SL	cỏ/ngô	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
Khong lo 480SL	cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
Mdbenzone 480SL	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Mạnh Đan
Novastar 480SL	cỏ/lạc	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
Rider 480SL	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm

		SV-Bentamaxel 480SL	cỏ/ngô	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		Vitop 480SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Delta Cropcare
		Wingo 480SL	cỏ/đậu xanh, sắn, lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
		Yoko 480SL	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Zontex 480SL	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
76	Bentazone 300g/l + MCPA 150g/l	Dictate 450SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nufarm Việt Nam
77	Bentazone 400 g/l + MCPA 60 g/l	Benta Top 460SL	cỏ/ngô	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Cambio Pro 460SL	cỏ/ lúa gieo thẳng, ngô	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Newmeso 460SL	cỏ/ngô	Công ty CP S New Rice
		Raingran 460SL	cỏ/ ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
78	Bentazone 40% + MCPA 6%	Sipita 46SL	cỏ/lạc	Công ty TNHH TCT Hà Nội
79	Bentazone 400 g/l + MCPA-sodium 60 g/l	Maneki 460SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
80	Bentazone 30% + MCPA-sodium 7.5%	Mia Pro 37.5SL	cỏ/ngô	Công ty TNHH VTNN Trung Phong
81	Bentazone 10% + Quinclorac 20%	Zoset 30 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
82	Bentazone 200g/l + Cyhalofop butyl 50g/l + Quinclorac 200g/l	Startup 450SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
83	Benazolin-ethyl (min 95%) 300g/l + Quizalofop-P-ethyl 50g/l	Shootbis 350EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
84	Benzobicyclon (min 97%)	Ang.tieuco 300SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông

85	Bispyribac-sodium (min 93%)	Kabuto 500SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Danphos 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Domino 20WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Faxai 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Horse 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Janee 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Lanina 100SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Maxima 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM ACP
		Newmilce 100SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Nixon 20WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Nofami 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Nomeler 100 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Nominee 10SC, 100OF	10SC: cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng 100OF: cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nonee-cali 10WP, 100SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học CNC American
		Nonider 10SC, 130WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sipyri 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Somini 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sunbishi 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
		Superminee 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
86	Bispyribac-sodium 100g/l + Cyhalofop butyl 200 g/l	TTBye 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
87	Bispyribac-sodium 4% + Cyhalofop-butyl 12%	Nograss 16OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV ATC

88	Bispyribac-sodium 100g/l + Fenoxaprop-P-Ethyl 50g/l	Morelean 150SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
89	Bispyribac-sodium 40g/l + Penoxsulam 60g/l	Dosuha 100 OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Thành
90	Bispyribac-sodium 130g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 70g/kg	Nomirius super 200WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
91	Bispyribac-sodium 70g/l + Quinclorac 180g/l	Supecet 250SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
92	Bispyribac-sodium 20g/l + Quinclorac 250g/l	Newday 270SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ hoá chất Nhật Bản Kasuta
93	Bispyribac-sodium 70g/kg + Quinclorac 430 g/kg	Supernee 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP CNC Thuốc BVTV USA
94	Bispyribac-sodium 20g/l + Thiobencarb (min 92%) 600g/l	Bêlêr 620 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
95	Butachlor (min 93%)	AG-Lego 600EC	cỏ/ngô	Công ty TNHH Hoá chất Phân bón Thuốc BVTV An Giang
		B.L.Tachlor 27 WP, 60 EC	27WP: cỏ/ lúa cấy 60EC: cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Buchlorsuper 600EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Butaco 600EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Buta gold 600EC	cỏ/ngô	Công ty CP Hóa nông AMC
		Butalo 60EC	cỏ/ lạc	Công ty TNHH Master AG
		Butan 60 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Butanix 60 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng; cỏ/ lạc	Công ty CP Nicotex
		Butavi 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy, mạ	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Butoxim 5GR, 60EC	5GR: cỏ/ lúa, cỏ/ lúa gieo thẳng 60EC: cỏ/lúa cấy	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dibuta 60 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

		Dietcomam 65EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Echo 60EW	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Forwabuta 5GR, 60EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
		Heco 600 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng, lạc, mía, đậu tương	Công ty CP BVTV I TW
		Kocin 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Lambast 5GR, 60EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Machete 5GR, 60EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		MDButa 50EC	cỏ/đậu tương	Công ty CP Mạnh Đan
		Meco 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Michelle 5GR, 62EC	cỏ/ lúa	Sinon Corporation
		Misen 620EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Saco 600 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Super-Bu 5GR, 60EC	5GR: cỏ/ lúa cấy 60EC: cỏ/lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Taco 600 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tico 60 EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vibuta 5 GR, 62EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
96	Butachlor 27% + Chất an toàn Fenclorim 0.2% (10%)	B.L.Tachlor 27 WP	Fenclorim 0.2%: cỏ/ lúa gieo thẳng Fenclorim 10%: cỏ/ lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
97	Butachlor 600g/l + chất an toàn Fenclorim 60g/l	Echo 60EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Savik 60EC	cỏ/ ngô	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
98	Butachlor 600 g/l + chất an toàn Fenclorim 90 g/l	Colua 600EC	cỏ/lạc	Công ty CP Khử trùng Việt Nam

99	Butachlor 600g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Burn-co 60EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Butoxim 60EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sabuta 600EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Trabuta 60EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
100	Butachlor 620g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Miceo 620EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
101	Butachlor 320g/l + chất an toàn Fenclorim 50g/l	Butafit 320EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
102	Butachlor 30g/l + Cyhalofop butyl 315g/l	Beeco 345EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
103	Butachlor 55% + Oxadiazon 11%	AF-Procare 66EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Agrifuture
104	Butachlor 50% + Oxadiazon 10%	Rosazone 60EC	cỏ/ngô	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
105	Butachlor 400g/l + Penoxsulam 10g/l	Rainbow® 410SE	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
106	Butachlor 30g/l + Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Newfit 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
107	Butachlor 50 g/l + Pretilachlor 300 g/l + chất an toàn Fenclorim 100 g/l	Newrofit 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Omegafit 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Topfit one 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Xofisasia 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Cali Agritech USA
108	Butachlor 20g/l + Pretilachlor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Sofigold 320EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

	Butachlor 270g/kg + Pretilachlor 1g/kg	Sofigold 271WP	cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
109	Butachlor 90g/l + Pretilachlor 280g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	NewYorkFit-Usa 370EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
110	Butachlor 100g/l + Pretilachlor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Tacogold 400EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
111	Butachlor 270g/kg (1g/l), (241g/l) + Pretilachlor 1g/kg (1g/l), (10g/l) + Propanil 1g/kg (506g/l), (350g/l)	Tecogold 272WP, 508SC, 601EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
112	Butachlor 275g/l + Propanil 275g/l	Butanil 55 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Bupanil 550EC	cỏ/ngô, sắn, mía	Công ty CP Kiên Nam
		Cantanil 550 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Danator 55EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Mototsc 550EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Pataxim 55 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Platin 55 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Probuta 550EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
113	Butachlor 275g/l + Propanil 275g/l + chất an toàn Fenclorim 25 g/l	Butapro 550EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
114	Butachlor 250g/l + Propanil 350g/l	Topbuta 600EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
115	Butachlor 350g/l + Propanil 350g/l	Bup 700OD, 700SE	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Soon 700EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV An Hưng Phát

116	Butachlor 40% + Propanil 20%	Vitanil 60EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
117	Butachlor 600 g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 35g/l	Trisacousamy 635EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
118	Carfentrazone-ethyl (min 90%)	Chushin 40WG	cỏ/ cam, ngô	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Spotlight 40WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH FMC Việt Nam
119	Carfentrazone-ethyl 4% + MCPA-sodium 66.5%	Nongiadat 70.5WP	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
120	Chlorimuron-ethyl (min 95%) 10% + Metsulfuron-methyl 10%	Naweed 20WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Khử Trùng Nam Việt
121	Cinosulfuron (min 92%)	Cinorice 25WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
122	Clethodim (min 91.2%)	Cetoxim 240EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Cledimsuper 250EC	cỏ/sắn, vùng, đậu tương, lạc	Công ty TNHH An Nông
		Codasuper 240EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Grasidim 240EC	cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Kilet 240EC	cỏ/đậu tương, lạc, sắn	Công ty CP Kiên Nam
		Select 240EC	cỏ/ lạc, đậu tương, sắn, vùng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Tachac 120EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Xeletsupe 24 EC	cỏ/ lạc	Công ty TNHH - TM ACP
		Wisdom 12EC	cỏ/ lạc, đậu tương, cỏ/sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
123	Clodinafop-propargyl (min 96%) 8% + Mesosulfuron-methyl 1%	Kraken 9 OD	cỏ/mía	Công ty TNHH Hóa chất Mạnh Hùng
124	Clodinafop-propargyl 12% + Pinoxaden (min 97%) 8%	Proxaden 20ME	cỏ/lạc	Công ty TNHH TAT Hà Nội

125	Clodinafop-propargyl 15% + Metsulfuron-methyl 1%	Mia-san 16WP	cỏ/sản	Công ty TNHH Nông Dược CKD Việt Nam
126	Clomazone (min 88%)	Akina 48EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Asiagro Pacific Ltd
		Comaster 360CS	cỏ/sản	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Command 36 ME, 48EC	36ME: cỏ/ lúa 48EC: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Kimbella 480EC	cỏ/đậu tương	Công ty CP BMC Việt Nam
127	Clomazone 12% + Propanil 27%	Bignil 39EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
128	Clomazone 120 g/l + Propanil 270 g/l	Fitter 39EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
129	Clopyralid (min 95%)	TĐK_clopy 350SL	cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV Lucky
130	Cyanazine (min 95%) 44% + Mesotrione 4%	Mercy 48SC	cỏ/mía, ngô	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
131	Cyhalofop-butyl (min 97%)	Anlicher 10EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anstrong 10 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Bangbang 10EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
		Bonzer 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Clear Chor 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Clincher® 200EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Cybu 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
		Cyhany 250EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Elano 20EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Farra 100EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV XNK Quốc tế An Thành
		Figo 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Incher 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Nông Phát

		Goldenfields 35EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
		Gracie 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và PT Phú Thịnh
		Koler 10EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Liana 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
		Linchor 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Linhtrơ 100EC, 200EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Nixcher 100ME, 200EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Pullman 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Liên doanh QT Fujimoto
		Riceguard 40 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Kingagroot (Việt Nam)
		Sitcom 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Vỹ Tâm
		Slincesusamy 200EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tacher 250EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Topcyha 110EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Topco 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Topusavb 200OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		TVShot 30 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Venza 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
132	Cyhalofop-butyl 10g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Motin.tsc 25EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
133	Cyhalofop-butyl 315g/kg + Ethoxysulfuron 30g/kg	Super soil 345WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

134	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Linchor's 115EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
135	Cyhalofop-butyl 100g/l, (330g/l), (330g/kg) + Ethoxysulfuron 15g/l (3g/l), (3g/kg)	Mortif 115EC, 333OD, 333WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
136	Cyhalofop-butyl 300g/kg + Ethoxysulfuron 30g/kg	Laroot 330WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
137	Cyhalofop-butyl 300g/l + Ethoxysulfuron 30g/l	Bushusa 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Coach 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Push 330EC, 330OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Supershot 330OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
138	Cyhalofop-butyl 100g/l (170g/kg) + Ethoxysulfuron 10g/l (30g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (100g/kg) + Quinclorac 190g/l (500g/kg)	Sieuco 350SC, 800WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
139	Cyhalofop-butyl 90g/l + Ethoxysulfuron 20g/l + Quinclorac 190g/l	SupertopJapane 300OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
140	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 5g/l + Quinclorac 50g/l	Topone 155SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
141	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 5 g/l + Quinclorac 55 g/l	Fasta 160SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
142	Cyhalofop-butyl 100 g/l + Florpyrauxifen-benzyl 20g/l	Xevelo® 120 EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
143	Cyhalofop-butyl 100g/l + Metamifop 100g/l	Cyhafof 200EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

144	Cyhalofop-butyl 10% + Metamifop 10%	Etafop Plus 20EC	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Pharma USA
145	Cyhalofop-butyl 200g/l + Metamifop 150g/l	Toppro 350EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
146	Cyhalofop-butyl 150g/l + Oxaziclomefone (min 96.5%) 150 g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 100g/l	Nosotco 400SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
147	Cyhalofop-butyl 50g/l + Penoxsulam 10g/l	Andoshop 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anstrong plus 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Calita 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Cleanshot 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Clinclip 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Long Hiệp
		Clinton 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông tín AG
		Comprise 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
		Compass 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Cypen 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Linchor top 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Mundo-Super 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Điền Thạnh
		Pymeny 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Ricedoctor 60OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Stopusamy 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Topgold 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Topmost 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		Topmy 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Rotam Asia Pacific Limited
		Topnhat 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng

		Topshot® 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
148	Cyhalofop-butyl 100g/l + Penoxsulam 10g/l	Topvip 110 OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
149	Cyhalofop-butyl 8% + Penoxsulam 2%	Grass super 10 OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TAT Hà Nội
150	Cyhalofop-butyl 150 g/l + Penoxsulam 30 g/l	Oxy 180 OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI
151	Cyhalofop-butyl 20% + Penoxsulam 3%	Nevi-Mongol 23OD	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
152	Cyhalofop-butyl 65g/l + Penoxsulam 10g/l	Het-shots 75 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Cali Agritech USA
153	Cyhalofop-butyl 60g/l + Penoxsulam 10 g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 20g/l	Topfull 90SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
154	Cyhalofop-butyl 120g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/kg	Econogold 170WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
155	Cyhalofop-butyl 60g/l (600g/kg) + Pyrazosulfuron- ethyl 30g/l (150g/kg)	Tossup 90SC, 750WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
156	Cyhalofop-butyl 50g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 10g/l	Đại tướng quân 60EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
157	Cyhalofop-butyl 75g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l	Shotplus 125SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
158	Cyhalofop-butyl 20% + Pyrazosulfuron-ethyl 5% + Quinclorac 30%	Map fanta 550WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
159	Cyhalofop-butyl 200g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/kg+Quinclorac 350g/kg	Dietcosuper 600WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
160	Cyhalofop-butyl 6.0% + Pyribenzoxim 2.5%	Pyanchor gold 8.5EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
161	Cyhalofop-butyl 60 g/l + Pyribenzoxim 30 g/l	Aman 90EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP

162	Cyhalofop-butyl 70g/l + Pyribenzoxim 30g/l	ANG-sachco 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
163	Cyhalofop-butyl 200g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Super rim 250EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
164	Cyhalofop-butyl 90 g/kg + Quinclorac 510 g/kg	TAT Super Plus 600WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH A2T Việt Nam
165	Cyhalofop-butyl 150g/kg + Quinclorac 500g/kg	CO- 2X 650WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
166	Cyhalofop-butyl 150g/kg + Quinclorac 400g/kg	Pitagor 550WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
167	Dalapon (min 85%)	Dipoxim 80WP	cỏ/ mía, xoài	Công ty CP BVTV Sài Gòn
168	Dicamba (min 97%)	Rainvel 480SL	cỏ/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
169	Diquat (min 95%)	Agro-quat 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Asia Agro
		Anti Grass 20SL	cỏ/cà phê	Công ty CP VT Nông nghiệp Thái Bình Dương
		Aquat235 20SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Kỹ nghệ Hoàng Gia Anh
		Asaquat 200SL	cỏ/ cao su	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		BP.Grasscide 25SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Bình Phương
		BC-Weedburn 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Biocrop
		Bestquat 20SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Agrofarm
		Brisk 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM SX XNK Đình Gia Phát
		Cochay 200SL	cỏ/ ngô, cao su, cà phê	Công ty TNHH US Agro
		Co-Fast 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Baconco
		Dia gold 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Diamond 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Liên doanh QT Fujimoto
		Difast 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Hóa nông AMC

Dimaxonevb 20SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
Diqua-Trust 200SL	cỏ/cà phê	Trustchem Co., Ltd.
Diraquat 200SL	cỏ/ cà phê, cao su	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Diup 200SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Dixa 200SL	cỏ/hoa mai	Công ty CP Agri Shop
Dkquat 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Danken Việt Nam
Doziquat 25SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa chất SAM
Falcao 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
Faquatrio 20SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
Gama 20SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
Gap quat 250SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Gap Agro
Genmoxone 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
Glyximgold 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
Grass-king 20SL	cỏ/cao su	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
Halaquat 20SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa chất NN Hà Lan
Hamoxone 200SL	cỏ/cà phê, cao su	Công ty CP TM Hải Ảnh
Itaquat 20SL	cỏ/cao su	Công ty CP Itagro Việt Nam
Kante promax 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Vestaron
Mdiquat 200SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Mạnh Đan
Niquat 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Nicotex
Pesle super 374SL	cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Pgapaxone 200SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH TCT Hà Nội
Porto 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
Quatdi 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
S-Quat 20SL	cỏ/ngô, cà phê	Công ty CP SX TM - DV

				Ngọc Tùng
		Sundiquat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		T Flast 200SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Takao 250SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
		Tukup 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Vietquat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM DV Vietcropchem
		Vithaxone 20SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Việt Thắng Group
		Yonfire 200SL	cỏ/cà phê	Yongnong Biosciences Co., Ltd
		Zizu gold 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH ADC
170	Diuron (min 97%)	Ansaron 80WP, 500SC	80WP: cỏ/ mía, cà phê, sắn 500SC: cỏ/ mía	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		BM Diuron 80 WP	cỏ/ mía	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
		Deco Duron 80WP, 500SC	80WP: cỏ/ mía 500SC: cỏ/ mía, sắn	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
		D-ron 80 WP	cỏ/ mía, thanh long	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Karmex [®] 80 WP	cỏ/ mía, chè, sắn	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Go 80WP	cỏ/ mía	Công ty TNHH Nufarm Việt Nam
		Misaron 80 WP	cỏ/ mía, dứa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sanuron 800WP, 800SC	800WP: cỏ/ mía, cà phê 800SC: cỏ/ bông vải, chè	Forward International Ltd
		Suron 80 WP	cỏ/ mía, bông vải	Công ty CP Nông dược HAI
		Trilla plus 80WG	cỏ/ mía	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Xinron 800WG	cỏ/ mía	Anhui Guangxin Agrochemical Co. Ltd.

		Vidui 80 WP	cỏ/ mía, chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
171	Diuron 46.8% (468 g/kg) + Hexazinone (min 95%) 13.2% (132g/kg)	Guang Diu 600WG	cỏ/mía	Anhui Guangxin Agrochemical Co. Ltd.
		Topcane 60WG	cỏ/ mía	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
172	Diuron 160 g/kg + Glufosinate ammonium 108g/kg	Diusinate 268SC	cỏ/ cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
173	Ethoxysulfuron (min 94%)	Canoda 15WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
		Map salvo 200WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
		Moonrice 15WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Kiên Nam
		Run life 15WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Sun-raise nongphat 15WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
		Sunrice 15WG	cỏ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
174	Ethoxysulfuron 20g/l (20g/kg) + Fenoxaprop-P- Ethyl 69g/l (69g/kg)	Turbo 89 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		T-ptubos 89WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Xanoprop 89SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
175	Ethoxysulfuron 35 g/l (35g/kg) + MCPA 100g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron- ethyl 15g/l (15g/kg)	Kiss 150EC, 150WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
176	Ethoxysulfuron 23g/kg + Quinclorac 230 g/kg	Map Top-up 253WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
177	Fenoxaprop-P-Ethyl (min 88%)	anRUMA 6.9 EC, 75SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Challenger 6.9EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) PTe Ltd

		Golvips 7.5 EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Quip-s 7.5 EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Web Super 7.5 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Wipnix 7.5EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Whip'S 6.9 EC, 7.5EW	6.9EC: cỏ/ lúa gieo thẳng 7.5EW: cỏ/ lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
178	Fenoxaprop-P-Ethyl 75g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (150g/kg) + Quinclorac 250g/l (225g/kg) + chất an toàn Fenclorim 50g/l (25g/kg)	Runtop 375SC, 775WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
179	Fenoxaprop-P-Ethyl 130g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 70g/kg + Quinclorac 500g/kg	Topgun 700WG, 700WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
180	Fenoxaprop-P-Ethyl 8g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Pyan-Plus 5.8EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
181	Fenoxaprop-P-Ethyl 1% + Pyribenzoxim 5%	TT-Runny 6EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
182	Flazasulfuron (min 95%)	Voi đỏ 750WP	cỏ/ mía	Công ty TNHH An Nông
183	Florasulam (min 98%)	Rasulam 50SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
184	Florpyrauxifen-benzyl (min 92%)	Loyant® 25EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
185	Florpyrauxifen-benzyl 12.5g/l + Penoxsulam 20g/l	Novixid® 32.5OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
186	Florpyrauxifen-benzyl 10g/l + Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 75g/l	Baloric® 310EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
187	Fluazifop-P-Butyl (min 90%)	Bellow 15EC	cỏ/ sắn, ớt	Công ty CP Hóc Môn
		Fuquy 150EC	cỏ/ sắn	Công ty CP BVTV I TW

		Onecide 15EC	cỏ/ lạc, đậu tương, sắn, bông vải, dưa hấu, cam, vùng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Oneness 150EC	cỏ/ lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Sai-one 15EC	cỏ/ lạc, vùng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sinonvictor 15EC	cỏ/lạc	Sinon Corporation
		Uni-Weedout 15EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
188	Flufenacet (min 95%)	Tiara 60 WP	cỏ/ lúa cây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
189	Flumetsulam (min 97%)	Omega-Vando 800WG	cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
190	Flumioxazin (min 96%)	Pulita 50WP	cỏ/ngô, điều	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Sumimax 50WP	cỏ/ lạc, sắn	Công ty TNHH HC Sumitomo Việt Nam
		Weedie 51WG	cỏ/sắn	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
191	Flumioxazin 6% + Glufosinate ammonium 60%	Purger 66WP	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Kesai Eagrow Việt Nam
192	Flumioxazin 15g/l + Glufosinate ammonium 185g/l	Bistar Plus 200OD	cỏ/cà phê	Shandong Runke Chemical Co., Ltd.
193	Fluoroglycofen (min 95%) 10 g/l + Glufosinate ammonium 190g/l	Conifa 200ME	cỏ/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
194	Fluoroglycofen-ethyl (min 95%) 15 g/l + Glufosinate ammonium 225 g/l	Glurio 240 OD	cỏ/cao su	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
195	Fluoroglycofen-ethyl 0.4% + Glufosinate ammonium 10.6%	Glu-cofen 11ME	cỏ/cà phê	Công ty TNHH BVTV Minh Châu
		Napalme 11ME	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Gem Sky

196	Fluoroglycofen-ethyl 1% + Glufosinate ammonium 19%	Bombo 20ME	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Hải Thụy
		Glulyco 20EW	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Cửu Long MTV
		Volcano 20ME	cỏ/cà phê	Công ty CP ADN Châu Á
197	Fluoroglycofen-ethyl 1% + Glufosinate ammonium 20%	Vilufen 21OD	cỏ/cà phê	Công ty CP Việt Thắng Group
198	Fluoroglycofen-ethyl 1.5% + Glufosinate ammonium 22.5%	Finaking 24 OD	cỏ/điều	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd.
199	Fluroxypyr (min 95%)	Indy 200EC	cỏ/ngô	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
200	Fluroxypyr-meptyl 12% + Topramezone 8%	Sunzin 20 OD	cỏ/ngô	Công ty CP Bigfive Việt Nam
201	Fomesafen (min 95%)	Fomerio 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
		Gardona 250SL	cỏ/đậu tương, lạc	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Gorich 250SL	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Hetsure 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Mesafen 250SL	cỏ/lạc	Công ty TNHH Phú Nông
		Metit top 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Midori 25SL	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Hóc Môn
		New Fome 250SL	cỏ/ngô	Công ty CP S New Rice
		Nisafen 250SL	cỏ/đậu tương	Công ty CP Nicotex
202	Fomesafen 12% + Quizalofop-P-ethyl 3%	Grasskill 15EC	cỏ/đậu tương, sắn	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
203	Glufosinate ammonium (min 95%)	Ace gluffit 30SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		AF-Fulsta 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Agrifuture
		Andofonat 200SL	cỏ/ hồ tiêu	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

Amegro 150SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Sustainable Development S.U.D
Amosate 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Thuốc BVTV Thiên Bình
Apatit Super 150SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM-SX GNC
Asupergras 200SL	cỏ/cà phê, cao su	Công ty TNHH TM Thái Nông
AT-Sinat 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH TM Anh Thơ
Avansta 150 SL	cỏ/ cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd
Bamboo 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Liên doanh Quốc tế Fujimoto
Basta 15SL	cỏ/ cao su, hồ tiêu, mía, ngô, điều, cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
Bastnate 200SL	cỏ/ cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
Bata Sas 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Batot 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP SX và TM Hà Thái
BC-Weedkill 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Biocrop
Bezorol 18SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
Bistarnate 13.5SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Bano Food
BM Hector 200SL	cỏ/ cà phê	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd.
BN-Gluxon 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
Burner 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Phân bón Nông Tín
BV-Supersinate 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Bản Việt
Cháy rụi 150SL	cỏ/ cà phê, hồ tiêu, cao su	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
Daitai 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Nam Bộ
Đầu trâu Glusad 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP Bình Điền MeKong
Ebalstar 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Bigfive Việt Nam
Erase 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH SX và TM HAI Long An

Etoweed 200SL	cỏ/cao su	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
Exterminate 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
Fasfix 150SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Fastonad 200SL	cỏ/cao su	Forward International Ltd.
Fosina 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
Fuglusina 18.02 SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Futai
Gamasate-Pro 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Kỹ nghệ Hoàng Gia Anh
Glifumax 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Dynamic Vitality Việt Nam
Glogger 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Glu dragon 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Rồng Đại Dương
Glu quat 200SL	cỏ/cà phê, mắc ca	Công ty CP Agri Shop
Glu-elong 15SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Glu-trust 200SL	cỏ/cà phê, hồ tiêu	Trustchem Co., Ltd.
Gluclear 880SG	cỏ/cà phê	Công ty CP Khoa học cây trồng Agrorise
Glufast 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Nicotex Nam Thái Dương
Glufire 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Việt Nhật
Glufo 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
Glufo super 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP KHNN Vinacoop
Glufo-gold 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH TM Gem Sky
Glufoca 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
Glufocide 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc

Glufonate 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
Glufosat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Glufosam 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH XNK TM Agriasian
Glufosan 200SL	cỏ/điều, cà phê, cao su	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Glufota 200SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
Glujinhe 200SL	cỏ/cao su	Xuzhou Jinhe Chemicals Co., Ltd
Glumax 100SL	cỏ/cao su	Công ty CP Fujisan Nhật Bản
Glumore 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Thịnh Vượng Việt
Glunate 150SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Glunat PD 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
Gluphadex 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Baconco
Gluriver 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
Glusat 200SL	cỏ/ đất không canh tác, cà phê	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
Glusate Gold 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP S New Rice
Glusieu 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hợp Nhất Xanh
Glusina 20SL	cỏ/ cà phê, cao su	Công ty CP Hợp Trí Summit
Glustar 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
Glutigi 200SL	cỏ/cao su, cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Glux 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
Glubusa 30SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
Gluxim super 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa sinh Takashi Nhật Bản
Gluxone Ultra 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
Goalfosi 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Goal

Goodsin 200SL	củ/cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Goldcao 100SL	củ/ cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
Grass fine 18SL	củ/cao su	Công ty TNHH TAT Hà Nội
Ground up 200SL	củ/cà phê	Công ty TNHH Master AG
Guci Extra 30SL	củ/cà phê	Công ty TNHH One Bee Việt Nam
Gussi Bastar 200SL	củ/ cà phê, cao su	Công ty CP BMC Việt Nam
Haglupho 10SL	củ/cà phê	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam
Halanglufo 200SL	củ/cà phê	Công ty CP Hóa chất NN Hà Lan
Hallmark 150SL	củ/ cao su, cà phê, điều, hồ tiêu	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
Halyfoxim 200SL	củ/cà phê	Công ty CP TM Hải Ánh
Haydn 150SL	củ/cà phê	Sinon Corporation
HD Newphosan Pro 200SL	củ/cao su	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
Helmer Brarita 200SL	củ/cà phê	Công ty TNHH B.Helmer
Herstop 200SL	củ/ cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
Hortensia 10SL	củ/cao su	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
HP Glusinet 200SL	củ/cao su	Công ty TNHH MTV Hoàng Phúc
Huracan 200SL	củ/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Jetstar 18SL	củ/ cao su	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
Jiafosina 150SL	củ/cà phê	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
Ka-up 200SL	củ/cà phê	Công ty CP Việt Thắng Group
Kamup 150SL	củ/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng Hà Nội
Kaza 200SL	củ/cà phê	Công ty TNHH Danken Việt Nam
Kenbast 15SL	củ/cà phê	Kenso Corporation (M) Sdn Bhd

King Kong 200SL	cỏ/cà phê, cao su	Công ty TNHH thuốc BVTV Nam Nông
Lastar 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Lan Anh
Lino G20 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP Liên Nông Việt Nam
Lưỡi cày 200SL	cỏ/cao su	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
Mazda 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
Metxi 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Vĩnh Nông Phát
Mobai new 100SL	cỏ/cà phê, hồ tiêu, cao su	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
Nastar 18SL	cỏ/cà phê	Nanjing Agrochemical Co. Ltd.
Newfosinate 150SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH TCT Hà Nội
Newgrasstk 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang
Nimasinat 150SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Nicotex.
Nocor 200SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Trường Thịnh
Novi-grass 18.02SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Hóa chất Nông Việt
Nutar 15SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Nufarm Việt Nam
Nuximsuper 20SL	cỏ/ ngô, cao su	Công ty TNHH Phú Nông
Paricide gold 200SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH Việt Đức
Pass root 200SL	cỏ/ cà phê, hồ tiêu, cao su	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Phalosat 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Phát Lộc
Phoximcali 200SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Cali Agritech USA
Proof 150SL	cỏ/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
Q Star 18SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
Renato 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Cửu Long
Rojing 30SL	cỏ/ cà phê, cao su	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
Ronglua 100SL	cỏ/mắc ca	Công ty CP BVTV ATC

Rồng đỏ 200SL	củ/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
Samsinate 200SL	củ/ cao su	Công ty CP SAM
Samstar 18SL	củ/ cao su, cà phê	Công ty CP SX TM - DV Ngọc Tùng
Sanat 150SL	củ/ cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
Seal 200SL	củ/cà phê	Công ty TNHH Mekong Agro
Shina 18SL	củ/ cao su, cà phê	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
Simatop 200SL	củ/ cà phê	Công ty TNHH Agrofarm
Sinasin 200SL	củ /cà phê	Sinamyang Group Pte Ltd
Sinate 150SL	củ/ cà phê, cao su	Công ty CP Hóc Môn
Skillot 200SL	củ/cà phê	Công ty CP Quốc tế DTC
Sumitphosat 10SL	củ/cà phê	Công ty CP Sumit Agrochem Việt Nam
Sunfosinat 200SL	củ / cà phê	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
Tarang 280SL	củ/cà phê, điều, hồ tiêu, ngô, sắn	Công ty TNHH UPL Việt Nam
TD-Glunium 200SL	củ/cao su	Công ty TNHH Nông Thái Dương
TD Fosi 200SL	củ/cà phê	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
Tiguan 150SL	củ/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
Tough Role 150SL	củ/ hồ tiêu, cà phê, cao su	Công ty TNHH World Vision (VN)
T-p glophosi 15SL	củ/ cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
Upland Premium 13.5SL	củ/cà phê	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
US-sinate 200SL	củ/cao su	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
VT sate 150SL	củ/ cà phê	Công ty CP Vagritex
Windy 200SL	củ/cao su	Công ty TNHH SYC
Woncar 200SL	củ/cà phê	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)

		Wynca-Glumax 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Bio Delta
		Wyncafes 10SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH DV TV Đầu tư Kim Cương
		Xglufa 200SL	cỏ/cà phê	Hubei Xingfa Chemicals Group Co., Ltd.
		Yostar 200SL	cỏ/ cà phê	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
		Z-weed 150SL	cỏ/cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte. Ltd.
		Zippi 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
204	Glufosinate ammonium 200g/l + Imazapyr 50g/l	Obaxim 250SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
205	Glufosinate ammonium 100g/l + MCPA 36g/l	Fast Fire 136SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH VTNN Trung Phong
206	Glufosinate ammonium 15% + MCPA 7%	Quick Star 22SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyên giao công nghệ
		Vector 22SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Nông nghiệp Nông Vàng
207	Glufosinate ammonium 24% + Oxyfluorfen 8%	Fastoxy 32WP	cỏ/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
208	Glufosinate ammonium 140g/l + Oxyfluorfen 50g/l	Tarang Flash 190EW	cỏ/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
209	Glufosinate ammonium 128g/l + S-metolachlor 300g/l	Fascinate Sync 428EW	cỏ/cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam
210	Glufosinate-P (min 91%)	Glulier Gold 200SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH DV TV Đầu tư Kim Cương
		Lufo-P 10.9SL	cỏ/cao su, cà phê	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Yosky 10SL	cỏ/cà phê, điều, cao su	Yongnong Biosciences Co., Ltd
211	Halosulfuron methyl (min 95%)	Halosuper 250WP	cỏ/lúa gieo thẳng, mía, ngô	Công ty TNHH An Nông

212	Haloxypop-R-Methyl (min 94%)	Gallant® Super 108EC	cỏ/ lạc, sắn	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Uni-Kickdown 10EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
213	Haloxypop-p-methyl (min 94%)	Caspes 108EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Haxyfop 108EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Laoton 108EC	cỏ/ sắn, lạc	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Picaroon 108EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		SV-Halothyl 108EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		Vonta 108 EC	cỏ/ sắn, lạc	Công ty CP Bigfive Việt Nam
214	Hexazinone 50g/l + Imazapyr 150g/l	Noloco 200SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Nông nghiệp HP
215	Imazapic (min 96.9%)	Cadre 240 SL	cỏ/ mía, lạc, lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Imark 70WG	cỏ/ lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
216	Imazapic 175 g/kg + Imazapyr 525 g/kg	Kifix 70WG	cỏ/ mía	BASF Vietnam Co., Ltd
217	Imazapic 262.5 g/l + Imazapyr 87.5 g/l	Mayoral 350SL	cỏ/ mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
218	Imazapyr (min 95%)	Amapyr 250SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Khoa học cây trồng Agroise
219	Imazethapyr (min 97%)	Dzo Super 10SL	cỏ/ lạc, đậu tương, đậu xanh	Map Pacific Pte Ltd
		Rutilan 10SL	cỏ/lạc	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Vezir 240SL	cỏ/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam

220	Imazosulfuron (min 97%)	Quissa 10 SC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
221	Indanofan (min 97%)	Infansuper 150EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
222	Indaziflam (min 93%)	Becano 500SC	cỏ/cao su, cam, cà phê, chè, thanh long, mía, sầu riêng, bưởi, chuối, vải, hồ tiêu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
223	Ipfencarbazone (min 97%)	Hokuto 22.5SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
224	Isoxaflutole (min 95%)	Merlin 750 WG	cỏ/ ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Sunward 75WG	cỏ/ ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
225	Isoxaflutole 225g/l + Thiencarbazone-methyl (min 96.9%) 90g/l + chất an toàn Cyprosulfamide (min 95.5%) 150g/l	Adengo 315SC	cỏ/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
226	Lactofen (min 97%)	Combrase 24EC	cỏ/ lạc, sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Dusan 240EC	cỏ/lạc, đậu tương	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Tdream 240EC	cỏ/sắn	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
227	Lactofen 1.8% + Quizalofop-p-ethyl 10%	Lacfen 11.8EC	cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
228	MCPA (min 85%)	AD-Qkill 13SL, 56SP	cỏ/cao su	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
		Agroxone 918SL	cỏ/mía	Công ty TNHH Nufarm Việt Nam
		M-Na 56SP	cỏ/ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Newco 500SL	cỏ/ngô, mía, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH US Agro
		Newpa 500SL	cỏ/ngô	Công ty CP S New Rice
		Pyracet 46SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
		Tot 80WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

229	Mefenacet (min 95%)	Mecet 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX TM Bio Vina
230	Mefenacet 39% + Pyrazosulfuron-ethyl 1%	Fezocet 40WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
231	Mefenacet 5g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 95g/kg	Pylet 100WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học CNC American
232	Metamifop (min 96%)	Coannong 200EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
		Obatop 100EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
233	Metazosulfuron (min 88%)	Ginga 33WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
234	Metolachlor (min 96%)	Aqual 960EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Dana - Hope 720EC	cỏ/ lạc, ngô, bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Hasaron 720 EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Maestro 960EC	cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
235	Metolachlor 32% + Napropamide (min 93%) 3%	Long run 35EC	cỏ/ngô	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
236	Metolachlor 620g/l + Trifluralin 130g/l	Hypeclean 750EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
237	S-Metolachlor (min 98.3%)	Ace Smetol 960EC	cỏ/ngô	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Barracuda 960EC	cỏ/ ngô	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Dual Gold® 960 EC	cỏ/ lạc, ngô, đậu tương, bông vải, mía, rau cải, rau mùi, rau muống, sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Moccasin 91.5EC	cỏ/ ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Modusa 960EC	cỏ/ ngô	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

		Robust 960EC	cỏ/ ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		S-Maestro 960EC	cỏ/ ngô, lạc, mía	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		SG-Metola 960EC	cỏ/đậu tương, ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
238	S-Metolachlor 400g/l + Mesotrione 40g/l	Coyote 440SE	cỏ/ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
239	Metribuzin (min 95%)	Sencor 70 WP	cỏ/ mía, khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
240	Metribuzin 26% + Quizalofop-P-ethyl 5%	Bvgrass Topone 31EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Bản Việt
241	Metsulfuron-methyl (min 93%)	Alliance 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Alyando 200WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Alyalyaic 200WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Alygold 200WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Alyrice 200WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Alyrate 200WG	cỏ/lúa cấy	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Alyrius 200WG	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Anly Gold 200WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Dany 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Ally® 20 WG	cỏ/ lúa, cao su	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Metsy 20WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Nolaron 20 WG	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Long Hiệp
		Soly 20WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Long Hưng

		Super-AI 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
242	Metsulfuron-methyl 7g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 148g/kg	Newrius 155WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
243	Mesotrione (min 97%)	ADU-Meso One 150SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		AF-Tribunis 15SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH Agrifuture
		BP. Jumbo 15SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Colorgrass 15SC	cỏ/ngô	Công ty CP Kỹ nghệ Hoàng Gia Anh
		Freemesone 200WP, 400SC	200WP: cỏ/ngô 400SC: cỏ/mía	Công ty TNHH Nông dược An Lạc
		Grasmeso 200 OD	cỏ/ngô	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Kotra 15SC	cỏ/mía	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Kunzin 150SC	cỏ/ngô, mía	Công ty CP Big Tree
		Mdan Weed 15SC	cỏ/ ngô	Công ty TNHH VTNN Trung Phong
		Mesobai 15SC	cỏ/ngô	Bailing Agrochemical Co., Ltd.
		Mesoforce 48SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH Danken Việt Nam
		Mesoisuper 100 OD	cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Mesopro 150SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH US.Chemical
		Mesorio 100D	cỏ/ngô	Công ty TNHH TM Nam Hải Group
		Misung 15SC	cỏ/ngô, mía	Công ty CP BMC Việt Nam
		NDMN-trione 400SC	cỏ/ ngô	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Tik grass 15SC	cỏ/ ngô, mía	Công ty CP XNK Thọ Khang

		Tgrass 15SC	cỏ/ ngô	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		VT One 150SC	cỏ/ngô	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		VT-trione 15SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Zamoca® 150SC	cỏ/ngô	Công ty CP Nicotex
244	Mesotrione 13.5% + Nicosulfuron 4.5%	Cornweed 18OD	cỏ/ngô	Công ty TNHH A2T Việt Nam
245	Mesotrione 75 g/l + Nicosulfuron 30 g/l	Gavan plus 105OD	cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
246	Mesotrione 20% + Nicosulfuron 5%	Hasoron 25OD	cỏ/ngô	Công ty CP TM Hải Ánh
247	Molinate 327g/l + Propanil 327g/l	Prolinate 65.4 EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
248	Nicosulfuron (min 94%)	Adumekazin 40 OD	cỏ/ngô	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Duce 75WG	cỏ/ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Farich 40SC	cỏ/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Luxdan 75WG	cỏ/ngô	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Minarin 500WP	cỏ/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Nifuron 40OD	Cỏ/ngô	Công ty TNHH US Agro
		Ruler 750WG	cỏ/ngô	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Samson 6 OD	cỏ/ngô	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		WelkinGold 40SC, 40OD, 750WG, 800WP	40SC, 40OD, 750WG: cỏ/ngô 800WP: cỏ/ngô, mía	Công ty TNHH An Nông
249	Orthosulfamuron (min 98%)	Kelion 50WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
250	Oxadiargyl	A Safe-super 80WP	cỏ/ lúa cây	Công ty TNHH BVTV

	(min 96%)	DN Oxabaxa 80WP	cỏ/lạc	Đại Dương Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
251	Oxadiazon (min 94%)	Antaxa 250 EC	cỏ/ lạc	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Ari 25 EC	cỏ/ ngô, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Binhoxa 25 EC	cỏ/ lúa, lạc, đậu tương	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Canstar 25 EC	cỏ/ lạc, lúa sạ khô, hành	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ronata 25EC	cỏ/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
		RonGold 250 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lạc, đậu tương	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ronstar 25 EC	cỏ/ lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
252	Oxadiazon 6% + Pendimethalin 33%	Tanawa 39SC	cỏ/lạc	Công ty CP Công nghệ cao Kyoto Japan
253	Oxadiazon 100g/l + Propanil 304g/l	Calnil 404EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Oxanil 404EC	cỏ/đậu xanh, đậu tương	Công ty CP Kiên Nam
254	Oxaziclomefone (min 96.5%)	Full house 30SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
255	Oxyfluorfen (min 97%)	Goal™ 240EC	cỏ/ đậu xanh	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
256	Oxyfluorfen 140 g/l + Pendimethalin 200 g/l	Penuron 340EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH ADU Việt Nam
257	Pendimethalin (min 90%)	Accotab 330 EC	cỏ/ lạc, lúa gieo thẳng; diệt chồi/ thuốc lá	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Caojin 34EC	cỏ/ đậu tương	Sinon Corporation
		Fist super 38.7CS	cỏ/lạc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Goalpen 330EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Goal

		Halosun 450CS	cỏ/ lạc	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Meo-Grass 330EC	cỏ/lạc	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Pendi 330 EC	cỏ/ lạc, diệt chồi nách/thuốc lá	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Pendipax 500EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Pynerin 455CS	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vigor 33 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, đậu tương, ngô, lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
258	Pentoxazone (min 97%) 250g/l (600g/kg) + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (100g/kg)	Kimpton 300SC, 700WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
259	Penoxsulam (min 98.5%)	Clipper® 25OD, 240SC	25OD: cỏ/ lúa gieo thẳng 240SC: cỏ/ lúa gieo thẳng, cỏ/lúa cây	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
260	Penoxsulam 5% + Pyriminobac-methyl (min 97%) 5%	Top-Grass 10SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
261	Pretilachlor (min 95%)	Agrofit super 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP CNC Thuốc BVTV USA
		Difit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
262	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Acofit 300 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ansiphit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Bigson-fit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ceo 300EC	cỏ, lúa cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Chani 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Chesaco 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Denofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo

Dodofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Elipza 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
ET-Polorim 300EC	cỏ/ lạc	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
Fenpre 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
Jiafit 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Ladofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Legacy 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
Map-Famix 30EC, 30EW	30EC: lúa cỏ/ lúa gieo thẳng 30EW: cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
Nôngia-an 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Nichiral 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
Rice up 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
Sonic 300 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Sotrafix 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Starfit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Super-kosphit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH OCI Việt Nam
Supperfit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Global Farm
Tophiz 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
Trihamex 300EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
Tung rice 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

		Sofit® 300 EC	cỏ, lúa cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Venus 300 EC	cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vithafit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Vifiso 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Xophicusa 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Xophicloinong 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH US.Chemical
		Xophicannong 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Weeder 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
263	Pretilachlor 310g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Robin 310EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
264	Pretilachlor 350 g/l (350g/l) + chất an toàn Fenclorim 100 g/l (120g/l)	Eurofit 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Sonata 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
265	Pretilachlor 300g/l (342g/kg) + chất an toàn Fenclorim 100g/l (114g/kg)	Prefit 300EC, 342WP	300EC: cỏ/ lúa 342WP: cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
266	Pretilachlor 360g/l + chất an toàn Fenclorim 120 g/l	Buffalo 360EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
267	Pretilachlor 360 g/l + chất an toàn Fenclorim 150g/l	Dietmam 360EC	cỏ, lúa cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Tanfit 360EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tomtit 360EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
268	Pretilachlor 400g/l (400g/l) + Chất an toàn Fenclorim 120g/l (100g/l)	Accord 400EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm

		Nanoxofit Super 400EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
269	Pretilachlor 500g/l + Chất an toàn Fenclorim 150g/l	Cleanco 500EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Delta Cropcare
		Wind-up 500EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
270	Pretilachlor 330g/kg + Bensulfuron-methyl 40g/kg + chất an toàn Fenclorim 110g/kg	Premium 370WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
271	Pretilachlor 40% + Pyrazosulfuron-ethyl 1.4%	Trident 41.4 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
272	Pretilachlor 300 g/l + Pyrazosulfuron-ethyl 15g/l	Novi mars 315EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
273	Pretilachlor 287g/l + Pyribenzoxim 19g/l	Saly 306EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
274	Pretilachlor 300g/l + Pyribenzoxim 20g/l	Eonino 320EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
		Hiltonusa 320EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Solito® 320 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
275	Propanil (DCPA) (min 95%)	Bm Weedclean 80WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
		Map-Prop 50 SC	cỏ/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Propatox 360 EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
		Santana 360EC	cỏ/ngô, sắn	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
276	Propanil 200g/l + Thiobencarb 400g/l	Satunil 60 EC	cỏ/ lúa, cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
277	Profoxydim (min 99.6%)	Tetris 75 EC	cỏ/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
278	Propaquizafop (min 92%)	Agil 100EC	cỏ/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam

279	Propyrisulfuron (min 94%)	Zeta one 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
280	Propisochlor 200g/kg + Pyrazosulfuron-ethyl 50g/kg	V-T Rai 250WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
281	Pyrazosulfuron-ethyl (min 97%)	Aicerus 100WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Amigo 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Ansius 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Buzanon 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	FarmHannong Co., Ltd.
		Herrice 10 WP	cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Pyrasus 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cây	Công ty CP Nicotex
		Rossiitalia 100WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Rus-annong 10WP, 200SC, 700WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Russi 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
		Saathi 10 WP	cỏ/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Silk 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sirius 10WP, 70WG	cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Sontra 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Star 10WP	cỏ/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Surio 10WP	cỏ/ lúa cây	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sunriver 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sunrus 100WP, 150SC	100WP: cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cây 150SC: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Tungrius 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Virisi 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vu gia 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
282	Pyrazosulfuron-ethyl 0.6% + Pretilachlor 34.4%	Parany 35WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
	Pyrazosulfuron-ethyl 5g/l + Pretilachlor 295g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Parany 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
283	Pyrazosulfuron-ethyl 2.0 % + Quinclorac 32.5 %	Accura 34.5WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
284	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/kg + Quinclorac 220g/kg	Genius 25WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
285	Pyrazosulfuron-ethyl 3% + Quinclorac 47%	Nasip 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Sifa 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Siricet 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
286	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/l + Quinclorac 470g/l	Sunquin 50SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
287	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/kg (15g/l) + Quinclorac 470g/kg (235g/l)	Fasi 50WP, 250OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
288	Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l (30g/kg) + Quinclorac 200g/l (470g/kg)	Ozawa 250SC, 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
289	Pyrazosulfuron-ethyl 50g/l + Quinclorac 250g/l	Viricet 300 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Rbcbacetplus 300SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
290	Pyrazosulfuron-ethyl 50g/kg + Quinclorac 450g/kg	Bomber TSC 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo

		Grassdie 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Quinpyrad 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Quipyra 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
		Sitafan 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Siftus 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
		Tanrius 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Vinarius 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
291	Pyrazosulfuron-ethyl 30g/kg + Quinclorac 470g/kg	Andophasi 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
292	Pyrazosulfuron-ethyl 40g/kg + Quinclorac 565g/kg	Famirus 605WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
293	Pyribenzoxim (min 95%)	Decoechino 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Kato 51EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Kenji 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Vỹ Tâm
		Pyanchor 5EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Pysaco 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Ω-Riben 5ME	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Omega
294	Quinclorac (min 96%)	Adore 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược HAI
		Angel 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Dancet 25SC, 50WP, 75WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Denton 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Kiên Nam
		Ekill 25SC, 37WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific Pte Ltd
		Facet® 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Farus 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd

295	Quizalofop-P-Ethyl (min 98%)	Fasetusa 250SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fony 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Forwacet 50WP	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
		Naset 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Nomicet 250SC, 500 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Paxen - annong 25SC, 500WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Tancet 250SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Uni-quick 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Vicet 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
	Azuca 8.8EC	Azuca 8.8EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Thiên Bình
		Broadsafe 200EC	cỏ/ đậu tương	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Cariza 5 EC	cỏ/ đậu tương, sắn	Công ty CP Nicotex
		Fagor 50EC	cỏ/ sắn	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Future 50EC	cỏ/sắn	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
		Greensun 50EC	cỏ/ lạc	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Hetcocan 5EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Itani 5EC	cỏ/ sắn, đậu tương	Công ty CP Hóc Môn
		Maruka 5EC	cỏ/sắn, lạc, vùng, đậu tương	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Quizalo 50EC	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Quizamaxx 15.8EC	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông

		Quiza super 50EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Qzario 10EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
		Rifcet 10EC	cỏ/sắn	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
		Tar Zang 50EC	cỏ/đậu tương	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Targa Super 5 EC	cỏ/ lạc, sắn, bông vải, đậu tương, vừng, khoai mỡ	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Trumco 50EC	cỏ/lạc	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		TT-Jump 5EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Vua cỏ 50EC	cỏ/ sắn	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
296	Quizalofop-P-tefuryl (min 95%)	Nuxim gold 40EC	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Vadaco 40EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM-DV VAD
297	Rimsulfuron (min 96%)	Rimsul Rio 25WG	cỏ/ngô	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
298	Saflufenacil (min 97.4%)	Heat 700WG	cỏ/cà phê, cam	BASF Vietnam Co., Ltd.
299	Sethoxydim (min 94%)	AG-Dat 12.5EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Hoá chất Phân bón Thuốc BVTV An Giang
		Nabu S 12.5EC	cỏ/ lúa, đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
300	Simazine (min 97%)	Sipazine 80WP	cỏ/ mía, ngô	Forward International Ltd
		Visimaz 80 WP	cỏ/ ngô, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
301	Sulfentrazone (min 95%)	Relection 480SC	cỏ/mía	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Sentazone 500SC	cỏ/sắn	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
302	Tefuryltrione (min 97%) 200g/l + Triafamone 100g/l	Council Complete 300SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

303	Tembotrione (min 94.5%)	Bvarian 34.4SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Cordis 34.4SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH TM AgriGreen
		Rotrione 34.4SC	cỏ/ngô	Công ty CP Quốc tế Việt Đức
		Tembo 8OD	cỏ/ngô	Công ty CP BMC Việt Nam
		Tembone 420SC	cỏ/ ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Temboris 34.4SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH Hóa chất Nông nghiệp Nông Vàng
		Weedone 420SC	cỏ/ngô	Limin Group Co. Ltd.
304	Tembotrione 200g/kg + chất an toàn Isoxadifen ethyl 100g/kg	Itineris 200WG	cỏ/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
305	Terbuthylazine (min 97%)	Alazine 50SC	cỏ/ngô	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
306	Terbuthylazine 26% + Topramezone 2%	Mezon 28OD	cỏ/ngô	Công ty TNHH Agrofarm
307	Terbuthylazine 37% + Topramezone 3%	Topmesi 40SC	cỏ/ngô	Công ty CP Agri Shop
308	Tiafenacil (min 95%)	Terrad'or 5SC	cỏ/cao su	FarmHannong Co., Ltd.
309	Topramezone (min 96%)	Clio 336SC	cỏ/ ngô	BASF Vietnam Co., Ltd
		Topmazin 336SC	cỏ/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Topzone 4OD	cỏ/ ngô	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
310	Triafamone (min 93%)	Council prime 200SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
311	Triclopyr (min 99%)	Starfosate 480EC	cỏ/cà phê	Công ty CP Biostars
		Triclolier 480EC	cỏ/cao su	Foison Scitech Co., Limited
312	Trifluralin (min 94%)	Triflurex 48EC	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		VT Rallin 480EC	cỏ/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

4. Thuốc trừ chuột:				
1	Barium sulfate (min 99%) 20% + Difennuozhi (min 95%) 0.02%	Rat-ba 20.02RB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
2	Brodifacoum (min 91%)	AMC-Kirate 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Hóa nông AMC
		Bachuot TAT 0.005%DR	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH TAT Hà Nội
		Catpro 0.005RB	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		Danrat 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH VTNN Trung Phong
		Diof 0.006AB, 5DP	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Fadirat 0.005RB	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Gaulois 0.005% RB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Gold Cat 5DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Klerat® 0.005% wax block bait, 0.005 pellete	0.005%Wax block bait: chuột/ nhà, kho tàng, chuồng trại, đồng ruộng, nơi công cộng 0.005 pellete: chuột trong quần cư, nhà kho	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Forwarat 0.005% wax block	chuột/ đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
		Newfago 5DP	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP S New Rice
		Pestoff Rodent Block 0.002RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
		Rat bro 0.005BB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Sago-Rat 0.005RB	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Saywow 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Multiagro
		Snake-K 0.005RB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền

3	Bromadiolone (min 97%)	Tam Mao 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TDC Thành Nam
		TVRat 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Vifarot 0.005% AB	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vogeli 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TM Hải Thụy
		AF-Brodio 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Agrifuture
		Antimice 0.006GB, 3DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Bellus 0.005AB	chuột/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Benten 0.25 WP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		BN-Mice 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Broma 0.005AB	chuột/ lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Brorick 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
		Diroma 0.005 RB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH B.Helmer
		Cat 0.25 WP	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Catbird 0.005RB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Apollo Việt Nam
		Endmice 0.005 RB	chuột/lúa	Công ty CP MT Quốc tế Rainbow
		Hicate 0.25WP, 0.08AB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH SP Công nghệ cao
		Killrat 0.005 Wax block	chuột/ đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
		Kingcat 0.05RB	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Hóa nông AMC
		Lanirat 0.005 GR	chuột/ trang trại, kho tàng, quần cư	Elanco Animal Health
		Momo 0.01RB	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TM Hải Thụy
		Newcate 2.5WP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam

		Pesmos 0.25WP, 0.005AB	chuột/ đồng ruộng	Agria S.A.
		Phokeba 0.005RB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Queen cat 0.005RB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH TDC Thành Nam
		Ratgone 0.005DR	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Nông Sinh
		VT-Madi 0.005PB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
4	Cholecalciferol (min 97%)	Cad3et 0.075BB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Hợp Trí Summit
5	Coumatetralyl (min 98%)	DN Rakumax 0.0375RB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Nemesis 0.75TP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Hóa sinh Vinchem
		Racumin 0.75TP	chuột/ đồng ruộng, kho, trang trại	Environmental Science U.S. LLC.
		Ratmiu 0.0375DR, 0.75TP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
6	Diphacinone (min 95%)	Gimlet 800SP, 0.2GB	chuột/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Kaletox 200WP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Key Rate 200WP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP S New Rice
		Linh miêu 0.5WP, 0.2GB, 20DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		QT 92 800WP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
7	Flocoumafen (min 97.8%)	Coumafen 0.005% wax block	chuột/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Krats 0.005% pellet	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Phú Nông
		Ratblock 0.005% Block Bait	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH E.P.S
		Ratcom Plus 0.005% Block Bait	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP US Farm Việt Nam

		Rodenkil 0.005%RB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Smithian 0.005% Block	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH US Agro
		Storm 0.005% block bait	chuột/ đồng ruộng, quần cư	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Sunrat 0.005 Pelleted bait	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
8	Sulfur 33% + Carbon	Woolf cygar 33%	chuột/ trong hang	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
9	Warfarin (min 95%)	Finlet 2.5DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Killmou 2.5DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
		New Farin 20DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		New Tom 20DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP S New Rice
		Ranpart 2%DS, 0.6AB	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Rat K 2%DP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rasger 20DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
		Rat-kill 2%DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Rodent 2DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
5. Thuốc điều hoà sinh trưởng:				
1	α -Naphthyl acetic acid	Acroots 10SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		HQ-301 Fructonic 1%SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, ngô, cà phê, nho	Cơ sở Nông dược sinh nông
2	S-Absciscic acid (min 94.8%)	Ingrain 200SG	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam

3	ANA, 1- NAA + β -Naphthoxy Acetic Acid (β -N.A.A) + Gibberellic acid - GA3	Kích phát tổ hoa - trái Thiên Nông	kích thích sinh trưởng/ cà phê, lúa, vải, nhãn, đậu, lạc, cà chua, ớt, dưa, bầu bí, cây có múi, bông vải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
4	ATCA 5.0% + Folic acid 0.1%	Samino 5.1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
5	Auxins 11mg/l + Cytokinins 0.031mg/l + Gibberellic 6.0mg/l	Kelpak SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long, bắp cải, chè, dưa hấu, cam, nho, cà phê	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
6	Brassinolide (min 98%)	Dibenro 0.15WP, 0.15EC	kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu tương, ngô, dưa chuột, hoa cúc, cải xanh, xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Cozoni 0.1SP, 0.0075SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè	Công ty CP Nicotex
		Nyro 0.01SL, 0.1SP	0.01SL: kích thích sinh trưởng/ cam, lúa, cải xanh, ớt, xoài, cà chua, khoai lang 0.1SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, bưởi, cải xanh	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Rasino 0.018WP	kích thích sinh trưởng/ cam	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rice Holder 0.0075SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, hồ tiêu, cà phê, xoài	Chengdu Newsun Crop Science Co., Ltd.
		TT-biobeca 0.1SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, cà chua, thanh long, hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
7	Brassinolide 2g/kg + Salicylic acid 150g/kg	Bracylic 152WP	kích thích sinh trưởng/ cải xanh, lúa, đậu tương, xoài	Công ty TNHH An Nông
8	28-Homobrassinolide (min 95%)	Brassica 0.0075SL	kích thích sinh trưởng/cải bắp	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
9	28-Homobrassinolide 0.003% + Gibberellic acid A4, A7 0.497%	Braga 0.5SL	kích thích sinh trưởng/dưa chuột	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
10	28-epihomobrassinolide (min 95%) 0.002% + Gibberellic acid A4, A7 0.398%	Javelin 0.4SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
11	24-Epibrassinolide (min 90%)	Brano 0.01SL	kích thích sinh trưởng/lúa, sầu riêng, ớt, cải bắp, xoài, vải	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

		Catsuper 0.015SP, 0.01SL	kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa, cam	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Epibra 0.01SL	điều hòa sinh trưởng/cam, thanh long, sầu riêng	Công ty TNHH US Agro
		Jinhe-Brass 0.01SL	kích thích sinh trưởng/ xoài, hồ tiêu, lúa	Xuzhou Jinhe Chemicals Co., Ltd.
		Newbra 0.01SL	kích thích sinh trưởng/thanh long	Công ty CP S New Rice
		Thalybas 0.01SL	kích thích sinh trưởng/thanh long, cam, xoài	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
12	24-Epibrassinolide 0.002% + Gibberellic acid A4, A7 0.398%	VTL Super 0.4SL	kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
13	4-indol-3-ylbutyric acid (IBA) (min 98%)	Roots-super 10SL	kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
14	Chlormequat (min 97%)	Chowon 550SL	điều hòa sinh trưởng/ngô	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
15	Cytokinin (Zeatin)	3G Giá giòn giòn 1.5WP	kích thích sinh trưởng/ giá đậu xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
		Acjapanic 1.6WP	kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, rau muống, hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Agsmix 5.6 SL	kích thích sinh trưởng/ bắp cải, chè	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Agrispon 0.56 SL	kích thích sinh trưởng/ bắp cải, lạc, lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
16	Cytokinin 0.1% + Gibberellic 0.05%	Sieutonic 15WG	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
17	Daminozide (min 99%)	Alarindia 500SP	điều hòa sinh trưởng/hoa cúc	Công ty TNHH Vestaron
		B-Nine 85SG	điều hòa sinh trưởng/ hoa cúc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Dazide enhance 85SG	điều hòa sinh trưởng/hoa cúc	Hexstar Chemicals Sdn. Bhd.
18	Dịch chiết từ cây <i>Lychnis viscaria</i>	Comcat 150 WP	kích thích sinh trưởng/ chè, nho, lúa, nhãn, sắn, cam, dâu tây, vải thiều, xoài, thanh long, dưa hấu, cải bó xôi, bắp cải, cà chua, dưa chuột, bí đao, hành, họ, cà rốt, ngô, đậu tương, phong lan; ức chế bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, giúp lúa phục hồi, tăng trưởng; xử lý hạt giống để điều hoà sinh trưởng/lúa, ngô	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang

19	Diethyl aminoethyl hexanoate (min 98%) 7.99% + 14-Hydroxylated brassinosteroid (min 90%) 0.01%	Frusome 8SL	kích thích sinh trưởng/cà chua	Công ty TNHH Brightmart Cropscience (Việt Nam)
20	Diethyl Aminoethyl hexanoate 3% + Ethephon 27%	Nutrition TAT 30SL	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH TAT Hà Nội
21	Ethephon (min 91%)	Adephone 25 PA, 480SL	25PA: kích thích mủ/ cao su 480SL: kích thích ra hoa/ dừa, kích thích mủ/ cao su	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Callel 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Dibgreen 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Effort 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Elephant 5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty CP Đồng Xanh
		Ethrel 10PA, 480SL	kích thích mủ/ cao su	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Etfon 480SL	kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
		Forgrow 5 PA	kích thích mủ/ cao su	Forward International Ltd
		Kigrow 10PA	kích thích ra mủ/cao su	Công ty CP Kiên Nam
		Kinafon 2.5 PA	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Kiên Nam
		Latexing 2.5 PC	kích thích mủ/ cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
		Lephon 40SL	kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH MTV SNY
		Mamut 2.5 PA	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Onehope 480SL	kích thích mủ/cao su	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Revenue 25PA	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sagolatex 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieuramu 50PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH An Nông
		Sun thephone 400SL	kích thích mủ/cao su	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		TB-phon 2.5LS	kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH SX – TM Tô Ba

		Telephon 2.5 LS	kích thích/ mũ cao su; kích thích ra hoa/ hoa mai	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		VT Rubber 400SL	kích thích sinh trưởng/cao su	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
22	Flumetralin (min 98%)	Stopking 25EC	diệt chồi nách/thuốc lá	Công ty TNHH A2T Việt Nam
23	Forchlorfenuron (min 97%)	Acura 10SC, 10WG	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Birantin 0.1SL	kích thích sinh trưởng/hồ tiêu, cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
24	Fugavac acid	Siêu to hạt 25 SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, ngô, lạc, hồ tiêu	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
25	Fulvic acid	Siêu Việt 250SP, 300SL	250SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh, cải bó xôi, chè 300SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu xanh, cà phê, cải xanh	Công ty TNHH An Nông
		Supernova 300SL, 700SP	300SL: kích thích sinh trưởng/ cà phê, đậu xanh, cải ngọt, lúa 700SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh, chè	Công ty TNHH US.Chemical
26	Gibberellic acid (min 90%)	Ac Gabacyto 50TB, 100SP, 200WP	50TB, 200WP: kích thích sinh trưởng/ lúa 100SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long, xoài, cam	Công ty TNHH MTV Lucky
		Agrohigh 2SL, 3.8EC, 20TB, 40SP	2SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, hoa cúc 3.8EC: kích thích sinh trưởng/ chôm chôm 40SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải 20TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		AF-Growth 180SL, 20TB	kích thích sinh trưởng /lúa	Công ty TNHH Agrifuture
		Ankhang 20WT	kích thích sinh trưởng/ lúa, cà chua, đậu tương, chè, cải bẹ, ngô, dưa chuột	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Arogib 100SP, 200TB	100SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh, đậu cove 200TB: kích thích sinh trưởng/ cam, đậu cove	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		A-V-Tonic 10WP, 18SL, 50TB	10WP: kích thích sinh trưởng/cải xanh, hoa hồng, lúa 18SL: kích thích sinh trưởng/cải xanh, dưa chuột, lúa, cam	Công ty TNHH Việt Thắng

	50TB: kích thích sinh trưởng/ cải xanh, dưa chuột, hoa hồng	
Azoxim 20SP	kích thích sinh trưởng/ chè, lúa	Công ty CP Nicotex
Bebahop 40WP	kích thích sinh trưởng/ cà chua, bắp cải, dưa chuột, hoa hồng, chè, lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
Colyna 200TB	điều hoà sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, cà chua, hồ tiêu, vải, chè	Công ty CP Nông dược HAI
Đầu Trâu KT Supper 100 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
Dogoc 5TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Dolping 40EC	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
Dovagib 20TB	kích thích sinh trưởng/sầu riêng, xoài, dưa hấu, nhãn	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
G-Grow 10WT	kích thích sinh trưởng/thanh long	Công ty TNHH DV TV Đầu tư Kim Cương
Gibbone 200WP, 40EC, 50TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
Gibe 40SG	kích thích sinh trưởng/thanh long	Công ty TNHH TM Vĩnh Thạnh
Gold gibb 20ST, 12SP, 40SG	20ST: kích thích sinh trưởng/cà phê 12SP: kích thích sinh trưởng/chè, lúa, xoài 40SG: sầu riêng	Công ty TNHH Tam Ngộ
Egibo 80SG	kích thích sinh trưởng/ bắp cải, thanh long	Công ty TNHH SX và TM RVAC
Falgro 10SP, 18.4TB	10SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, nho, thanh long, dưa hấu, cam, bắp cải, chè 18.4TB: kích thích sinh trưởng/ thanh long, bắp cải, chè, cam, lúa, dưa hấu, nho	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
G3Top 3.33SL, 20TB, 40SG	kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, dưa hấu, đậu tương, xoài	Công ty TNHH Phú Nông
GA ₃ Super 100SP, 200TB, 200 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
Gibbeny 10WP, 20TB	10WP: kích thích sinh trưởng/ dưa chuột 20TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, rau cải xanh, dâu tây, thanh long	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến

Gib-CA 800SG	kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, bưởi	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
Gib-Asia 40TB, 100WP, 400WG, 800SG	40TB: kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa, cải bắp 100WP: kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa 400WG, 800SG: kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Asia Agro
Gib ber 2SP, 2SL, 20TB, 40WG	2SP: kích thích sinh trưởng/ rau cần, xoài, cam, dưa hấu, rau muống, thanh long 2SL: kích thích sinh trưởng/ rau cần, rau cải, cà chua, chè, rau muống, thanh long 20TB: kích thích sinh trưởng/ rau cải, thanh long 40WG: kích thích sinh trưởng/ cam, thanh long, rau muống, rau cải, hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Gib-gap 40SP	kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, cam	Công ty TNHH Gap Agro
Gibgro 10SP, 20TB	10SP: kích thích sinh trưởng/ lúa 20TB: kích thích sinh trưởng/ rau cải, bắp cải, thanh long	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
Gibline 10SP, 20TB	10SP: kích thích sinh trưởng/ lúa 20TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Gibta 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Gippo 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH ADC
Gibow 200WP, 200TB	200WP: kích thích sinh trưởng/lúa 200TB: điều hoà sinh trưởng/ thanh long	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Goliath 1SL, 10SP, 20TB, 20WP	1SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu 10SP: kích thích sinh trưởng/ lúa 20TB, 20WP: kích thích sinh trưởng/ nho, thanh long, cà phê, hồ tiêu.	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
Greenstar 20EC, 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
Highplant 10 WP	điều hoà sinh trưởng/lúa	Công ty CP Đồng Xanh

Kích phát tổ lá, hạt Thiên Nông GA-3	kích thích sinh trưởng/ dâu nuôi tằm, thuốc lá, artiso, cỏ chăn nuôi, rau gia vị, đay, nho, làm giá đậu	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
Megafarm 50TB, 200WP	50TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, vải, chè, cà phê, dưa hấu 200WP: kích thích sinh trưởng/ lúa, rau cải, hoa hồng, xoài, cam	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Map-Combo 10WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
NanoGA3 50TB, 100WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
ProGibb 10 SP, 40%SG	10SP: kích thích sinh trưởng/ chè, lúa, bắp cải, đậu Hà lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, cà phê, hồ tiêu 40%SG: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, đậu Hà lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu, xoài, cam	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
Proger 20 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
Sitto Mosharp 15 SL	kích thích sinh trưởng/ sắn, cà rốt	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
Starga3 20TB	Kích thích sinh trưởng /lúa, chè	Công ty CP Hatashi Việt Nam
Stinut 5 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc, đậu đũa, cà chua, dưa chuột, bắp cải, chè, cam, quýt, hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Super GA ₃ 50TB, 100SP, 200WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Tony 920 40EC	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè, dưa hấu	Công ty CP Nông nghiệp HP
Tungaba 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu côve, cà chua, bắp cải, chè	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Vertusuper 1SL, 1WP, 100SP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Vagritex
Vigibb 1SL, 16 TB, 100SP, 200WP	16TB: kích thích sinh trưởng/ lúa 1SL, 100SP, 200WP: kích thích sinh trưởng/ lúa, chè, dưa chuột, rau cải	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang

		Vimogreen 1.34 SL, 1.34 WP, 10SG, 10TB	1.34SL: kích thích sinh trưởng/ cải xanh, nho, lúa 1.34WP: kích thích sinh trưởng/ cải xanh, cây cảnh, hoa mai 10SG: kích thích sinh trưởng/ dưa hấu, lúa, nho, cải xanh, xoài, cà phê, nhãn, quýt 10TB: kích thích sinh trưởng/ dưa hấu, nho, nhãn, quýt, cải xanh, xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zhigip 4TB	kích thích sinh trưởng/ rau cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
27	Gibberellic acid (1.8% GA4 + 1.8% GA7)	TT A7 3.6EC	kích thích sinh trưởng /lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
28	Gibberellic acid (A4, A7)	Gib-47 2% PA	kích thích sinh trưởng/thanh long, cam, bưởi	Công ty TNHH Gap Agro
29	Gibberellic 0.3g/kg (0.5g/l), (0.5g/kg) + [N 10.7g/kg (10.5g/l), (10.5g/kg) + P ₂ O ₅ 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + K ₂ O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng]	Yomione 31GR, 51SL, 51WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
30	Gibberellic acid 0.3g/kg (0.4g/l), (0.4g/kg) + N 10.7g/kg (10.6g/l), (10.6g/kg) + P ₂ O ₅ 10g/kg (10g/l), (10g/kg) + K ₂ O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng	Lucasone 31GR, 41SL, 41WP	kích thích sinh trưởng/vải	Công ty CP Vagritex
31	Gibberellin 10% + Calciumglucoheptonate 6% + Boric acid 2%	Napgibb 18SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, bưởi	Công ty TNHH Đồng Bằng Xanh
32	Gibberellic acid 20g/l + Cu 50g/l + Zn 50g/l + Fe 40g/l + Mg 30g/l + Mn 10g/l	Sitto Keelate rice 20SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
33	Gibberellic acid 20g/l + Cu 36g/l + Zn 50g/l + Mg 16g/l + Mn 16g/l + B 1g/l + Mo	Sitto Give-but 18 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam

	1g/l + Glycine amino acid 40g/l			
34	Gibberellic acid 1g/l + NPK 9 g/l + Vi lượng	Lục điệp tố 1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu tương, chè	Viện Bảo vệ thực vật
35	Gibberellic acid 1% + 5% N + 5% P ₂ O ₅ + 5% K ₂ O	Super sieu 16 SP, 16 SL	16SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, cà chua, đậu cove, bắp cải, chè 16SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, cải thảo, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, nho, đậu xanh, đậu tương, chè, cà phê, hồ tiêu, điều, cây có múi, nhãn, xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
36	Hymexazol (min 98%)	Higro 30WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Tachigaren 30 SL	điều hoà sinh trưởng/ lúa, hoa cúc; héo vàng/dưa hấu, chết cây con do nấm/lạc	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
37	Mepiquat chloride (min 98%)	Animat 40SL	kích thích sinh trưởng/ lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Answer 400SL	điều hòa sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Mapix 40SL	kích thích sinh trưởng/ bông vải; điều hoà sinh trưởng lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
38	Nucleotide (Adenylic acid, guanylic acid, cytidylic acid, Uridylic acid)	Anikgold 0.5SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Sunsuper 0.5SL	kích thích sinh trưởng/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
39	Nucleotide 0.4 g/kg (0.5g/l) + Humic acid 3.4 g/kg (4g/l)	Subaygold 3.8GR, 4.5SL	3.8GR: kích thích sinh trưởng/ chè, dưa chuột, lúa 4.5SL: kích thích sinh trưởng /lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
40	1-Naphthylacetic acid (NAA)	RIC 10WP	kích thích sinh trưởng/ cà phê; điều hoà sinh trưởng/chanh leo, cà chua, lúa, quýt, hồ tiêu, hoa hồng, nho	Công ty TNHH DV KH KT Khoa Đăng
41	α -Naphthyl Acetic Acid 0.5% (α -N.A.A) + β -Naphthoxy Acetic Acid 0.5% (β -N.A.A)	Vipac 88SP	xử lý hạt/ lúa; kích thích sinh trưởng/ lúa, ngô, cà phê, hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

42	α -Naphthyl Acetic Acid (α -N.A.A) 2.5% + β -Naphthoxy Acetic Acid (β -N.A.A) 2.5%	Viprom 5SP	dùng để chiết cành hồ tiêu, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
43	α -Naphthyl Acetic Acid 0.3% (α -N.A.A) + β -Naphthoxy Acetic Acid 0.3% (β -N.A.A)	Vikipi 0.6SP	kích thích sinh trưởng ra hoa, đậu quả/ xoài, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
44	β -Naphthoxy Acetic Acid	ViTĐQ 40SL	kích thích sinh trưởng, tăng đậu quả/ cà chua, nhãn, kích thích tăng đậu quả/ điều; kích thích sinh trưởng/ ngô, cà phê, hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
45	α -Naphthalene Acetic Acid (α -N.A.A)	Flower-95 0.3 SL	kích thích sinh trưởng/ xoài, sầu riêng, nhãn, lúa	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		HD 207 1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Hợp chất ra rễ 0.1 SL	kích thích ra rễ, giâm cành, chiết cành/ cam, hoa hồng	Công ty CP Lion Agrevo
46	Oligoglucan	Enerplant 0.01 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa, cà chua, đậu Hà Lan, dâu tây, chè, mía	Công ty TNHH Ngân Anh
47	Paclobutrazol (min 95%)	Achacha 250SC	điều hòa sinh trưởng/khoai lang	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
		Allur 150WP	điều hòa sinh trưởng/lạc	Công ty TNHH TM SX Vỹ Tâm
		Apalo 150WP	điều hoà sinh trưởng/lúa	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Atomine 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lạc, lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Baba-X 15WP	điều hòa sinh trưởng/ khoai lang	Công ty TNHH SX và TM RVAC
		Baclolac 250SC	kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty TNHH Á Châu Hoá Sinh
		Bianca 15WP	điều hòa sinh trưởng/lạc	Jiangsu Sword Agrochemicals Co., Ltd.
		Bidamin 15WP, 250SC	15WP: kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc 250SC: kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bonsai	kích thích sinh trưởng/ lúa	Map Pacific Pte Ltd

10WP, 25SC		
BrightStar 25 SC	điều hoà sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Hợp Trí Summit
Dopaczol 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
ET Newpac 250SC	điều hoà sinh trưởng/lúa	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
Farm-paclo 250SC	kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty CP Global Farm
Hana 250SC	điều hoà sinh trưởng/lạc	Công ty TNHH SYC
Horizon 15WP	điều hoà sinh trưởng/lạc	Công ty CP Hóc Môn
Hypac 250SC	điều hoà sinh trưởng/lúa	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
Kihora 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Nguyên liệu NN Mekong
Kizasi 25SC	điều hoà sinh trưởng/lạc	Công ty CP Bảo Nông Việt
Lunar 150WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Newbosa 150WP, 250SC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Paclo 15WP, 15SC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Paclovbusa 25SC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
Pacmango 250SC	điều hoà sinh trưởng/lạc	Albaugh Asia Pacific Limited
Pacsai 25SC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Palove gold 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
Parlo 20WP, 25SC	20WP: điều hoà sinh trưởng/ lúa, vừng 25SC: kích thích sinh trưởng /lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Paxlomex 15WP, 15SC	15WP: kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc 15SC: kích thích sinh trưởng/ lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
Propac 20WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
Sài gòn P1 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Stopgrowth 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Thanh Điền

		Super Cultar Mix 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Ngân Anh
		Toba-Jum 20WP	kích thích sinh trưởng/ lạc	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		VT-Buzz 250SC	kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Zuron 150WP	điều hòa sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
48	Phthalanilic acid (min 97%)	Phthalax 20SL	kích thích sinh trưởng/đậu tương	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
49	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá cây vải (<i>Litchi chinesis sonn</i>)	Chocaso 0.11 SL	kích thích sinh trưởng/ chè, lúa	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
50	Polyphenol chiết xuất từ cây hoa hòe (<i>Sophora japonica</i> L. Schott)	Lacasoto 4SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, sắn, đậu tương, khoai lang, khoai tây, ngô, lạc	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
51	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá, vỏ thân cây xoài (<i>Mangifera indica</i> L)	Plastimula 1SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc, dưa chuột, bắp cải, cà chua, cải xanh, đậu tương, ớt, cà rốt, đậu xanh; xử lý hạt giống để tăng sức đề kháng của cây lúa đối với bệnh vàng lùn do virus	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
52	Prohexadione calcium (min 88%)	Biolight 100WP	điều hoà sinh trưởng/lạc	Công ty CP BVTV ATC
53	Pyraclostrobin (min 95%)	Headline 100CS, 200FS, 250EC	100CS: đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm vòng/ cà chua, phấn trắng/dưa chuột 200FS: xử lý hạt giống điều hoà sinh trưởng/ ngô 250EC: kích thích sinh trưởng/ngô, cà phê, đậu tương, lạc, hoa hồng, khoai lang	BASF Vietnam Co., Ltd
		Pyra Gold 250EC, 250SC	250EC: điều hòa sinh trưởng/ngô 250SC: thán thư/cà phê	Công ty TNHH XNK TM Agriasian
		Pyrio 250EC	kích thích sinh trưởng/cà phê	Imaspro Resources Sdn. Bhd.
		Pyrolax 250EC	kích thích sinh trưởng/ lạc, thán thư/ cà phê, hồ tiêu	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
		Toga 250EC	kích thích sinh trưởng/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Throne 250EC	kích thích sinh trưởng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
54	Pyraclostrobin 133g/l + Epoxiconazole 50g/l	Opera 183SE	kích thích sinh trưởng/ lạc, cà phê, khô vằn/ ngô, thán thư/ hồ tiêu	BASF Vietnam Co., Ltd.

55	Sodium-5-Nitroguaiacolate 3g/l + Sodium-O-Nitrophenolate 6g/l + Sodium-P- Nitrophenolate 9g/l	Atonik 1.8SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, hoa, cây cảnh	Công ty TNHH ADC
		Grow Gold 18SL	kích thích sinh trưởng/hoa hồng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
56	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.6% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.9%	ACXONICannong 1.8SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Gonik 1.8 SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Katonic-TSC 1.8SL	kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
57	Sodium-5-Nitroguaiacolate 3g/l + Sodium-O-Nitrophenolate 6g/l + Sodium-P-Nitrophenolate 9g/l	Ausin 1.8 EC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Forward International Ltd
58	Sodium-5-Nitroguaiacolate 6g/l + Sodium-O-Nitrophenolate 12g/l + Sodium-P-Nitrophenolate 18g/l	Better 3.6SL	kích thích sinh trưởng/ lạc, hoa hồng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
59	Sodium-O-Nitrophenolate 0.71% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.46% + Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.23%	Alsti 1.4 SL	kích thích sinh trưởng/ hoa hồng, lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
60	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.4% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.7%	Kithita 1.4 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV I TW

61	Sodium-P-nitrophenolate 9g/l + Sodium-O-nitrophenolate 6g/l + Sodium-5-nitroguaiacolate 3g/l + Salicylic acid 0.5g/l	AGN-Tonic 18.5SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
62	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.3% + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.6% + Sodium-P- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.9% + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 0.15%	Dotonic 1.95 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Jiaddonix 1.95 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
63	Sodium-5-Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 3g/l + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 6 g/l + Sodium-P-Nitrophenolate (Nitrophenol) 9g/l + Sodium-2,4 Dinitrophenol 1.5g/l	Daiwanron 1.95SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Futai
64	Sodium-5-Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.085% (3g/l) + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.185% (6g/l) + Sodium-P-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.285% (9g/l) + Sodium-2,4 Dinitrophenol 0.035% (1.5g/l)	Litosen 0.59 GR, 1.95EC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Forward International Ltd
65	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 3.45g/l + Sodium-O- Nitrophenolate	Ademon super 22.43SL	xử lý hạt giống để kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP TM Hải Ảnh

	(Nitrophenol) 6.9g/l + Sodium-P- Nitrophenolate (Nitrophenol) 10.35g/l + Sodium-2,4 Dinitrophenol 1.73g/l			
		Dekamon 22.43 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	P.T.Harina Chemicals Industry
66	1-Triacontanol (min 90%)	Tora 1.1SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc, ngô, ớt, xoài, hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
67	Uniconazole (min 90%)	Sarke 5WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Stoplant 5WP	điều hoà sinh trưởng/ lúa, lạc	Công ty CP Đồng Xanh
		Onlai 5WP	điều hòa sinh trưởng/ lạc	Công ty CP Tập đoàn King Elong
6. Chất dẫn dụ côn trùng :				
1	Methyl Eugenol (min 95%)	Jianet 50EC	ruồi đục quả/ roi, dưa hấu	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
2	Methyl Eugenol 75% + Dibrom (min 93%) 25%	Vizubon D AL	ruồi đục quả/ bưởi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Methyl Eugenol 85% + Imidacloprid 5%	Acdruoivang 900 OL	ruồi đục quả/ cam	Công ty TNHH MTV Lucky
4	Methyl Eugenol 75% + Naled 25%	Dacusfly 100SL	ruồi đục quả/ thanh long	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
5	Methyl Eugenol 90% + Naled 5%	Flykil 95EC	ruồi đục quả/ ổi	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
6	Methyl Eugenol 900g/l + Naled 50g/l	T-P Nongfeng 950SL	ruồi đục quả/ nhãn	Công ty TNHH TM Thái Phong
7	Methyl Eugenol 700g/l + Propoxur (min 98%) 100 g/l	Dr.Jean 800EC	ruồi đục quả/ cam	Công ty TNHH US.Chemical
8	Protein thủy phân	Ento-Pro 150SL	ruồi hại quả/ cây có múi, mận, đào, ổi, vải, doi, hồng, thanh long, táo, lê, đu đủ, khế, na, quýt hồng bì, mướp, mướp đắng, hồng xiêm, gấc, bí đỏ, trứng gà, bí xanh, cà, ớt	Viện Bảo vệ thực vật
7. Thuốc trừ ốc:				

1	Cafein 1.5% + Nicotine Sulfate 0.3% + Azadirachtin 0.08%	Tob 1.88GR	ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ cải bó xôi	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
2	Metaldehyde (min 98.5%)	Andolis 120AB, 190BB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anhead 12GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Assail 12.5GB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		BN-Meta 18GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Bolis 12GB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Bombay-ấn độ 13BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiền Giang
		Bosago 12AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Boxer 15GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
		Clean Snail 120GR	ốc sên nhỏ/phong lan	Công ty CP S New Rice
		Corona 6GR, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Cửu Châu 15GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		DN Methaohyde 15GR	ốc sên nhỏ/phong lan	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
		Duba 155GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Helix 15GB, 500WP	15GB: ốc bươu vàng/ lúa 500WP: ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ cây cảnh	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Honeycin 6GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Kill snail 10GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nicotex
		MAP Passion 10GR	ốc bươu vàng/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
		Metalix 180AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Milax 100GB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Hợp Trí Summit
		Moioc 6GR, 12AB	6GR: ốc bươu vàng/ lúa 12AB: ốc sên/phong lan	Công ty CP Đồng Xanh
		Molucide	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP TST

		6GB, 80WP		Cần Thơ
		Notralis 18GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Ocjinhe 80WP	ốc sên/hoa lan	Xuzhou Jinhe Chemicals Co., Ltd
		Octigi 6GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Oxout 60AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Kim Điền Mekong
		Osbuvang 15GR, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Ốc Mồi 18GR	ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Passport 6AB, 300GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Pilot 15AB, 500WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Snail Killer 12RB, 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sneo-lix 120AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Tatoo 150AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Tomahawk 4GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Toxbait 120AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
		T-P odix 120GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		TRIOC annong 12WG, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Trumso 222AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tulip 15AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Yellow-K 12GB, 250SC	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
3	Metaldehyde 145 g/kg + Abamectin 5 g/kg	Capover 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ

4	Metaldehyde 4.5% + Carbaryl 1.5%	Superdan 6GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
5	Metaldehyde 7% + Carbaryl 3%	Mecaba 10GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
6	Metaldehyde 10% + Carbaryl 20%	Omega-Snail 30GR	ốc sên/ phong lan	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
7	Metaldehyde 40% + Carbaryl 20%	Kiloc 60WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC
8	Metaldehyde 10% + Niclosamide 20%	MAP Pro 30WP	ốc bươu vàng/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
9	Metaldehyde 10g/kg + Niclosamide 690g/kg	Capgold 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
10	Metaldehyde 10g/kg + Niclosamide 740g/kg	Pizza 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
11	Metaldehyde 50g/kg + Niclosamide 700g/kg	Radaz 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Delta Cropcare
12	Metaldehyde 6g/kg (1g/kg), (152g/kg), (1g/l) + Niclosamide 6g/kg (704g/kg), (1g/kg), (255g/l)	Vịt Đỏ 12BR, 705WP, 153GR, 256EW	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
13	Metaldehyde 50g/kg + Niclosamide-olamine 700g/kg	TT-occa 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
14	Metaldehyde 400g/kg + Niclosamide-olamine 175g/kg	Goldcup 575WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC
15	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide 500g/kg	Starpumper 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
16	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide-olamine 500g/kg	Npiodan 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
17	Metaldehyde 100g/kg + Niclosamide-olamine 700g/kg	E-bus 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

18	Metaldehyde 8g/kg + Niclosamide-olamine 880g/kg	Robert 888WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
19	Metaldehyde 140g/kg + Pyridaben 10g/kg	Octhalane 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
20	Niclosamide (min 96%)	Ac-snailkill 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
		Aladin 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Anpuma 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Apple 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Awar 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Baycide 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Bayluscide 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Bayoc 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		BenRide 250 EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Blackcarp 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Boing 250EC, 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Catfish 70 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Daicosa 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Futai
		Dioto 250 EC	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Duckling 250EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Hn-Samole 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Honor 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Học Môn
		Jia-oc 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kit - super 700WP	ốc bươu vàng/ lúa; ốc/ rau cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba

Laobv 75WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Miramaxx 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Agrohao VN
Molluska 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
Morgan star 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Mossade 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
Niclosa 850WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
No-ocbuuvang 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
Notrasit-neo 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
NP snailicide 250EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
Ốc usa 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
OBV- α 250EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Oc clear 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SAM
Oosaka 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
Ockill 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
Ốc-ôm 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Ossal 500SC, 700WP, 700WG	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
Pazol 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nicotex
Pisana 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Hợp Trí Summit
Prize 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Sieu naii 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Snail 250EC, 500SC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
Snailusa 700WP	ốc sên nhỏ/phong lan	Công ty CP S New Rice

		Sun-fasti 25EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Sundat (S) Pte Ltd
		Topsami 871WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Transit 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-snailtagold 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tungsai 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vdcsnail new 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Viniclo 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		VT-dax 10GR, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Znel 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
21	Niclosamide 700g/kg + Abamectin 20g/kg	OBV gold 720WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
22	Niclosamide 720g/kg + Abamectin 30g/kg	Lino sachoc 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Liên nông Việt Nam
23	Niclosamide 745g/kg + Abamectin 5g/kg	Caport 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
24	Niclosamide 757 g/kg + Abamectin 20g/kg	Antioc 777WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
25	Niclosamide 500g/kg + Carbaryl 200 g/kg	Brengun 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
26	Niclosamide 680g/kg + Carbaryl 22g/kg	Oxdie 702WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
27	Niclosamide 700g/kg + Pyridaben 50g/kg	Ocindia 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
28	Niclosamide-olamine (min 98%)	Akita-Guska 700WP	ốc sên/cải bẹ xanh	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Amani 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong

		BN-Nisa 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		BP. Nno OC 500WP	ốc sên nhỏ/phong lan	Công ty TNHH MTV Quốc tế Narico
		Chopper 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP TM Hải Anh
		Clodansuper 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dioto 830WG	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dobay 810WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
		Duck Gold 25WP	ốc sên nhỏ/phong lan	Công ty CP Hóa sinh Takashi Nhật Bản
		Morningusa 870WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Ocny 555SC, 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Queenly 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Kiên Nam
		Sachoc TSC 850WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Snailgold 700WP	ốc sên nhỏ/ phong lan	Công ty CP Hóa nông AMC
		Startac 250 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Tan THANH-oc 250SC, 760WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Truocaic 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
29	Niclosamide-olamine 500g/l + Abamectin 20g/l	Cửu Châu Nghệ 520SC	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
30	Niclosamide-olamine 780g/kg + Abamectin 20g/kg	Bayermunich-đức 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
31	Saponin	Abuna 15GR	ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ cải xanh; ốc nhớt, ốc sên /cải củ, súp lơ	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Anponin 150SB, 150WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

Asanin 15WP, 15GR, 35SL	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
Bai yuan 15SB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH SX TM DV Hải Bình
Dibonin super 15WP	ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên, ốc nhớt/ cải xanh	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Espace 15WP, 21.5BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
Golfatoc 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
Maruzen Vith 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Nomain 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Occa 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
O.C annong 150 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Ốc tiêu 15 GR	ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên, ốc nhớt/ cải xanh	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
Parsa 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
Pamidor 50 WP, 150BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV SX TM XNK Hung Xiang (Việt Nam)
Phenocid 20 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Được Mùa
Raxful 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Rumba 15BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
Sabonil 15GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Hoá nông An Giang
Safusu 20AP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Long Sinh
Sapo 150WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Sapoderiss 70%BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM – SX Phước Hưng
Saponolusa 150BR, 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
Saponular 15 GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam

		Soliti 15 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Super Fatoc 150WP, 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Teapowder 150 BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Thiocis 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Hoá nông Mỹ Việt Đức
		Tranin super 18WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
8. Chất hỗ trợ (chất trải):				
1	Azadirachtin (min 15%)	Dầu Nim Xoan Xanh Xanh 0.15EC	hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu tơ/ cải bắp; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ mốc sương/ khoai tây	Công ty TNHH Ngân Anh
2	Chất căng bề mặt 340g/l + dầu khoáng 190g/l + Ammonium sulphate 140g/l	Hot up 67SL	làm phụ trợ cho nhóm thuốc trừ cỏ sau nảy mầm không chọn lọc; làm tăng hiệu quả diệt cỏ	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
3	Esterified vegetable oil (min 60%)	Hasten® 70.4SL	tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ cỏ chọn lọc sau nảy mầm/ lúa thuộc nhóm sulfonyl urea, cyclohexanedion, bipyridilium; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ sâu thuộc nhóm pyrethroid, carbamate; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ bệnh/ cây trồng thuộc nhóm triazole.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Rocten 748SL	tăng hiệu quả của thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trên cây lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
4	Esters of botanical oil (min 80%)	Subain 99SL	hỗ trợ thuốc trừ sâu nhóm: Carbamate (rầy nâu/ lúa), Lân hữu cơ (sâu cuốn lá/ lúa), Pyrethroid (sâu xanh/ rau cải); hỗ trợ thuốc trừ bệnh nhóm: Triazole (khô vằn/ lúa); hỗ trợ thuốc trừ cỏ nhóm: Sulfonyl urea (cỏ/lúa)	Công ty CP Multiagro
5	Trisiloxane ethoxylate	Enomil 30SL	hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ	Công ty CP Enasa Việt Nam
II. THUỐC TRỪ MỐI:				

1	Bifenthrin (min 97%)	Termifinn 2.5EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP US Farm Việt Nam
2	Beta-naphthol 1% + Fenvalerate 0.2%	Dầu trừ mối M-4 1.2SL	mối trong bảo quản gỗ	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Bistrifluron (min 95%)	Xterm 1%	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hoá chất Sumitomo Việt Nam
4	Chlorantraniliprole (min 93%)	Altriset® 200SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
5	Chlorfenapyr (min 94%)	Chlorfen Asa 240SC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Mythic 240SC	mối/ công trình xây dựng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Pekamoi 250SC	mối/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Ozaki 240SC	mối/ công trình xây dựng, đề điều	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
6	Chlorfluazuron (min 94%)	Requiem 1 RB	mối/ công trình xây dựng	Ensystem Australasia Pty Ltd.
7	Chlorfluazuron 100g/l + Indoxacarb 150g/l	Pescon 250SC	mối/công trình xây dựng	Agria S.A.
8	Disodium Octaborate Tetrahydrate (min 98%)	Bora-Care 40SC	mối/ công trình xây dựng	Công ty TNHH TM DV Toàn Diện
9	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	Wopro ₂ 10FG	mối/ công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
10	Fenvalerate (min 93%)	Ducati 10.5SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH TM và PT Phú Thịnh
		Wazary 10SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hoá chất Sumitomo Việt Nam
11	Hexaflumuron (min 95%)	Mobahex 7.5 RB	mối/ công trình xây dựng	Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình
		Sentricon® HD 0.5RB	mối/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
12	Imidacloprid (min 96%)	Amadi 200SC	mối/công trình xây dựng	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Great 200SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH TM và PT Phú Thịnh

		Hunter 50SC, 200SL	50SC: mỗi/ công trình xây dựng, đê điều 200SL: mỗi/đê điều, công trình xây dựng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Imi.moi 250SC	mỗi/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Mantra TC 30.5SC	mỗi/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa sinh Vinchem
		Premise 200SC	mỗi/ công trình xây dựng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Termize 200SC	mỗi/ công trình xây dựng	Imaspro Resources Sdn Bhd
13	<i>Metarhizium anisopliae</i> M1 & M7 10^8 - 10^9 bào tử/ml	Metavina 80LS	mỗi/ đê, đập	Công ty CP Công nghệ Sinh Thái Việt
14	Permethrin (min 92%)	Argendan 300EC	mỗi/công trình xây dựng	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Map boxer 30EC	mỗi/ công trình xây dựng	Map Pacific Pte Ltd
15	Na ₂ SiF ₆ 50% + H ₃ BO ₃ 10% + CuSO ₄ 30%	PMC 90 DP	mỗi/ cây lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
16	Na ₂ SiF ₆ 80% + ZnCl ₂ 20%	PMs 100 CP	mỗi/ nền móng, hàng rào quanh công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
17	Spinosad (min 85%)	Lazer 480SC	mỗi/công trình xây dựng	Công ty CP Hợp Trí Summit
III. THUỐC BẢO QUẢN LÂM SẢN:				
1	Cypermethrin (min 90%)	KAntiborer 10EC	mọt/ gỗ	Behn Meyer Specialty Chemical Sdn Bhd.
2	Deltamethrin (min 98%)	Cease 25EC	mọt/ gỗ	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Cislin 2.5EC	môi, mọt/ gỗ	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
3	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	Wopro1 9AL	mỗi/ gỗ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
4	CuSO ₄ 16% + CuO 2% + K ₂ Cr ₂ O ₇ 2%	M ₁ 20LA	con hà/ thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
5	CuSO ₄ 80% + K ₂ Cr ₂ O ₇ 18% + CrO ₃ 2%	CH _G 100SP	con hà, nấm mục/ thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
6	CuSO ₄ 50% + K ₂ Cr ₂ O ₇ 50%	XM ₅ 100 SP	nấm, mục, côn trùng/ tre, gỗ, song, mây	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
7	ZnSO ₄ .7H ₂ O 60% + NaF 30%	LN ₅ 90 SP	nấm, mục, côn trùng/ gỗ sau chế biến, song, mây, tre	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

IV . THUỐC KHỬ TRÙNG KHO:				
1	Aluminium Phosphide (min 83%)	Alumifos 56% tablet	côn trùng/ kho	Asiagro Pacific Ltd
		Aluphos 56% tablet	một bột đỏ/lúa mỳ; một đục hạt nhỏ/lúa	Công ty CP PCS Việt Nam
		Celphos 56% tablets	sâu một/ kho tàng	Sumitomo Chemical India Limited
		Halphos 56% Tablet	một gạo/kho	Công ty CP Trừ mối khử trùng Hà Nội
		Mephos 56TB	côn trùng/ nông sản	Mebrom Ltd
		Phostoxin 56% viên tròn, viên dẹt	côn trùng, chuột/ kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Quickphos 56% TB	côn trùng/ kho tàng, nông sản	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Sanphos 56TB	một gạo/kho	Công ty CP Trừ mối khử trùng
2	Magnesium phosphide (min 88%)	Magtoxin 66 tablets, pellet	côn trùng, chuột/ kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Magnophos 56% Plate	một/ kho thuốc lá	Công ty TNHH UPL Việt Nam
3	Pirimiphos-methyl (min 88%)	Actellic [®] 50EC	sâu một/kho tàng, một/ kho bảo quản ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
V. THUỐC SỬ DỤNG CHO SÂN GOLF.				
1. Thuốc trừ sâu:				
1	Chlorantraniliprole (min 93%)	Acelepryn [®] 200SC	sùng đất, sâu xám/cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Metalaxyl-M (min 91%)	Subdue Maxx [®] 240SL	héo rũ tàn lụi/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Phân bón Nông Tín
2	Propiconazole (min 90%)	Banner Maxx [®] 156EC	đốm nâu/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3. Thuốc điều hoà sinh trưởng:				
1	Trinexapac-Ethyl (min 94%)	Primo Maxx [®] 120SL	điều hoà sinh trưởng/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Phân bón Nông Tín

VI. THUỐC XỬ LÝ HẠT GIỐNG				
1. Thuốc trừ sâu:				
1	Cyantraniliprole 240g/l + Thiamethoxam 240g/l	Fortenza® Duo 480FS	xử lý hạt giống trừ sâu keo mùa thu, sâu xám/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	Dinotefuran 25% + Hymexazol (min 98%) 15%	Sakura 40WP	xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
3	Imidacloprid (min 96%)	Barooco 600FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Dimida 600FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Gaucha 70 WS, 600FS	70WS: xử lý hạt giống trừ rầy nâu, rầy xanh, bọ trĩ, ruồi/ lúa; xử lý hạt giống trừ sâu chích hút/ bông vải; xử lý hạt giống trừ sâu trong đất/ ngô 600FS: xử lý hạt giống trừ rệp/ bông vải, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; xử lý hạt giống trừ rệp muội/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Gaotra 600FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
4	Imidacloprid 300g/kg + Metconazole 360g/kg	Kola gold 660WP	xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Obawin 660WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
5	Imidacloprid 370g/kg + Metconazole 300g/kg	London-anh quốc 670FS	xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
6	Imidacloprid 233 g/l + Tebuconazole 13 g/l	Hektor 246FS	xử lý hạt giống trừ sâu xám/ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
7	Thiamethoxam (min 95%)	Cruiser® 350FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy xanh, rệp/ bông vải; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ ngô; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		DN Affara 25WG	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Reno 350FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam

8	Thiamethoxam 300g/l + Azoxystrobin 50g/l + Prochloraz 62.5g/l	Pre-pat 412.5FS	xử lý hạt giống trừ rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông Tín AG
9	Thiamethoxam 250g/l + Difenoconazole 75g/l	Anrusher 325FS	xử lý hạt giống trừ rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
10	Thiamethoxam 262.5g/l + Difenoconazole 25g/l + Fludioxonil 25g/l	Cruiser® Plus 312.5FS	xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, rầy nâu, rầy lưng trắng, lúa von/ lúa; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ ngô; xử lý hạt giống trừ bệnh lở cổ rễ cây con/đậu tương; xử lý hạt giống trừ bệnh chết ẻo cây con/ lạc	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Fludioxonil (min 96.8%)	Celest 025FS	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	Fludioxonil 25g/l + Metalaxyl-M 10 g/l	Maxim XL 035 FS	xử lý hạt giống trừ bệnh chết cây con/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3	Ipconazole (min 95%)	Jivon 6WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
4	Isotianil (min 96%)	Routine 200SC	đạo ôn/lúa (xử lý hạt giống), bạc lá/ lúa, héo xanh/ cà chua	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
5	Isotianil 200g/l + Trifloxystrobin 80g/l	Routine start 280FS	xử lý hạt giống trừ đạo ôn/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
6	Metconazole (min 94%)	Provil super 10SL	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
7	Metalaxyl-M (min 91%)	Apron® XL 350ES	xử lý hạt giống trừ bệnh mốc sương (bạch tàng)/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
8	Metalaxyl (min 95%)	Neutral 317 FS	xử lý hạt giống trừ bệnh bạch tàng/ ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
9	Metiram complex 650g/kg + Thiamethoxam 150g/kg	Biwonusa 800WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
10	Oxathiapiprolin (min 95%)	Lumisena™ 200FS	xử lý hạt giống trừ bệnh sọc lá/ ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
11	Tebuconazole (min 95%)	Foniduc 450SC	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
12	Triflumizole (min 99.38%)	Trifmine 15EC	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

V. THUỐC BẢO QUẢN NÔNG SẢN SAU THU HOẠCH.				
1	Chlorpropham (min 98%)	Oorja 50HN	bảo quản/khoai tây	Công ty TNHH UPL Việt Nam
2	Fludioxonil (min 96.8%)	Scholar 230SC	bảo quản sau thu hoạch/vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CẤM SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)
Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản	
1	Aldrin
2	BHC, Lindane
3	Cadmium compound (Cd)
4	Carbofuran
5	Chlordane
6	Chlordimeform
7	DDT
8	Dieldrin
9	Endosulfan
10	Endrin
11	Heptachlor
12	Isobenzan
13	Isodrin
14	Lead (Pb)
15	Methamidophos
16	Methyl Parathion
17	Monocrotophos
18	Parathion Ethyl

19	Sodium Pentachlorophenate monohydrate
20	Pentachlorophenol
21	Phosphamidon
22	Polychlorocamphene
23	Trichlorfon (Chlorophos)
Thuốc trừ bệnh	
1	Arsenic (As)
2	Captan
3	Captafol
4	Hexachlorobenzene
5	Mercury (Hg)
6	Selenium (Se)
Thuốc trừ chuột	
1	Talium compound
Thuốc trừ cỏ	
1	2,4,5-T